

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

ĐỌC SÁCH CỔ CẨM

Tôi đọc quyển *Nho-giáo* của ông Trần Trọng-Kim mới xuất-bản, bất-giác nghĩ-ngợi lan-man.

Trước hết riêng lòng cảm-phục cái chí của ông bạn, giữa buổi thiên-hạ đương rê-rúng đạo Khổng Mạnh, quả-quyết ung-dung đem ngọn bút thiết-tha rần-giỏi mà hộ-vệ cho nền danh-giáo cũ nước nhà.

Đương lúc người đời phất-phơ lơ-láo mà tự mình lập chí được sáng-sủa rõ-ràng như thế, thật cũng đáng khen thay!

Nhân rồi cảm-tưởng phân-vân, nghĩ xa nghĩ gần, nghĩ đến thời-thế bây giờ, nghĩ đến sự-nghiệp binh-sinh, nghĩ đến hậu-vận nước nhà, nghĩ đến phong-trào hiện-tại, bụng nghĩ ngồn-ngang mà không khỏi có chút ngậm-ngùi.

Ồi! cái chí của ông Trần là thế nào? Há chẳng phải là muốn bảo-tồn lấy cái nền cổ-học làm gốc cho văn-hóa nước nhà dư?

Nhưng cái cổ-học kia có đáng bảo-tồn nữa không? Cái văn-hóa này có còn giá-trị gì không? Cứ coi như phong-trào ngày nay thời đó đương như là những vật quá cũ mất rồi, không thích-hợp với thời-thế bây giờ nữa, và ai còn dă động đến là những người bất-thức-thời vậy.

Thế thời ông Trần dụng-công khảo-cứu về «*Nho-giáo*», chẳng phải là làm một việc xa-xôi không thiết-thực dư? Một người trí-thức như ông, giữa lúc quốc-gia đa-sự mà lại rời công-ngôi bới đống sách nát ra chơi dư? Ông Khổng, ông Mạnh, ông Trình, ông Chu, còn có bổ-ích gì cho đời này

nữa? Sao lại không bàn những chuyện tự-do, bình-đẳng, giải-phóng, độc-lập, là những sự người ta đương khát-khao mong-mỏi ngày nay?

Ở đời tiến-thủ mà bàn chuyện bảo-tồn, giữa buổi canh-tân mà nghĩ kế duy-trì, chẳng phải là trái-ngược với phong-trào dư? Đã trái ngược với phong-trào thì mong sao cho có người theo được?

Thiết-tưởng ông Trần xưa nay vẫn là người hữu-tâm về thời-thế, dù nghiên-cứu về quốc-sử hay binh-luận về cổ-học, cũng là có cái mục-đích muốn bổ-ích cho nước cả, không phải tuyệt-nhiên đứng vào địa-vị khách-quan, như người ngoại-quốc khảo-sát việc nước Nam vậy.

Ông cặm-cui mấy năm nghiên-cứu mà làm ra sách *Nho-giáo* này, quyết không phải là làm một việc xa-xôi không thiết-thực; chính là làm một việc rất có quan-hệ cho tiền-đồ văn-hóa nước nhà vậy.

Ông làm việc này cũng có ảnh-hưởng, mà có lẽ lại có ảnh-hưởng hơn là những sự vận-động về chính-trị.

Ngày nay phàm người trí-thức ai cũng công-nhận rằng cứ hiện-tình nước ta, thì chỉ có một cái chủ-nghĩa ta đáng thờ, là chủ-nghĩa Quốc-gia.

Chủ-nghĩa Quốc-gia là chung-đức cả cái lòng yêu nước thương nòi, mến quê-hương, thờ tổ-nghiệp, để làm một cái động-lực mà mưu cho sự hạnh-phúc của nước nhà.

Chủ-nghĩa này rất chánh-đáng, vì nước Nam ta cổ-lai vẫn là một «*quốc-gia*» hoàn-toàn: chủng-tộc, ngôn-ngữ, lịch-sử, văn-hóa, tôn-giáo, phong-

tục, chế-độ, pháp-luật, từ Nam chí Bắc cũng là một cả, mà đều là những mối để cố-kết lòng người trong một nước. Duy có cái quốc-hồn là cái mối vô hình để chủ-trương thống-nhiếp hết thảy, thì khi thịnh khi suy, khi mạnh khi yếu, tùy thời-vận mà tiêu-trưởng, tùy cơ-hội mà thăng-trầm. Bởi thế nên vận nước có lúc bĩ lúc thái, có hồi mạnh hồi suy, tuy bởi duyên-cớ ngoài cũng có mà bởi căn-nguyên trong cũng nhiều.

Những lúc quốc-hồn suy-nhuộc, tức là những lúc các cái nguyên-tố làm thành ra một nước bị rời-rạc không có đoàn-kết với nhau, thì chủ-nghĩa quốc-gia lại càng cần lắm.

Nay muốn thực-hành cái chủ-nghĩa ấy thì phải làm thế nào?

Thiết-trưởng có hai phương-diện : một là phương-diện chính-trị, hai là phương-diện văn-hóa.

Phương-diện chính-trị vẫn là đường-hoàng rõ-rệt lắm. Mưu cho nước được tự-do, độc-lập, ấy là cái mục-đích của các nhà vận-động về chính-trị. Nhưng cái mục-đích ấy không phải một ngày một buổi mà đạt tới được. Nếu mà vội-vàng sơ-suất, lạc lối sai đường, thì có cái nguy thất-bại đến không vãn-hồi lại được. Trường chính-trị là chốn hiểm-nghèo, kẻ làm chính-trị rất nên cẩn-thận vậy.

Đến như phương-diện văn-hóa thì không rõ-rệt bằng, nhưng có lẽ sâu-xa hơn. Văn-hóa có thể giúp sức cho chính-trị nhiều. Văn-hóa là căn-bản của quốc-gia : nếu gốc mà tài-bồi được thì ngọn tất phải tốt-tươi. Cho nên chủ-nghĩa quốc-gia thi-hành về đường văn-hóa có khi đặc-lực hơn là về đường chính-trị. Dù sao mặc lòng văn-hóa vẫn là một cái trợ-lực mạnh cho chính-trị

Như vậy thời những người nghiên-cứu quốc-sử, phát-huy quốc-học, cổ-động quốc-văn, duy-trì quốc-túy, chính là những người phụng-sự cái chủ-

nghĩa quốc-gia một cách chân-chính đặc-lực vậy. . .

Hoặc-giả nói : Văn biết thế ; nhưng văn-hóa phải là cái văn-hóa khoa-học cách-trị, cái văn-hóa tân-thời của Thái-Tây, chứ không phải là mấy cái học-thuyết cũ-rích ở trong mấy quyển sách nát của bọn hủ-nho nước Tàu, đời ấy sang đời khác cứ đọc đi òn lại mãi, đã thành ra bả-giả không còn nghĩa gì nữa. Nếu cái cổ-học ấy còn có giá-trị gì thì nước Tàu đã không đến như ngày nay, mà nước Nam không phải kém hèn gì. Nhưng cái học trần-hủ ấy đã quá cũ rồi, đã mất hết cả sinh-khí sinh-lực rồi, đã thành ra khô-khan cứng-rắn, hầu như một vật « hóa-thạch » rồi, chỉ nên đào sâu chôn chặt, còn gỡ-dói ra làm gì nữa !

Nói thế tựa-hồ như có lý, nhưng kỳ-thực là xét chưa kỹ mà nghĩ chưa xa.

Ngày nay ai cũng biết rằng khoa-học cách-trị của Thái-Tây là cần, và không ai còn mơ-màng thủ-cự đến muốn khôi-phục lại cái học hư-văn phiến-toái đời trước nữa. Nhưng phạm đã gọi là văn-hóa thì phải có căn-bản, có tinh-thần, không phải chỉ ở những cái cơ-xảo nghệ-thuật bề ngoài mà thôi. Văn-hóa Tây-phương là gốc tự cổ học Hi-lạp La-mã, chung-đức với cái tinh-thần đạo Cơ-đốc, với các tư-tưởng đời Cận-đại mà thành ra. Văn-hóa ấy là kết-quả một cuộc tiến-hóa hơn hai-mươi thế kỷ của các dân-tộc Âu-Mĩ, cái nguồn nó sâu-xa biết dường nào ! Muốn thấu-đón lấy cái văn-hóa đó thì chúng ta chỉ có thể học đời được những cái cơ-xảo nghệ-thuật bề ngoài mà thôi, còn đến căn-bản tinh-thần thì khó lòng mà đạt tới được. Dù có dụng công mà lĩnh-lược được thì cũng là căn-bản tinh-thần của giống khác, cùng với căn-bản tinh-thần của mình vốn sai-biệt nhau vậy. Trừ khi đem cái hồn-tinh của mình mà gột rửa đi để nhiễm-hóa theo người, — mà vị-tất đã gột rửa được hẳn, — còn

thì toàn là những sự mô-phỏng cả, mà đến chỗ căn-bản tinh-thần của người ta thì không thể sao phỏng-chép cho hết được. Đã vậy thì chi bằng mình đã biết rằng cái sở-trường của họ chính là chỗ cơ-xảo nghệ-thuật, là phần « hình nhi hạ », có thể truyền dạy, có thể bắt-chước được, nên ra công gắng sức mà học đòi cho được, còn phần « minh nhi thượng », thuộc về hồn-tinh của dân-tộc, khó mà chuyển - dịch biến-hóa được ngay, thì nên cố mà giữ lấy cái căn-bản tinh-thần cố-hữu của mình, thế chẳng hay hơn đư ? Nếu nói rằng cái tinh-thần ấy đã suy-nhuộc rồi, cái căn-bản ấy không còn vững-vàng nữa, thì phải nên chấn - chỉnh nó lên, củng-cố nó lại, sao nở ruồng-bỏ cái của mình để vội chước lấy của người. — chước lấy của người vị-tất đã được mà của mình rồi đến mòn-mỏi tiêu-trầm đi hết,

Huống Đông-phương mình cũng có một nền văn-hóa đích-đáng, chẳng kém gì Tây-phương. Văn-hóa ấy tuy về Cận-đại có suy-sút, nhưng về tiền-cổ trung-cổ đã rục-rở biết dường nào ! Văn-hóa ấy cũng có một cái tinh-thần cao-thượng, một cái căn-bản sâu-xa. Văn-hóa ấy là gốc tự cái học cổ-diễn của Trung-hoa, do Khổng-phu-tử cùng các đệ-tử làm tiêu-biểu, chung-đúc với cái tinh-thần của Đạo-giáo cùng Phật-giáo, qua đời ấy sang đời khác truyền mãi đến ngày nay, tuy có sai-lạc đi nhiều, nhưng đời nào cũng có người tâm-đắc, cái tôn-chỉ vẫn không đến nỗi mất hẳn. Ngày nay bảo tồn là bảo-tồn lấy cái tôn-chỉ đó, phát-huy suy-diễn nó ra, để làm cái bản-lĩnh cho người mình, chứ không phải là bảo-tồn cái lối học chữ nho sai-lầm, cái chế-độ thi-cử bô-buộc như xưa đâu.

Vẫn biết rằng văn-hóa của các dân-tộc có phần đặc-biệt cho mỗi dân-tộc, cũng có phần phổ-thông cho cả loài người. Trong văn-hóa Tây-phương, không những cái phần phổ - thông mình phải biết mà cái phần đặc-

biệt cũng có thể châm-chước điều-hòa được. Song đó là thuộc về sự thấu-thái, sự mô-phỏng, nghĩa là mượn của người mà thêm vào cái gốc của mình, chứ không phải là bỏ cái gốc của mình đi mà lấy của người thay vào đâu. Trong việc mô-phỏng thấu-thái đó, phải nên xét mình xét người, cho biết rõ chỗ sở-trường sở-đoan, để mà khéo điều-hòa châm-chước cho thích-hợp, nhưng đến cái tinh-thần căn-bản của mình thì không thể nào bỏ đi được.

Giữ-lấy lấy cái căn-bản tinh-thần của dân-tộc, để truyền lấy mãi mãi cái tổ-nghiệp của nòi-giống, cho mỗi ngày một phong-phú thêm lên, đó là cái phần cốt-yếu của chủ-nghĩa quốc-gia.

Người ta thường chỉ hiểu cái chủ-nghĩa quốc-gia về đường chính-trị mà thôi, cho nên cho chủ-nghĩa này là chỉ thuần vận-động về chính-trị cả, không biết rằng chính-trị là cái phần biểu-lộ ở ngoài mà văn-hóa mới thật là căn-cốt ở trong. Nếu vận-động chính-trị mà không có văn-hóa làm căn-bản thì chỉ có hình-thức, không có tinh-thần, không sao có ảnh-hưởng sâu-xa được.

Như thế là phụng-sự cái chủ-nghĩa gì, chứ không phải chủ-nghĩa quốc-gia nữa. Chủ-nghĩa quốc-gia mà không có một cái nền cái gốc gì của nước nhà, của nòi-giống, chủ-nghĩa quốc-gia mà không những phụng-sự châm-kế-hoạch, đến cả căn-bản tinh-thần cũng là mượn của người ngoài hết, thì là phản-bội quốc-gia, chứ không phải là phụng-sự quốc-gia, tiêu-diệt quốc-gia chứ không phải là duy-trì quốc-gia nữa.

Cho nên những người túy-tâm về Âu-hóa quá đến ruồng-bỏ cả cái văn-hóa cổ của Đông-phương, không chịu tìm phương chấn - chỉnh lại mà chỉ lăm-le phá-hoại đi, những người ấy tuy miệng nói là nhiệt-thành phụng-sự chủ-nghĩa quốc-gia, mà kỳ-thực là cừ-thù với cái tư-tưởng quốc-gia chân-chính vậy.

Ngày nay những người hiểu làm nhận sai như thế nhiều lắm, cũng là bởi chỉ biết xét cái chủ-nghĩa quốc-gia về một phương-diện chính-trị mà thôi.

Vậy nên hiểu rõ rằng chủ-nghĩa quốc-gia còn một phương-diện văn-hóa nữa, thâm-trầm thiết-yếu hơn nhiều, và phạm phụng-sự chủ-nghĩa này cho đích-đáng thì trước phải căn-cứ ở văn-hóa mới mong có kết-quả về chính-trị được. Hai phương-diện văn-hóa và chính-trị phải làm lẫn-lót, phải hỗ-trợ lẫn cho nhau, không thể cách-biệt nhau được.

Bởi thế nên nghiên - cứu các học-thuyết cổ, phát-huy cái văn-hóa cổ như ông Trần Trọng - Kim, chính là giúp cho thực-hành chủ-nghĩa quốc-gia một cách chân-chính đặc-lục vậy.

Về phần riêng tôi, mười-lăm năm nay vẫn theo đuổi về một chủ-nghĩa đó, và chú - trọng nhất về phương - diện văn-hóa. Trước hết cố gây dựng lấy một nền quốc-văn đích - đáng để làm cái khí-cụ tuyên-truyền ; rồi nhất-diện thái-thái lấy những tư-tưởng mới của Tây-phương, nhất - diện bảo - tồn lấy những cổ-diễn cũ của Đông - phương, để mong điều-hòa châm-chước cả hai bên mà tạo-thành ra một nền văn-hóa hoàn-toàn hơn, nhưng vẫn lấy cái tư-tưởng quốc-gia làm cốt-cách.

Song vì phương-diện văn-hóa không được rõ-rệt bằng phương-diện chính-trị, nên cách hành - động đó hoặc có người không hiểu mà cho là có ý thiên về tính-cách ôn-hòa bảo-thủ quá. Nếu bảo-thủ là khu - khu giữ lấy những lẽ-lối cũ, không biết theo thời thay đổi ; nếu ôn - hòa là rụt - rè sợ - hãi không dám quả - quyết tiến - thủ, thì cách ôn-hòa bảo-thủ như thế đáng chê thật. Nhưng nếu ôn-hòa là không vội-vàng hấp-tấp, cứ tuần-sự tiến lên, nếu bảo-thủ là giữ-gìn lấy cái nền-rếp cốt-

cách cũ để làm căn-bản vững-vàng cho cuộc tiến-hóa về sau, thì cách bảo-thủ ôn-hòa đó vị-tất đã là không chánh-đáng.

Nhân đọc thấy trong « Thái-bình-duơng tạp-chí » (*Revue du Pacifique*) xuất-bản ở Paris có một bài đại-luận về chủ-nghĩa quốc-gia ở Đông-duơng, trong đó có nói đến cách hành-động của tôi bấy lâu nay, tuy là lời bình-phẩm thuộc về cá - nhân, nhưng tưởng cũng có quan-hệ đến danh-nghĩa, vậy xin lược-dịch ra sau để làm kết-luận cho bài này.

Luận-giả là người Pháp, bàn chung về chủ-nghĩa quốc-gia và cho rằng các đảng-phái ở Đông-duơng hiện nay chưa có đảng nào là có cái tinh-cách chân-chính về chủ-nghĩa đó, rồi nói rằng : « Duy có một phái nhỏ, là phái Phạm Quỳnh ở Bắc-kỳ là rõ-ràng có tinh-cách quốc-gia - chủ-nghĩa. Người này bấy lâu vẫn dùng hết tài-trí để phát-huy cái tư-tưởng quốc-gia. Ông muốn gây lấy một nền quốc-văn An-Nam đích-đáng để thay được Pháp-văn, muốn bảo-tồn lấy cái triết-học cổ mà tham-bác với tư-tưởng mới cho thích-hợp với sự cần-dùng của quốc-dân. Muốn duy-trì lấy cái văn-minh cổ-hữu của nước nhà, giữ cho kì ỏi Âu-hóa quá, sợ Âu-hóa thì sẽ biến mất cái cốt-cách của nòi-giống, tức là diệt mất cái tư-tưởng quốc-gia. Những ý-kiến đó là chánh-đáng lắm, và cũng chủ-trì một cách ôn-thỏa lắm, không hề có cái tính-cách phản-kháng gì đối với nước Pháp cả. Ông cũng hiểu rằng quyền bảo-hộ của nước Pháp là một sự cần, ông công-nhận như thế, và cho rằng đối với quyền nước khác thì quyền này còn là hơn ; nhưng ông yêu-cầu nên cho rộng-rãi khoan-dung, biết tôn-trọng quốc-gia Nam-Việt, chờ-chờ giúp-đỡ cho nước Nam được hoàn-toàn phát-đạt theo cái cốt-cách tinh - thần cổ-hữu vậy. » (1)

THUONG-CPI

(1) Nguyễn Pháp-văn ở phần Phụ-trương dưới này, bài nhan đề là : *Le mouvement indochinois*.

HỌC QUỐC-VĂN

*Truyện Kiều còn, tiếng ta còn,
tiếng ta còn, nước ta còn,*

PHẠM QUỲNH

Một bọn cựu-học-sinh trường Tri-dức Học-xá ở Hà-tiên (1), cùng biên-soạn và trích-lục năm bảy bài bản về « Cảnh-vật Hà-tiên (?) ».

Tác-giả vừa bản-khoản về việc hoà-i-cổ, lại vừa bản-khoản về việc luyện-tập quốc-văn; cùng cho việc luyện-tập quốc-văn là mục-đích trọn đời mình, cho đó là việc tối-quan-hệ với tương-lai nòi-giống mình.

Học quốc-văn có ích chi ?

Nước Nam có món chi quý báu hơn cả ?

Nước Nam chỉ có quốc-văn là quý-báu hơn cả.

Tiếng nước Nam là chi ?

Tiếng nước Nam hay Quốc-ngữ là một thứ tiếng xuất-thể đã mấy nghìn năm nay. Tiếng nước Nam là một thứ tiếng riêng của người Việt-Nam; tiếng ấy không giống các thứ tiếng Trung-hoa, Cao-miên, Ai-lao, Mã-lai; cho nên dân Việt-Nam vẫn ở gần các dân-tộc ấy, mà vẫn còn một khối riêng, vẫn giữ một cái hồn riêng, đứng riêng một mình trong vũ trụ cả mấy nghìn năm rồi.

Văn nước Nam là chi ?

Văn nước Nam hay Quốc-văn là một nền văn-chương xuất-thể đã mấy nghìn năm nay. Văn nước Nam là một

thứ văn-chương riêng của người Việt-Nam; văn ấy không giống các thứ văn-chương Trung-hoa, Cao-miên, Ai-lao, Mã-lai, cho nên dân Việt - Nam vẫn ở gần các dân-tộc ấy, mà vẫn còn một khối riêng, vẫn giữ một cái hồn riêng, đứng riêng một mình trong vũ-trụ cả mấy nghìn năm rồi.

Nước Nam có cái hồn riêng vừa cứng-rắn vừa mảnh-liệt, nước Nam là một đoàn-thể riêng vừa bền-chặt, vừa vững-vàng lắm. Mọi người trong đoàn-thể sẵn lòng hộ-vệ bọc-đùm lấy nhau, mọi người trong đoàn-thể tựa như tai bèo khăng-khít ken nhau trên mặt nước, tang-thương bình-cách trải qua mấy độ, nhưng chưa hề nao núng bao giờ.

Đoàn-thể ấy muốn gìn-giữ duy-tri, ắt không dễ mấy.

Đoàn-thể ấy muốn xô-đổ tan-nát đi, thật dễ lắm thay.

Đoàn-thể ấy muốn xô-đổ tan-nát đi, tôi đây cũng có thể làm được, mà phương-pháp sau này là diệu hơn cả.

Tôi đây công học-hành ở nước tôi, tôi lại đây công học-hành ở các nước phú-cường. Tôi là người tài-tình xuất-chúng, có thể diu-dắt cho người nước tôi, có thể cảnh-tỉnh cho người nước

(1) Là mấy thầy :

1 Hà Văn-Dần

2 Huỳnh Văn-Ti

3 Lý Thi-Nghĩa

4 Nguyễn Kinh-Huê

5 Nguyễn Văn-Huê

6 Nguyễn Văn-Luông

7 Nguyễn Văn-Tài

8 Nguyễn Văn-Xiêu

9 Tạ Văn-Sáu

10 Tống Bá-Khánh

11 Trần Văn-Hòa

12 Trương Văn-Em

13 Trương Văn-Kế

14 Vương Văn-Hai

Mấy cô :

15 Lục Tiểu-thơ

16 Lý Tiểu-thơ

17 Thái Tiểu-mai

(2) Những bài ? bởi Nam-Phong sẽ lục-tục đăng dần.

tôi. Tôi thường ngày giao-thiệp với bằng-hữu thân-quyến, giao-thiệp với các hạng người làng nước tôi. Tôi quyết-định không dùng quốc-ngữ, không dùng quốc-văn, tôi quyết-định không dùng hai môn hương-hỏa quý-báu, tổ - tiên công khó lưu-truyền. Miệng tôi nói câu nào, người Việt-Nam cũng không hiểu. Tay tôi viết câu nào, người Việt-Nam cũng không hiểu. Tôi muốn cầu sáng cho một thân tôi, thì không khó mấy; tôi muốn cầu sáng cho cả nước tôi, thật khó lắm thay. Tôi có tài xuất-chúng, nước tôi cũng không được nhờ. Tôi lại không còn mang lối người Việt-Nam nữa, tôi đã biến-thành người dân nước khác.

Từ nay, trong đoàn-thể nước Nam, đã vừa thiếu mất một người.

Các em tôi, các bạn tôi sẽ hết lòng noi theo con đường lầm-lạc của tôi. Từ nay, trong đoàn-thể nước Nam, đã vừa thiếu mất năm bảy trăm người.

Cứ như thế mãi cho đến trăm năm, nghìn năm, thì trong đoàn-thể Việt-Nam không còn sót lại một người nào cả.

Quốc-văn đã tiêu-diệt trước, nòi giống phải tiêu-diệt sau.

Nòi giống tôi phải tiêu-diệt đi, bảo sao tôi dễ đành lòng.

Đó là một điều khiến tôi thành-tâm yêu-mến quốc-văn, thành-tâm học-tập quốc-văn, « đêm ngày lo sợ nom-nớp, tự mình gắng sức để khuyến-khích các bạn đồng-chí cùng gắng sức vậy ». (1)

Tôi thuật chuyện sau này thuộc về thời-kỳ ở trường sơ-học.

Tôi học lớp sơ-đẳng, tuổi còn nhỏ, trí còn non, thế mà tôi học quốc-văn rất dễ. Viết âm-tả, tôi viết ít lỗi, đọc sách quốc-văn, tôi đọc rất xuôi, nói

tóm đại-ý ít khi sai-sót, học câu nào là rõ nghĩa câu ấy, trong tâm-tri nhẹ-nhàng khoan-khoái luôn. Bài hoa sen: *trong đầm gì đẹp bằng sen*; bài con cò ăn đêm: *có xáo thì xáo nước trong*; tôi có bao giờ quên lãng đi được.

Ba năm sau, tôi lên lớp cao-đẳng, tuổi đã lớn hơn, trí đã khôn hơn, nhưng học Pháp-văn rất khó.

Viết âm-tả, tôi viết nhiều lỗi; đọc sách Pháp-văn tôi đọc không xuôi, nói tóm đại-ý nhiều khi sai lầm, học câu nào nghĩa cũng mập-mờ, đêm đêm kêu gào như cuốc, nhọc trí hoài công, mà chưa chắc có chút gì bổ-não. Bài: « Tặng mấy trang vị nước vong thân », của ông V.HUGO, bài: « Chuyện chạ con người xay bột với con lừa », của ông LA FONTAINE, đầu ngày nay tôi biết là có nghĩa-lý cao-xa, nhưng ngay khi ấy, tôi học rất cực nhọc, mà tôi đã hiểu chi đâu; công tôi là công bỏ, mà tôi là người thất-học vậy.

Tôi lại nghĩ: cũng vào lớp này, cũng vào tuổi này, con trẻ nước Pháp học Pháp-văn, học quốc-văn nước Pháp, sao rất dễ-dàng. Hoặc giải bài tập đọc, hay thảo bài luận-văn thì so tài hai bên là một trời một vực vậy.

Trẻ con nước Pháp học Pháp-văn rất mau. Tôi, là dân nước Nam, tôi học Pháp-văn rất chậm.

Trẻ con nước Pháp được học quốc-văn nước Pháp, tôi đây cần sao được học quốc-văn nước Nam, như thế tôi mới trông mong có ngày bước theo kịp người.

Trẻ con nước Pháp học 5 bài văn-chương, 2 bài địa-dư, 3 bài cách-tri, cả thảy 10 bài. Vậy ai là kẻ tiên-giác, xin gia-công san-dịch cả 3 bài ấy ra chữ Việt-Nam, tôi cứ do theo bản dịch mà học-tập, các điều nghĩa-lý hai bên có

(1) Do một câu trong báo T N D B, tháng 11, năm 1928.

khác gì nhau, cái khôn cái khéo trong 10 bài tôi đều rõ biết hết cả. Tôi tiến lên bậc Trung-đẳng, Cao-đẳng, mà cũng sẵn muôn nghìn quyển sách Việt-văn cho tôi học, thì lo gì trí tôi không khôn, mắt tôi không sáng vậy. Nhưng đây, học quốc-văn như thế này còn là nghĩa hẹp. Sách Pháp phần nhiều là nói chuyện nước Pháp, nếu tôi cứ học ròng-rã sách ấy mà thôi, tôi không cần tìm kiếm sách nào khác, tôi không được thông-thuộc các việc nước tôi, không biết trán-trọng luân-lý nước tôi, triết - lý, sử - ký, văn-chương, mỹ-thuật nước tôi, tôi sẽ là người « liêu-hồn », thì đó cũng còn là cái đại-nạn đáng lo vậy.

Hoặc có người hỏi : Kho sách Việt-Nam đã được nhiều hay chưa ?

Thưa rằng : Tôi chưa vội trả lời câu hỏi ấy, tôi hãy kể qua hai việc thí-dụ như sau.

— Người đời thượng-cổ có chiến-hạm hay không ?

Người đời thượng-cổ chưa có chiến-hạm, thiết-giáp-hạm như ngày nay. Chiến-hạm là cái dụng-cụ rất tinh-anh, nhưng đó chẳng qua là cái bè cây biển-hình ra vậy.

Thuở thượng-cổ, có người râu tóc rất nhiều, mình mặc da thú, hằng ngày hằng sẵn thịt kiếm ăn. Con thịt lội bằng qua sông, người đốn một cây chuối, hay cây tre, hay bập dừa, hay một khúc cây nhẹ thả xuống nước, đeo theo đó lội qua sông. Muốn khỏi ướt mình nên khoét cây cho có bọng và ngồi vào trong. Muốn cho khúc cây đi mau, lấy sào chống. Ra nước sâu, huyệt sào, phải huốt cây sào ấy cho đẹp ; tra thêm bánh lái cho dễ khiến khúc cây. Có chèo, có lái, không ai còn gọi là cái bè hay khúc cây, mà đã đổi tên là chiếc thuyền vậy. Có người chế ra máy hơi nước, đem máy đặt xuống thuyền. Từ đó, không gọi là thuyền, mà gọi là tàu thủy. Có

người chế ra súng đại-bác, chế ra thủy-lôi đặt thêm dưới tàu. Từ đó, không gọi là tàu thủy, mà đã gọi là chiến-hạm. Khi còn là khúc cây, nếu ai cũng chèo là món vô-dụng, đem vất bỏ đi, thì sau này có ai tô-diêm thêm chút nào được, và có thể sao biển - thành chiến - hạm được,

— Lại ví một người thiếu - nữ con nhà phú-hộ, quanh năm không đi đâu, không làm việc chi nặng nhọc, và tay chân rất gầy ốm. Người thiếu - nữ ấy, không ai bắt phải tông-quân. Bàn tay ngọc ấy không phải để múa gươm đấu kiếm, mà là để gỡ dịp gầy đàn. Bàn chân ngọc ấy, không phải để xuống lội lên đèo, mà là để mang giày cườm, để dạo vườn hoa vậy.

Cũng người thiếu-nữ ấy, dịp khi gặp việc lửa-bình, sẽ phải hết lòng ra quân giúp nước. Ngày ngày cùng quan binh cùng thao-luyện nhọc-nhẫn, cùng giồng-ruồi nơi tràng nhung-mã, gay-go cam-khổ biết bao, thế mà dần dần cũng đảm-đương được toàn-vẹn cả.

Tay khi trước, chân khi trước là hai món dụng-cụ mỏng-mảnh yếu - đuối chẳng ra gì, mà biết đâu nay đã biến-thành hai món dụng-cụ rất tinh - anh, vừa tiện cho mình, vừa lợi cho nước biết chừng nào.

Hai món dụng - cụ mỏng-mảnh đã trải qua một thời-kỳ khá lâu mà sức mạnh mỗi ngày mỗi tăng thêm mãi.

Khi còn là hai món dụng-cụ mỏng-mảnh đó, ta nên vất bỏ đi hay sao ? Không, ta phải tìm phương săn-sóc cho ngày càng mạnh thêm, ta phải tin rằng sự săn-sóc của ta sẽ có kết-quả tốt đẹp, ta không nên thoái-chí ngã lòng.

Sức ta yếu đuối, nhưng ta sẵn bụng tin, dày công luyện-tập, ta sẽ nên người đồng-mạnh.

Sức ta yếu đuối, ta có hơn gì một mảnh bụi hồng, nhưng ta sẵn bụng tin, thì dầu cho vá trời lấp biển cũng

chỉ là việc con-con mà thôi. Sự tin chẳng phải là « cái cốt làm việc đời » đó dư?

Tây - phương nói rằng: Việc làm sinh môn dụng-cụ.

Đông-phương nói rằng: Cần-nhu sinh sáng-kiến.

Nay, nước ta cần có sách quốc-văn. Mua sắm sách quốc-văn là vấn-đề thiết-yếu nhất, vấn-đề cần-kíp quan-trọng nhất, vấn-đề sinh-tử tồn-vong của nước ta. Dầu chưa có sách quốc-văn, cũng phải lo liệu toan-tính trăm phương nghìn kế để sắm đủ các thứ sách mà dùng. Bụng ta đói, có sách quốc-văn mới no lòng, hễ đói càng nhiều, thì đầu gối phải bò càng mau.

Vậy, hoặc có kẻ hỏi: Kho sách Việt-Nam đã được nhiều hay chưa?

Tôi nghe hỏi thế, tôi lại phải tự hỏi lấy tôi: Tôi có cần-đem việc học quốc-văn không; không cho tôi học quốc-văn, tôi có vui được không, có sống được không; chỉ tôi cần học quốc-văn có được bền chặt, lâu dài không, chỉ tôi cần học quốc-văn có được thiết-tha thành-thực, có được cương-ngự quả-quyết không?

Nếu tôi là người thành-thực, tôi cứ ngày ngày học rộng thêm mãi. Tôi học vừa được trăm quyển sách, thì kho sách Việt-Nam không còn quyển nào cả.

Sách đã hết, mà thương thay cái ngu-dốt đã hết đâu, lòng ham-muốn đã hết đâu. Tình-thế tôi là tình-thế đáng thương. Tôi đã là người đáng thương, mà tôi là người ngu-dốt, lại không phải cái họa to cho nước tôi hay sao? Người nước tôi ra công soạn thêm, dịch thêm các sách Đông-Tây cho tôi dùng. Bao giờ tôi học quốc-văn đã giỏi, tôi sẽ học văn-chương các nước phú-cường, tôi sẽ vào hội Tao-đàn, và sẽ dự phần dịch sách, viết sách như ai vậy.

Đời tôi, thì kho sách Việt-Nam chưa được mấy quyển; đời con tôi, đời cháu tôi, thì số sách-vở càng ngày càng tăng thêm lên. Ở các nước ngoài, cũng phải theo lệ ấy. Không phải bỗng-dưng mà thiên-thần trời-phật đem cho họ sách-vở cả mấy trăm muôn vậy.

Ngay khi tôi viết đây, ở Tàu, ở Nhật, ở Ấn-độ, ở Berlin, Paris, Londres, Rome, Moscou, có muôn nghìn học-giả tuổi cao đang cặm-cui dưới bóng đèn xanh để chép dịch sách cho đồng-bào học-tập.

Việc dịch sách đây cũng là việc cần lắm. Kho sách Pháp, cũng đã dịch xong các sách ông Tiên - điền, ông Nguyễn Đình-Chiều, ông TAGORE, ông Khổng-tử, ông Lão-tử, v. v. .

Dịch sách là đi tìm kiếm cái hay của ngoại-quốc, đem về truyền-bá cho người mình được nhờ.

Ta tình-cờ gỡ xem quyển sách tập đọc chữ Pháp, bắt - kỳ quyển nào. Không phải chỉ có bài các ông: CORNEILLE, RACINE, DAUDET, MICHELET, FLAUBERT, A. FRANCE, P. LOTI là văn-sĩ nước Pháp. Ngoài ra, lại có bài các ông: AMICIS nước Ý; GÖTTE nước Đức; nữ-sĩ BEECHER - STOWE Hiệp-chúng-quốc Mi-châu; CERVANTES nước Tây-ban-nha; DE FOË nước Anh; Tolstoi nước Nga, v. v. .

Các nước ngoài, mỗi ngày mỗi lo soạn sách, dịch sách; kho sách nước ngoài, mỗi ngày mỗi thêm được một tờ, và cũng trải sang năm này tháng nọ mà được nhiều như thế, chứ không phải trong một ngày, một tháng mà nên vậy.

Nói tóm lại, tôi học ngoại-văn rất khó, tôi học quốc-văn rất dễ, tôi dùng quốc-văn mới bước kịp người. Đó là hai điều hiển nhiên. Tôi thành-tâm yêu-mến quốc-văn, thì tôi thành-tâm học-tập quốc-văn, thì tôi lo sợ nom-

nóp, tự mình gắng-sức để khuyến-khích các bạn đồng-chí cùng gắng-sức vậy. »

Tôi trông thấy sách sử-ký thường không bỏ sót các việc quan-trọng, thường không nói oan cho người nước tôi, không khiến cho tôi lầm-lạc, không khiến cho tôi bại-trí mê-hồn.

Sách vận-văn, đầu con trẻ học cũng rất dễ; hai đoạn sau này chứng về lẽ đó.

Việc đời thượng-cổ.

... Hùng-vương đô ở châu Phong,
Ấy nơi Bạch-hạc hợp dòng Thao-giang.

Đặt tên là nước Văn-lang,
Chia mười-lăm bộ bản-chương cũng liền.

Phong-châu, Phúc-lộc, Châu-diên,
Nhận trong địa-chỉ về miền Sơn-tây.

Định-an, Hà-nội đổi thay,
Ấy châu Giao-chỉ xưa nay còn truyền.

Tân-hung là cõi Hưng-Tuyên,
Vũ-ninh tỉnh Bắc, Dương-tuyên lĩnh

Thái, Cao hai tỉnh hôn-đồng, [Đông.

Ấy là Vũ-định tiếp cùng biên-manh.
Hoài-hoan, Nghệ; Cửu-chân, Thanh,

Việt-thường là cõi trị-bình trung-châu.
Lạng là lục-hải thượng-du,

Xa khơi Ninh-hải thuộc về Quảng-yên.
Bình-văn, Cửu-đức còn tên,

Mà trong cương-giới sơn-xuyên chưa tường.

Trước sau đều gọi Hùng-vương,
Vua thường nối hiệu, quan thường nối tên.

Việc đời cận-cổ :

... Thiếu chi hễ có người kinh-luân.
Non xanh nước có người kinh-luân.

Lương-giang đời mở chân-nhân,
Vua Lê Thái-tổ từng tuần mới ra.

Lam-sơn khởi nghĩa từ nhà,
Phong-trần lắm lúc kể đã gian-nguy.

Lạc-xuyên đầu giết Mã-Kỳ,
Nghệ, Thanh một giải thu về bản-chương.

Chia quân kinh-lược mọi đường,
Hai kinh đã định, bốn phương cũng bình....

Tôi nghiệm xét sách quốc-văn kể lịch-sử nước tôi được rõ-ràng, mà câu văn lại thâm-trầm phong-thú hơn cả.

Đó là ba điều khiến tôi thành-tâm yêu-mến quốc-văn, thành-tâm học-tập quốc-văn, « đêm ngày lo sợ nom-nóp, tự mình gắng-sức để khuyến-khích các bạn đồng-chí cùng gắng-sức vậy. »

« Tiếng nước nhà thật giàu có văn-vẻ, văn nước nhà thật bóng-bẩy sâu-xa. Ai bảo văn tế của ông linh-mục BOSSUET là hay, tôi bảo văn tế của ông Tiên-quân Nguyễn Văn-Thành cũng hay, mà lại lâm-li cảm-động biết dường nào ! Ai bảo thơ RACINE là dịp-dàng êm-ái, tôi bảo thơ truyện Kiều cũng êm-ái dịp-dàng, mà lại thiết-tha réo-rắt biết bao nhiêu ! Ai bảo bà SÉVIGNÉ là lanh-lợi hoạt-bát, tôi bảo cô Hồ Xuân-Hương cũng hoạt-bát lanh-lợi, mà lại đĩnh-ngộ tài-tình biết dường nào !

« Không, quốc-âm ta không phải là một thứ tiếng nghèo-nàn. » (1)

Quốc-văn ta không thiếu sót một điều nào cả.

Văn tả người : Tài-sắc hai chị em Thúy-Kiều.

Đầu lòng hai ả tố-nga,
Thúy-Kiều là chị em là Thúy-Vân.
Mai cốt-cách, tuyết linh-thần,
Một người một vẻ, mười phần vẹn mười.
Vân xem trang-trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy-đặn, nét ngài nở-nang.

(1) Phạm Quỳnh nói ra sách Việt-văn hợp-tuyển, của hai ông Lê Thành-Ý, Nguyễn Hữu-Tiến.

Hoa cười ngọc thối doan-trang,
 Mây thua nước tóc tuyết nhường màu
 Kiều càng sắc-sảo mặn-mà, da.
 So bề tài-sắc lại là phần hơn.
 Làn thu-thủy, nét xuân-sơn,
 Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
 Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
 Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.
 Thông-minh vốn sẵn tư trời,
 Pha nghề thi-họa đủ mùi ca-ngâm.
 Cung thương lầu bụi ngũ-âm,
 Nghề riêng ăn đứt hồ-cầm một chương.
 Khúc nhà tay lựa nên xoang,
 Một thiên bạc-mệnh lại càng nỡ nhân!
 Phong-lưu rất mực hồng-quần,
 Xuân-xanh xấp xỉ tới tuần cập-kê.
 Êm-dềm trướng rủ màn che,
 Trường đông ong bướm đi về mặc ai!

Văn tả cảnh : Cảnh Hương-sơn
 (trích sách Việt-văn hợp-tuyển)

Bầu trời cảnh bụi,
 Thù Hương-sơn ao-ước bấy lâu nay!
 Kia, non non, nước nước, mây mây,
 « Đệ nhất động » hỏi rằng đây chẳng phải ?

Thỏ-thể rừng mai chim cúng trái,
 Lững-lờ khe nước cá nghe kinh.
 Thoảng bên tai một tiếng chày kèn,
 Khách tang-hải giạt mình trong giấc
 mộng !
 Này suối Giải-oan, này chùa Cửa-võng,
 Này am Phật-tích, này động Tuyết-
 quỳnh,
 Nhạc trông lên ai khéo họa nên hình,
 Đá ngũ-sắc long-lanh như gấm dệt,
 Thắm-thắm một hang lồng bóng
 nguyệt,
 Gập-gheñh mấy lối uốn thang mây.

Ý giang-sơn còn đợi ai đây ?
 Hay tạo-hóa khéo ra tay xếp đặt !
 Làn trăng hạt niệm Nam-vô-Phật !
 Cảnh từ-bi công-đức biết bao !
 Càng trông phong-cảnh càng yêu !

Văn tả tình : Nhớ nhà. (Kiều)
 ...Trước lầu Ngưng-bích khóa xuân,
 Vẻ non xa, bóng trăng gần, ở chung.
 Bốn bề bát-ngát xa trông,
 Cát vàng còn nọ bụi hồng dặm kia.
 Bẽ-bàng mây sớm đèn khuya,
 Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng,
 Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
 Tin sương luống những rày trông mai
 Bên trời góc bể bơ-vo, [chờ,
 Tấm son gột rửa bao giờ cho phai !
 Xót người tựa cửa hôm mai,
 Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ ?
 Sân Lai cách mấy nắng mưa,
 Có khi gốc tử đã vừa người ôm !
 Buồn trông cửa bể chiều hôm,
 Thuyền ai thấp-thoảng cánh buồm xa
 Buồn trông ngọn nước mới sa, [xa?
 Hoa trôi man-mác biết là về đâu ?
 Buồn trông nội cỏ rầu-rầu,
 Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
 Buồn trông gió cuốn mặt ghèñh,
 Ầm-ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi...

Văn kể chuyện : Thương ghét về
 việc đời (Lục Vân-liên)

Quán rằng : « Ghét việc tầm-pháo,
 Ghét cay ghét đắng ghét vào tới tâm.
 Ghét đời Kiệt, Trụ mê-dâm,
 Đê dân đến nỗi xa hàm sầy hang.
 Ghét đời U, Lệ đa-doan,
 Khiến dân luống chịu làm-than muôn
 Ghét đời Ngũ-Bá phân-vân, [phân.
 Loạn-thần đa-tiếm nhân dân học-nhân.
 Ghét đời Thúc Quý phân-băng,
 Sớm hòa tối đánh lan-quang rồi dân.
 Thương là thương kẻ ác Thánh-nhân,
 Bị vì Tống, Vệ, K, ng, Trần tuyết
 lương.

Thương thầy Nhạc tử dở-dang,
 Ba-mươi-một tuổi về đường công-
 danh.

Thương ông Giảo tài lành,
 Gặp con Hào... đánh tam-phần.

Thương thầy Đồng-tử linh-thần,
Chi cao như thỉ tiếc phần không ngôi.
Thương người Nghiêm-Lượng người-
ngôi,

Đã hay dẹp nước lại lui về cây.
Thương ông Hàn Dũ chẳng may,
Sớm dâng lời biểu tổi đầy đi xa.

Thương thầy Liêm Lạc mới ra,
Gặp đời loạn phải về nhà dạy dân.
Xem qua kinh sử mấy lần,
Nửa thương nửa ghét tâm-thần vẫn-
vương. »

Trực rằng : « Chùa đất phật vàng,
Ai hay trong quán ân-tàng kinh-luân.
Thương dân sao chẳng lập thân,
Đang khi nắng hạ loan phần làm mưa. »
Quán rằng : « Nghĩều, Thuấn thuở
xưa,

Khó ngăn Sào-Phủ, khôn ngừa Hứa-Do.
Đi, Tề chẳng khứng giúp Châu,
Núi non ân mặt, công-hầu lảng tai.
Ông Y, ông Phó cao tài, »

Kể cây người cuốc đôi-hoài chỉ dàu.
Thái-công xưa một cần câu,
Sớm hôm sông Vị mặc dầu vui chơi.
Nghiêm-Lãng cũng bạc cao tài,
Áo toì một mảnh lạng ngồi thả câu.
Trần Đoàn liên-phẩm khác màu,
Gió trắng bốn-cột vương-hầu chiêm-bao.
Người nay có khác xưa nào,
Muốn ra ai cấm, muốn vào ai ngăn. »

— Hiện bây giờ, văn quốc-ngữ mới
đã dịch được các sách Đông-Tây kim-
cổ. Tôi trích - lục ba đoạn văn ông
Phạm Quỳnh như sau.

I — *Bản về Khổng-giáo* :... Sách *Dại-
học* và sách *Trung-dụng* có thể cho là
hai bộ sách « đạo quân-tử thuần-
túy », còn *Luận-ngữ* là sách
nói về « đạo quân-tử thực-tiên ».

« Nhà Hán ngữ-học РАУТНИЕР phê-
bình về sách *Luận-ngữ* nói rằng : « Sách
Luận-ngữ là chép những lời Khổng
phu-tử nói chuyện nghĩa-lý với các đệ-
tử, có phần giống sách « *Vấn-đáp* »
của Bá-lạp-đề. Lời thầy là Tô-

cách-lap-đề ở Hi-lạp đời xưa, duy có
khác là khác về địa-phương cùng văn-
hóa không giống nhau. Lời đàm-luận
của nhà triết-học Tàu, do các đệ - tử
cóp-nhặt lại, chắc là không có văn-
chương bằng những lời vấn-đáp rất
thú-vị của nhà triết-học Hi-lạp. Sách
Luận-ngữ sánh với sách « *Ngữ-lục* »
của Tô-cách-lap-đề do người đệ - tử
khác là Tây-nỗ-phong biên-tập thì có
lẽ đúng hơn. Dù thế nào mặc lòng, đọc
những lời của nhà triết-học Tàu đàm-
luận nghĩa-lý với học-trò, tự-nhiên có
một cái cảm-giác thâm-trầm. Cảm-giác
ấy có lẽ không được hoạt-bát một chút.
Nhưng sở-dĩ không được hoạt-bát cũng
là do cái đạo-học trang-nghiêm, muốn
đứng cao mà lần-lượt quan-sát cả các
phương-diện trong tâm-tĩnh người ta.
Đọc xong sách này, có thể cùng phu-
tử mà nói rằng : « Người học đạo mà
thường-thường chăm - chỉ không đời,
há chẳng vui vậy thay ! » Có thể nói
rằng sách *Luận-ngữ* này lộ được cả cái
tinh-tinh cao-thượng của Khổng-phu-
tử, lòng người ham mê đạo-đức, thương
yêu loài người, muốn cầu cho thiên-hạ
được hạnh-phúc. Lời ngài nói là trang-
nghiêm, thuần-túy, không có chút tí-
ố gì, như giọng kiêu-cãnh, khoa-đại,
hay là khùng-cụ, hiếp-bách vậy... »

« Thuộc về cái quan - niệm người
« quân-tử » là cái quan - niệm đức
Thánh thường giảng để làm gương cho
học - trò, sách *Luận-ngữ* có vô-số
những câu cách ngôn thâm-trầm, đích-
đáng, có thể liệt vào hạng những lời
đạo-đức rất hay của cổ-kim Đông-Tây
đã đặt ra vậy. Nay trích-dịch mấy câu
như sau này :

Người quân-tử phiên mình không
làm được, không phiên thiên-hạ không
biết đến mình.

— Thiên-hạ không biết đến mình,
mà mình không phiên lòng, thế chẳng
phải là người quân-tử dư ?

— Người quân-tử nói ít mà làm nhiều.

— Người quân-tử muốn nói chậm mà làm mau.

— Người quân-tử sáng-suốt về việc nghĩa, kẻ tiểu-nhân sáng - suốt về sự lợi.

— Quân-tử hòa với mọi người, mà không a-dua với kẻ xấu; tiểu-nhân a-dua với kẻ xấu mà không biết hòa với mọi người.

— Người quân-tử giúp người ta làm điều hay, không giúp người ta làm điều dở. Kẻ tiểu-nhân thời trái thế.

— Người quân-tử biết căng-trì lấy mình mà không tranh-dành kẻ khác; biết hợp-quần mà không ưa bè-đảng.

— Người quân-tử cầu ở mình; kẻ tiểu-nhân cầu ở người.

— Quân-tử ăn không cầu no, ở không cầu yên, siêng-năng việc làm, cẩn-thận lời nói, gần kẻ đạo-đức để chỉ-chính cho.

— Người nào chất-phác nhiều hơn văn-sức, là người quê; người nào văn-sức nhiều hơn chất-phác, là kẻ lại; văn với chất xứng nhau, mới là người quân-tử.

« Đức Thánh thường lấy thầy Nhan-hồi làm gương cho các bạn học, ngài nói rằng: « Anh Hồi thật là người hiền thay! Chỉ có một rổ cơm ăn, một bầu nước uống, ở trong một cái ngõ hẻm. Người thường mà gặp cái cảnh ấy, không khỏi sinh lòng phiền-não. Hồi vẫn cứ vui-vẻ không đổi. Hồi thật là người hiền thay! »

« Cả cái quan-niệm người quân-tử đó có thể gồm lại một câu: người quân-tử là người ham-mê đạo-đức hơn hết thảy, hơn cả sự sống nữa. Đức Thánh nói: « Sớm được nghe đạo, chiều chết cũng cam, (chiều vẫn đạo, tịch tử khả hĩ). »

II.— Bàn về Phật-giáo: Triết-lý đạo Phật.

«... Có thể nói cả đạo Phật là gồm trong cái thuyết tứ-diệu-đề. Hồi Phật mới bắt đầu chuyển pháp-luân ở thành

Ba-nại-la, giảng ngay về tứ-diệu-đề, rồi sau mỗi lần thuyết-pháp cho đệ-tử cũng là nói đi nói lại về tứ-diệu-đề, coi là phần cốt-yếu trong bản-đạo vậy. Bốn diệu-đề là: 1^o Khổ-đề, nghĩa là ở đời là khổ; 2^o Tập-đề, nghĩa là sự khổ vốn có nguyên-nhân kết-quả tự đầu, cho nên còn gọi là nhân-đề; 3^o Diệt-đề, nghĩa là sự khổ cần phải trừ-diệt, muốn trừ-diệt sự khổ, phải trừ-diệt cái nguyên-nhân nói trên; 4^o Đạo-đề, là đạo. Phật dạy cho đệ-diệt-trừ sự khổ và siêu-thoát cõi đời. Bốn đề ấy cho là tinh-hoa của đạo Phật, cho nên vua A-dục (Asoka) sau này dựng tháp trong khắp cõi Ấn-độ, thường khắc một câu tóm nghĩa đạo bằng chữ phạn rằng:

*Ye dhammā hetuppabhavā
Tesam hetum Tathāgato dha,
Tesaneva ya nirodho,
Evamvādi mahāsamaṇo,*

« Nghĩa là: muôn sự đều do một nguyên-nhân; Như-lai dạy cho rõ nguyên-nhân, lại dạy cách trừ-diệt; ấy đạo tối-huyền-diệu của đức Đại-sar môn (tức là Phật) như vậy ».

« Rút lại thời đạo Phật là gốc tự quan-niệm yếm-thế, mà ngọn ở phương-pháp giải-thoát. Bởi sao mà yếm-thế? Bởi ở đời là khổ: « sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, không ưa mà hợp là khổ, ưa mà phải đời là khổ, muốn mà không được là khổ, lưu-luyến trong ngũ-trọc là khổ. » Đó là chính lời Phật nói, Phật lại cực-tả cái khổ và hạn ở đời rằng: « Nước mắt chúng sinh trong ba nghìn thế-giới, đem chực khóc lại còn nhiều hơn là nước trong biển. »

«... Xét cho đạo Phật không những không phải là một đạo vô-vi, mà lại là một đạo hoạt-động Trước hết, muốn cứu khổ, tất phải thi-hành phương-pháp thế nào cho chúng sinh được thoát khổ, trong-pháp ấy là chính tâm địa của tôi đã nói ở

trên, người mà diệt dục chính-tâm được chẳng phải là người có gan-góc mạnh-bạo lắm mới làm được dư? Một cái đạo mà khiến cho người ta gan - góc mạnh-bạo ra, há phải là một đạo vô-vi sao? Nhưng đã gây-dựng cho cái tư-cách mạnh-bạo gan-góc ấy, lại đặt ra một cái lý-tưởng cứu - thế để làm mục-dịch ở đời, người ta trước phải tu-luyện cho cái tư - cách kia, đã có rồi phải đem ra thi-hành cái tư-tưởng này, nghĩa là trước cứu cho mình, rồi sau cứu cho đời; một cái đạo vừa vì mình vừa vì người như thế, há phải là một đạo đạ-m-bạc sao? Cho nên người nào cho đạo Phật là đạ-m-bạc vô-vi là xét chưa đến nơi, đạo Phật chính là tự-cường hoạt-động, tự-cường nghĩa là phấn - chấn tinh - lực cho trở nên gan-góc mạnh-bạo, hoạt-động là đem cái sức mạnh-bạo gan-góc ấy mà làm những sự-nghiệp ích-lợi cho đời, tức là cứu-khổ cho đời, tức là giải - thoát cho người đó. Như vậy thì như mới rồi tôi đã nói, đạo Phật không những là không trái với phong - trào đời nay, mà lại hợp với phong - trào đời nay lắm.

« Nhưng cứ ý riêng tôi thời đạo Phật trước nhất là một cái gương rất hay cho bọn thượng-lưu ta. Vì Phật là gì? Phật là giác, giác là sáng-suốt; Phật là *tự giác nhi giác tha*, nghĩa là mình đã sáng-suốt rồi nên ra sức mà làm cho người khác cũng được sáng-suốt như mình... Phải nên nhớ lời Phật-tổ Thích-già đã nói: « Hễ nhất-thiết chúng - sinh chưa thành Phật, thời ta đây cũng chưa thành Phật với. Ta còn nguyện ra tế-độ cho chúng-sinh. » Lại lời Phật-tổ Quán-âm thế rằng: « Hễ bao giờ còn có một mảy bụi trần-trâm-luân trong bề khổ. thời ta đây chưa thành Phật với. Ta còn muốn ra tay giải-thoát cho được đã, nhiên-hậu mới an! Phật » ...

III. — Dịch văn Tây-phương : Văn-sĩ MAURICE BARRÈS.

« .. Trong ba mươi năm trời, ông làm sách viết văn đều phát-huy cái chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-nghĩa quốc-túy. Những vi-ngôn đại-nghĩa của ông, họp lại có thể làm một quyển kinh nhật-tụng cho những kẻ có tổ-tôn phải phụng-thờ, có đất nước phải yêu-mến, nghĩa là hầu hết người ta trong thiêu-hạ, chỉ trừ những giống mọi-rợ còn đạ-man hay là những phường Tịch-Đàm đã vong-tổ vậy.

« Nay không thể kể ra hết được, chỉ xin trích-dịch mấy câu mấy đoạn để cống-hiến các nhà hữu-tâm về việc đời việc nước. Lời thiết-tha sâu-sắc, đủ làm bài học cho chúng ta vậy.

« Như ông nói rằng: — Cá-nhân dẫu hoàn-toàn đến đâu mặc lòng, chẳng qua chỉ là những bộ - phận trong một cái toàn-thể, là giống-nòi mình.

« Lại nói: — Người ta vì như cái cây, muốn mọc lên tươi-tốt, nảy-nở ra nhiều, phải giống nào sinh-trưởng theo cách-thức giống ấy, như bao nhiêu đời trước đã lưu-truyền tới đời nay vậy.

« Lại nói: — Hồn ta đây là hồn tổ-tiên ta cộng lại mà thành ra; những mối cương-thường của tổ-tiên ta là làm cơ-sở cho nhân-thân ta bây giờ đó.

« Lại nói: — Tôi cặm-cui tìm - tòi, sưu-tầm khó-nhọc, mới thấy được cái nguồn nước trong ở trong vườn nhỏ của tôi. Nguồn ấy là tự cái mạch ngầm chan-chứa, nó phân-phát cho khắp các giếng nước chốn quê-hương tôi.

« Lại nói: — Tôi thấy trong thâm-tâm tôi có một chỗ như chỗ đầu gân của mạch, hễ chạm vào đến đấy thì rung-động cả thần - kinh, tôi không ngờ chuyển mạnh đến thế; rung-động suốt cả người, không phải là sự cảm-xúc của một cái hiện-thân nhất-thời đâu, thực là cả chủng tộc bị xúc-động mà dựng lên, nghĩ đến thật ghê thay.

« Lại nói :— Nhất-cử nhất-động của ta mà trái với tổ-tôn đất nước nhà ta là làm cho ta tự dối ta, khiến cho nhụt mất cái nhuệ-khí của ta đi.

« Lại nói :— Ta phải biết cam chịu thân-phận ta, đó là điều cốt-yếu. Đã được điều cốt-yếu đó rồi thì muốn tổ - chức cuộc đời ta thế nào cũng được . . . Ta sẽ như cái cây mọc ở đất nước nhà, không phải là giống không chẳng không rễ. Dù đi đâu, dù đặt mình vào những nơi rất nóng-nào náo-nhiệt cũng không sợ mất giống, ta vẫn là con cháu ông cha ta, ta vẫn được hưởng-thụ cái công học-tập mấy mươi đời, từ khi hầy còn chưa sinh-hạ ra đời, từ khi hầy còn trong mạch máu tổ-tiên mà tổ-tiên hầy còn mới quan-niệm đến ta mà thôi.

« Lại nói :— Tôi thấy được khoan-khoái trong lòng là từ ngày tôi biết đem tấm lòng tôi như cây đàn phỏ-thác cho ông cha giữ dip.

« Lại nói : Tôi trông thấy cái bản-thân tôi liên-tiếp với muôn vàn tấm thân khác, giải khắp đời nọ sang đời kia, mà tôi lấy làm sung-sướng lạ-lùng.

« Lại nói :— Trông thấy con người ta tan-tác ra để sáp-nhập vào nhà, vào nòi, vào nước trong khoảng mấy nghìn năm, cái chết không gián-đoạn được, còn cảnh gì say-mê vui-thú bằng.

« Lại nói :— Giá tôi có tài làm thơ thì tôi ngâm-vịnh để tả cái tấm lòng khao-khát muốn nuốt cả trời xanh. Nhưng giá tôi làm thơ tài hơn nữa, thì tôi chỉ ca-lụng một bậc anh-hùng biết cam-tâm hành-động trong một cái vòng khuôn nhỏ hẹp hơn sự mộng-tưởng của mình. Tôi phải nên biết, phải nên cam-tâm thừa-nhận những lẽ tất-nhiên nó hạn-chế ta. Tôi yêu-mến đất *Lorraine* của tôi, tôi mô-lả đất *Lorraine* của tôi, tên *Lorraine* đó có lẽ chỉ là một sự quan-cảm rất thiết-tha về cái giới-hạn của tôi mà thôi.

Tôi trông thấy cái cây cỏ - thụ đất *Lorraine*, khác nào như con ngựa trông thấy cái cọc để buộc mình vào đấy.

« Lại nói :— Tôi đi đến đâu, tôi cũng là khách tha - hương, bập - bẹ được mấy câu hát vặt, nhưng tôi về đến đất sông *Moselle* của tôi, thì tôi thấy tôi là một cái biểu-hiệu của đất nước này, là một cái khoảnh-khắc trong cuộc thiên - cổ này, là một cái bí-tàng của giống - nòi ta mỗi mùa nảy ra hoa thơm bông đẹp, và nếu lòng tôi thật biết thương yêu xứ-sở, thì tôi có thể làm quả tim cho đất nước này.

« Lại nói :— Tôi tuy đã chơi qua những chốn danh đô như *Venise*, *Siene*, *Cordoue*, những nơi cổ-tích như thành *Sparte*, tuy cũng ngâm được những điệu véo-von, . . . Mà tôi cho của ấy như của phù-vân của gái phương xa đãi người khách lạ. Sướng có sướng thật, mà nó vụt qua, nó khích-động, nó thoảng bên ngoài mà thôi. Nhưng về đến đất nước tổ-tiên tôi thì tôi mới thật thấy cảm-giác thâm-trầm. Đến đây tôi không phải là khách bàng-quan nữa. Hễ tôi thu-thập trí khôn của tôi vào trong vòng khuôn này là nơi tiền-định của tôi, thì tựa-hồ như tôi nhân sức mạnh tôi với sức mạnh chung của cả nòi giống mà quả tim tôi nở nang ra thành nơi trung-tâm một cố-quốc vậy.

« Những câu trích-dịch đó là thuộc về thời-kỳ thứ nhì trong tư-tưởng MAURICE BARRÈS, sau khi tâm-trí ông đã kinh-quá sự đại-biến như trên kia. Nhưng ngay tự hồi trẻ, năm ông mới có hai mươi-ba tuổi, ông mở ra cái tạp-chí đề là « Vết mực » (*les Taches d'encre*, 1886), ông đã nói một câu như sau này, đủ chứng rằng tư-tưởng ông dần càng ngày càng tiến tới, càng ngày càng rõ-rệt thâm-trầm hơn, mà cái mầm đã có từ tuổi trẻ.

sa về tô-tiên, về đất nước đã phảng-phất từ khi hầy còn chỉ biết túy-tâm « thờ » một mình mình vậy. Ông nói rằng : « Ông cha ta đã lầm-lỡ một ngày, để lại cho ta cái gánh nặng phải mang. Muốn làm cho nổi cái trách danh dự đó, chỉ phải có một chút tâm-huyết, một chút khảng khái mà thôi ». Vậy ngay từ giữa lúc ngạo-cốt còn lằng-tảng, ông đã mật đem thân hứa nước vậy..»

Trở lên là mấy đoạn dịch văn ngoại-quốc. Quốc-văn ta không hèn kém gì ai « Quốc-dân ta không phải là một dân-tộc không văn. Chỉ vì xưa nay không được học nên không ngờ và không biết mà thôi ».

Đó là bốn điều khiến tôi thành-tâm yêu-mến quốc-văn thành-tâm học-tập quốc-văn, « đêm ngày lo sợ nom-nớp, tự mình gắng sức để khuyến-kích các bạn đồng-chí cùng gắng sức vậy ».

Văn nước Nam rất giàu - có phong-phú, mà văn nước Nam lại có tinh-thần riêng, chỉ quốc-dân ta mới có thể hiểu rõ được. Ông Đông - hồ có bài luận giải về lẽ đó rất tường (1), xin trích mấy đoạn sau này.

« Chữ chia ra làm hai phần : phần hình-thức là cái nghe thấy được và phần tinh - thần là cái không nghe không thấy được. Hình-thực chữ là những đường vạch trên giấy ra hình chữ, những thanh-âm đọc ra tên chữ, còn tinh-thần chữ là nhiều chữ xếp thành câu văn, trong câu văn có cái hay cái khéo. Cái hay cái khéo tức là tinh-thần chữ vậy. Mỗi dân-tộc đều có một quốc-văn đều có riêng một cái tinh-thần quốc-văn ấy cả. Cái tinh-thần ấy đã là « của riêng » của một nước, một dân-lộc, thì không thể bắt-chước lẫn lộn nhau được, hay là đem của một

nước làm của một nước được. Như người Nam học chữ Tây được là viết chữ Tây được, đọc chữ Tây được, chớ nói biết được hết cái hay của chữ Tây thì dầu có chìm-đắm trong biển chữ ấy bao lâu đi nữa cũng bất-quá là biết phảng-phất sơ qua vậy thôi, chớ vị-tất đã là lĩnh-hội thấu - triệt được hết những chỗ diệu-xử. Người Nam không thể thấu-đón lấy cái tinh - thần của chữ Tây được, vì người Nam không cùng với người Tây chung một văn - hóa, chung một tinh-thần, trong mình người Nam không sẵn mối tinh-cảm đối với non sông đất nước người Tây. Ngôn-ngữ là để phô-diễn cái anh-hoa tinh-túy của non sông. Tinh-thần đã không thể học được thì cũng không thể của một nước đem truyền sang một nước được. Về câu văn ấy ở chỗ ấy thì thấy êm-ái đậm-dà mà đem sang chỗ khác thì bỗng thấy thờ-ơ lạt - lẽo không ý-vị gì, bởi thế mà không thể lấy một thứ chữ dịch sang một thứ chữ được. Dầu có miễn-cưỡng dịch được thì cũng không còn giữ được cái tinh - thần nguyên-văn nữa. Cỗ-nhân có câu : *Dịch-giả phân-giả*, là nói ý đó...

« Mỗi thứ chữ đều có một cái « then-chốt » riêng cả, không thứ chữ nào giống thứ chữ nào, thì cái then chốt của chữ ấy chỉ có người nước ấy thì mới lĩnh-hội thấu - triệt được hết mà thôi. Cái then chốt ấy tức là cái tinh-thần của câu văn ấy vậy. Đây xin lục ít câu để làm bằng-cớ.

*Nực cười chim sả cá hanh,
Đố ai xếp được chim lành cá y !*

« Câu ca-dao này ở miệng người mình đọc ra, tai người mình nghe thì thấy hay thấy khéo biết dường nào, vì tìm thấy được liền cái « then chốt ». Cái then chốt ấy trong câu này

(1) *Đông-pháp* (Ori-ao), 13-9-1926

tức là « chim sả » và « cá hanh ». Chim sả tức là tên một thứ chim mà lại có nghĩa là con chim bị chém sả ra. Cá hanh là tên một thứ cá mà lại có nghĩa là con cá bị cắt ra từ hanh (khứ). Bởi thế mà câu dưới mới đặt thành câu hỏi: « đố ai xếp được chim lành cá y ». Con chim đã bị sả thì ai làm sao mà xếp cho con chim « lành » lại, con cá đã bị cắt từ hanh thì ai là người làm cho con cá « y » lại như xưa được?

« Lại câu này cũng một ý đó :

*Ba mươi nhốt lại một lồng,
Một chục có mồng, hai chục không trơn.*

« Câu này là câu đố thai. Nếu đem ra đố là cái gì, tức ai cũng phải nói rằng: Một lồng gà nhốt chung mười con trống và hai mươi con mái. Nhưng nói thế là mắc mẹo của tác-giả. Chắc có người cãi rằng: đã rõ-ràng « một chục có mồng, hai chục không trơn » thì chẳng phải là gà chớ gì. Thì tác-giả sẽ giải rằng: Câu ấy là nói « một tháng »; ba mươi tức là ba mươi ngày, một chục có mồng tức là từ mồng một đến mồng mười, còn hai chục ngày sau không còn kêu là « mồng » nữa thì chẳng phải là « không trơn » chớ gì. Nghe lời tác-giả thì chắc ai là người An-Nam cũng phải phục cái tài khôn-khéo tài-tinh của tác-giả, cái ý ly-kỳ ngộ-nghĩnh của câu văn...

« Câu thơ « Qua Đèo ngang » của bà huyện Thanh-quan:

*Nhớ nước đau lòng con quốc-quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia-gia.*

« Quốc » là tên một thứ chim mà có nghĩa là « nước »; « gia » là tên một thứ chim mà có nghĩa là « nhà ».

« Những chữ nói ra được hai nghĩa như thế thì như câu ca-đao :

*Trăng bao nhiêu tuổi trăng già?
Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non?*

« Trăng và núi là hai cái « dữ kỳ thiên-địa trường tồn », làm gì lại có hạn tuổi mà có người gọi là « trăng già, núi non ». Trăng là thần-đề chủ-trương việc hôn-nhân giá-thú, nếu duyên may phận đẹp thì còn gọi là « chị Nguyệt, ả Hằng », chẳng may ra tình duyên lỡ-dỡ thì lại oán-trách mà kêu là « mẹ trăng già » sao có vợ quang vợ xiên, làm trái duyên lỡ phận. Chữ « núi non » là hai tiếng cùng một nghĩa làm thành một tiếng kép mà có nghĩa « non » là trẻ, núi non là núi còn trẻ. Trăng mà già, núi mà trẻ! Có già có trẻ thì tức-nhiên là có tuổi, mà thực sự là không, thì mới kỳ lạ làm sao? Những chữ « lộng-ngữ » như thế là những cái hay cái khéo, cái tinh-thần của quốc-văn, không sao dịch ra tiếng nước khác được.

« Như câu :

Giang-san một năm bo-bo,

Trước lo việc nước, sau lo việc trào.

« Là lời của « anh quạt trà » mà rõ-ràng là khẩu-khi của một ông thú-tướng. Chỗ hay trong câu văn này là chữ « một năm » tức là một năm trà mà có nghĩa là năm giữ giang-san; chữ « nước » lại là có nghĩa là nước nhà, « trào » là nước sôi lên mà lại có nghĩa là việc trào-chánh. Câu văn ấy đối với người Việt-Nam chẳng là khôi-ký huyền-diệu, chẳng là có tinh-thần làm ru?

« Cái tinh-cảm đối với quốc-văn ấy là do cái tinh-cảm đối với non sông đất nước, đối với lịch-sử văn-hóa, với phong-tục lễ-giáo mà ra, vì văn thơ ngôn-ngữ là để diễn-giải phô-bày những cái quốc-hoà nước-túy ấy. Người một nước không hiểu cảm được cái tinh-thần quốc-văn của một nước khác, vì không cùng ở với nhau chung một non sông đất nước, không cùng nhau chung một lịch-sử văn-hóa,

không cùng nhau chung một phong-tục lễ-giáo. Những lễ ấy không phải là không có bằng-cớ hiển-nhiên. Câu ca-dao:

— *Đâu là núi Ngự sông Hương,
Đâu là cõi rê quê hương nước nhà?*

— *Nhà Bè nước chảy phân hai,
Ai về Gia-định Đồng-nai thì về!*

« Hai câu này ta nghe có phải là thấy thiết-tha thấm-thía lắm không? vì trong khoảng núi Ngự sông Hương, Đồng-nai, Gia-định là chỗ chôn rau cắt rốn ta. Nhân đó mà ta nhớ tới:

*Non kia ai đắp mà cao,
Sông kia ai bới ai đào mà sâu,*

mà ta hoài-tưởng đến công-nghiệp của tiên-dân ta đã đem huyết-hãn mà bới-đắp mà sửa-sang tô-điêm cho non nước ấy được vững-bền đẹp-đẽ. Nay ta hưởng miếng đất hương-hỏa giang-san gấm-vóc ấy ta há dám quên công khai-thác của tổ-tiên ta ru? Bới non sông đất nước ấy cùng ta có một mối ràng-buộc vô-hình, nên khi ta đọc đến tên mà phải sinh vô-cùng cảm-hứng.

*Trùng rồng lại nở ra rồng,
Liu-diêu lại nở ra dòng liu-diêu.*

« Ta nghe câu này tức phải sinh lòng hồi-cổ mà nhớ đến cái gốc cội « trùng rồng » của ta. Tuy có chia ra nhiều nhà trăm họ, Đinh, Lê, Lý, Trần mặc dầu, chớ cũng cùng chung một trùng nở ra. Suy đến đó, ai là dân Việt-Nam mà không muốn ăn ở cùng nhau cho êm-thắm vui-loa để giữ chặt mối dây trong-thân tương-ái, gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau? »

Quốc-văn của anh-thần riêng, không kèm gì ai, tôi phải cố sức yêu quý giữ-gìn.

Đó là năm điều khiến tôi thành-tâm yêu-mến quốc-văn anh-thần học-tập quốc-văn, « đem lòng lo sợ nơm-nớp,

tự mình gắng sức để khuyến-kích các bạn đồng-chí cùng gắng sức vậy. »

Đem tàn canh lụn, giở pho sách cũ ra xem. Mới hay một bạc tiền-bối khuyên tôi học-tập quốc-văn.

1 — *Nước Nam ta mai sau này hay dở cũng ở như chữ quốc-ngữ.*

PHAN KẾ-BÌNH

Không dùng quốc-văn, nước tôi không tiến - hóa, hay chậm tiến - hóa. Có dùng quốc-văn, nước tôi mới chóng tiến-hóa. Tôi cầu cho nước tôi tiến-hóa, cầu cho quốc-hồn tươi-tỉnh, cầu cho quốc-vận hanh-thông.

Đó là sáu điều khiến tôi thành-tâm yêu-mến quốc-văn, thành-tâm học-tập quốc-văn, « đem ngày lo sợ nơm-nớp, tự mình gắng sức để khuyến-kích các bạn đồng-chí cùng gắng sức vậy. »

Các báo-chí nước Nam khuyên tôi học tập quốc-văn.

2. — *Khấp hoàn-cầu, tưởng không nước nào có được thứ chữ để học mà tiện-lợi bằng chữ quốc-ngữ. . . Thực không có thứ chữ nào có thể dùng mà truyền-bá tư-tưởng, văn-minh, học-thuật được tiện-lợi bằng thứ chữ thần-thánh ấy. Cho nên nói rằng : Nước Nam ta mai sau hay dở cũng nhờ về chữ quốc-ngữ, tưởng cũng không phải là nói ngoa vậy (1).*

1925. Bài thi Hà-nội,

3. — *Ôi ! Nam-ngữ ! Nam-ngữ ! ta là người Nam, sinh-trưởng ở đất nước Nam, sống chết ở nước Nam, nói tiếng nước Nam, viết tiếng nước Nam, xira ông cha ta dùng tiếng Nam, nay vợ con ta và bao nhiêu người xung-quanh ta đang dùng tiếng Nam, sau này con con*

(1) Tập Quốc-văn yếu-lược của Dương Quảng-Hàm, Dương Tự-Quán.

cháu cháu ta sẽ có dùng tiếng Nam thì ta há dám khinh thường Nam-ngữ, mà chẳng cố theo đuổi cho kỳ đến nơi đến chốn ru ?

1925. Bài thi Việt-trì.

4. — Chữ quốc-ngữ là một thứ chữ thật có ích cho dân bản-quốc. . . Bày giờ sự tân-học xuất-hiện ở xứ này, thật là nhờ có chữ quốc-ngữ làm môi-giới.

1925. Bài thi Bắc-ninh.

5. — Chữ nước mình, mình phải nên luyện-tập. Nếu không thì chẳng những sự giáo-dục trong nước không được phát-đạt, mà lại càng sợ một nỗi rằng ngày kia quốc-văn phải mất tuyệt. Ấy là một vấn-đề ta hãy nên quan-cố đến.

Việt-Nam học-sinh báo.
(số 1 ; 1927 ; Aix-en-Provence)

6. — Về vấn-đề giáo-dục, quan Toàn-quyền đồng-ý với thỉnh-giả nhiều, nên ngài bàn có hơi dễ hơn mấy vấn-đề kia. Ngài nhận rằng bậc sơ-học thì phải toàn dạy bằng tiếng An-Nam. Ngài lại tưởng-tượng rằng nếu xưa kia, nơi trường làng ngài học địa-dư và sử-ký với thầy An-Nam, thì chắc ngày nay ngài vẫn biết một ít tiếng An-Nam chứ không thông sử-ký địa-dư gì cả.

Đồng-Pháp thời-báo (14-12-25)

7. — Nhiều ông ở Hà-nội định sẽ yêu-cầu về việc nâng cao sự học quốc-ngữ lên, nghĩa là muốn xin cho chương-trình học từ lớp đồng-ấu tới lớp cao-đẳng (sơ-học) tuyền bằng quốc-văn cả.

Như vậy, thật là một việc hay, song có một điều hơi khó-khẩn trong lúc ban đầu là phải dịch sách địa-dư, cách-tri, toán-pháp, văn-văn, ra chữ quốc-ngữ cả.

Thực-nghiệp dân-báo (5-6-27)

8. — Người mình học tiếng mình là phải.

Tiếng dân (tháng 3 ; 1929)

9. — Nhật Nga hai nước mạnh lên được phần nhiều cũng nhờ công dịch sách.

Đức Nhà Nam (25-4-29)

10. — Các nhà trí-thức thì lập nên những trường tiểu-học trung-học và cao-đẳng, dạy bằng chữ quốc-ngữ cả ; từ lớp trung-học thì dạy chữ Pháp.

Phụ-nữ tân-văn (13-6-29)

11. — Đã rằng biết tiếng Việt-Nam rành, vậy có thể tả được tâm-lý tinh-tinh chưa ? Viết một bài văn bằng tiếng An-Nam chưa ? Nếu chưa, tại phải học tiếng Việt-Nam.

Kỳ-lân báo (26-8-28)

12. — Theo phép giáo-dục, nếu dùng một thứ tiếng ngoại-quốc mà dạy trẻ nhỏ chút đỉnh học-thức ấy, thì là trái lẽ lắm. Bắt con nít phải rành trí mà nhớ tiếng ngoại-quốc, thì đã mệt cho nó rồi, còn trí đâu mà thâm-nhiệm mầu-nhiệm văn-học nữa cho được.

Tạp Việt-Nam dân-vọng
(bản dịch Đ. P. T. B.)

13. — Ở Nam-kỳ, các ông « hội-đồng » An-nam ta xin Nhà nước cho dạy cả bậc tiểu-học bằng chữ quốc-ngữ, chữ Pháp coi làm tiếng phụ mà thôi.

Nam-Phong tạp-chí (tháng 8 ; 1927)

14. — Chúng tôi ước ao rằng sau này người An-Nam chỉ học bằng tiếng An-Nam có thể trở lên được người thông-hiểu, chỉ đọc bằng sách quốc-ngữ cũng đủ bổ-ích được cho trí khôn, ngày ấy thời sự thay-hoá trong nước mới thật là có kết quả.

Nam-Phong tạp-chí (tháng 8 ; 1927)

Đó là bảy điều khiến tôi thành-tâm yêu-mến quốc-văn, thành-tâm học-tập quốc-văn, « đêm ngày lo sợ nơm-nớp, tự mình gắng sức để khuyến-khích các bạn đồng-chí cùng gắng sức vậy ».

Các danh-nhân, danh-sĩ nước ngoài, tự ông RONSARD, JOACHIM DU BELLAY, chỉ ông MUSTAPHA KEMAL, ông TAGORE, ở nước nào đều quý-trọng quốc-ngữ quốc-văn nước ấy.

15. — Các con nên giữ-gìn tiếng quốc-âm như người mẹ đẻ. đừng để cho kẻ muốn bắt con gái nhà nhen-nếp phải làm phận tôi-đòi.

RONSARD
(bản dịch ông Phạm Quỳnh)

16. — Tổ-quốc không chỉ gồm vào đất - đai và chủng-tộc mà thôi. Ngôn-ngữ văn-tự cũng thuộc về tổ-quốc ta nữa. Ta nhờ ngôn-ngữ văn-tự mới hiểu rõ ý-kiến kẻ đồng-bào ; ta lại có thể truyền-bá tư-tưởng của ta, mọi mối cảm-tình, mọi điều cần-yếu của ta.

J. GÉRAUD nữ - sĩ

17. — Nước ta gồm cả các người biết nói tiếng quốc-ngữ tốt-đẹp của ta.

CORMENIN

18. — Muốn làm công-dân trong nước, điều thứ nhất là phải nói sõi tiếng quốc-ngữ, là tiếng nói chung các kẻ đồng-bào.

G. COMPAYRÉ

19. — Người nào học tiếng nước tôi được rõ, thường ngày thường nói tiếng nước tôi, thường viết văn nước tôi, tôi chỉ nhận người ấy là dân nước tôi, tự tâm-can cho đến mày mặt đều là nói-giống tôi.

J. DE MUSSET

20. — Về phụng-hiến tinh - thần, mỗi nước cần có một đức cố-kết cho

thật vững bền : hoặc là tôn-giáo, hoặc là văn-chương. . .

Chưa có quốc-văn chân-chính, thì chưa phải là quốc-gia chân-chính vậy.

G. FERRERO

21. — Làm người mà không biết nói sõi một thứ tiếng gì, kể ngay từ tiếng tổ-quốc của mình, thì không gì cực bắng, mà con người ấy cũng không ra giống gì.

Một nhà chí-sĩ Ấn-độ
(bản dịch ông Phạm Quỳnh)

22. — Trường học của ông (ông R. TAGORE) cũng dạy cả tiếng bengali là tiếng quốc - âm của ông, ông lấy làm trân-trọng lắm và ông cũng làm cho vẻ - vang nhiều. Vậy, mỗi buổi sáng, ông dạy tiếng bengali một cách nhiệt-thành lắm. Ông là một người công việc bận nhiều như thế, thường thư - trát vãng-lai với khắp cả thế-giới, chuyện gì cũng có người hỏi-hạn đến, đối với Ấn-độ thời như một bậc thánh-sư, cả nước ngưỡng-vọng, vậy mà sáng nào cũng dành được mấy giờ đồng-hồ để dạy tiếng Anh cho lũ trẻ con lên bảy, lên tám, lên chín tuổi, dạy xong bằng tiếng Anh rồi, lại ôn lại và dạy bằng tiếng bengali.

SYLVAIN LÉVI
(bản dịch báo Nam-Phong)

23. — Khi một nước đã phải hãm vào vòng nô - lệ, mà còn giữ quốc-văn cho hoàn-toàn, thì cũng hình như là giữ được cái chìa khóa để mở cửa ngục giam mình vậy.

A. DAUDET

24. — Nhờ học bằng tiếng nước nhà nên ta mới vỡ trí khôn ra được.

R. TAGORE
(bản dịch ông Trương Trúc-Đĩnh)

Nước nào đều yêu quý văn-chương nước ấy, tôi đây đâu nề ngồi yên, tôi phải cố công rèn - rũa văn - chương nước tôi.

Đó là tám điều khiến tôi thành-tâm yêu-mến quốc-văn, thành-tâm học-tập quốc-văn, « đêm ngày lo sợ nom-nớp, tự mình gắng sức để khuyến-khích các bạn đồng-chí cùng gắng sức vậy.»

..

Các danh-nhân danh-sĩ nước tôi, và nước ngoài khuyến tôi học-tập quốc-văn.

25 — Tôi bình-sinh chỉ có một tấm lòng nhiệt - thành sốt - sắng, là nhiệt-thành sốt - sắng về sự luyện-tập quốc-văn.

Phùng Ngọc-Tuệ

26. — Truyện quốc-âm ta như bộ truyện Kim-Vân-Kiều, tả tình tả cảnh như vẽ như thêu; văn quốc-âm ta như mấy bài văn tế xưa càng đọc càng ngậm-ngùi; thi quốc-âm ta như những bài thi cổ, ngôn-từ lỗi-lạc, tinh-từ thâm-trầm, dẫu ngàn năm cũng bất-hủ; chúng ta sẵn một nền văn-chương như vậy, nghĩ cũng là vinh-hạnh lắm thay, lẽ nào chúng ta bỏ đi cho đành.

Hồ Văn-Trung

27. — Tôi được thấy trong tủ sách của vài anh em đồng-bang ở Marseille và Paris mấy quyển Nám-văn có một cái địa-vị rất vẻ-vang ở giữa những quyển sách ngoại-quốc

... May nhờ phong-trào chấn-chỉnh quốc-văn nhóm lên, mà các bạn du-học-sinh cũng lưu-tâm đến sự học-tập văn và tiếng nước nhà, đó là một sự rất hay cho cuộc tiến-hóa của ta vậy.

Cao-Chánh

28. — Người nước ta phải dùng tiếng nước ta, phải luyện cho tiếng nước ta. Có luyện cho tiếng nước ta, tiếng nước ta mới được phong-phú

phong-thú. Khi tiếng nước ta đã được phong-phú phong-thú rồi, thời ta truyền-bá tư-tưởng học-thuật cho nhau rất dễ rất chóng.

Ái-quốc-văn

29. — Theo ý em, thì chị em ta bây giờ, từ thôn-quê cho đến thành-thị nên khuyến nhau học cho biết đọc quốc-văn, để xem nhật-trình, cho biết những hiện-trạng trong nước.

Hoa-Xuân nữ-sĩ
(Tiếng Dân, 23-11-27)

30. — Gần mấy năm nay, chữ quốc-ngữ nhiều người ham học, nhân đó mà sự trước-thuật cũng được mở-mang, điều ấy thật đáng mừng. . . Không phải nói thì ai cũng đã công-nhận rằng muốn truyền-bá tư-tưởng học-thuật trong dân-gian thì phải dùng chữ quốc-ngữ.

Hoa-Trung
(Tiếng Dân, 19-11-27)

31. — Chữ mất thì nước cũng không ra gì.

Yên-Hà di-ngôn

32. — Trường sơ-học dạy con trẻ nước Nam, vẫn ở nước Nam, mà không dùng tiếng Nam, đó là điều trái ngược có một không có hai. Đó lại là điều khiến cho thi-sinh học không được giỏi.

Nguyễn Phan-Long
(Echo Annamite, 8-7-27)

33 — Năm bảy năm học chữ Pháp, nếu để học ròng chữ quốc-ngữ tiếng nước nhà thì cái học thực không kém gì bậc tú-tài các nước.

Nguyễn Văn-Vinh

34 — Khi các nhà nghiên-cứu-học đều hiểu rằng phải lấy quốc-văn làm trọng, mới nhóm lên phong-trào chấn-hưng quốc-văn.

Nguyễn Văn-Vinh
Quảng-Hàm

35 — Nước không văn-chương ắt
khó thành một nước

Tùng-Hoa

36. — Vì cái học về quốc-ngữ mà
dần dần được cao lên một đôi chút
nữa, thì cái lòng cần học lấy cái « đạo
làm người » của dân nhà quê trước kia
cũng đủ mãn-nguyện.

Đồ-nam

37. — Dầu tang-thương biển-cái, mà
văn-chương vẫn còn, văn-chương còn
thì hồn nước còn.

Thiện-đình

38. — Buổi này người mình học
quốc ngữ, là vì nghĩa-vụ, vì trách-
nhiệm hơn vì danh-giá, vì quyền-lợi.

Trúc-Hà

39. — Sau này có thể hi-vọng quốc-
dân ta có các ông Cử ông Nghè
quốc-ngữ; mà các ông Cử ông
Nghè ấy giá-trị cũng không kém gì các
ông Cử ông Nghè các nước văn-minh.

Tường-Vân

40. — Văn tức là người, nghĩa là
người sao văn vậy. . .

Văn đã về ra người như thế — học
nhiều người thành nước — thì văn
cũng về ra nước được, nghĩa là nước
sao văn vậy: nước thịnh thì văn thịnh,
nước suy thì văn suy, văn còn thì nước
còn, văn mất thì nước mất, văn hay thì
nước hay, văn dở thì nước dở.

Trần Duy-Nhất

41. — Năm 1926, tôi có xuất-bản
một tập độ chừng 60 trang. Một quyển
sách ấy cũng chỉ cho một người dốt
tiếng An-Nam, như tôi được nhập vào
làng văn-sĩ Việt-Nam

N. A. - N.

42 — Các nước trong hoàn-cầu,
người nước nào học chữ nước ấy, thì
nhì-đồng phụ-vụ mới có thể phổ-

thông được. . . Tôi thiên-nghĩ nước
nào cũng phải dùng chữ nước mình,
thì quốc-dân mới phổ-cập được. Bây
giờ Pháp đang cầm quyền, ai mà muốn
cho con trẻ tìm đường kiếm ăn cho
mau, thì nên cho trực-tiếp học chữ
Pháp, còn muốn dạy khắp quốc-dân
không có chữ quốc-ngữ không được,
mà không có khoa thi quốc-ngữ, cũng
không lấy chi mà lường-lệ cho người
ta cố học. (N.-P.)

Lương Ôn-Như

43. — Nếu ở trường tiểu-học bắt
học cái gì cũng phải bằng thứ tiếng
ngoại-quốc, thời cái phạm-vi sự học
thành ra nhỏ hẹp đi quá, có khác gì trẻ
con nước Pháp ta học cách-trí hay học
tạp-vật phải học bằng tiếng Anh hay
tiếng Đức hay không.

FÉLICIEŒ CHALLAYE

(bản dịch báo Nam-Phong)

44. — Tôi đang soạn tập « Ký-ức-
lục », ông đã trông thấy đó. Tôi đang
tập viết quốc-văn, vì lâu nay không có
dịp dùng đến. Quốc-văn là thứ tiếng
rất hay của nước ta, quốc-văn là nền-
móng xã-hội Việt-Nam, quốc-văn là cơ-
quan việc giáo-dục học-vấn sau này.

Sào-Nam

(Hương-giang thuật — Echo Annamite
23-6-26)

45. — Người ta bây giờ đang cần
có sách học. Học sách Tàu ư? Thời
Hán-văn đã không thích-dụng ở đời
nay. Học sách Tây ư? Thời Pháp-văn
còn chưa mấy người được thông-hiểu.
Lấy người mình đọc tiếng mình, thì
sách nước mình ở lúc bây giờ không
gì hơn làm bằng văn quốc-ngữ.

Sào-Nam

46. — Nước nào muốn cho hồn cổ-
hương mỗi ngày mỗi tinh-anh hơn,
thì phải học-hành luyện-tập, chép sách,

dịch sách, đề cho tiếng quốc-ngữ càng ngày càng rõ - ràng, gọn-gàng, thâm-thúy, tinh-thần hơn.

Phan Văn-Trường

47.— *Một kho chữ nho thâm-thúy chông-chất như tảng núi Thái-sơn, một kho chữ tây phong-phủ mênh-mang như Đại-tây dương-hải, chẳng hay chữ nho sao gây-dựng được quốc-văn, chẳng hay chữ tây sao tái-bồi được quốc-văn.*

Tùng-Vân

Đó là chín điều khiến tôi thành-tâm yêu-mến quốc-văn, thành tâm học-tập quốc-văn, « đêm ngày lo sợ nôm-nớp, tự mình gắng sức đề khuyến-kích các bạn đồng-chi cùng gắng sức vậy. »

Tôi, con người bần-khoăn nóng nảy, lại hay thoái-chí ngã lòng như bọn thanh-niên đời ông A. DE MUSSEY, đường đời trăm lối không định phải đi lối nào. Tôi may gặp việc ngẫu-nhiên, như việc ngẫu-nhiên của ông LAFFITTE, đương địa-vị hàn-sĩ, mà đề ý cúi lượm cây kim găm nhỏ mọn ngoài phố, rồi tiến lên địa-vị ông chủ ngân-hàng, rồi thay sang địa-vị thượng-thor bộ Hộ. Vào năm 1919 - 1922, tôi may gặp hai ông bạn quý-trọng thân-yêu, ông Lê Tấn-Hí ở Gò-công, ông Lâm Trác-Chi ở Hà-tiên, khiến tôi đề ý đến văn quốc-ngữ, đến báo *Nam-Phong*, lại giải tỏ tôi nghe mỗi khổ-tâm ông chủ-bút báo *Nam-Phong*. (Bức ảnh tôi được xem trước nhất là ảnh ông Phạm Quỳnh cùng ngồi với ông Lê Quang-Liêm; bài văn tôi được xem trước nhất là bài *Một tháng ở Nam-kỳ*. Bài ấy đối với người Nam-kỳ có vài lời quá nghiêm-khắc, nhưng xem chừng ông Phạm rất ăn-năn, mà lòng ông thương đời, tôi đã được chắc rồi vậy).

Từ đó về sau, vết thương trong lòng tôi đã bớt xốn-xang, mấy nỗi thâm-sâu của tôi đã thấy nguôi dần, vì tôi tưởng đã tìm được phương bổ-cứu.

Chủ-bút báo *Nam-Phong* ông Phạm Quỳnh, là người như thế nào? Báo *Nam-Phong* như thế nào?

« Ông Phạm Quỳnh là một người học-thức rộng, đã hiểu rõ sự cần-dùng trong thời-thế bây giờ, nên cái công-nghiệp của ông, — có thể gọi là cái thiên-chức của ông cũng được, vì ông nhiệt-thành làm việc không khác gì một ông giáo-sư truyền đạo vậy, — thật là thích-hợp với sự yếu-cần trong việc tiến-hóa của người dân Bắc-kỳ hiện bây giờ. Các ngài chắc cũng biết rằng sự tiến-hóa ấy thật là khó-khăn lắm; vì phải thế nào cho vừa giữ được cái văn-hóa cổ của một nước, giữ được những phép-tắc cần cho việc luân-lý giáo-dục của một dân-tộc, mà lại vừa khai-thông được cho cả một giống người biết am-hiểu những tư-tưởng mới của Tây-phương, khác hẳn với những tư-tưởng cũ đã di-truyền tổ-thuat mấy mươi đời mà như in sâu vào trong trí-não người ta vậy. . .

« Muốn cho đời trước đời sau có liên-lạc với nhau, muốn cho tự Hán-học cũ mà dần dần chuyển sang Pháp-học mới, ông Phạm Quỳnh nghĩ rằng cần phải có một thứ văn-tự Việt-Nam giao-thông văn-tự ấy không phải là một thứ tiếng nôm-na để diễn những tư-tưởng tầm-thường trong dân-gian dẫu, văn tự ấy phải cho hoàn-toàn cao-thượng, đủ diễn-giải cho người Việt-Nam hiểu vừa những tư-tưởng cũ của Nho-học trước, n gốc sự giáo-dục trong nước, vừa những điều tri-thức mới của Tây-học. Bài này sẽ là phần cốt-yếu trong đường tri-dục của quốc-dân ». (Lời giới thiệu của ông YVES CHATEL; trích ở sách *Quelques Conférences à Paris*, của ông Phạm Quỳnh)

— « Kề từ tạp-chí *Nam-Phong* ra đời đến nay đã một trăm ba mươi số lẻ, phần văn-học khoa-học đã thấy tấn-tới nhiều; mà xem cái cảm-tình của quốc-dân ta đối với *Nam-Phong tạp chí* cũng càng ngày càng thêm thân-thiết. Những bạn của *Nam-Phong*, ai là người có tư-tưởng hầu như cũng coi *Nam-Phong* là một thứ dưỡng-khí cần-dùng cho tinh-thần vậy. Mà thật thế, *Nam-Phong* chẳng những đã có cái thanh-khí êm-đềm đưa lại trăm thức hương-thơm cùng gặp nhau trong một cội; mà lại là một cảnh « sa-lông » lơ-lửng thường tụ-hợp những nhà đạo-đức, những bậc anh-ài, những khách giai-nhân, những tay danh-sĩ không hẹn mà gặp, cùng nhau khi giảng luân-lý đạo-lức, lúc luận-sử luận-thời, khi giảng khoa-học, lúc bàn văn-chương. Nói tóm lại: đồng tâm kim cổ góp đủ mặt tài-danh; xa gần hay lạ không biết bao nhiêu chuyện. Thế thời *Nam-Phong* đối với quốc-dân Nam-Việt ta phần bổ-ích không cần phải kể dài, tưởng bấy nhiêu cũng đủ rõ... » (Lời ông Nguyễn Phụng-Tường).

— « Ông Phạm Quỳnh, chủ-báo *Nam-Phong* ở Hà-nội, là một người có công to trong sự chấn-đốn cái nền quốc-văn ở nước ta ngày nay.

« Ông là một người trước nhất đã diên-dịch các thứ sách triết-học có tiếng trong văn Pháp ra quốc-âm, làm cho kẻ thượng-lưu trong nước há n-mộ văn-chương Pháp và có hi-vọng lớn về quốc-văn. Thật trước ông, ở nước ta đã từng có nhiều nhà đã làm cái việc phiên-dịch ấy, song làm thật có công và kết quả rộng lớn, thì là từ khi *Nam-Phong* ra đời vậy.

« Văn của ông *Nam-Phong* là một thứ văn vừa mới, vừa hợp với tinh-thần cũ của tiếng ta, vừa hợp với cái cú-pháp văn tá, thiết là có thể làm mẫu cho kẻ thượng-lưu muốn học là u văn quốc-ngữ v

« Kề về văn-chương và học-vấn thì sự-nghiệp ông Phạm Quỳnh rất lớn-lao, có ảnh-hưởng to trong sự đào-tạo ra cá văn-hóa mới cho nước ta buổi mai sau này». (*Phụ-nữ tân-văn*; 13-6-1929)

— Tôi bàn về thân-thể và sự nghiệp ông Phạm Quỳnh, chắc tôi là người thiên-vị; tôi tài mọn sức hèn, lẽ tôi không nên phê-bình gì cả; lại vào thiên chưa lấp, lẽ tôi cũng chưa nên phê-bình gì cả; nhưng tôi chưa nói ra, là tâm-hồn uất-lức không an, mà phải đánh bạo vậy.

Ông Phạm Quỳnh không phải thần-thánh chi, ông phải có khi lầm-lạc; ông chưa phải có thể lực chi, ông chưa phải có tài cứu nước; nhưng ông vốn không phải học trường Cao-đẳng bên Tây bên Đông, mà có công học-vấn rất nhiều, ông là người có tài làm văn, có tài diễn-thuyết, có chí tu thân, có bụng thương đời; từ ngày hôm nay trở về trước, khoảng ngoài mười năm chưa hề thay đổi chủ-nghĩa.

Tôi lại tự hỏi: trong đời người, trải qua thời-kỳ ở học-đường, đến thời-kỳ nhập thế - cục, phỏng có mấy lần mười năm. Tôi nghĩ thế, nên đối với ông, thật quá qui-yêu kính-trọng vậy.

Rồi tôi lại nghĩ: cá-nhân cần có, nhưng cá-nhân dẫu hay đến đâu cũng còn là nhỏ (người Pháp cũng nói thế, điều ấy biểu lộ trong câu này: Đã diệt *Marat*, nhưng đã diệt chủ-nghĩa *Marat* chưa). Yêu mến tài ông, yêu mến cá-nhân, sao bằng cố gắng học-hành để giúp dân nước ta; yêu mến tài ông, yêu mến cá-nhân, sao bằng lo tài-bồi cho nền quốc-văn nước ta.

Ông Phạm Quỳnh xưa nay đã biểu đồng-tình với những kẻ: « duy-tri và đề-xương cái nghĩa thống-nhất trong dân-tộc Việt-Nam, liên-lạc Trung Nam Bắc tam-kỳ, phản-đối những cái kẻ boạch cùng những sự hành-vi gì có thể làm cho phân-liã gián-cách người trong ba xứ. »

Lại biểu-dồng-tình với những kẻ :

« Yêu-cầu cho người Việt-Nam dần-dần cũng được hưởng mấy cái quyền tự-do cốt-yếu : tự-do diên-thuyết, tự-do ngôn-luận, tự-do lập-hội, tự-do họp-tập, tự-do giao-thông; yêu-cầu cho được hưởng pháp-luật công-bằng, v.v. »

Chi-hướng ông Phạm Quỳnh không ngoài các việc :

« Giúp sự mở-mang tri-thức, giữ-gìn đạo-đức trong quốc-dân An-Nam, truyền-bá các khoa-học của Thái-Tây, nhất là học-thuật tư-tướng Đại-Pháp, bảo-tồn quốc-túy của nước Việt-Nam ta, và tập-luyện văn quốc-ngữ cho thành một nền quốc-văn An-Nam ».

Không học quốc-văn sẽ có hại gì, cổ học quốc-văn sẽ có lợi gì, cả năm này tháng nọ, không ngày nào là ông Phạm Quỳnh không bàn đến. Ý-kiến ông bày giải cả mấy năm trời, tôi muốn tóm-tắt các ý-kiến ấy, tôi chẳng là chưa lượng sức đó dư. Nhưng biết đâu ý-kiến ấy lại không thể tóm - tắt trong mấy dòng trích-lục sau này, tôi cứ viết liều, hay hèn đã có dư-luận.

48. - Tôi tin rằng hậu-vận nước Nam ta hay hay dở là ở chữ quốc - ngữ, ở văn quốc-ngữ. Công-phu tôi làm báo, trước-thuật ngôn-luận, cõ-động trong mười lăm năm nay, là do một lòng xác-tín như thế.

P. Q.

49. - Quốc-ngữ là cái hình-ảnh linh-hoạt của quốc-gia. Quốc-hồn quốc-túy là biểu - lộ ra ở quốc - ngữ, và lại nhờ Quốc - ngữ mà lưu - truyền mãi mãi trong những lớp thiếu-niên sau này. Phạm người trong một

nước, phải giữ lấy đầy-dủ cái linh-thần của ông cha, phải biết tiem-nhiệm lấy tư - tưởng, cảm - tình, chí-nguyện của ông cha, phải biết ông cha đã mưu-toan những gì, cảm-giác những gì, chịu khổ những gì. Có thế thì mỗi người mới biết được những cái mối phiền-phức thân-mật nó nổi mình với mọi người khác, trong thời-kỳ hiện-tại này, và nổi cả thời-kỳ hiện-tại với thời-kỳ quá-khứ nữa. Lòng ái quốc có như thế mới là lòng ái-quốc chân-chính, do ý-thức phân-minh, chứ không phải do những cái tình-cảm phát-phơ hảo-huynh vậy.

P. Q.

50. - Tiếng là nước, tiếng còn thì nước còn, tiếng mất thì nước mất, mà mất đó mới thật là mất hẳn không sao vãn-hồi được nữa.

P. Q.

51. - Truyện Kiều còn, tương ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn.

P. Q.

Tôi, một người dân nước Việt-Nam, tôi được đứng khoảng trời cao đất rộng, mặc lòng hứng gió Nam-Phong; về phần tôi, tôi tin rằng « gió Nam-Phong đủ khiến cho người nóng-nảy thì mát-mẻ tấm lòng, người mê-mẩn thì tỉnh-tươi giác mộng ».

Đó là mười điều khiến tôi thành-tâm yêu mến quốc-văn, thành-tâm học-tập quốc-văn, « đêm ngày lo sợ nom-nớp, tự mình gắng sức đề khuyến-khích các bạn đồng-chí cùng gắng sức vậy. »

NGUYỄN VĂN-KIỆM.

Cảnh Thương-du Bắc-kỳ



Người đàn bà Mèo ở Mai-son (Son-la)

Kinh ảnh Nguyễn Văn-Bao

Cảnh Thương-du Bắc-kỳ



Người Mán Cao-lan ở Vạn-yên (Son-la)

KHẢO VỀ TÔN-GIÁO NHẬT-BẢN

III

4 — Phật-giáo trung-hưng

Từ khi Nhà-nước Nhật-bản thiết-lập ra Đại-giáo-viện 大教 trở đi, thì Phật-giáo Nhật-bản mới lại có cái cơ tái-tạo. Đến năm Minh-trị thứ 8, những điều luật định về cách thuyết-giáo của hai đạo Thần với Phật đều trừ bỏ đi hết, thì các giòng các phái mới được tự-do đàm-luận về giáo-ngĩa của đạo mình.

Từ năm thứ 9 đến năm thứ 11, Chính-phủ thừa-nhận cho các giáo-phái được độc-lập. Chính-phủ lại đặt giúp cái chế-độ quản-trưởng 管長 cho, từ đó giáo nào cũng được phát-siển hết cái động-lực của mình ra để mà thi-hành những cái mà mình muốn làm ở trong cuộc đời sinh-tồn cạnh-tranh này. Lúc đó mà phần-khởi ngay lên trước nhất được thì có phái Tây-Bản-nguyên-tự là một phái Phật-giáo rất lớn của Nhật-bản.

Phái Tây-Bản-nguyên-tự này từ hồi Nhật-bản mới duy-tân, họ đã cải-cách lại cả các sự-vụ ở trong chùa. Về sau trong phái tuy có tranh-hành nhau lời-thôi vì một bên thì cần cải-cách về giáo-ngĩa của bản-phái, một bên thì cần cải-cách về sự-vụ ở trong chùa, nhưng thực thì công việc biến-cải của họ vẫn được tấn-tới lắm. Vì vậy mà rồi họ đem được chủ-ngĩa Phật-giáo ra để bắt đầu mở trường phổ-thông-học-hiệu.

Còn phái Đông Bản-nguyên-tự thì lại truyền-giáo sang được phổ Thượng-hải bên Tàu và mấy nước khác ở Đông-Á nữa. Chỉ chăm chăm mở-mang cho đạo-giáo của mình thêm rộng ra. Còn các phái khác cũng đều cố sức

giữ-gìn giới-luật và lập cách để mở-mang đạo-giáo.

Không những thế, môn-dồ nhà Phật ở Nhật-bản bấy giờ, kể thi ra sức học-hành để phát-minh những nghĩa thâm-huyền ra, người thi đi du-lịch các nước Âu-Mĩ để khảo-cứu cho rộng thêm kiến-thức.

Kể cái tư-tưởng của người Nhật-bản về đời Minh-trị, bắt đầu thì họ thờ cái thuyết tự-do và dân-quyền của nước Pháp, sau thì họ lại chuyển sang chủ-ngĩa nước Anh. Bọn thanh-niên trong Phật-giáo cũng theo như thế nhiều lắm. Họ bèn mượn bài luận « vô thần 無神 » với bài luận « bất khả tri 不可知 » của nước Anh để làm loạn quân hậu-viện mà cả xưng lên thuyết « phá-tà » để đối-địch với đạo Cơ-đốc. Ấy Phật-giáo Nhật-bản sở-dĩ không đến tuyệt-diệt cũng là nhờ ở đó.

Bấy giờ một người có chí trong Phật-giáo nhờ được ông Phúc-diễn Hành-thành-sư 福田行誠師 giúp cho, bèn đem bộ kinh Đại-tàng 大藏 lấy máy in in rút lại làm khổ sách nhỏ, thực là một điều đáng kỷ-niệm về sau.

5 — Đạo Gia-tô thịnh-hành

Cái kế khóa cửa quan lại mà cự-tuyệt nước ngoài của người Nhật năm xưa, đến nay bất-hợp thời-thế đã phải vứt bỏ đi rồi. Thế mà những văn-vật của Thái-Tây thì lại được Nhà-nước đang sùng-chuộng. Lại những bọn đi giòng chơi khắp các nước Âu-Mĩ đã hút được cái không-khí tự-do của Tây-dương, nay lần-lượt kéo về mà hô-thở ra cho trong nước. Cái tư-tưởng của

ngoại quốc truyền vào Nhật-bản bấy giờ, chẳng khác gì nước sông Cái bên ta bị dề vỡ tràn ra mà không còn tài nào ngăn-cản lại được nữa. Như là ông Phúc - trạch 福澤諭吉 thì đem cái tài văn - chương đạt-hạ mà viết những sách thông-tục để cổ-súy cho quốc-dân về chủ-nghĩa thực-lợi của Anh của Mỹ; và thuyết tự-do, dân-quyền của Pháp. Nhà chính-trị ai cũng thích đọc những sách ấy lắm. Bọn ông Trung-thôn 中村敬字 cũng dịch được nhiều những sách luân-lý của Anh của Mỹ cho học-trò trong nước xem. Còn như Khoa Kế-học của Ti-mật-da, Thuyết Công-lợi của Gi-nhi, bài luận Dân-ước của Lu-thoa, Thuyết Thực-nghiệm của Công-tờ, đều truyền khắp xa gần. Bao nhiêu tư-tưởng, văn-vật của Tây-dương bấy giờ đều như mưa sa gió táp, kéo đến ầm-ầm mà vây học lấy nước Nhật-bản. Mà cái tư-tưởng tự doì còn khóa chặt cửa quan đã gây nên kia nay thì biến bỏ đi hết. Bấy giờ trong bụng người ta đã mất cái sở-chủ đi rồi, nên trông thấy văn-hóa của Tây-dương là cứ mê tí đi mà theo thôi, không còn biết gì nữa. Ấy cũng vì có đó mà đạo Cơ-đốc nhân dịp lại hưng-thịnh lên được ở Nhật-bản.

Trước đây thì đạo Cơ-đốc cụ giáo đã truyền rộng vào nước Nhật-bản rồi. Phái Hi-lạp thì truyền ra vùng đông-bắc, phái La-mã thì truyền ra vùng tây-nam; phái nào cũng đều có cái chỗ căn-cứ chắc-chắn lắm. Đến nay ngoài đạo Cựu-giáo ra lại có đạo Tân-giáo 新教 đem cái tự-do đến để thúc-giục thêm cho cái lòng đang tâm-túy Tây-dương một cách rất nồng - nẩy của người Nhật. Bởi vậy lúc ấy người Nhật thịnh-hành học tiếng Anh cũng là lẽ tất-nhiên vậy.

Vào khoảng năm thứ 5 thứ 6, đạo Tân-giáo mới truyền vào, lấy đất Hoàn-hân làm nơi trung-tâm, rồi lâu

vào Đông-kinh cũng xứ Ba-lạp-tạp-la 巴拉卜羅. Những thầy giáo dạy tiếng Anh bấy giờ đều là những người đem đạo Cơ-đốc mà cảm-hóa cho bọn thiếu-niên Nhật-bản cả. Tức như những nhân-vật như Áp-xuyen-phương-nghĩa 押川方義, Bản-da-giông-nhất 本多膏一, Úc-giã-xuong-cương 奥野昌綱 và Thực-thôn-chính-cử 植村正久, đều là những con chiên mới theo đạo Cơ-đốc bấy giờ đấy. Vì thế mà từ Đông-kinh đến Hoàn-hân theo đạo đông lắm. Cho đến cả những nơi đầu làng ngõ chợ cũng đều nghe thấy tiếng cầu kinh « Phúc-âm ».

Bấy giờ ở Hùng-bản 熊本 có Cáp-thiên-trình 假天真 cũng là một thầy giáo dạy tiếng Anh lại kiêm chức truyền-giáo. Đệ-tử của ông như bọn Tiều-kỳ-hoảng-đạo 小崎弘道, Hoàn-tĩnh-thời-hùng 横井時雄 và Cung-xuyên-kinh-huy 宮川經暉 tức là những tay nguyên-dộng-lực của cái hội Đồng-chí-xã Cơ-đốc-giáo sau này đó.

Trước kia người Nhật-bản có ông Tân-đảo-tương 新島襄 nghĩ rằng phi dùng đạo Cơ-đốc để mà cảm-hóa cho quốc-dân thì không tài nào làm cho nước thực-văn-minh được. Vì vậy ông bắt đầu chịu phạm vào quốc-cấm mà đem thân sang nước Mỹ để học đạo. Đến năm Minh-trị thứ tám, ông đem cái bụng thành-tin rất sốt-sắng trở về nước nhà. Lại nhờ được hội truyền-giáo nước Mỹ giúp cho ông một khoản tiền lớn vì vậy ông lập ngay hội Đồng-chí-xã ở Kinh-đô là nơi căn-cứ của đạo Phật Nhật-bản, để thực-hành những điều đức-đục của chủ-nghĩa Cơ-đốc. Các nhà trường về Thần học, về phổ-thông-học thì ông mời tinh những cố-đạo Mỹ sang làm thầy giáo.

Bấy giờ đạo Cơ-đốc có dựng một cái « nhà thờ » ở ngoài cổng chùa

Tương-quốc của Phật-giáo Nhật-bản. Cho nên người ở Kinh-đô Nhật-bản họ gọi cái « nhà thờ » ấy là « *Tương-quốc tự di-nhân quán* 相國寺異人館 », nghĩa là cái nhà người lạ ở bên chùa Tương - quốc. Người Nhật - bản gọi người lạ tức như ta gọi người Tây vậy.

Lúc đó chùa Bản-nguyên đã cho sứ-giả đến yết-kiến các quan to, định tìm cách để ngăn-trở đạo Cơ-đốc đi. Nhưng có Ngự-trưởng thành-phố là Sơn-bản Giác - mã 山本覺馬 và quan Đốc-ly bênh-vực cho. Không đến vài năm sau, cái tên hội *Đông-chi xã* với cái tên ông Tân-đảo lưng-lẫy cả nước Nhật-bản. Thế-lực đạo Cơ-đốc ở Nhật-bản bấy giờ tràn khắp cả từ trong nhà trường ra ngoài. Như thế thực là thịnh-lâm.

Rồi từ đó về sau đến hơn mười phái tân giáo nữa ở Anh Mĩ truyền-bá vào Nhật-bản. Các kẻ thiếu-niên đều cho là những tôn-giáo văn-minh, nên dốc lòng tin theo. Nhưng các giáo-phái ấy đều bởi những thầy cả ngoại-quốc làm chủ-động cả. Trong cái số những thầy cả ấy không phải rằng không có những người tinh - thông sáng-láng. Nhưng phần nhiều thì chỉ nhớ những câu về *dâu lạ, xấm truyền*, chỉ giảng những nghĩa về *sáng-thể, chuộc tội* mà thôi. Còn thì bao nhiêu chân-ly trong tôn-giáo ấy họ chẳng hiểu gì đến, nữa là còn biết gì đến chuyện khác.

Dù thế mặc lòng, người Nhật-bản bấy giờ đang say-mê về những văn-vật Thái-Tây. Thế mà bọn các thầy truyền giáo kia thì lại rất sốt-sắng, và cái cách truyền-giáo của họ cũng lại rất khôn khéo. Vì vậy đạo Cơ-đốc ở Nhật-bản về hồi Minh-trị năm 12, 13 chiếm được thế-lực rất lớn mà tiến-bộ một cách rất nhanh-chóng.

Nay ta xét lại người Nhật-bản thịnh-hành thái-thái lấy tư-tưởng của ngoại-quốc lúc bấy giờ, đại-đề là xô về

phương - diện thực - lợi cả. Như là trường Khánh - ứng nghĩa-thực 慶應義塾 của ông Phúc-trạch 福澤 mở từ đầu năm Minh-trị đến giờ, là một cái nguồn rất lớn để gây nên cái học thực-dụng của Tây-dương. Thế mà chính những nhà theo về cái tư-tưởng Tây-dương này thì lãnh-đạm với tôn-giáo. Các ông cho rằng Tôn-giáo bất-quá là cái khi-cụ để giáo-hóa bọn ngu-dân mà thôi. Tư-tưởng của các ông này chủ-tri thì từ khoa pháp-luật, khoa kế-học rồi tiến lên khoa pháp-ly, lại từ khoa pháp-ly mà liên-hệ sang hai khoa đạo-đức, xã-hội. Đã nghiên-cứu đến khoa đạo-đức, khoa xã-hội thì không thể không nghiên-cứu đến những khoa lịch-sử và triết-học được. Thế cho nên nhà thì theo về *chủ-nghĩa tiến-hóa*, nhà thì tin-ngưỡng cả nhất-thiết khoa-học. Ông Tây - châu 西周 thì sang tận bên Pháp để học cái đạo của ông Công-tờ. Ông Gia-đăng-hoảng 加藤宏 thì là nhà pháp-ly-học mà quay ra chủ-tri bài *tiến-hóa-luận*. Đó là lược kể vài nhà đứng đầu bấy giờ mà thôi. Không những thế, lại còn bài luận *bất khả tri* 不可知 của ông Ti-tân-tắc, sách *Văn-minh sử* của ông Bật-cổ, đều thịnh-hành ở trong nước, lại càng thêm khiến cho lòng kẻ học-giả Nhật-bản họ khinh-miệt Tôn-giáo nữa. Các nhà học-giả Nhật-bản bấy giờ họ lại chia « *thiên-nhiên* » với « *nhân-sự* » ra làm hai phần. Họ cho đạo-đức là bởi người ta đặt ra, khác hẳn với những phép-tắc thuần-túy về thiên-nhiên. Thuyết này xướng ra rồi mà ho-giáo với Phật-giáo suyết nữa bị đổ cả. Bởi vì giáo-ly của hai đạo Nho Phật thì lấy rằng *thiên-ly* với *nhân-đạo* hai mà là một, một mà là hai.

Lại có người xướng lên một thuyết nói rằng: « *Tôn-giáo là cái phương-liện để an-tâm lập-mệnh* 安心主命. *Chính-trị là cái phương-pháp để tề-gia trị-quốc*. *Mỗi bên có đạo-ly riêng, không có thể hợp lại làm một được.* » Ấy vậy

mà cái chủ-nghĩa «*chính giáo nhất-tri*» của Nhật-bản bất-nhiên bị những lời nghị-luận ấy phá-an đi. Họ Tây-châu thì làm một bài tán luận nói về cái nghĩa «*chính với giáo là hai đường mà các giáo thì là một mối*» Coido đủ biết mấy thuyết mới trên kia tức là những đội quân tiên-phong của cái tư-tưởng lãnh-đạm tôn-giáo của người Nhật-bản lúc bấy giờ vậy. Thế thì tư-tưởng Thái-tây với đạo Cơ-đốc tuy đồng-thời song song kéo vào nước Nhật-bản từ hồi mới duy-tân cả, nhưng mỗi bên thiên về một ngã, không dung-hòa được với nhau. Nay bên nào cũng đã truyền-bá được vào trong bọn trung-lưu-xã-hội rồi thì tức là để gây một cái mối cho hai bên tranh-luận với nhau về sau đó.

6. — Đạo Phật với đạo Gia-tô tranh nhau về sự tuyên-giáo

Từ năm Minh-trị 11, 12 trở đi là cái thời-kỳ của nước Nhật-bản giao-hoan với ngoại-quốc, cải-chính lại những điều-uớc, mở rộng khoa ngữ-học, truyền rộng văn-hóa của Tây-Âu. Ấy vì bấy giờ người Nhật-bản cho rằng ngoài mấy điều trên kia ra thì không còn có cái phép phưng-tiện nào khiến cho nước Nhật-bản văn-minh lên được nữa. Cũng vì thế mà đạo Cơ-đốc của Tây-dương thừa-co truyền-bá vào một cách quá thịnh. Cho mới biết cũng là thời-vận khiến nên.

Đang cái khi người Nhật-bản sùng-bái Tây-dương một cách rất sốt-sắng, cho nên lắm ông truyền-giáo-sư cực hủ-lậu, thế mà chỉ vì ông là người ngoại-quốc, lại làm thầy giáo dạy tiếng Anh, nên người Nhật-bản họ kính-trọng như thiên-đế. Thậm-chí đến chính thầy dòng người Nhật-bản mà cũng nhờ oai mợn thế để nạt lẫn người đồng-bang. Nếu thầy nào được bắt tay với ông tây, hay là đi đòi với ông tây, làm thông-ngôn cho

ông tây, thì lên ngay cái mặt vênh-vang, tướng trên đời không còn cái gì sang-trọng bằng, Bởi vì thế mà ở Nhật-bản lúc bấy giờ, không kể về phong-tục, đặc-đức, thậm-chí đến lời ăn tiếng nói, cái tính-tình cảm-trởng, cái dòng giống lưu-truyền, người Nhật-bản họ cũng muốn hóa theo Tây-dương cả. Thế thì đạo Cơ-đốc mà tràn khắp trong nước Nhật-bản là cái thế tất-nhiên đi rồi. Đến khoảng năm 17, 18, từ chân rừng đến mặt bể, đâu cũng thấy có nóc «*nhà thờ*» và chữ «*thập ác*»; quyển sách Tân-ước thánh-thư, luôn trên tay người có đạo, tiếng kinh cầu-nguyện vang-lừng trong đám kèn tây. Cừ-quốc mê-man xô theo, thực là một cuộc đại-biến-động trong tôn-giáo-sử Nhật-bản từ khi mới bắt đầu theo đạo người Tây-ban-nha đến giờ.

Tuy-nhiên, nhà chép tôn-giáo-sử Nhật-bản bấy giờ cho rằng đạo Cơ-đốc lúc ấy sơ-dĩ thịnh-hành ở Nhật-bản như thế, không phải là chính tự trong giáo-hội làm cho cái chân-tinh-thần của bản-giáo được sáng-láng rõ-rệt ra gì đâu. Xét những thầy cả thầy dòng bấy giờ đều chỉ biết làm lễ rửa tội và lễ xưng tội mà thôi, chứ đến cái chân-tinh-thần của bản-giáo thế nào thì ít kể hiểu lắm. Phưng-chi là bọn tin-đồ gà-mò kia chỉ thấy nói đầu ân-đầy thì còn biết gì nữa.

Vậy thì bọn họ đã không biết thế nào là Tôn-giáo, không hiểu cái tôn-chỉ của đức Cứu-thế, không hiểu cái đạo-đức của giáo Cơ-đốc là thế nào cả mà chỉ tự khoe mình rằng: «*Tôi là kẻ có đạo Cơ-đốc đây*», thì biết bọn họ chỉ bởi cái bụng nóng-nảy nhất-thời khiến nên đó thôi.

Đến năm Minh-trị thứ 18, chủ-nghĩa Âu-hóa, như về chính-trị, về xã-hội đã đều đạt tới chốn cực-diểm cả. Thái cực tất bỉ, bỉ cực tất thái, lẽ ấy là thường. Bấy giờ bỗng nổi ngay

lên một tiếng cực to để gọi cho quốc-dân Nhật - bản tỉnh thức lại. Tiếng ấy tức là cái tội « *Chinh - giáo-xã* » của bọn ông Tam-trạch Hùng-thứ-lang 三宅雄次郎, Tỉnh-thượng Viên-liêu 井上圓了, Chi - hạ Trọng-ngang 志賀重昂, San-kiều Nhất-lang 榎橋一郎, thực đã khua chuông giống trống, khiến cho bọn « *túy-Ấu* » bấy giờ phải giạt mình mà biết rằng trong chỗ những người Nhật-bản kia lại còn có người Nhật-bản nữa.

Trước đây đang cái lúc chủ - nghĩa Âu-hóa còn nóng-nảy mê-toi, thì có ông Gia-đăng-hoành 加藤宏 ở trong chính-trị-giới, đã phát ra lời nghị-luận chống cự với cái phong-trào Âu-hóa đột-phi. Lại có ông Tây-thôn Mậu-thụ 西村茂樹 cũng theo phương-diện đạo-đức mà đề xướng lên cái nghĩa « *trung-hiếu* » của nhà Nho. Rồi lại đặt ra một hội gọi là *Hoảng-đạo-hội* 弘道會, tôn-chỉ là đề-ức-chế-bớt cái chủ-nghĩa thực-lợi đi. Kể những cách vận-động như thế cũng đã đều cực-lực cả, song thời-thế chưa đến, nên đều không có công-hiệu gì. Tuy vậy mà chủ-nghĩa Âu-hóa với đạo Co-đốc ở Nhật-bản bấy giờ, gốc rễ còn thiên-bạc, chưa thâm-nhập nhân-tâm được mấy. Cho nên lúc đang cực - thịnh tức là lúc người ta đã no chán rồi. Hội *Chinh-giáo-xã* bèn thừa-gián nổi lên, trên thì nối theo cái mối cũ của các đảng Tiên-bối còn sót lại, đem chủ-nghĩa quốc-túy mà cả tiếng hô-hào cho khắp trong nước. Quốc-dân Nhật-bản bấy giờ mới như người đang mơ mà thức, đang say mà tỉnh, mới ăn-năn những việc trước đây là quấy cả. Ấy bởi thế mà đạo Co-đốc với chủ-nghĩa Âu-hóa đang thịnh-vượng biết bao mà bỗng giảm sút ngay xuống.

Gia chi-dĩ, bọn môn-đồ nhà Phật, vẫn sẵn lòng ghen-ghét, chỉ nhằm đạo Co-đốc có chỗ nào hở-cơ là tìm cách

làm hại. Nay lại được hội *Chinh-giáo-xã* giúp sức cho, nên họ vội ngay lấy cái bài « *Phá tà hoạt luận* 破邪活論 » của ông Tỉnh-thượng Viên-liêu để làm đội quân tiên-phong, mà âm-âm nổi ngay lên cuộc vận-động phá-tà hiền-chính.

Nay xét cái cốt-yếu của bọn môn-đồ nhà Phật họ gọi là *phá-tà* thế nào thì ra họ chỉ căn-cứ vào thuyết của Tít-tân-tắc để làm cái lợi-khi trước nhất. Còn như bài *Tiến - hóa-luận với chủ-nghĩa « duy-lý-tinh »* của Tây-nho, vì có cái nghĩa khả-dĩ hiền-chính được, thì họ đều hoan-ngheh mà viện lấy. Ừ, kể ra thì bài *Tiến-hóa luận* cố-nhiên là phá đồ được thuyết « *sáng-thế* » đấy, nhưng bọn môn-đồ nhà Phật kia thực không hiểu thuyết « *sáng-thế* » đã chiếm một địa-vị thế nào ở trong đạo Co-đốc. Thế mà họ cứ phản-phúc mãi bài *Sử-luận* của Đơ-liệt-ba 都列巴 để công-kích đạo Co-đốc là không hợp với học-lý. Vậy sao họ không tự hỏi rằng đạo Phật của họ đã hẳn hợp với khoa-học Âu-châu ngày nay chưa. Cho nên Phật-giáo ở Nhật-bản bấy giờ, bề ngoài thì vận-động việc phá-tà hiền-chính, ra giáng thịnh - vượng lắm; nhưng bên trong thì thực là suy-yếu quá. Chẳng qua chỉ mượn thanh-la nạo-bạt, khua gõ râm-ran, làm cho điếc tai người ta đó mà thôi. Thế mà bọn môn-đồ nhà Phật vẫn vênh-vào lấy làm đắc-chí lắm. Tự cho rằng đạo Co-đốc không cần phải công-kích nữa. Cái thói kiêu-ngạo ấy đến nay cũng vẫn còn. Nay xét ra đạo Co-đốc bấy giờ bị suy-vi, thực là bởi cái lòng thù - nhiệt *túy - Ấu* của quốc - dân Nhật bản nó giảm sút xuống đó thôi, chứ không phải là cái công phá-tà hiền-chính của bọn môn - đồ nhà Phật vậy. Về sau bọn môn-đồ nhà Phật cũng tự tỉnh-ngộ rằng cái kế kết thác với phái triết - học như thế lại

càng rõ chỗ kém của mình ra. Bấy giờ họ bèn cải xưng ra thuyết « quốc-thể » để thay vào những luận-lý của triết-học. Họ nói rằng : « Phật-giáo là một quốc-giáo của Nhật-bản từ cổ-lai. Giáo-nghia đã mật-thiết kết-hợp với quốc-thể, khác hẳn với giáo Co-đốc miệt-thị quốc-túy của Nhật-bản kia. Xem các đấng trung-thần ở nước Nhật-bản từ xưa, đều là những người nhờ Phật cảm-hóa cho mà hết lòng ở với nhà vua. Vậy thì thoai-khước đạo kia đi mà làm cho hiển-dương đạo Phật lên là cái cách để phù-trì cho quốc-gia đó. »

Về hồi đầu đời Minh-trị duy-tàn là lúc Phật-giáo đang khốn-quần thì họ đã viện những lẽ nghị-luận ấy để thủ-thân. Đến nay họ lại đem ra làm cái chiến-cụ để công-kích đạo Co-đốc đó. Lại nhờ được sách *Giáo-học luận-tập* 教學論集 của Đại - nội Thanh-loan 大内青巒, Hội Hợp-trí 合智會 của Đảo - địa Mặc - lôi 島地默雷, thuyết Hộ-quốc ái-lý 護國愛理 của Tỉnh-thượng Viên-liêu, đều phát-minh thêm cho cái nghĩa của bọn môn-đồ nhà Phật trên kia nữa. Nhân thế người ta bèn lập ra một đoàn gọi là : « Tôn Vương phụng Phật đại - đồng - đoàn. » Tôn-chỉ của đoàn này là : « Làm cho hiển-dương sự tôn-vinh của nhà vua, bênh-vực lẽ chân - lý của đạo Phật, giữ gìn và mở rộng lấy những điều tinh-lý tốt-đẹp của nước nhà. » Còn hồ-hào với chúng-nhân thì nói rằng : « Đạo Phật đã hơn một nghìn ba trăm năm nay, thấm - thía gây dựng thành ra cái tinh-cách của quốc-dân nước ta, thực là một cái đạo chân-chính có một ở trong thế-giới này. »

Đoàn này thành-lập xong thì người ta theo vào như kiến thấy mỡ. Không-những những kẻ nhất-tâm thờ Phật, mà đến những kẻ hơi có hiềm-thù gì với bèn Co-đốc cũng xô nhau xin vào. Về thuyết-lý thì đoàn này họ lấy sự

thực trên lịch-sử làm cơ-sở, cho nên lại càng thâm nhập nhân-tâm hơn là cách kết-thác với triết - học trước. Cũng nhờ đó mà Phật-giáo ở Nhật-bản hồi ấy phong-bị khỏi phải đạo Co-đốc lấn tràn đi.

Dù thế mặc lòng, bọn môn - đồ nhà Phật ở Nhật - bản bấy giờ cũng tự giác-ngộ mà biết rằng muốn khỏi người khinh, trước phải tự - lập. Nên nhiều những kẻ thiếu-niên chí-sĩ trong đạo Phật-giáo họ nhao-nhao lên bàn cãi cách lại Tôn-giáo, canh-tân lại đạo Phật.

7. - Các Tôn-giáo đời mới

Xét chế độ trong Phật-giáo Nhật-bản cứ duyên-tập nhau đã lâu đời đến nay, sinh ra trăm mối tệ-đoan hủ-lậu ê-trẻ, chẳng khác gì như Phật-giáo ở Việt-Nam ta từ bốn năm mươi năm về trước. Chứ Phật-giáo ở Việt-Nam ta bây giờ thì cơ-hồ sắp tịch-diệt không đủ nói nữa. Bởi vậy bọn môn đồ nhà Phật ở Nhật-bản có người thì muốn đổi cái chế-độ tự-viện, nghĩa là từng chùa riêng, ra làm cái chế độ giáo-hội, nghĩa là hợp làm một mối. Về phái Tịnh-độ - tông 淨土宗 thì muốn đem các sơn - môn ở các xứ thống-nhất lại rồi phân ra làm từng tiểu-giáo khu, đại-giáo khu một. Đặt xong chế-độ giáo-hội rồi thì sẽ chỉnh-đốn lại cả học-chế trong giáo-hội cho được cũng tiến-tới ngang với các trường học của phần đời. Về phái Đông Bản-nguyên-tự với Tây Bản-nguyên-tự thì cho học-sinh vào trường Đại - học của nhà-nước để gây lấy nhân-tài cho bản-phái mình. Rồi họ lại phái chư-tăng ra làm thầy giáo, chức coi ngục và binh-linh cho nhà - nước để mà súc-tích thế-lực cho Phật-giáo. Việc truyền-giáo ra nước ngoài thì bắt đầu họ làm tự các nơi hải-cảng ở Á-Đông rồi lan sang xứ Đàng-hương-son. Lại có người có nhân-duyên với Phật thì họ định

liên-lạc Phật-giáo Nhật-bản với hội Thần-tri của Ấn-độ làm nhất-khí. Vì vậy họ mời ông Kha-khách là hội-trưởng hội Thần-tri sang chơi Nhật-bản.

Hoặc có phái thì họ đặt ra hội tuyên-giáo ở các nước ngoài, đem bao nhiêu sách Phật dịch ra tiếng Anh. Ngoài ra họ lại còn mở ra những hội như Xuất-bản-xã, Tập-chi-xã, vân vân. Đó là kể mấy việc kha-khả trong Phật-giáo bấy giờ, còn giáo-lý thì có bọn ông Đạo-long 道隆, ông Trí-học 智學 và ông Nhân-hải 仁海 cùng xướng luận việc cải-cách Phật-giáo lại, song bọn này chưa-đủ thực-lực nên bàn-bạc được một độ lại thôi ngay. Duy có ông Đại-đạo Trạng-an 大道長安 ở phái Tào - động - tông 曹洞宗 xướng lên thuyết « Cừu - thế - giáo » là rất có thực-lực và làm được sắp thành-công. Ông lấy kinh Quan-âm làm chính-kinh và nhờ đức Phật Quan Tự-tại để cứu cho chúng-sinh. Về thuyết-giáo với lý-luận thì một mực bình-dị mà thiết-thực với những điều nhật-dụng thường-hành, nên cảm-hóa được cả bọn phụ-nữ. Đến như các nghi-thức thì cũng đều chất-phác trong-sạch cả. Trước thì phái này mới truyền-bá ở xứ Bắc-việt, sau mới lan ra đất Đông-kinh, những người về hạng trung-lưu tín-tùng nhiều lắm. Thực là một cái tân-động-lực ở trong Phật-giáo Nhật-bản vậy.

Ở Nhật - bản lúc bấy giờ, ngoài Phật-giáo ra lại còn nhiều cái hiện-tượng khác nữa, như phái lý - học - tông (tức là phái khoa-học an-tâm) của Cúc-tri Hàng-thái-lang 菊池熊太郎, phái thấp-trung học (tức là phái nhân-dạo) của Đằng-diễn Nhất-lang 藤田一郎. Các ông này đều muốn triết-trung cả các tôn-giáo để lập thành ra một nhà riêng. Lại như Đắc-am cư-sĩ ở Điều-vĩ thì hợp ba đạo Nho Thần Phật lại gọi là Đại-đạo (tức là quốc-giáo

Nhật bản). Hội Thập - thiện của Văn-chiếu Luật-sư cũng thành lập về hồi đó.

Còn như bên Cơ-đốc thì thấy bọn Phật-giáo họ cải-cách rất dữ, nên cũng phải tìm lấy đất để mà đứng cho vững chân. Họ bèn đề-xướng lên vấn đề *kiểu-chính phong-tục* là một vấn-đề thuộc về đạo-nghĩa của xã-hội. Họ bắt đầu thi-hành ngay những việc như *phế nghề làm đi, cấm uống rượu, vân vân*. Một giáo-hội khác thuộc về phái tự-do của nước Đức cũng truyền vào Nhật-bản ngay hồi ấy. Kể đó bọn tân giáo lại tuyên-dương chủ-nghĩa *vũ-trụ thần-giáo* ra mà thế-lực phái tự-do lại càng mạnh thêm. Đến nỗi bọn môn-đồ nhà Phật phải bảo nhau để liên-lạc với họ.

Coi đó thì biết hai đạo Phật với Cơ-đốc ở Nhật-bản bấy giờ, đều chìm chìm lấy sự cải-lương tiến-bộ làm việc rất cần-cấp. Thực là một điều rất hoạt-bát cho trong tôn-giáo-giới nước ấy, mà tiền-đồ còn có nhiều cái hi-vọng lớn-lao. Nhưng nay ta xét ra thì thực là nhờ gặp được lúc chỉnh-trị giới Nhật-bản ban-bố hiến-pháp cho nhân-dân được tin-giáo tự-do vậy. Hiến-pháp ban bố đến năm sau thì *bổng* một tờ sách-chỉ về giáo-dục chiếu ra một tia ánh-sáng rực-rỡ từ trời soi xuống. Bấy giờ quốc-dân Nhật-bản mới biết có đường mà noi theo. Các nhà Tôn-giáo cũng giật mình tỉnh dậy, chịu đem đạo-nghĩa để dạy-bảo cho quốc-dân, mà sự xu-hướng mới có nhất-định từ đó.

Sang đến năm Minh-trị thứ 25, ông Tỉnh-thượng Triết - thứ-lang viết một bài luận đề là: « Sự xung-đột của nhà giáo-dục với nhà tôn giáo ». Trong bài luận ấy đại-yếu nó rằng: « 1^o Đạo Cơ-đốc là đạo chỉ thờ một vị Thần, có nhiều tình bài - sách, nên khó lòng hóa-hợp với quốc-thê nước ta; 2^o Đạo đức của đạo Cơ-đốc thuộc về lý-tưởng rất siêu tuyệt nên khác hẳn với đạo-

đức của Nhật-bản vẫn có xưa nay là thuộc về nhân-luân thường-hành ; 3^o Về sự-thực cũng là tinh-chất của đạo Co-đốc đều khinh-miệt cái ý-thức về quốc-gia mà lại ngăn-ngừa đi, vãn-vãn....» Bài luận này tìm đến chốn căn-bản của đạo-đức hai bên, rồi rãi bày lý-luận với sự-hực đề thuyết phá ra cái nghĩa bất-tương-dung với nhau. Thực không phải mập-mờ phấp-phồng như những lời của bọn tôn Vương phụng Phật năm xưa. Có người cho bài luận này không khác gì những lời của bọn công-kích cụ-giáo ở Âu-Mĩ. Vì vậy những người về đạo Co-đốc rất sợ hãi, nhao - nhao nổi lên bẻ-bác lại, song lời lẽ tụ-vụn không thiết-dáng mấy. Thành ra hai bè cãi-cọ nhau lôi-thôi mãi.

Bọn môn-đồ nhà Phật kia thấy cái vấn-đề ấy thì mừng lắm, cho rằng cơ-ội phá tà đã tới nơi rồi. Bèn nhô ra cũng ý-ồ phụ-họa lấy những lời khinh-suất, những nghĩa chí-diệp mà bài-bác người ta, cho đạo người ta là dã-man

mà đạo mình là đại-thừa tham-lhượng. Tự nhận đạo-đức của đạo mình là rất hợp với nghĩa khắc-trung^g khắc-hiếu của lời sắc-mệnh nhà vua. Ấy họ vào lâm - nhảm như thế, thực là theo voi ăn bã mía, lời nói không đáng một đồng! Thế mà tự lấy làm đắc-ý lắm thì có buồn cười không!

Ấy cũng vì câu chuyện đó mà phái Co-đốc cũng tự dọa mình ăn-năn. Biết rằng không đem cái tinh-thần thật của đạo Co-đốc mà ra gây nên cái nguyên-khi về đạo-đức của Nhật-bản thì không tranh lấy sống còn được. Bấy giờ những kẻ tin-dồ phú-bạc của đạo Co-đốc chỉ sùng-bái ngoại-quốc kia, từ đó mới biết tự mình làm chủ-động lấy cho mình, cho được tận-tâm tận-lực với quốc-gia, với nhận-đạo. Đó thực là một cuộc đại-biến-động Co-đốc-giáo ở Nhật-bản trong đời Minh-trị vậy.

(Còn nữa)

ĐỒ-NAM biên-dịch



MỘT NGƯỜI CÓ CÔNG VỀ PHỤ-NỮ GIÁO-DỤC NƯỚC PHÁP

FÉLIX PÉCAUT

I

Nền giáo dục của bạn nữ-lưu bên Pháp nay đã phát-dạt vô-cùng. Nếu hỏi vì đâu mà phát-dạt được thì khỏi sao chẳng có người giải-đáp một cách giản-tiện cho đây là theo lẽ tiến-hóa tự-nhiên. Nhưng nay thử căn-cứ vào lịch-sử mà xét thì ta sẽ thấy cái sự tiến-hóa đó ở tự-nhiên thì ít mà ở nhân-lực thì nhiều. Trước khi ta được trông thấy cái kết-quả tươi-tốt ngày nay của nền phụ-nữ giáo-dục bên Pháp, ta cũng nên biết công cho những nhà sư-phạm hữu-tâm đã ra công cùng sức, kể lý-thuyết, người thực-hành, mà xây nền đắp móng, cải-lương tô-điêm cho sự giáo-dục của bạn quần-thoa bên nước người. Ấy FÉLIX PÉCAUT tiên-sinh cũng là ở trong số những bậc có công đó, mà lại là một bậc tiên-phong kiện-lương, đã đóng trống phất cờ, diu dắt bạn nữ-lưu Pháp - quốc lên con đường giáo-dục ngày nay vậy.

II

FÉLIX PÉCAUT sinh năm 1828 ở làng *Salies de Bearn* thuộc về quận *Basses-Pyrénées* ở miền Nam nước Pháp. Sinh ra ông được mấy tháng thì bà thân-mẫu từ trần để ông lại cho bà di trông nom bú mớm. Nhà cùng nghèo. Thân-phụ ông làm nghề bán bánh. Cả gia-tộc đều theo Tân-giáo và rất mong cho ông sau này sẽ thành nên một kẻ môn-đồ trung-thành của Thiên - chúa. Cha ông học-vấn ít, nhưng rất thông-minh, lại gốc lòng ngoan - đạo, cho nên thường ngày chỉ mang kinh thánh ra mà giáo-dục cho ông. Ông nhờ vì thế mà tính-nết thuần-thục, đức-tính cần-nghiêm, kể thật là một đứa bé

ngoan-ngoãn vậy. Ông học chóng tấn-tới lắm : 15 tuổi đã đỗ tú - tài. Sau theo ý-chi của cha, ông vào học trường « Tân-giáo Thần-học đại-học-đường » ở *Montauban* (*Faculte de Théologie protestante de Montauban*).

Ông vào học đây, thường đêm ngày trầm-tư mặc-tưởng, nghiên-ngâm khảo-cứu những điều giáo - lý của nhà thờ, mà càng ngày càng thấy nẩy - nở cái tinh-thần tự - do của ông. Tinh - thần tôn - giáo thì nghiêm - trang nhưng bó-buộc, tinh - thần tự - do thì linh - hoạt mà phóng - khoáng. Một đảng thì câu-thức, mộ đảng thì giải - phóng. Câu-thức quá thì mất cái sinh - khí của người ta, mà giải - phóng quá thì cũng có khi vọng-dộng. Cho nên ông chăm-chức thý-nghi vừa nuôi lấy tinh-thần tôn - giáo để thanh - tâm quả-dục, vừa giữ lấy tự - tưởng tự - do để hoạt - động với đời. Ấy cũng vì cái kiến-giải của ông như thế, mà sau này ông mới tạo-thành nên sự-nghiệp đối với đất nước non sông, cho phần nữ-quốc-dân nước Pháp được chịu ân khai-hóa.

III

Sau khi tốt - nghiệp ở trường Đại-học *Montauban* ra, ông liền được bổ đi giảng đạo ở bên Đức. Vốn ông đã sẵn có tinh-thần tự - do, lại được tiếp-xúc với cái hoàn-cảnh triết-học ở bên Đức-quốc, nên ông càng thấy cái tự-tưởng của ông không được thích - hợp với cái chức-vụ ông làm lắm nữa. Sau khi ở Đức về, ông bèn xin từ-chức mà ở nhà viết báo, làm sách, sản - xuất ra được nhiều thiên hùng-văn đại - luận, ảnh-hưởng đến tự - tưởng tôn-giáo đương-thời sâu xa lắm. Nghiệm thấy

cái tư-tưởng tôn-giáo của ông tiến-hóa một cách thú-vị vô - cùng. Trước hết còn thấy ông bàn riêng đến tôn - giáo, sau ông lại mang tôn-giáo sáp-nhập vào triết - học, dần dần ông thoát - li ra ngoài cả những kinh điển giáo - lý, coi tôn-giáo chỉ còn là một sự tin - ngưỡng ở tinh-thần, để hướng - đạo cho linh-hồn đến được cõi hoàn-toàn chi-thiện. Cõi chi-thiện đó, muốn thấu-triệt được phân-minh thì lại càng cần phải có một cái lương-tâm trong-sạch. Thế thì nay muốn cho nhân - loại hoàn-toàn chỉ có cách là giáo - dục lấy lương - tâm của người ta vậy. Ta càng nên biết cái khuynh-hướng của ông về đường quốc-dân giáo - dục nguyên-lai tự những ý - kiến về tôn - giáo mà ra.

IV

Kể đến năm 1851, chú ông nhân có mở một trường tư ở Paris, gọi là trường Duplessis-Mornay, có nhờ ông đến dạy họ, rồi giao cả trường cho ông trông nom. Ông đã sẵn có chí-hướng giáo-dục, nay lại được cơ - hội thực - hành, nên ông càng vui lòng gắng chí rèn đúc cho lũ trẻ nên người. Trong các môn học, ông chuyên-chú nhất vào khoa luân-lý học, vì ông cho rằng một nhà giáo-dục là phải quan-niệm ở sự « tân-dân » mà ma-layên lấy dân-tâm, traudôi lấy dân-đức ở trong lũ học-sinh là phần quốc-dân sau này vậy. Ông quản-trị nhà trường được sáu năm, sau vì cần-mãn siêng-năng quá mà thành thụ-bệnh, ông đành phải xin từ chức về nhà điều-đưỡng (vào năm 1857)

V

Ông dưỡng-bệnh ít lâu, kể đến năm 1870, kỳ Đệ-tam Dân-quốc thành-lập, ông lại được dịp hành-động để theo đuổi cái mục-dịch của mình. Dân-quốc thành-lập, dân-quyền rộng mở, tự-do phục-sinh, ông lại càng có cơ-hội mà trước-thư lập-ngôn đề tỏ bày

ý-chí. Ông vốn là một nhà có nhiệt-tâm ái-quốc, nay thấy nước đã thoát-li ra ngoài vòng áp chế của thời-kỳ quân-chủ, ông càng mừng bao nhiêu, thì hằng nghĩ đến cái tiền-đồ tổ-quốc: ông lại càng đề tâm lo-lắng bấy nhiêu. Lo cho sự giáo-dục của quốc-dân chưa được phổ-cập, rồi ra làm thế nào cho sự phổ-thông - bảo-cử (*suffrage universel*) được chính-trực công-bằng? Lo cho trình-độ tinh-thần của quốc-dân còn thấp kém, rồi ra sao cho đủ tư-cách mà hưởng-dụng tự-do? Nhân những điều lo nghĩ đó mà ông càng tha-thiết đến sự khai-trí tiến-đức cho quốc-dân, ngõ-hầu có thể vì đấy mà khiến cho nền chính-trị của Dân-quốc được vững-bền, và cho sự sinh-hoạt của đồng-bào được yên-vui. Ấy chính vì thế mà ông lại ra góp mặt với làng ngôn-luận. Những bài văn ông viết ở các báo, bài nào cũng đều bao-hàm những ý-kiến về giáo-dục cả. Nay trích-dịch một đoạn văn ở trong một bức thư ông gửi cho một ông nghị-viên vào hồi năm 1871, như sau này :

«...Một phần đông quốc-dân sinh-hoạt sai đường nghĩa-vụ, tư-tưởng chẳng hợp với ta, sao lại bảo là không trách-nhiệm đến ta được? Họ ở gần cạnh ngay ta, cùng trong một thành-phố với ta. Ta vẫn thấy họ xây nhà cho ta ở, làm đồ cho ta dùng, cung-cấp cho sự nhu-yếu của ta, cống-hiến cho sự xa-xỉ của ta, mà sao ta đối với họ vẫn bình như chỉ là bàng quan ngoại-khách? Nào có thấy ta giúp đỡ cho họ được chút gì đâu? Ta có học-vấn tư-tưởng, ta có kiến-thức kinh-nghiệm, ta biết nghĩa-lý văn-chương, ta hiểu tinh-thần mỹ-thuật mà nào có thấy ta san-xẻ cho họ được chút gì? Cũng là quốc-dân đồng-bào mà ta với họ vẫn không hiểu nhau, vẫn ngăn-cách nhau, thì rồi đến ngày mà ta phải đồng lòng hợp sức kết giải tương-thần để làm điều nghĩa-vụ, ta hà-tất còn phải ta-thần

vì đâu mà quốc-dân rời - rạc, chẳng được đồng-tâm? Mà hiện ngay bây giờ, ta vẫn thường thấy họ làm rối sự trị-an mà gia đình trừng-phạt và ta vẫn cho thế là chí-lý, nhưng sao ta không biết kết án thêm ta, vì những lỗi của ta, nào lòng ích-kỷ không chịu giáo-hóa đồng-bào, nào sự xa-hoa để nên lên bụng dục, nào trí xao-nhãng không sớm nghĩ đến sự đoàn-thể quốc-dân? Ở các thành-thị nay đã xảy ra như thế, thì ở chốn thôn-quê rồi cũng chẳng khỏi được nào. Nay ta gieo hạt giống ngu-si đốt-nát, rồi ra ta sẽ được hái những ác-tập ngu-phong. »

Xem đó đủ biết ông có ý trách-oán chính-phủ không chịu để tâm đến sự giáo-hóa quốc-dân và như muốn đề-xướng ra sự « cưỡng-bách giáo-dục » (*enseignement obligatoire*) mà Nhà-nước chưa lưu-ý đến.

Ông chú-trọng nhất vào nền tiểu-học (*instruction primaire*), vì cho rằng chỉ nền tiểu-học là có thể phổ-cập ở trong dân-gian được thôi, và nếu nền tiểu-học còn hẹp-hòi thì cũng chưa có thể khoáng-trương nền trung-học và đại-học được vậy. Ai ngờ, giữa lúc ông đương phấn-đấu ở trên dàn ngôn-luận thì chính ông lại được Nhà-nước mời ra để quản-đốc một trường cao-đẳng nữ-học mới mở ra ở *Fontenay-aux-roses* gần châu-thành *Paris*. Ông trừ-danh cũng ở trường này và cái sự - nghiệp của ông cũng đến đây mới thực là viên-mãn vậy.

VI

Trường Cao-đẳng nữ-học sư-phạm ở *Fontenay-aux-roses* khánh-thành vào mùa thu năm 1880, là một trường cao-đẳng nữ-học có trước nhất ở nước Pháp. Nữ-giáo-sư chưa đủ, cho nên phải cử những bậc giáo-sư các trường Đại-học ở *Paris* vào dạy. Năm đầu có tất cả 30 nữ-thí-sinh thi trúng-cách được 19 người, thành ra số giáo-

sư có phần lại đông hơn số học trò. Vạn sự khởi đầu nan, mà tiện-sinh nay lại quản-đốc một trường cao-đẳng nữ-học đầu tiên, phần phải biết rõ cái tinh-chất của bạn nữ-lưu đề giáo-hóa, phần phải phát-minh ra được những phương-pháp sư-phạm để thực-hành, tưởng cũng không phải là việc dễ. Vì nếu xây nền đắp móng lại không được vững-vàng, thì qui - mô để lại về sau còn lấy đâu được hoàn-thiện.

VII

Ông cho rằng con trai con gái cũng đều là quốc-dân cả. Nước hay hay dở là ở quốc-dân xấu hay tốt. Mà quốc-dân xấu hay tốt là ở giáo-dục phải đường hay không phải đường. Trước kia sự học của nam - nữ thanh-niên chỉ quen giao cho các nhà dòng, thành ra làm mất cái tinh-thần tự-do, cái trí khôn xét đoán của chúng, khiến cho chúng lớn lên không đủ tư-cách sinh-hoạt ở đời, làm ngưng-tệ cho bước đường tiến-hóa của nước. Nay muốn chữa sửa cho cái lưu-tệ ấy, thì cần nhất không nên làm tỏa-chiết cái tự-do của học-trò. Nhưng tự-do vốn là một cái khí-giới nguy-hiểm, biết dùng thì hay vô-cùng mà dùng lầm thì hại vô-kể, cho nên lại cần phải giáo-dục lương-tâm cho biết phân-biệt thiện-ác, chính-tà, cho tự-do được sinh-hoạt trong vòng đạo-lý, khỏi đến nỗi bị lạc lối lầm đường.

Tự-do đối với nam-giới đã cần. Tự-do đối với nữ-lưu lại càng cần lắm, vì nữ-lưu vốn bẩm-thụ được nhiều tình hay nết tốt, phải cần có tự-do mới phát-sinh nảy-nở ra được. Chính ông đã từng nói với học trò ông rằng :

« Giáo-hóa đã phú-bẩm cho các chị những mối tình cảm linh-thiên, vừa là cái đặc-sắc lại vừa là cái cao-phẩm của nhân-loại, như : tình thân-ái, đức dạ-dàng, lòng yêu trẻ-con, dạ thương người yếu, tình nhậu-nhục kiên-gan, đức

cần-lao tận-tụy, bụng thương - mến gia - đình, chí sốt-sắng làm nghĩa Vậy thì cái thiên-chức và cái phẩm-giá của các chị là phải bảo-lồn lấy cái ngọn lửa của những tình-cảm cao-thượng đó, nó dù không tắt hẳn song vẫn thường vì những sự xung-đột về trí-thức hay vì những sự tương-phản về nhân-dục tư-lợi mà bị mờ-ám vậy. »

Thế là ông đã biết rõ cái chân-tính của nữ-lưu mà lợi-dụng. Đàn bà là « vật tình-cảm » (*être de sentiment*) mà tình-cảm không phải là một cái xấu. Từ gia-đình ra đến xã-hội, nếu không có tình-cảm để ràng-buộc liên-kết người nọ với người kia, nhà này với nhà khác, thì còn gì là gia-đình ? còn gì là xã-hội ? Mà càng ở trong cái xã-hội văn-minh, càng nhiều duyên-cớ để gây nên ác-cảm cừu-thù, càng nhiều quyền-lợi để tương-tranh tương-lấn, thì lại càng cần đến bạn phụ-nữ sẵn marg tình - cảm mà nuôi lấy cái không-khi dăm-ấm hòa-vui. Bình-đẳng, bác-ái, nhân-ngĩa, rứa thực-hiện ra được, ấy là đều phải nhờ ở công các bạn thoa-quần vậy. Nhưng tính-cách càng cao-quí thì lại càng cần phải có giáo-dục trau-dồi. Nghĩa-vụ càng quan-trọng thì lại càng cần phải có học-vấn hướng-đạo. Song xét đến cái tình-dộ nữ-học ở nước Pháp bấy giờ, ôi g đã phải thở dài n à than rằng : « Cái tình-thế nữ-lưu-giáo-dục ở nước Pháp ngày nay, thực là một điều tủi-nhục cho tổ-quốc ta vậy. » Nghĩa là nền nữ-học của nước Pháp lúc ấy còn eo-hẹp thấp-kém quá, nên ông mới phải nói ra như thế, chứ nếu ông chịu để mắt xem xét đến việc nữ-học ở các nước Âu-châu lúc bấy giờ thì cũng chẳng hơn gì, mà cao-đẳng-nữ-học-đường thì hồi ấy có lẽ chỉ mới nước Pháp có mà thôi.

Bởi ông đã sẵn có ý-niệm lạc-quan đối với vấn-đề nữ-học, lại bởi ông đã

biết rõ được cái tính-cách riêng của bạn phụ-nữ, cho nên cái phương-pháp sư - phạm ông dùng cũng rất được hoàn-toàn lương-hảo.

Như ý ông, thì phạm di học điều cốt-yếu là phải thao-luyện lấy cái tư - tưởng, mà muốn cho tư-tưởng sinh - hoạt thì quyết không nên làm mất cái tinh-thần tự-do của học-trò, cho nên có người hỏi nhờ ông chỉ-giáo cho biết cách xử - thế ở đời thì ông trả lời rằng : « Không, tôi không biết khuyên bảo chị điều gì cả. Tôi muốn rằng ở trong đời chị sẽ tự tìm được lấy đường lối mà đi, mà sẽ không phải là nơi hắc-ám bùn-lầy vậy. Thật thế, tôi không biết khuyên bảo chị gì cả. Chị cứ tin theo chân-lý, chân-lý sẽ nói chuyện với chị nhiều hơn là tôi. Ở đời này, tư-tưởng gì cũng đáng trọng cả, miễn là không làm thương-tồn đến cái tự-do của ý-thức và cái quyền-lợi của lương-tâm là được. »

Nhưng đã biết hướng - dụng tự-do thì lại phải biết quân - trị lấy mình, mình có đủ hướng-đạo được mình thì mới có thể không phải nhờ đến kẻ khác vậy. Muốn hướng-đạo cho mình thì lúc nào cũng phải tự-trị lấy mình mình, thống-nhiếp lấy cái nội-tâm của mình, cửa xét lấy cái bản-ngã của mình, lúc nào cũng phải như một vị lương-y bắt mạch cho cái tâm-hồn của mình để xem nó yên hay nguy, tà hay chính, mà lo phương điều-trị. Người nào mà không tự-trị được mình, chỉ là người ít học mà thôi. Chứ nếu học nhiều biết rộng, lúc nào cũng bạn-bè với những bậc bác-học hiền-nhân, lúc nào cũng tâm-tư đến những điều chân-ngôn cách-trị, lúc nào cũng phải dùng tinh-thần vào việc cao - khiết thanh-lương, thì còn vọng-động tự-khi sao được ?

Xem thế đủ biết trong sự giáo-dục, ông chú-ý nhất vào nền đức - dục, và đối với trí - dục hầu như có phần

chênh-mảng vậy. Về dảng tri-dục thì theo chương-trình phải cho học đủ các môn học, như khoa-học, toán-học, sử-ký, địa-dư, văn-chương, triết-lý, v. v.. Những môn học đó, đã có những vị giáo - sư chuyên-môn dạy cả, song tiên-sinh vẫn thường sấn-sóc đến luôn. Tuy-nhiên, đối với phụ-nữ, tiên-sinh vẫn không cho những môn học đó là cần-yếu, trừ ra có khoa văn-chương là không bao giờ nên bỏ mà thôi. Vì như ý ông thì văn-chương là nguyên-lai tự người ta, nay ta học văn-chương chính là ta học cái tâm-lý của nhân-loại để tự giác-ngộ cho ta vậy.

Nếu cứ như thế thì tri-dục, đức-dục đối với ông cũng chỉ là một mà thôi. Song đã chuyên-tâm quan-niệm đến đức-dục thì cái chức-vị của ông lại càng gian-lao nguy-hiểm lắm. Vì giảng luân-lý, nói đạo-đức, mà nhất lại phải hàng ngày quản-trị một bầy nữ-học-sinh đều đã lớn tuổi cả rồi, nếu không phải là người có tu-cách thanh - kỳ, thì sao đủ làm khuôn-mẫu cho người theo? Nếu không phải là người có phong-nghi lối-lạc, thì sao đủ cho người phục? Ông không những là một nhà sư-phạm, nhưng thực lại còn là một nhà mô-phạm nữa vậy.

Bởi thế cho nên học-trò ông mến ông lắm, coi ông như cha, thường không nở làm một điều gì lầm-lỗi để cho ông phải đau lòng trách-phạt. Phần ông đối với học-trò cũng một lòng tận-tụy, một dạ siêng - năng, chăm nom sấn-sóc cho học-trò từng li từng tí, hoặc khi trái nắng giở trời, hoặc khi có điều thương-cảm, ông đều chẳng nở bỏ qua, dĩ - chí đến những người đã tốt-nghiệp ở trường ra, ông cũng vẫn có thơ-từ thăm hỏi, có lời lẽ bảo-ban trong những cách tu-thân xử-thế ở đời. Trong 15 năm trời ông quản - đốc ở trường *Fontenay - aux-roses*, thường ngày, mỗi sáng dậy, ông lại diễn-thuyết cho học-trò nghe về những chuyện đạo-

đức luân-lý, trong ý rằng; sáng dậy mà được nghe lời thiện thì bao nhiêu những mối bất-thiện hôm trước đều tiêu-ma đi hết, và bao nhiêu những công-việc mình làm trong nội ngày hôm ấy cũng không đến nỗi bại-lý thương-luân.

Xem cái tr-cách của ông như thế, kẻ ông thật là một người thanh - cao bat-tục. Đồng-thời đã có người gọi ông là một ông thánh (*C'est un saint*).

VIII

Người đời phàm để tay vào một việc gì, đều phải có mục-dịch tôn-chỉ. Như FÉLIX PÉCAUT tiên-sinh bây giờ vai cán-dáng lấy một việc trọng-đại như thế, lẽ nào lại chẳng có mục-dịch phương-châm? Mục-dịch ông là muốn giúp nước bằng văn-bóa và muốn lấy giáo-dục làm cơ-quan vậy.

Bản-ý ông lúc đầu cũng chỉ là muốn hi-sinh cho nền quốc-gia giáo-dục (*éducation nationale*), không phân-biệt là nam-giới hay nữ-lưu. Nhưng cũng là một sự run-rủ tình-cờ mà ông lại được cất-cử làm quản-đốc một trường nữ-học. Ông vốn là một người biết qui - trọng phụ - nữ, nên đối với cái chức-vụ này, ông lại càng vui lòng đảm-nhiệm. Ông cho rằng nền nữ-học phát-đạt chậm hơn nền nam-học nhiều, nên ông càng gấp sức đào-luyện, cố cho bạn nữ-lưu được chóng theo kịp bên nam-giới. Nhưng cái lý-tưởng cốt-yếu của ông lại chính là ở sự giúp nước dạy dân. Vì những học-trò ở trường ông sẽ là những bà đốc bà giáo các trường tiểu-học sư-phạm, sẽ nhân cái giáo-hóa của ông, mà giáo-hóa cho hết - thầy các nữ-học-sinh trong nước. Những nữ-học-sinh ấy sẽ nhờ đó mà có đủ tu-cách xứng đáng làm nữ-quốc-dân nước Pháp, ngõ-hầu có thể tu-bổ vào cho cái hiện-trạng ngày nay, mà cấu-tạo nên một cái xã-hội tương-lai rực-rỡ. Chính ông cũng

đã nói với học-trò ông rằng: « Ừ thôi, hãy cứ nói cho chúng ta là hèn - mọn thật. Nhưng nếu chúng ta đều thành-tựu được cái nghĩa-vụ của chúng ta, thì cái thế-giới lúc ta ra sẽ không còn phải là cái thế-giới lúc ta vào nữa vậy.» Thế-giới lúc ta vào tức là cái hoàn-cảnh hiện-tại, mà thế-giới lúc ta ra, tức là hoàn-cảnh tương-lai, ngấm lời ông nói cũng không phải đã là quá-đáng.

IX

Ông quân-đốc ở trường *Fontenay-aux-roses* được 16 năm, đến năm 1896 thì ông kiệt-lực quá, đành phải xin từ-chức về điều-dưỡng ở nhà. Suốt một đời, ông dùng sức nhiều quá, nay về già thụ - bệnh, rờng-rã trong 6 tháng trời thì ông lánh trần thoát tục vào năm 1897. Ông người rất can - đảm, bệnh não nguy-nao như thế, mà ông vẫn không hề chịu để cho tinh-thần truy-lạc. Thân thì nằm trên giường bệnh, mà ông thì vẫn bần-khoản đến nỗi nước tinh dân. Trong trường chính-trị, hề có vấn-đề quan-trọng nào lọt đến tai ông, thì nhất-định thế nào ông cũng có ý - kiến giải bày, dù biết là ý-kiến đó sẽ mang lụy đến mình, ông cũng chẳng hề sợ-hãi, miễn là lời nói của ông đừng có trái với chân-lý thì thôi. Ông thật là một nhà chân-chính ái-quốc mà thực là ái-quốc đến chết còn không thôi. Khả kính thay tấm lòng cao-thượng!

X

Cái kiến-giải của phần nhiều người đều cho rằng yêu nước là tất phải ra bãi sa-trường chống quân nghịch, vào đời chính-trị hoạt-động vì dân, hay bôn-ba kinh-tế làm giàu cho nước ... Như thế là yêu nước. Nhưng ngoài ra yêu nước lại có nhiều cách, ta há lại chẳng nên biết lắm ư? Nay nhà bác-sĩ giúp nước bằng khoa-học, này bậc văn-hào giúp nước bằng tinh-

thần, lại này kẻ su-phạm dạy dân bằng giáo-dục, há lại chẳng đáng trọng đấy ư?

Vả người ta ở đời, ngoài cái xác thịt lại còn cái linh-hồn. Nếu đêm ngày chỉ chăm nom cho cái xác thịt được sung-mãn yên - vui, mà không chịu giáo-hóa cái tinh - thần được thuần-lương cao-khiết, thì cái người đó nếu không thành nên một kẻ thô-tục phạm-phu thì cũng chỉ là một đứ ngu-ngoan gian-ác mà thôi. Nước nào mà không chịu trông nom đến sự giáo-dục của quốc-dân, thì nước ấy cũng khó trở nên hay nên tốt được. Cho nên đức Khổng-lữ trước kia suốt đời tận-tụy cần-lao lo cho nền giáo hóa của dân Tàu, ấy cũng là do tấm lòng thương dân yêu nước vậy.

Lại đến như FÉLIX PÉCAUT tiên-sinh đây, nào viết báo, nào làm sách, nào tự mang thân mà hi-sinh cho nền giáo-dục quốc-dân, nào tự mang tài ra ứng-dụng cho sự giáo-hóa trong nước, há không phải là do tấm lòng ái-quốc đấy ư? Ông thấy Dân-quốc thành-lập, ông mừng; vì quốc-dân sẽ nhân đây mà được sinh hoạt trong vòng không-khí tự-do. Nhưng cái nền chính-trị trong nước càng tốt bao nhiêu, thì cái trình-độ tinh-thần của quốc dân lại càng cần phải nâng cao lên bấy nhiêu, cho nên ông lại càng sôi-nổi phấn-đấu cho nền giáo-dục nước nhà, kỳ cho đến chết còn không thôi vậy. Ông hi-vọng rằng giáo-dục có thể di-phong dịch-tục, cảm-hóa dân-tâm, cải-lương thế-đạo, kiến-thiết văn-minh, nên càng thấy ở trong quốc-dân còn có kẻ du-đăng, còn-đồ, trộm-cướp, sát-nhân, ông lại càng đố-tội cho Nhà-nước không chịu khai-hóa cho quốc-dân về đường tinh-thần trí-dục.

Lời ông nói Chính - phủ cũng biết nghe và trước hết giao ngay cho ông giáo-hóa phần nữ-quốc-dân của nước. Nếu ông là người câu-chấp hẹp - hòi,

trí thiên tài sơ, thì tất ông sẽ từ chối không nhận chức quản-dốc ở trường nữ-học *Fontenay aux roses*, vì có nhiều lẽ. Một là vì trước kia ông chỉ chủ-tâm đến nền tiểu-học. Hai là ông chưa hề có dự-bị đến sự giáo-dục của con gái bao giờ. Nay đột nhiên cho ông dạy trường Cao-đẳng, mà lại là trường Cao-đẳng nữ-học trước tiên của nước Pháp, ông há lại không từ-chối được hay sao? Nhưng không. Cờ đã đến tay, lẽ nào ông lại không nhân cơ-hội mà phát. Cái thiên-tài giáo-dục của ông quyết phải nên thi-thố lúc này, nghĩa-vụ càng nặng-nề thì lại càng tỏ ra người có thao-lược. Trước kia ông chú-ý nhất về nền tiểu-học, là ông muốn đi từ dưới lên trên. Nay ông được dạy một trường đại-học ông sẽ lại đi từ trên xuống dưới. Trước kia ông chưa nghĩ đến nền nữ-lưu giáo-dục, là vì còn mãi nghĩ chung đến nền quốc-gia giáo-dục, nghĩa là chung cho cả nam-nữ quốc-dân. Nay ông được dạy một trường nữ-học, ông sẽ giải-quyết vấn-đề phụ-nữ giáo-dục trước tiên. Vì cho rằng phụ-nữ giáo-dục là một vấn-đề khó-khăn nhất, nếu giải-quyết được, thì nền quốc-gia giáo-dục cũng có thể đồng-thời giải-quyết xong. Những học trò ở trường *Fontenay aux roses* lúc là những con gái tinh-thần của ông cả, rồi ra sẽ thay mặt ông mà đi giáo-hóa cho hết thầy những nữ-học-sinh các trường tiểu-học ở nước Pháp, thì phần nữ-quốc-dân của tổ-quốc ông cũng không đến nỗi vô giáo-dục sau này. Và nữ-lưu đối với nam-giới đều có mật-thiết quan-hệ đến nhau, hàng ngày ăn chung ở lộn cùng nhau, từ chỗ gia-đình ra đến xã-hội đều chung chia quyền-lợi cho nhau cả, thì cái giáo-dục của nữ-lưu lẽ đâu lại không có ảnh-hưởng đến nam-giới? Và cái vấn-đề nữ-lưu giáo-dục mà giải-quyết xong, lẽ nào nền quốc-gia giáo-dục lại không có cơ kiến-thiết được?

Xét ra ông thật là một nhà có nhiệt-tâm ái-quốc. Ngẫm đến sự-nghiệp của ông, ta càng nên bái-phục ông là một nhà đại-chí-sĩ ở nước Pháp về thế-kỷ trước đây.

°.

Ta thường có câu « phụ-nhân nan hóa » (đàn-bà khó dạy). Xét theo lẽ sinh-lý thì đàn-ông với đàn-bà đều có thông-minh trí-tuệ như nhau, đều có thể tiến-hóa như nhau cả, thì sao lại bảo đàn bà là khó dạy. Song cứ lấy luân-lý mà xét thì trong bao đời nay, bạn phụ-nữ ta, phần bị giam-hãm vào những cái chế-độ hà-khắc bất-lương, phần chịu đê cho những cái hủ-tục ở trong xã-hội nó thao-túng, cho nên cái tinh-thần tiến-hóa cũng đã trụ-lạc đi nhiều, và cái tự-do sinh-hoạt cũng đã cũ chiểu giám sát; nay muốn giáo-hóa kẻ cũ chiểu không phải là điều dung-dị. Song chế-độ phong-tục là nguyên-lai tự cái sở-hiểu của người ta, nào đâu phải là cái năng-lực của Hóa-công, mà ta chịu đành lò ịg thúc-thủ. Một cái cây kia, đương thẳng-thần tự-nhiên, ta đã uốn-nắn cong-queo đi rồi, vì nay ta chịu tháo lạt cởi giây mà lại cho nó được tự-do sinh-hoạt ở chỗ không-khí thanh-quang, thì hẳn nó cũng có thể phục lại nguyên-hình mà trở nên thẳng-thần. Đối với nền phụ-nữ-giáo-dục ở nước ta bây giờ cũng vậy: trước hết phải làm sao giải-phóng cho bạn thoa-quần ra ngoài được những cái chế-độ bất-bình-đẳng ở trong xã-hội, ngõ-hầu mới có thể lo được đến sự kiến-thiết của nền phụ-nữ-giáo-dục ở nước Việt-Nam này. Nay muốn thành-tựu một cái công-cuộc to-tát như thế, tưởng phải cần có hai cách.

Một là phải gây lấy một cái sức dư-luân ở trong số quốc-dân hữu-tâm với vấn-đề « phụ-nữ giải-phóng », đề phẩn-dấu với những cái hủ-tục ở trong xã-hội và đề cổ-động cho nữ-lưu-giáo-dục của nước nhà.

Hai là phái có người nào, dù nam, dù nữ, có học-vấn kiến-thức, có tài-trí thao-lược, đứng lên dựng một trường nữ-học để làm cơ-quan cho sự giáo-dục của phần nữ-quốc-dân.

Cách trên trọng về lý-thuyết, cách dưới chuyên việc thực hành. Một đảng thì mang tư-tưởng làm khi-giỏi để hoán-cải lại cái hoàn-cảnh tinh-thần. Một đảng thì phải thực-hành ngay để mau thu lấy mỹ-quả. Một đảng thì phải nhờ cậy ở cái chí nhiệt-thành của anh em chị em đồng-bào. Một đảng thì phải

trông mong vào cái lòng trọng-ngĩa của một vài nhà trí-sĩ nhân-nhân.

Bao giờ có những bậc người ấy ra làm việc cho đời, tôi xin có câu chuyện này về cái sự-nghiệp của ông PÉCAUT mang ra để tặng. Và hiện cũng xin chất-chính với nam-nữ quốc-dân về cái vấn-đề phụ-nữ-giáo-dục ở Tô-quốc ta ngày nay, hi-vọng rằng sẽ có nhiều người hưởng-ứng mà cùng giải-quyết vậy.

T H IẾ U - S O N

LỊCH-SỬ VÀ SỰ-NGHIỆP TÔ VĂN-TRUNG

I

Qua chơi Mi-huyện đất Tứ-xuyên, thấy phía trước đứng sừng núi Nga-mi, đằng sau chắn ngang ghềnh Tượng-nhĩ, núi không cao mà đẹp, nước không sâu mà trong. Lại còn quán nổi Hàm-ếch, thác xuyên Móng-rồng, xen vào khoảng giữa núi Mân núi Nga, non sông bao-la, tú-khí chung-đúc: đó chính là nơi làng cũ của Tô Văn-trung 蘇文忠 đời Tống. Cuộc đời thay đổi, lưu-phong hãy còn phảng-phất thom roi, khiến người qua đó khôn xiết lưu-liên ngậm-ngùi mà không thể bỏ qua đi được.

Từ đời Đường trở lại, nói đến văn-chương thì ai cũng khen họ Hàn 韓 họ Tô 蘇. Ông Tô có nói: « Hàn-công văn khởi bát-dại chí-suy 文起八代之衰 (1) ». Câu nói ấy lại càng tỏ cái văn ông Hàn, hay chấn-khởi được suy-khi tám đời. Hoặc kể nói văn ông Hàn thì

trong văn mà thấy có đạo-lý; văn ông Tô thì thường pha tung-hoành, tạp Phật Lão, không bằng Hàn-công không phải lời nói của tiên-vương thì không nói. Nhưng không biết rằng văn của ông Tô khi thịnh ngôn tuyên, chan-chứa rộng-rãi, dung-nạp cả trăm nhà, mà rút lại thì cũng là chính-đạo minh-nghị cả.

Học-nghiệp của Tô Văn-trung là sở-đắc về cha là Tuấn 洵 (Lão-Tô), mà Tuấn thì sở-đắc về họ Âu-Dương 歐陽. Lu-lãng, Văn-trung là vào bậc tái-truyền đệ-tử. Lúc mới học thì thích xem sách của Giả Nghị 賈誼, Lục Trí 陸贄 (2), luận về trị-loạn cổ-kim, không phải là lời nói không. Sau rồi đọc đến sách Trang-tử, ông Tô mới ngùi vậy thở dài mà rằng: « Trước trong bụng ta đã nghĩ tới mà chưa hay nói tỏ ra được, nay đọc đến sách

(1) Câu này là ở trong bài văn bia miếu ông Hàn Dũ, mà ông Tô Thức soạn ra.

(2) Giả Nghị đời Hán có mười quyển *lân-thư*; Lục Trí đời Đường có mười quyển *tấu-ng*.

Trang-tử hợp với bụng ta lắm ! » Ông mới xuất-hiện ra một bài luận về đạo trung-dung, lời nói vi-diện, đều là những lời cổ nhân chưa bàn đến. Ông thường nói rằng : « Làm văn phải như mây cuốn nước trời, chớ không có định thể-chất nào cả, phải nên khiến cho cái khí nó lưu-hành về những chỗ nên lưu-hành, mà lúc ngừng-chỉ lại chính vào chỗ nên ngừng-chỉ, dầu lời hi-tiểu giận-mắng cũng đều thành văn-chương cả. » Lại nói rằng : « Ta bình-sinh không có sự gì khoái-ý, chỉ có lúc làm văn hề ý nghĩ đến đâu, thì bút mực khúc-chiết tả ra đều được hết ý, vẫn tự bảo rằng việc vui sướng trong thế-gian không gì vui hơn thế ! »

Ông Tô làm văn-chương thì ý-tứ hùng-hồn quang-mạnh so hơn cả trăm đời, lại thông-biểu kinh-học. Lão Tô-công văn-niên đọc kinh *Dịch*, ngoạn xem hào-tượng, biết được cái tính cương-nhu, viễn-cận, hi-nộ, thuận-nghịch, xét xem hào-từ đều thấu-hiểu hết cả, có làm ra *Dịch-truyện* để giải nghĩa, nhưng chưa xong thì mất, có di-mệnh cho Tô Văn-trung thuật theo chí mình, Văn-trung cảm-khấp xin thụ-mệnh, rồi làm nối cho đến xong. Sau Văn-trung có làm bài thuyết *Luận-ngữ*, cũng hay phát-minh được bí-nghĩa của họ Khổng. Cuối cùng khi ở Hải-nam có làm ra *Thư-truyện*, suy-minh những điều tuyệt-học từ đời thượng-cổ, phần nhiều các vị tiên-nho cũng chưa đã hiểu được.

Kể sĩ trước phải cốt có khí-thức rồi sau mới kể đến văn-ngệ, thế thì Văn-trung mà nổi tiếng là Văn-trung, có phải chỉ giỏi về văn-chương đâu. Đương khi còn là trẻ con đọc bài thơ thánh-đức năm Khánh-lich của Thạch-Giới (1), thì ông đã có cái ý muốn sánh ngang với các vị hiền-triết ở

đương-thời. Khi gần hai-mươi tuổi, cha con anh em cùng đến đất Kinh-sư, một ngày mà thanh-danh hiển hách lừng-lẫy cả bốn phương, rồi liền đỗ cao, vào bậc từ-khoa, khi làm quan trong thì giữ thư-từ mệnh-lệnh, ra làm quan ngoài thì cai-trị các châu-quận, tất lấy yêu vua làm gốc, lời qui-châu nghị-luận trung-trực, đại-tiết lâm-nhiên, quần-thần không ai hơn được. Nhưng vì lũ tiểu-nhân ghen-ghét xô-dây không để yên ở trong triều; đến lúc gặp phải tai-vạ, thì tiết-nghĩa hay giữ vững được tháo-thủ. Ôi, người ta bầm-thụ từ trời phú cho, siêu hơn muôn vật mà đầy lấp cả trong khoảng trời đất, chỉ là chính-khi mà thôi, thì-thở ra sự-nghiệp hay cảm-hóa được kim-thạch, hình ra văn-chương, hay giúp đỡ được nguyên-hóa; vậy dầu đặt ở trên triều-đình, chẳng lấy làm mừng, mà dầu đuổi ra ngoài lĩnh-biểu cũng chẳng lấy làm giận, cái khí trung-trực hăng-hái dầu bị tóa-chiết mà không chịu khuất, thực là bậc nhân-long vậy.

Cái thứ-tự thủy-chung tiến-đức của Văn-trung, thì bởi sở-đặc tại học-vấn và lịch-duyet. Đương khoảng năm Gia-hựu (Nhân-tôn), Tri-bình (Anh-tôn), thì Văn-trung-công hãy còn tuổi thịnh khí cường; từ năm Hi-ninh (Thần-tôn) trở về sau, mắc phải tai-vạ mà vẫn không chịu khuất; đến năm Nguyên-hựu (Triết-tôn) mới lại ra đời thi đã bình-dị thiết-thực lắm, một lời nói một câu văn đã làm phong-động cả bốn phương. Đến năm hiệu-thánh (Triết-tôn) thì thực là người dung-hóa quán-thông, trầm-nghị thành-xác, không phải ví như lúc trung-niên vậy. Cái đại-tiết bình-sinh của ông tỏ ra những lúc làm tử-sinh lợi-hại mà không thể đoạt được; lại hay hậu về báo người tri-kỷ, hăng về ghét

(1) Thạch Giới làm thơ khen vua hay dụng mười một người hiền.

kể phi-loại, từng trải những cuộc biến trong năm Hi-phong, Thiệu-thánh mà đều như một ngày. Người đời mà chỉ lấy sự văn-chương khen Văn-trung, đó chỉ là một sự mà thôi.

PHÊ-BÌNH. — Văn-trung-công có làm Dịch - truyện, Thư - truyện và thuyết Luận-ngữ, khi làm xong rồi nói rằng : « Đời nay chửa chắc đã ai tin, nhưng sau này có người quân-tử, thì chắc là cũng biết cho ta ! » Thầy Chu-tử cho sách Dịch-giải và sách Lão-tử-giải của Đinh-tân, Trung-dung giải của Trương-Vô-Cấu, Đại-học-giải của Lã-thị, đều bác bỏ cho làm tạp-học, cũng không khỏi thiên-kiến.

Trong bài bia mộ-chi và sách bản-truyện đều chép rằng sách Đông-phá-tập 40 quyển, Hậu-tập 20 quyển, Tấu-ngộ 15 quyển, Ngoại-chế 3 quyển, Hòa-Đào-thi 4 quyển. Đời nay còn thấy lưu-hành bảy tập, so với đây nói thì ra còn nhiều hơn Ứng-hiếu-tập 10 quyển, Tục-tập 12 quyển, tập họa Đào-thi chung cả vào trong tục-tập chứ không có đóng riêng. Xét đời nhà Tống hiện còn có Nam-hành-tập, Pha-lương-tập, Tiên - đường - tập, Siêu - nhiên - tập, Hoàng-lâu-tập, Mi-sơn-tập, Võ-công-tập, Cửu-tri-tập, Côn-lăng-tập, Lan-đài-tập, Chân-nhất-tập, Mân-tĩnh tập, Diêm-đình-tập, Bách-học-minh-châu-tập, Ngọc-cục-tập, Hải-thượng-lão-nhân-tập, Đông-pha tiên-tập hậu-tập, Đông-pha bị-thành-tập, Loại-tự Đông-pha-tập, Đông-pha đại-toàn-tập, Đông-pha di-biên; những sách ấy đều ấn-hành ra từ lúc Tô Văn-trung-công hãy còn. Khoảng năm Sung-ninh mới phụng chiếu đem hủy bỏ các bản ấy đi. Thơ văn của ông ở về đời nhà Tống cũng nhiều bản chú-thích, nay chỉ còn có bản chú của Vương Thập Bằng, còn đều mất cả. Đời nhà Thanh thì có Chu Tùng - diên, Tra Thận-Hành. Ông

Phương - Cương, Phùng Ứng - Lưu, Vương Văn-Cáo đều có bỏ chú cả.

Hoặc người bảo rằng Văn-trung-công về dòng thiên-học, song kỳ-thực không phải thế. Xem như trong tập còn có cái thư luận về phép cúng-cử nhà học-hiệu thì rất là bài-sích những kẻ sĩ-phu chủ theo về đạo Phật đạo Lão là không phải, và nói rằng khi không hợp với đời, mới đi lại giao chơi với các nhà Phật-giáo, đó chính là lúc tang-du mộ-cảnh, u - hoạn du-sinh mới đi học Phật vậy.

Vương Ngự-Dương có bài thơ rằng : « Tương tài lại nổi tiếng văn-chương, lặn-đạn về già cũng đáng thương, ngọn bút Hoa-nghiêm còn để dấu, lời lời kinh Phật tỏ như gương. » Bó là khen văn-chương ông Tô như văn-học thủy-nguyên, tự trong nguồn chảy tràn ra, cũng như là kinh Hoa-nghiêm của nhà Phật, đàm-luận đều tự-nhiên cả mà không thiếu một điều gì, sự-lý bao-quát không có tròng vách môn-đình nào cả, văn-chương nhập-diệu đến thế thì thực là trong sạch không một tí bụi trần, còn biết đâu là thiên-thâm mà bản là khéo với vụng. Vì là cái học-thuyết của ông vẫn bài-sích đạo Phật là không phải, mà văn-chương của ông thì lại thắm-đặc cái tinh-vi của kinh Hoa-nghiêm.

Ông khi nhỏ vẫn thích nghề viết, đến già cũng không chán, ông vẫn tự nói rằng chữ mình không kịp người đời Tần, nhưng cũng phẳng-phát gần giống như chữ của họ Chử, họ Tiết, họ Nhan, họ Liễu đời Đường. Hoàng Sơn-Cốc có bản rằng : « Những tờ giản-trác của Tô Đông-pha chữ viết ôn-nhuận không có một tí gì tục-khí. Người đời nay cũng có mấy nhà viết chữ tốt, tuy rằng bắt-chước cò-nhân cũng có nét tốt, nhưng đến như cái lối thiên-nhiên tuyệt-diệu, ngọn bút tròn-trặn mà thanh-tú thì chửa dễ mấy người đã được như họ Tô, họ Hoàng, họ Mễ, họ Sài, bốn nhà đại-gia. »

Ông có thường vẽ những bức tranh trúc thạch rất là thanh-thú. Đặng-công Thọ bàn rằng : « Cái cao-danh đại-tiết của Tô Mi-Son thực là soi sáng cả cổ-kim, sau khi học đã ở về điều đức, ý về điều nhân rồi, lại lưu - tâm chơi về văn nghệ, có vẽ những bức mặc-trúc thực là được cái diệu-pháp của Dữ-Khả, mà lại hay vận-từ thanh-thoát, trông ra có anh-phong kinh-khí, khiến người xem ứng-tiết không chán, thiết-tưởng Dữ-Khả không thể kịp được. Nhà Hồ Thế-Tướng ở Lan-lãng có một bức tranh của ông Tô vẽ con cua, trông ra vẻ quang-mang đủ giống như hệt, thực là in tợ trong tâm vẽ ra. »

Tô Văn-trung 蘇文忠 tên là Thức 軾, tên tự là Tử-Chiêm 子瞻, lại một tên tự là Hòa - trọng 和仲, tên hiệu là Đông-pha - cư-sĩ 東坡居士. Đời lại gọi là Trương-công (em Triệt là Thiệu-công) hoặc gọi là Đại-Tô 大蘇, hoặc gọi là Nhị-Tô 二蘇, kể-thể vẫn ở đất Mi-son. Đời vua Nhân-tôn nhà Tống năm Cảnh-hựu thứ ba, năm binh-ti, tháng chạp ngày mười chín, giờ mao, sinh ông Tô Thức ở nhà riêng phố Xa-cốc, đến khi lớn, râu dài mày sáng, dáng sau lưng có một nốt ruồi như là điểm ngôi sao. Khi bảy tám tuổi đã biết đọc sách, vào nhà hương-hiệu, tôn-phụng ông đạo-sĩ Trương Di-Giản làm thầy.

Khi ấy chợt có người khách tự kinh-sư đến chơi có đọc bài thơ thánh-đức năm Khánh-lich của ông Thạch Thủ-Đạo làm ra khen vua dùng được mười một người hiền để cho ông thầy nghe,

Tô Văn-trung đứng bên cạnh nghe lỏm hỏi rằng : « Trong thơ kể những mười một người hiền thì là những ai ? » Ông thầy bảo rằng : « Trẻ con đã biết đâu được mà hỏi. » Văn - trung nói : « Có họa người trời chẳng thì mới không dám biết, nếu cũng là người cả thì sao lại không biết được ! » Ông thầy lấy làm lạ bèn bảo rằng : « Đấy có Hàn, Phạm, Phú, Âu bốn ông ấy đều là bậc nhân-khiết đó. » Đến khi lớn sực nghĩ đến truyện lúc nhỏ, thường nói rằng : « Lúc ấy ta tuy chưa biết gì, nhưng đã trộm biết được tiếng mấy ông ấy »

Văn-trung khi lên mười tuổi, cha là Tuân đi du-hoạn bốn phương, mẹ là Trình-thị ở nhà dạy cho Văn-trung đọc sách, thường hỏi con lấy những việc thành-bại cổ-kim mà Văn-trung đều hay đối-đáp lại những điều yêu-uớc. Người mẹ thường đọc sách sử Đông-Hán đến truyện Phạm - Phang 范滂 (1), chợt khái-nhiên thở dài. Văn-trung hỏi rằng : « Thức nếu làm như ông Phang thì mẹ có ưng cho không ? » Mẹ nói rằng : « Mày nếu làm được như mẹ Phang hay sao ! » Văn-trung từ đó cũng có gắng cố chí lo việc đời, mẹ mừng nói rằng : « Ta chắc có con rồi ! » Đến khi Văn-trung ra làm quan buổi đầu đã mắc lời sàm-báng, về sau lại mắc vạ đảng-cấm, hồi-tưởng lại lời nói khi còn bé thì cảm-khái biết chừng nào !

Khi nhỏ Văn - trung cùng với em là Triệt 轍 cùng học cha là Tuân, anh em lại vừa làm thầy làm bạn với nhau, Triệt thường nói rằng :

(1) Hậu - Hán-thư, truyện đảng - cổ : Phạm Phang tên tự là Mạnh-bác khi nhỏ có tiết-tháo làng xóm đều phục, Năm Kiến-ninh thứ hai bắt giết kẻ đảng-nhân, Phạm Phang phải hi sinh, người mẹ đến cùng con quyết biệt. Phang thưa rằng : « Xin mẹ ắt bỏ tình mẫu-tử chớ có thương con nữa. » Mẹ nói rằng : « Mày nay được cùng tên-danh với ông Lý ông Đỗ, thì dầu chết có ân-hận gì, đã muốn được lệnh-danh, lại muốn được cả sống lâu, thì sao thể kiếm được cả đời. » Phang quỳ xuống hai tay xin thụ-giáo.

« Từ - chiêm đọc sách có câu cùng nói chuyện với người được, có câu không cùng nói chuyện với người được mà lại nói với Triệt, ý bảo Triệt biết đó. » Triệt lại nói rằng : « Khi yêu-giấu ta thì là anh, khi dạy-bảo ta thì là thầy. » Trong sáu-mươi năm trời, khi làm quan khi đi ẩn, khi nói khi lặng, khi lo-lắng khi vui-vầy, hai người đều cùng tự biết với nhau, quan-hệ không khác gì chân tay, thường cùng với anh em họ Gia đều theo học ở Tây-xã Lưu Vi-Chi. Vua Lý-tôn vẫn gọi là bọn « Tây-xã đồng-môn-hữu. »

Đời vua Nhân-tôn năm Gia - hựu thứ hai, Văn-trung hai-mươi-hai tuổi, mùa xuân đi vào bộ Lễ ứng thí. Khi ấy vua Nhân-tôn ân-cần cầu lấy học-trò mở ra khoa thi tiến-sĩ. mà những kẻ trúng - tuyển đến một nghìn hơn ba trăm người. Khi ấy học-trò vẫn quen tập lối văn hiềm-quái kỳ-quặc gọi là thể văn nhà Thái-học. Bấy giờ có quan Hàn-lâm học-sĩ là Âu-Dương Tu ra làm chủ-tri cống-cử, cố ý ức-chế cái thể văn mới ấy. Mai Thánh-Du cũng dự việc chấm thi ấy, chấm được bài của Văn-trung luận về phép hình thưởng trung-hậu, mới đem đưa cho Tu xem, ông Tu thất-kinh cho là một bậc dị-nhân muốn lấy đỗ đầu, sau lại nghĩ là bài của kẻ môn-hạ-sĩ là Tăng Cửng làm ra, nên tị-hiềm mới cho Văn-trung đỗ thứ hai. Sau lại lấy bài Xuân-thu đối nghĩa đỗ lên bậc nhất ; đến khi điện-thí Văn - trung cùng với em là Triệt đều đỗ tiến-sĩ ất-khoa. Vua Nhân-tôn đọc bài chế-sách của hai anh em mừng mà rằng : « Trăm ngày nay vì con cháu lấy đỗ được hai người có tài tề-trương (1). »

Khi Văn - trung đỗ rồi vẫn tưởng rằng báo đáp đấng thân ngày hãy còn dài, không ngờ tháng tư năm ấy đã gặp phải tang bà Võ-dương-quân Trinh - thị. Song may Lão-Tô - công hãy còn mạnh, đến khi hết trở mẹ rồi theo hầu cha đi chơi thuyền từ Thục đến Sở, đi thuyền đến sáu mươi ngày, qua đến mười một quận, hai mươi sáu huyện, rồi lại tự Kinh-châu đi bộ đến Kinh.

Khi ấy được bổ chức Chủ-bạ Phúc-xương phủ Hà-nam, lại gặp trong triều đương cầu kẻ sĩ trực-ngôn; Âu-Dương-công mới tiến-cử Tô Văn-trung, quan Thị-chế Thiên chương - cát là Dương Điền cũng tiến-cử ông, dâng năm mươi bài văn của Văn-trung lên ngự-lâm, bèn được trúng-tuyển, đến khi đối-đáp bài chế-sách lại đỗ vào bậc thứ ba, được bổ chức binh-sự thuộc về Đại-lý tự kiêm chức phán-quan phủ Phụng-tường. Khi ấy quan tri - phủ Phụng-tường là quan Trung thư-xá-nhân Tống Tuyển, trước tưởng là Văn-trung là kẻ văn-nhân chưa từng trải việc quan-lại, đến khi thấy Văn-trung quyết-đoán việc ngục-tụng trôi-chảy lại càng lấy làm trọng

Năm Trị-bình (niên-biệu Anh - tôn) thứ hai, được chuyển thăng chức điện-trung - thừa, ông lại từ phủ Phụng-tường về triều. Anh - tôn khi còn ở ngoài phiến-dễ đã nghe tiếng ông, muốn theo như việc cũ đời Đường triệu ông cho vào làm Hàn-lâm tri-chế-cáo, song phải quan tề-trương là Hàn Kỳ ngăn - trở. Chưa được bao lâu ông mắc phải tang cha, Anh-tôn cũng mất.

(1) Ông Âu-Dương Tu khen bảo rằng : « Tô - Thức sau này tất làm nên bậc danh-thế. » Và đưa thư cho Thánh-Du bảo rằng : « Ta đọc bài văn của Thức không ngờ toát mồ hôi ra, thực là sảng-khoái ! Lặc-phu phải nhường người ấy một bước. »

PHÊ-BÌNH. — Bài thơ thành-đức năm Khánh-lich là của Thạch Giới 石介 làm ra đề xướng - tụng vua Nhân-tôn dùng được Phú Bất 富弼, Giả Xương Triều 賈昌朝, Dư Tĩnh 余靖, Âu-Dương Tu 歐陽修, Hàn Kỳ 韓琦, Phạm Trọng-Yêm 范仲淹, Sái Tương 蔡襄, Đỗ Diên 杜衍, Vương Tố 王素, Vương Cung-Thần 王拱宸, mười một người. Khi ấy vua sáng tối hiền, canh-ca mừng-rỡ, thực là cảnh-tượng đời thịnh-trị. Tuy lúc ấy chưa có nhật-báo, mà một bài tán-thi đã không cánh mà bay đi truyền-tụng khắp các nơi, dấu trong đất Thục đến trường tư-thực dạy trẻ cũng nghe thấy, lũ học trò trẻ con cũng biết chỉ trở giảng đọc rất là có lý-thú, đời Tống thịnh đến thế là cùng.

Khi ấy họ Hàn, họ Phạm, họ Phú, họ Âu là bậc danh-thần đương lúc bấy giờ, mà họ Âu-dương lại có tiếng văn-chương trọng nhất trong thiên-hạ, kẻ tiêu-sinh chốn nhà quê cũng đều biết tiếng là phải lắm. Thế mà Văn-trung khi còn trẻ tuổi đã biết mộng-tướng đến những bậc danh-thần, đến khi lớn lên vào kinh thi đỗ, đều được các bậc danh-thần thưởng-thức, khiến những bậc lão-thành ấy phải kinh-rãng kẻ hậu-sinh khá sợ, há chẳng phải là một sự đặc-ý của đời người lắm ru!

Người đời Tống là Vương Tôn-Tắc có soạn niên-biểu Tô Đông-pha chép đủ cả can-chỉ ngày tháng là năm bình-ti, tháng tân-sửu ngày quý-hợi, lại bịa ra cái thuyết rằng bình-ti, quý-hợi là thuộc thủy, thủy thì chảy về phương đông, vậy nên tài-học ông rộng-rãi mà trong-trẻo; song vì năm tí với giờ mao khác nhau, vậy nên về văn-niên hay gặp hoạn-nạn. Đông-pha cũng nói rằng: « Ông Hàn Thoái-chỉ vì thần-cung có Ma-hiệt, ta vì Ma-hiệt vì đứng vào mệnh-cung, vậy nên lúc thịnh-bình hay mắc phải lời sấm báng, thực là đồng-bệnh vậy.» Đó là cái thuyết linh-mệnh thuộc về đường mê-tín, nên không đủ tin.

Âu-Dương Tu thường cùng với con là Phỉ bàn văn-chương, nhân bàn đến Đông-pha, Âu-Dương-công than rằng: « Mày cứ nhớ lấy lời ta sau ba mươi năm nữa, người trên đời không ai nói đến ta nữa đâu. » Nói như thế thực là khen Đông-pha lắm. Khi Âu-Dương-công mất rồi, Tô Đông-pha có làm một bài minh dựng bia ở mộ.

Khi ông Tô Tuân ở kinh làm sách lễ, con là Đông-pha Tử-do đều phải bỏ ra làm quan ngoài, song nghĩ rằng ông Lão-Tô không có con hầu ở bên cạnh, Tử-do mới tâu xin vua lưu ở kinh để nuôi cha. Đến khi ông Lão-Tô gần mất vẫn nghĩ đến người anh là Thái-Bạch mất sớm, mà con cháu chưa thành-lập, lại nghĩ đến người em gái gả cho họ Đỗ mà chưa cát-táng, trong bụng vẫn lấy làm áy-náy. Đến khi Đông-pha hết trở cha rồi, bèn cát-táng cho cô; khi làm quan được phong-ấm, lại nhường cho cháu tăng-tôn ông Thái-Bạch tên là Bành. Ấy một nhà ở với nhau hiếu-thuận như thế, nên mới nổi danh là bậc Tam-Tổ, nhà Tam-Tổ có phải chỉ chượng văn-chương mà thôi đâu.

Vua Thần-tôn lên ngôi đời niên-hiệu là năm Hi-ninh, tháng tư năm ấy, vua xuống chiếu cho Vương An-Thạch việt thứ vào tấu đối. Khi ấy Văn-trung mới hết trở vào châu, thời vừa lúc An-Thạch đương cầm quyền, chính-trị xướng bàn đặt ra tân-pháp, triều-cục biến đổi hết cả. Vua Thần-tôn vời Văn-trung vào yết-kiến, hỏi lấy những việc chính-lệnh đặc-thất. Văn-trung tâu rằng: « Cầu trị không nên gấp quá, nghe lời nói không nên rộng quá, tiền người lên không nên vội quá, xin cứ an-tĩnh chấn-định, đợi việc lại rồi sau sẽ ứng-phó. » Văn-trung lui về rồi có dâng một bài vận-ngôn-thư nói rằng: «Thần muốn nói có ba điều mà thôi, là cúi xin bệ-hạ kết lấy nhân-tâm, hậu lấy phong-tục, giữ lấy kỷ-cương. Làm vua chỉ cậy về nhân-tâm mà thôi,

ví như là cây có rễ, đèn có dầu, cá có nước, kẻ nông-phu có ruộng, kẻ thương-cò có cửa, nếu làm mất đi thì hỏng, đó là cái lẽ tất-nhiên vậy. Từ xưa đến nay chưa có khi nào hòa-dị cùng với kẻ chúng mà chẳng yên, cương-quả tự-dụng mà chẳng nguy. Bệ-hạ cũng biết rằng nhân-tâm nó không bằng lòng đấy chứ, từ đời tồ-tông đến giờ, cai-trị về việc tài-dụng chẳng qua chỉ có tòa tam-ty, nay Bệ-hạ không giao việc tài-dụng cho tòa tam-ty, vô-cổ lại sáng-lập ra một tòa tam-ty điều-lệ nữa, giao cho sáu bảy anh tuổi trẻ, ngày đêm bàn tính ở trong, hơn bốn mươi lữ kẻ sứ-giả, chia nhau đi doanh-mưu ở ngoài. Ôi, đặt ra cái tòa tam-ty điều-lệ là cái danh đề cầu lợi; sai sáu bảy anh tuổi trẻ với hơn bốn-mươi lữ sứ-giả là cái đồ đề cầu lợi đấy; gây mối ra to-tát quá, dân thực lấy làm kinh nghi, dụng phép ra tàn-kỳ quá, quan-lại đều lấy làm sợ hãi; lấy một ông vua vạn-thặng mà chỉ vụ-lợi, lấy một quan tướng của thiên-tử mà chỉ lý-tài, nghị-luận trăm đường, huyền-truyền muôn miệng, hoặc kẻ nói chốn kinh-sư chính-điểm đã bàn đặt ra chức giám-quan, chốn cùng-cốc thâm sơn lại thi-hành điều tửu-cấm, thu bắt cả những kẻ tăng-ni thường-tru, giảm bớt cả lương-lộc của kẻ lại-binh, thậm-chí lại muốn đem lại phép nhục hình, dân đều sợ-hãi. Nhưng không ai dám nói đến, là nghĩ rằng ta không có việc ấy thì có quản gì người ta nói; không biết rằng đem lưới chài vào chốn giang-hồ mà bảo người ta rằng ta không phải đi đánh cá, thì không gì bằng bỏ lưới chài đi thì người ta mới tin mình; xua loài ưng-khuyển vào trong rừng rậm mà bảo người ta rằng ta không phải đi săn, thì không gì bằng thả loài ưng-khuyển đi, thì loài thú tự theo về; vậy nên thần nghĩ rằng muốn tiêu bỏ lời sàm-báng đề triệu lấy hòa-khi, thì không gì bằng bãi cái ty điều-lệ đi.

Nay vua tôi sớm tối đã lo nghĩ hầu một năm rồi, thế mà cái công phú-quốc vẫn mơ-màng như bắt gió, chỉ nghe thấy phải bỏ ra tiền nội-thần đến và trăm vạn quan, mà lễ-bộ chi độ được hơn năm nghìn người mà thôi; cứ theo cái thuật ấy mà làm thì tưởng là dễ, song những người ngoài đờng phổ đều biết là khó. Nước sông Biện-thủy là dòng nước đục tự thừa sinh-dân đến giờ, không thể giồng lúa đạo được, nay lại muốn đắp ngăn bờ đề cho trong, thì được độ một vạn khoảnh lúa, phải đắp đến một nghìn khoảnh bờ, cứ mỗi một năm một lần nước ú lên, đến ba năm thì lấp đầy cả. Bệ-hạ lại cứ tin cái thuyết ấy lại khiến đi xem xét địa-thế, mơ-mòng tìm nơi thủy-lợi, những kẻ khinh-suất đặc-dụng lại cứ biện-bác nói tranh khòn, các quan đều biết là sai lầm, nhưng vẫn không dám ưc-thoái đi, lại truy hợp nhưng kẻ lão-thiếu xem xét nên chẳng, nếu chưa biết đích rằng khó làm nhưng cũng cứ hưng công-dịch đề làm, kẻ quan-lại thì cầu-thả thuận theo, bảo rằng như thế là Bệ-hạ có ý chấn-chỉnh, không biết rằng trên hại của kho, dưới cướp mất mùa làm ruộng, đề-phòng nếu vỡ thì nước lại đi sai đờng cũ, bấy giờ đâu giết thịt kẻ xường-nghị làm đề, thì có bỏ-ích gì cho dân, không hay rằng triều-đình sao lại chịu khó làm như thế. Từ đời xưa bắt phu-dịch phải cứ trách người hương-hộ, nay tôi nghe ngoài Giang Tích trong mấy quận huyện phải thuê phu-dịch đi làm đề; những kẻ nhà đan-đinh nữ-hộ đều là kẻ thiên-đan cùng-khổ, mà Bệ-hạ lại bắt phải đầu tiên đi phục-dịch, giàu có bốn bề mà tàn-nhận chẳng biết thương dân. Từ khi Dương Viêm 陽炎 đặt ra phép lưỡng thuế, thuế tô thuế điền đều gồm cả với thuế dụng, nay có sao lại lấy tiền thuế dụng nữa. Nếu đời sau chẳng may mà có kẻ bày-tôi tự-

liêm, đã lấy tiền thuế *dung* trừ rồi, mà lại còn bắt đi sai-dịch như cũ, xét căn-do ra thì người ta đều qui - cữ cho mình. Tiền thanh-miêu buông lãi ra cho dân vay, từ xưa vẫn cấm, nay Bệ-hạ mới lập ra thành phép, năm nào cũng cứ thường làm như thế, tuy bảo rằng không có bắt ép vay, nhưng sau và đời mà những người bạo - quân ô-lại họ làm trái phép, thì Bệ-hạ giữ thế nào được. Kể ra các hộ muốn vay, thì đều là những người nghèo khổ không đủ ăn cả, đến lúc đánh-đập đòi nó ngại quá, thì nó phải lẩn - trốn đi, món tiền vay ấy không trả được thì lại lụy đến làng xóm, cái thế nó phải đến thế, ngày sau thiên-hạ sinh ra oán-hận, sách quốc-sử tất chép rằng tiền thanh-miêu là tự Bệ-hạ bày ra trước, há chẳng tiếc lắm thay ! Vả cứ như cái phép thường-bình khi xưa thì đã là phải lắm rồi, nay lại biến đổi ra phép thanh-miêu, hoại một cái thành-pháp cũ kia đi, thì sở-thất lại càng nhiều hơn, tổn mất tiền công mà hại cả dân, dẫu hối không sao kịp được nữa. Xưa kia Võ-đế nhà Hán nghĩ rằng tài-lực kiệt hết cả, mới nghe cái thuyết của kẻ lái buôn là Tang Hoàng-Dương 桑弘羊 mua lúc rẻ mà bán lúc đắt, gọi là phép quân - thâu 均輸, vì thế lúc ấy những nhà thương - mại không làm được nữa, trộm cướp nổi lên, suýt nữa đến sinh loạn. Đời vua Hiếu-chiêu nói lập lên, tướng là Hoắc-Quang 霍光 thuận theo lòng dân muốn, bãi bỏ cái phép ấy đi, thiên-hạ đều qui-phục, mới được vô-sự. Không ngờ rằng ngày nay cái thuyết ấy lại dấy lên, lúc mới lập-pháp phí-tồn cũng nhiều, giá có được chút lời, nhưng mà cái ngạch thuế-má sở-tồn tất nhiều, chẳng khác gì cái người vì chủ trông coi việc mục - súc, đem một con trâu đi rồi lấy năm con dê, cái con trâu đem rồi mất thì bìm đi không nói, đổi được năm con dê thì kê ra lấy làm công - lao, nay hoại bỏ

phép thường-bình đi mà kê cái công phép thanh-miêu, làm khuy-tồn thuế thương-chính mà chỉ tính lấy cái khoa thuế quân-thâu, thì có khác gì thế, thần trộm nghĩ thực là quá lắm vậy. Người khởi xướng ra thì vẫn bảo rằng đối với dân chỉ khá cùng vui lúc thành-công, chứ khó cùng lo tính lúc trước được; vậy nên Bệ-hạ cứ kiên-chấp không đoái nghĩ gì cả, kỳ cho phải làm, đó là cái người đời Chiến-quốc chỉ tham công-lợi, theo cái thuyết hành-hiêm kiêu-hãnh, chưa kịp đến lúc vui thành-công mà dân đã khởi oán rồi, thần sở-dĩ mong Bệ-hạ phải kết lấy nhân-tâm là vì thế.

« Nhà-nước sở-dĩ còn hay mất là cốt về đạo-đức thiên hay thâm, chứ không ở về cường với nhược; lịch-số sở-dĩ dài hay ngắn là cốt ở về phong-tục hậu hay bạc, chứ không ở về phú với bần; đấng nhân - chủ mà biết thế thì biết đường khinh-trọng vậy. Vậy nên thần xin Bệ-hạ cốt theo đường đạo-đức để hậu lấy phong-tục, chứ không muốn Bệ-hạ chỉ cấp cận-công mà tham phú-cường; giữ-gìn phong-tục cũng như hộ-vệ nguyên-khi; đấng thánh-nhân không phải là không biết cái phép thâm-khắc hay tế được kẻ chúng, những người dưng-hãn có thể nên được việc, người trung-hậu thì hình như là vu-khoát, kẻ lão-thành thì tưởng như là tri-độn; nhưng thủy-chung vẫn không chịu lấy kẻ kia mà bỏ người này, vì biết rằng sở-đắc nhỏ mà sở-thất to vậy. Đấng Nhân-tổ giữ phép rất khoan, mà dùng người có thứ-tự, chỉ cốt che đậy những chỗ lẩn-lội, chứ chưa khi nào khinh biến phép cũ; xét đến thành - công thì vẫn bảo rằng làm chưa đến nơi, nói về việc dụng binh thì mười lần đem quân ra đến chín lần thua; nói về kho tàng thì chỉ đủ dùng chứ không có thừa; thế mà chỉ cậy về có đức-trạch ở người, phong-tục dân-gian đều biết nghĩa-lý, vậy nên đến khi thăng-hà

thiên-hạ đều phục theo về người nhân-đức. Nay kẻ xướng-nghị thấy mấy năm cuối kẻ quan-lại nhân-tuần lười-biếng, không việc gì chấn-chỉnh được, lại muốn lấy hà-sát để chữa lại, đem tri-năng để tề-chỉnh, tiến dùng những người tân-tiến dưng-nhuệ, để mong lấy công - hiệu tức - hành, lợi chữa được hưởng mà đã thành ra thói kiêu, mở ra nhiều đường sậu - tiến để cho nhiều người có cái ý mong kiêu - hãnh, chức Công Khanh thị - tụng may ra nửa bước làm nên, khiến cho những người thường - điệu đều sinh lòng vọng - tưởng, thế mà muốn mong phong-tục hậu thì sao thể được, gần mấy năm nay những người phác-chuyết ít dần đi, mà những kẻ xảo-tiến thêm nhiều ra, xin Bệ-hạ thương mà cứu lấy, lấy gián-dị làm phép, lấy thanh-tĩnh làm lòng, thì dân-đức tự-nhiên qui-hậu, hẳn sở-dĩ mong Bệ-hạ hậu phong-tục là vì thế.

« Đấng tổ-tông ta vẫn ủy - nhiệm chứa quan đài-gián, chứa từng bắt tội người cảm-ngôn, nếu có khiên-trách một chút, rồi lại siêu-thăng ngay, cho phép nói mà không có trách-cứ quan-trưởng, giá có nói đến vua thì đấng thiên-tử cũng cải nét mặt, có việc gì quan-hệ đến miếu-đường thì quan Tề-trưởng phải chịu tội. Các quan đài-gián vẫn là vị-tất đã hiền cả, mà những điều sở-ngôn, cũng vị-tất đã phải cả, nhưng cũng nên dưng lấy cái nbuệ-khi, mà phó cho lấy trọng-quyền, có phải suông đầu, là cốt để tòa-chiết cái manh-tâm của kẻ gian-thần vậy. Nay đương lúc pháp-lệnh nghiêm-mật, triều-đình thanh-minh, quyết không lẽ nào lại có kẻ gian-thần, sống nuôi mèo để trừ chuột, chẳng nên lấy là không có chuột mà lại chỉ nuôi cái thứ mèo không biết bắt chuột; nuôi chó để giữ trộm, chẳng nên lấy là không có trộm mà lại chỉ nuôi cái thứ chó không biết

cắn kẻ trộm Bệ-hạ trên chẳng nghĩ đến cái ý đấng tổ-tông đặt ra chức gián-quan, dưới vì con cháu phòng giữ muôn đời. Thần có nghe thấy những lời bàn của các bậc trưởng-lão đều bảo rằng các quan đài - gián nói gì vẫn thường theo công-nghị của thiên-hạ, công - nghị cho làm phải thì các quan đài-gián cũng cho làm phải; công-nghị có kích-thích thì các quan đài-gián cũng kích-thích theo. Nay lời vật-luận sôi - nổi, oán-thán om-xòm, lời công-nghị ở đó cũng đều biết cả đấy, mà các quan chẳng ai dám nói gì; thần sợ rằng từ nay về sau cứ tập giữ thói quen mãi, thì các quan đài-gián đều là người riêng của quan chấp-chính, đấng nhân - chủ rồi đến có-lập một mình, kỷ-cương đã hỏng đi rồi sinh ra lắm việc, thần sở-dĩ mong Bệ-hạ giữ lấy kỷ-cương là vì thế vậy. »

PHÊ-BÌNH. — Hoàng-Chân 黃震 đời Tống có phê-bình bài văn trên này của Đông-pha nói rằng : « Văn như trường-giang đại-hà chảy tuột đi nghìn dặm; đến những chỗ hùng-hồn lưu-chuyển khác-chiết biến-hóa thì linh-diệu không biết đâu mà kể. Đương lúc tuổi trẻ khi-nhuệ, muốn những quét sạch điều tục-tê, canh - trượng biển - đời trăm phép, có cái phong như Giả Thái-phó giở nước mắt mà dâng thư lên vua Hán, lời nói thực là thiết trúng đến những điều ân-tình của dân, phát-đương khăn-thiết, dẫu ở trên chốn lang-miếu sùng-cao, mà đọc đến bài văn cũng như là trông thấy cái tình-trạng ai-thống chốn lư-diêm, không thể không cảm-động được, thực đáng đề thùy-huấn muôn đời.

An-Thạch với Văn-trung vì chính-sách mỗi người một khác không giống nhau, mới sai quan Ngự - sử là Tạ

Cảnh-Ôn (1) kể lời Văn-trung ra mà tâu lên, cùng trị mãi mà không xét được gì, Văn-trung cũng không biện-bác một lời nào, chỉ xin bỏ ra ngoài-nhiệm để tránh xa, ông được bỏ ra thông-phán Hàng-châu. Hàng-châu là nơi danh-thắng ở phía đông-nam, ông ra đây chỉ uống rượu ngâm thơ, sướng-phát thiên-cơ lấy làm vui-thú, chứ không nghĩ là mình phải thiên-chích, mà cũng không bỏ trễ việc công. Khi ấy các nơi đều phải thi-hành phép thanh-miêu, phép miên-dịch và phép thi-dịch, đất Chiết-tây lại kiêm thi-hành cả phép thủy-lợi và phép thuế muối, ông tuy vẫn phải tuân theo phép mà làm cốt cho tiện dân thì thôi; nên dân cũng được tạm yên.

Khi ấy sứ nước Cao-ly vào cống, kể sứ-giả dám khinh-miệt cả quan châu quận; những quan bạn-tổng sứ Cao-ly đều là kẻ quản-khố trong bản-lộ cũng dám thừa-thể kiêu-hoạnh, cùng sánh lễ với quan bản-hạt. Văn-trung sai người bảo rằng: « Kể viển-di nó hám-mộ giáo-hóa mà lại cống, lễ nó phải kính-thuận; nay dám giồng-càn như thế, chẳng phải mày suy nó thì nó không dám thế, không chừa đi thì ta tâu lên vua đó! » Kẻ bạn-tổng sợ cũng phải nhụt bớt đi. Sứ Cao-ly đưa tống-lễ cho các quan-lại, trong tờ thư đưa đến chỉ đề giáp-tí, Văn-trung từ-khước trả lại mà rằng: « Cao-ly đối với bản-triều phải xưng thần, mà lại không tuân-phụng chính sóc, thì ta sao dám nhận lễ. » Sứ Cao-ly phải viết thư khác đề niên-hiệu Hi-ninh, rồi ông mới nhận lễ, lúc ấy ai cũng cho là đặc-thể.

Ông làm quan ở Hàng-châu ba năm, kể lại và dân đều kính-sợ mà yêu-

mến, đến khi bãi đi, cũng còn gọi là quan Học-sĩ mà không gọi đến họ tên. Năm Hi-ninh thứ bảy, phải thiên đi tri Mật-châu, cuối mùa thu năm ấy ông từ-biệt Hàng-châu. Khi ấy đương thi-hành phép thủ-thực 手實, bắt dân phải khai tài-sản để định thứ bậc các hộ, lại cho tố-cáo những người khai không thực. Khi ấy quan Tư-nông lại sức xuống các lộ phải bắt-thời thi-hành phép mới, nếu trái thì luận về tội vi-chế. Văn-trung bảo quan đề-cử kho thường-bình rằng: « Cái tội vi-chế nếu tự triều-đình luận tội, thì ai mà chẳng chịu, nay ra tự lệnh quan Tư-nông, thế là tự chuyên dám đặt ra luật, là nghĩa gì? » Sứ-giả thất-kinh mà rằng: « Ông hãy khoan tâu việc ấy ». Chừa được bao lâu, triều-đình cũng biết phép thủ-thực là hại, bãi bỏ đi.

Năm Hi-ninh thứ tám, mùa đông, ông có làm bài tựa phú kỹ-cúc nói rằng: « Ta từ khi ra làm quan đã mười chín năm, mà nhà lại càng nghèo, khi ra giữ đất Giao-tây, mà trong trai-phòng nhà bấp vãng tanh. » Kể từ khi đỗ ra làm quan đến giờ vừa mười chín năm, làm quan mà vẫn nghèo, há người khác hay vì bằng được. Từ châu Mật lại đổi sang Từ-châu.

Năm Hi-ninh thứ mười, sông Hà lở to ở khúc thuộc về Đan-châu Tào-thôn, mà châu Từ chính là nơi xung-kích. Tự khi trước khai con sông thẳng, thủy-thế lại càng bành-trướng, ruộng nương ngập cả, vỡ lở tứ-tung, ngọn sông bắc-lưu lấp đứt đi mất, dòng sông Hà chảy về phía nam, phía đông chảy giót vào lạch Trương-trạch dưới núi Lương-sơn, phân ra làm hai dòng: một dòng hợp với Nam - thanh-hà,

(1) Cảnh-Ôn kết-hữu với An-Thạch, nên mới được sậu-tiến làm chức Thị-ngự-sử. Tư-Mã Quang đã thường tiến cử Văn-trung làm gián-quan; đến đây Phạm Cảnh-Nhân lại tiến-cử, bị phải Cảnh-Ôn bài-bác, sợ rằng ông làm gián-quan lại đàn-hặc đến An-Thạch.

rồi chảy vào sông Hoài ; một dòng hợp với Bắc-thanh-hà rồi chảy ra bể, tràn khắp cả bốn-mươi lăm quận-huyện, thực là một việc tai-hại lớn, mà lại chính vào lúc Văn-trung đương cai-trị đất Từ, ý hẳn trời muốn đem cái việc bàn-cán thác-tiết ấy để thử xem cái đồ lợi-khi chẳng.

Khi ấy nước sông Hoàng-hà tràn vào Từ-châu không chảy thoát đi đâu được, thành Từ-châu sắp bị lở, những nhà giàu xô nhau chạy ra ngoài để tránh nước lụt, Văn-trung nói rằng : « Nhà giàu nếu bỏ chạy trước, thì dân-tâm dao-động, ta cùng với ai giữ được thành, ta còn ở đây thì nước quyết không phá lở thành được.» Lại xua những người nhà giàu trở lại, ông tự chống gậy đi guốc thàn đi đến dinh Võ - vệ, gọi người đội - trưởng bảo rằng : « Nay nước sông Hà sắp làm lở đến thành, sự nguy - cấp lắm, dẫu là cấm-quân cũng phải hết sức giúp ta.» Kể đội-trưởng mới hô lên rằng : « Quan Thái-thủ còn không tránh lằm-lội, chính là lúc lũ chúng ta phải liều mình cứu-giúp.» Người đội-liên cầm gậy vào trong quân ngũ, đem cả quân-linh ra đều áo cộc đi chân cầm thừng cước kéo ra đắp một khúc đê dài về phía đông-nam, bắt đầu từ Hí-mã-đài cuối cùng liền vào với châu-thành. Đê đắp xong thì nước vừa tràn đến chân đê, chớ không hại gì đến thành, dân-tâm mới yên, Song trong hai ngày hai đêm vẫn chưa vững, thế nước vẫn còn hăng, nước đã hồ thấm lậu vào đến thành, Văn-trung làm túp ở luôn trên mặt thành, chẳng trở về nhà, sai các quan lại chia từng đoạn ra canh giữ, mới giữ toàn vẹn được thành, việc ấy đến tai vua, xuống chiếu ban khen. Khi ông ở Từ-châu có tâu sớ về triều luận những điều trọng yếu ở châu Từ và bày cái phương phòng-bị rất kỹ-càng. Chữa được bao lâu lại đổi đến Hồ-châu, đảo-

nhậm mới được ba tháng, thì cái ngu vẩn-tự đã khởi lên.

PHÊ BÌNH.— Kể sĩ-phu sinh gặp lúc đời loạn, mà được cầm quyền ở trong tay, hưng điều lợi trừ điều hại, đặt nhà-nước đề vào nơi bàn đá cho vững, đất quốc-dân ở vào nơi đệm chiếu cho yên, như thế thì thực là may lắm. Nếu còn phải khuất ở bậc hạ-liều, hạn về chức-thủ, cục súc như con ngựa cầu còn mắc trong vòng xe, như thế thì có kẻ bỏ quan mà cáo về, có kẻ chỉ uống rượu ngâm thơ chẳng chính-lý gì đến việc dân cả. Đông-pha thì không thế, đã không có phép gì để ngăn chỉ tân pháp bãi đi, thì lại mong những lúc phụng-hành sao cho ủy-khúc cầu-toàn, hề mà quan trên tận tâm được một phần, thì dân cũng được thêm ích một phần, mà tức là vì nhà nước giữ được một phần nguyên khí.

An-Thạch bày ra tân-pháp chỉ tất thi-hành ; những kẻ su-thời lại hay bày về thêm ra đề dựa nịnh quan Tể-tướng. Dạy có Đông-pha dám trước mặt biện chiết quan Đê-cử, thì can - đảm biết chừng nào !

Cái phép thủ - thực là vì cái phép miễn dịch nộp tiền còn có kẻ chữa đên, Lã Huệ-Khanh mới lập ra phép ấy, trước nhất do quan đặt ra vật-giá nhất-định, rồi bắt dân khai cả ruộng đất nhà ở, tài-hóa và súc-sản, cứ tính theo cái giá nhất - định ấy, hề đáng giá tiền năm phần thì chịu một phần tiền lãi, nếu không phải là đồ dùng và thóc ăn mà ăn-lậu đi, thì cho cáo-giác, kẻ nào cáo-giác được dịch - thực thì lấy một phần trong ba phần của giác ra ấy thưởng cho. Phép ấy đã làm sẵn ra thành mẫu sức cho dân, dân cứ y theo mẫu ấy khai ra nộp quan huyện, quan nhận lấy biên vào sổ, và kẻ giá cáo hạ phần làm năm bậc. Làm như thế thì tổng-cộng biết dịch được số tiền-lý vật - sản của dân trong một huyện, rồi lại hợp với số tiền về ngạch thuế dịch trong cả huyện, mới

định hẳn ra cái số tiền phải thâu nộp. Phép thuế ấy cũng hơi giống như thuế tài-sản và thuế sô-đắc của các ngoại-quốc bây-gì. Song các nước người ta làm thì không hại dân, là bởi dân-quyền đã phát-đạt, quan-lại không hay lừa dối, tuy rằng kẻ trên người dưới đều tranh lấy lợi, mà cũng không thấy có sinh ra hiểm-tượng gì.

Đời sau mà bày ra cái « ngục văn-tự » là khởi-thủy tự đời nhà Tống, kẻ tiểu-nhân muốn làm hại người quân-tử, không bói ra được tội gì, mới moi-móc đến văn-thơ lại khéo đặt để bịa-tạc thêm ra, để làm cho vua phải tin, mà cái người mắc tội cũng không sao mà nói tỏ ra được; cái phong ấy đã khai ra, khiến những người bị thiên-chích dẫu muốn khiếu-ca ngậm-vịnh hưởng cái thú tự-do về đường văn-tự, cũng không thể được nữa. Một đời Văn-trung, thực là mắc phải cái nỗi khổ ấy lắm, người bạn thân ông là Văn-Đồng 文同 đã có câu rằng: « Gặp khách chớ bàn chi chuyện chữ, cảnh hồ cầu đẹp chia thơ thôi 北客若來休問字, 西湖雖好莫題詩 ». Mười bốn chữ thơ ấy thực là truân-cần răn bảo ông Văn-trung vậy.

Nguyên từ khi An-Thạch cầm quyền-chính, biết đời thành-pháp, Văn-trung bụng vẫn không cho làm phải, nhưng miệng không dám nói ra, mới theo cái nghĩa thi-nhân ngày xưa, mượn việc khác để nói bóng, may ra có bề - cứu cho việc nước chẳng. Kể gièm nghe thấy mới đem những câu văn-thơ ấy ngày đêm la-chức, muốn gán vào tội chết, mà Văn-trung vẫn không biết. Năm Nguyên-phong thứ hai, tháng bảy Văn-trung đương trị Hồ - châu, thì có quan Trung-thừa Lý-Định, Ngự-sử Hà Đại-Chính, Thư - Đai dâng sớ kể tội Văn-trung từ năm Hi-nh đến nay làm ra nhiều văn thơ nói báng bỗ quân

phụ và giao thông với những kẻ thích-lý, bị bắt đưa vào ngục đài Ngự-sử, xuống chiếu cho Định và lũ Đại-Chính tra hỏi trị tội. Lũ người Định môi-nghiệt khệp cho Văn-trung vào tội phỉ-báng vu - mạn, có bốn điều đáng giết.

Lúc ấy bà Thái-hoàng-thái-hậu Tào-thị đương đau, nghe tin, vội bảo vua rằng: « Hầy hoãn cái án ấy lại. » Vua nói: « Xin cần theo lời dạy. » Khi ấy có Ngô-Khắc hết sức cứu gỡ cho, nên vua cũng thương tình. Anh An - Thạch là An-Lê thung-dung tâu với vua rằng: « Từ đời xưa ông vua đại-dộ, không có lấy ngôn-ngữ mà bắt tội người. Người Thức cạy mình tài-giỏi tự phẩn-chấn, nghĩ rằng tước lộc có thể lấy được ngay, thế mà vẫn phải let-đet như thế, thì trong tâm không khỏi có khuyết-vọng. Nay nhất-đán phải mắc đến tội-lỗi, sợ rằng đời sau người ta bảo Bệ-hạ không hay dung kẻ tài. » Vua nói rằng: « Trẫm không nghiêm-gia khiến-trách đâu, rồi cũng vì khanh mà tha cho đó. Nhưng đừng nói lộ ra, vì Thức đương mua oán với cả mọi người, sợ nói lộ ra thì họ lại nhân thế mà làm hại lấy cả đến khanh đó. »

Khi ấy đương rên-đức khệp cho thành tội, chỉ lấy những câu văn đề chứng-cứ làm thiết-án, như là Văn-trung khi bỏ đến Hồ-châu trong bài tạ biểu có câu rằng: « Ngu chẳng biết thời, khó nổi theo đời bậc tân-tiền; già không sinh sự, hoặc hay chặn dặt kẻ tiểu-dân. » Câu ấy họ cho làm báng-bỗ. Lại câu thơ rằng: « Con trẻ bảo nhau rằng sường nhi 贏得兒童語音好, một năm già nửa ở trong thành — 年強半在城中. » Câu ấy thì cho là chê phép thanh - miêu, bắt dân phải chịu khổ, phải đi phu - dịch. « Học hàng bô chữ không học luật, 讀書萬卷不讀律, còn biết thuật gì giúp được vua 致君堯舜終無術. » Câu ấy thì cho là chê bai cái phép thi học

trò. Bề đông nếu biết chiều lòng chúa
 東海若知明主意, ruộng muối nên
 toàn biển ruộng dâu 應教斥鹵變桑
 田. » Câu ấy thì cho là bài bác việc
 đánh thuế muối. « Quên mùi nào
 phải ham nghe nhạc, 豈是聞韶解忘
 味, ăn nhạt chừng đâu mấy tháng
 nay 邇來三月食無鹽. » đó cũng
 cho là chê việc cấm muối. Câu
 thơ vịnh cây Cối rằng : « Rễ
 thấu suối vàng không uốn khúc
 根到九泉無曲處, lòng ngay rỗng đất
 biết cho chăng 些間惟有蟄龍知. »
 Câu này cho là có ý vô-quân, ông vua
 thì trọng như phi-long ở trên trời, mà
 lại nói là rỗng ở dưới đất, thì thực là
 có cái bụng bất-thần. Miệng người bịa
 tạc đáng sợ lắm thay !

Thư Đản lại nói đến quan Phụ-mã
 đô-túy là lũ Vương Sần 王諶, mà ông
 Văn-trung cũng đi lại bề đảng vào đó.
 Thịnh-Kiền, Châu Mân thì không kể
 làm gì, còn như Văn - trung và Tư-Mã
 Quang 司馬光, Trương Phương-Bình
 張方平 Phạm Trấn 范鎮, Trần Trương
 陳襄, Lưu Chi 劉摯 đều là người đã
 học đến sách đảng tiên-vương, mà ăn
 ở như thế, có thể bỏ qua đi mà không
 giết được chăng. Suy ý những kẻ tiểu-
 nhân chỉ là mượn truyện ra để làm
 hại mọi người hiền ; nhưng vua không
 nghe, chỉ biếm Văn-trung cho ra làm
 chức Đoàn-luyện phó - sứ ở Hoàng-
 châu và an-trị ở đó. Em là Triệt 轍 và
 Vương Sần đều phải biếm-chích cả.
 Trương Phương-Bình, Tư-Mã Quang,
 Phạm Trấn một lũ hai-mươi hai người
 thì phải phạt tiền đồng.

Đương lúc việc ngục khản - cấp,
 con trưởng ông là Mai 邁 vẫn phải
 đưa cơm vào cho ông ăn, có hèn
 rằng cứ việc ngày thường đưa cơm
 thì có hai món ăn là rau với thịt ; nếu
 có tin gì bất-trắc thì đôi hai món ấy đi
 mà đưa món cá. Mai vẫn cần giữ đã
 được hơn một tháng ; chợt khi bận việc
 phải đi vắng mới cậy người thân đưa
 hộ, lỡ quên đi lại đưa món canh cá.
 Văn-trung thấy món ăn khác sợ giạt
 mình, tưởng rằng mình không thể khỏi
 tội được, mới làm bài thơ quyết-biệt
 cùng em, có câu rằng : « Lửa nóng hòn
 bay mệnh tựa gà 魂飛湯火命如鷄 »
 Câu thơ ấy thế nào truyền đến trong
 cung-cấm, vua Thần-tôn đọc lấy làm
 cảm-động lắm, mới gia ân xá cho.
 Thế là Văn-trung vì thơ mà phải tội,
 sau lại vì câu thơ mà được khỏi chết.

PHÊ - BÌNH. — Những kẻ ghét Tô
 Văn-trung nó chỉ rên đục bịa tạc ra để
 định hãm hại Văn-trung cho đến chết,
 vẫn là quá đáng. Nhưng Văn-trung
 đương lúc hạ bút làm thơ, cũng không
 khỏi có ý cậy tài cuồng-phóng, để lộ
 hấn-khích ra cho người ta chỉ-trích
 được. Ta vẫn không muốn tha thứ cho
 bọn họ Hà họ Thư nó chỉ bịa đặt
 gièm pha, nhưng cái thói mượn đề
 thác-phúng lấy câu văn-chương làm
 đùa, cũng không phải là cái đạo minh-
 triết bảo thân vậy (1).

Vua Thần - tôn thủy-chung vẫn
 thương tiếc Đông-pha, lúc phải giam
 trong ngục, vua có mật sai kẻ Hoàng-
 môn vào thăm xem, sợ rằng phải chết

(1) Vương Ứng-Lân có bảo rằng văn-chương Tô Đông-pha vẫn hay có giọng
 chê-bài bài-bác. Tống-nhân tiểu-thuyết cũng bảo rằng : Đông-pha ở đời Nguyên-
 hựu vẫn hay cậy tài khinh-nhờn cả các quan Công Khanh, duy đối với Tư-Mã
 Ôn-công là không dám có điều gì khinh trọng. Một hôm, Đông-pha có cùng Tư-
 Mã-công bàn về cái lợi hại phép miễn-dịch sai-dịch, ý-kiến không hợp nhau.
 Đông-pha khi trở về đến nhà vừa mới chột khăn bỏ đai ra, liền nói to lên rằng :
 « Tư-Mã trâu ! Tư-Mã trâu ! »

với tay kẻ ngục-lại chẳng. Vương Sần cũng là kẻ hiền trong bọn qui-thích, đương lúc Đông-pha từ Hồ-châu bắt giải về giam trong ngục, kẻ thân-bằng đều tuyệt không ai dám cùng giao-thông. Khi đưa Đông-pha qua đất Quảng-lãng, Sần đến tương-kiến, kẻ dài-lai không cho vào tiếp-kiến với Đông-pha, hoặc kẻ bảo rằng : « Ông cùng với Thức tương-tri đã lâu, nếu có những thư từ giấy má đi lại, thì nên đốt cả đi đừng để làm gì, không khéo thì bị tội lây đấy. » Sần nói : « Nếu thế thì đối vua phụ bạn, ta không nỡ làm, lấy lòng trung nghĩa mà cùng chịu chung phần khiển-trách thì ta cũng đành lòng. »

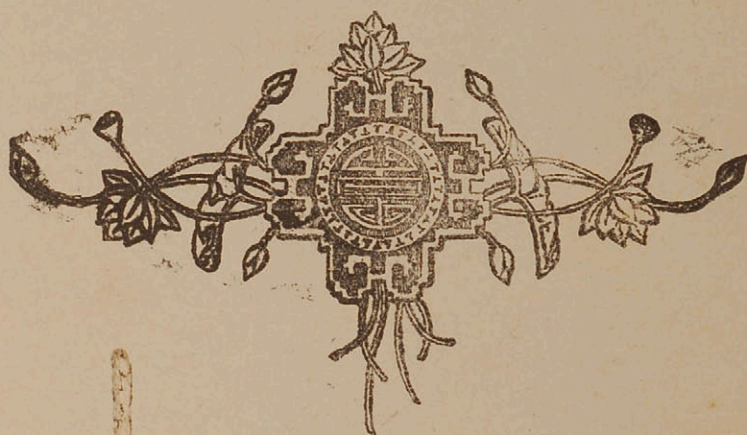
Trong năm Hi-ninh, có ông Ưông Phụ-Chi 汪輔之 ở Tuyên-châu lấy là chức Lang-trung mà phải bỏ làm quan Chuyển-vận-sứ Quảng-nam. Khi ấy Sái Sác đương làm ngự-sử, trích lấy hai câu trong tạ-biểu rằng : « Thanh-thời hữu vị, bạch thủ vô năng 淸時有味白首無能. » Cho là lời oán-báng, bị biếm ra Kiên-châu rồi mất. Đó là lúc khởi-thủy lấy văn-tự la-chức mà buộc tội cho người. Sau Sác ở An-châu, thường ra chơi Xa-cái-đình có làm mười bài thơ, quan tri Hán-dương-

quân là Ngô Xứ-Hậu đem những bài thơ ấy thích nghĩa ra từng chữ rồi dâng lên vua cho là có ý sàm-báng. Sác phải đày ra Tân-châu rồi chết. Oan oan tương báo, thiên-đạo hiểu-hoàn, chỉ khổ vì người ta không tự biết đó thôi. Trong năm Nguyên-hựu, những kẻ tiểu-nhân đều lấy cái thuật ấy để vu hãm Đông-pha, rồi cứ tương truyền mãi đi, đến khoảng năm Nguyên-phù Sùng-quân cái thuật ấy lại càng thịnh, rồi truyền sang đến Nam-đô, lũ Hàn Sử 韓史 cũng lấy cái thuật ấy để bài-sích thiện-loại, hề người nào nói một lời không hợp với Tần-Cối 秦檜, thì phải chết đến phi-mệnh ngay, kẻ sĩ-phu bị hại nhiều lắm, đều là nó xui các quan Ngự-sử hặc kẻ những câu văn thơ đề mà bắt tội. Chu Nguyên-Hối cũng phải chịu cái hại ấy, đương lúc xu-hoạn mà trông thấy những tờ thư-trát của Văn-trung đều lấy làm khen ngợi qui-trọng, đó cũng bởi đã trải qua đường hoạn-nạn, rồi mới biết Văn-trung sở-đĩ bị nạn cũng là chỉ bởi câu văn, nên mới lấy làm thương cảm vậy.

(Còn nữa)

Nguyễn Hán-văn của Tôn Dục-Tu

ĐÔNG-CHÂU dịch



NGHI-LỄ PHỔ-THÔNG (1)

IV

IV. — CÁC TẾ LỄ

Lễ hạ thọ 賀壽

Các nước văn - minh trọng người thiếu-niên, cho nên lễ thọ không có giảng đến, tục Á-châu ta trọng người có tuổi, vì người có tuổi đã trải việc đời và biết nhiều sự lạ. Vậy đáng nên qui, đáng nên trọng, đừng có mượn tiếng văn-minh chuông người thiếu-niên mà khinh người lão-đại.

Như thế thì người ta ở đời khi ít tuổi không lễ gì trọng bằng lễ hôn, đến khi nhiều tuổi không lễ gì vui bằng lễ thọ.

Đạo làm con thờ cha mẹ, khi lão-cánh cũng nên làm một tiệc thọ, để cha mẹ vui-vẻ cùng các cháu và họ đưng, khi bách-tuế, việc tang-lễ thời nên tỉnh-giảm.

Nghĩ-tiết

Bày một cái chiếu thọ ở giữa nhà, hai bên để khoản-đãi họ hàng và tân-khách, đàn ông thì ngồi bên tả, đàn bà thì ngồi bên hữu, trước chiếu thọ đặt một cái án, trên án đặt một cái lư-hương đốt trầm-hương, bên ngoài án giải chiếu để con cháu làm lễ thọ; bên đông bên tây đều đặt kỷ, trên kỷ thì đặt cái chúc-bản, và khay rượu cùng hoa quả bánh trái.

Con trưởng chủ-tịch vào tuần sơ-hiến, con thứ vào tuần á-hiến, chung-hiến, con dâu con gái thì dâng hoa quả cùng bánh trái, cháu trai thì tiếp khách đàn ông, cháu gái thì tiếp khách đàn bà, hoặc cử con gái, chàng rể cũng được.

Trước lúc ấy mời cha mẹ đến chỗ tiệc thọ, rồi cử hai người quen việc nghi-lễ để vào giúp lễ. Nhạc - công đứng hai bên.

Xướng : hành thọ-lễ. Tụ-liệt, cử-nhạc, tham-lễ cúc cung bái, hưng bái, (hai lễ) bình-thần. Nghệ án-tiền, qui, giai qui, tuyên khải thỉnh từ.

Cử người tiếng tốt tuyên rằng :

*Tuổi hạc trời cho, ơn nhờ phúc tổ ;
Nhất thọ gì hơn, trước trời thực khó ;
Gặp buổi thanh-nhàn, tiết xuân tới đó ;
Tuân theo lễ thường, xin làm tiệc thọ.*

Cử người thay lời bố mẹ đáp lại rằng :
*Ea thọ đa nhục, nhớ lời cồ - lục ;
Bày giở xa hoa, không ưa thói tục ;
Mừng có họ hàng, cùng hưởng thọ
khang ;*

Ư lời cầu thỉnh, đặt tiệc rượu thường.

Xướng: Phủ-phục, hưng, bình-thần, phụ-vị, tiến trà, tiến soạn, (đều người chấp-sự).

1) Sơ hiến thọ tửu lễ, nghệ thọ-diên tiền.

Chủ-nhân lên, hai người chấp-sự bưng khay rượu khay chén đi theo hai bên. Quy, chাম-tửu, tiến-tửu.

Nhạc-công tuyên lời chúc thọ rằng :

*Một tuần chúc chén quỳnh-trương,
Gió xuân phơi-phới mùi hương ngát-
Trời cho phúc lộc dồi-dào, [ngáo.
Tiệc hoa thêm gấm rượu đào thêm xuân.*

Chấp-sự tuyên văn chúc-thọ rằng :

*Gương ti - tuyết treo trên trướng
gấm, vui cảnh thanh-nhàn ; áo ban-lan
múa trước sân Lối, dải lòng kính mộ.
Báo đáp ba xuân 5 đền bồi tác cổ.*

(1) Xem Nam-Phong số 116-148.

Kính song-đường :

Chín chữ cũ-lao ; trăm đường cần-khò.
 Lỗi đực vun tròn ; nền nhân tu-bồ.
 Kính thờ tiên tổ ; vẹn đạo tảo-lần.
 Dạy bảo đầu con ; giữ đường qui-củ.
 Lo-thơ tóc bạc, hiếu - tâm xin đội đực
 nghiêm đường ; ghi tạc lòng vàng,
 nghĩa huân dấm quên lời hiền-phụ
 Công sinh - thành so sông Nhị càng
 sâu ; ơn các-dục đối non Nùng chẳng
 nhỏ.
 Sợ lúc bóng ô gần xế (1), mùi trần-
 cam báo-bồ chưa từng ; mừng nay tuổi
 hạc càng cao (2), đường sự-nghiệp tu-
 hành phải cố
 Ngẫm đến chữ tre già măng lại mọc,
 mong sao giữ nếp cơ cừu ; nghĩ về câu
 cây lặng gió chẳng dừng sớm phải đến
 ơn nhũ bộ.
 Trước đội ơn trời ; sau nhờ phúc tổ.
 Con đồng cháu đàn ; trời che phật độ.
 Ước được tám - mười tuổi, đến chín
 mười-mười tuổi, vãn-phúc còn nhiều ;
 Chẳng những một tiệc mừng, lại
 thêm năm bảy tiệc mừng, tiết xuân tới
 đó.
 Quỳnh-tịch hương đưa ; thiêu - quang
 bóng lổ.
 Trên chiếu gấm dằng đào Tây - mẫu,
 chúc chữ thiên-xuân ; dưới thềm hoa
 rớt chén Nam-son, mừng câu vạn-thọ.

Lại một thề :

Nhà quan mừng thọ bố mẹ
 (hai câu mở cũng theo hai câu mở bài
 trên)
 Mừng nay : nghĩa mẹ công cha ; ơn
 trời phúc tổ
 Nhẹ được công-danh ; nhờ duyên hội-
 ngộ.

Đường hoạn - hải khỏi cơn sóng gió,
 lộc nước vể-vang ; chốn danh-trường
 trải trận sấm mưa, lòng trời a-hộ.
 Bồ lúc phong-trần ; nhờ ơn vũ-lộ.
 Da mồi tóc bạc trên hai đường đều
 được sinh-phong (3) ; bề rộng non cao,
 ơn chín chữ còn mong báo-bồ.
 Tinh ngoại mười năm giông ruổi,
 mây bạc cách xa ; mừng nay một tiệc
 vui vầy, tiết xuân vừa đó.
 Lan quế hương đưa ; thông huyền
 bóng lổ.
 Đào Tây-mẫu dằng trên chiếu gấm,
 chúc chữ thiên-xuân ; chén Nam-son
 rớt dưới thềm hoa, mừng câu vạn-thọ.
 Muôn đội trời xanh, tấc lòng con đỏ.

Xướng : Phủ-phục, hưng, bình-thân,
 phục-vị, thù tằn, quân hiển.

Chàng rẽ con dâu hoặc cháu trai
 cháu gái tới bên chực đãi khách, người
 chấp-sự bưng rượu theo sau.

2) Á-hiến thọ tửu lễ, quy, châm tửu,
 tiến tửu, (theo như tuần sơ-hiến).

Nhạc-công tuyên chúc thọ rằng :

Hai tuần rớt chén đào tiên,
 Một nhà lan trúc đoàn-viên vui vầy.
 Nền nhân cõi phúc tu đầy,
 Tuổi ngày thêm mạnh cảnh ngày thêm
 xuân.

Pủ phục, hưng, bình-thân, phục-vị,
 thù tằn, quân hiển, (theo như tuần sơ-
 hiến).

3) Chung hiến thọ tửu lễ, qui châm
 tửu, tiến tửu, (theo như tuần á-hiến).

Nhạc-công tuyên chúc thọ rằng :

Ba tuần chuốc chén vừa say,
 Bàn-đào hương ngát chén đầy chén vơi.
 Bảy-mươi tám chín mười mười,
 Ôn trời càng hậu tuổi trời càng cao.

(1-2) Nếu bố mất lễ còn thì đổi làm : Từ thũu xuân - đường khuất bóng, mùi trần-cam báo bồ chưa từng ; mùi hương nay huyền-thất thêm tươi, sự - nghiệp tu-hành phải cố. Nếu bố còn mẹ mất thì đổi làm : Từ thũu nhà huyền khuất bóng, mùi trần-cam ... ; mừng nay gốc tử vừa ôm, đường sự-nghiệp ...

(3) Hai chữ sinh-phong hoặc đổi làm hiển - vinh.

phủ phục, hưng, bá, hưng, bình-thân, nghệ độc-chúc-vị, qui, giai qui, độc chúc-văn (người đọc chúc đứng bên tay trái người chủ).

Chúc-văn :

Duy, Hoàng-hiệu. . . năm. . . tháng. . . ngày, mô phủ huyện xã, hiếu-tử mô quan tước kính cáo hiền-khảo mô quan phủ-quân, hiền-tử mô phong mô thị, trước linh vị cáo rằng :

Công cha nghĩa mẹ, non bể khôn lường.
 Ôn vua phúc tổ, may được vẻ-vang.
 Truy phong bố mẹ, ơn kịp tuổi vàng.
 Nửa mừng nửa sợ, vừa nhớ vừa thương
 Tắc thành kính lễ, làm lễ phần-hoàng.
 Hồn thiêng chứng giám, phảng-phất
 khói hương.

Lại thẻ văn tế chữ nho :

Hoàng-hiệu mô niên nguyệt nhật, mô phủ huyện xã, hiếu-tử mô quan tước danh, cảm chi cáo vu . . . Hiền-khảo mô quan phủ-quân (1). hiền-tử mô phong (2) mô-thị vị tiền viết :

Mô danh, tuân thừa tiên huấn,
 lam-liệt Triều-khanh.
 Hoàng ơn vu ốc, suy cập sở sinh.
 Chi thừa cáo mệnh, hỷ cụ giao tình.
 Phát thẳng truy mộ, dụng dĩ phần hoàng.
 Phục duy giám cách, mạo đạt tiềm-linh.
 Cần phụng tuyên độc, thực hiệu dan
 thành.

遵承先訓。濫列朝卿。皇恩優渥。
 惟及所生。祇承誥命。喜懼交并。
 弗勝追慕。用以焚黃。伏惟監格。
 冒達潛靈。謹奉宣讀。式表丹誠。

Tuyên độc sắc-chê

(Một người Lê - sinh đứng trước hương án hướng mặt về đông mà đọc xong, người lễ-sinh để sắc ở trước án lưi ra)

Phủ phục, hương, bá, hưng, bình-thân, phục-vị. Á-hiến-lễ, nghệ hiền-khảo hiền-tử thần-vị-tiền, qui, tế-tử, điện-tử, phủ-phục, hưng, bá, hưng, bình-thân, phục - vị. Chung hiến-lễ, nghệ hiền-khảo hiền-tử thần-vị tiền, qui, tế-tử, điện-tử, phủ-phục, hưng, bá, hưng, bình-thân - phục - vị, hựu thực, diễm-trà, phần - hoàng, (đốt ở trước hương-án và đem chúc-văn đốt một thẻ .

Từ-thần cúc cung bá, (bốn bá), bình-thân, lễ tất.

Lễ sinh-phong 生封

Nghi-tiết theo như lễ phần-hoàng, nhưng phải sửa đổi lại ít nhiều, như chữ « tham thần » đổi làm chữ « tham-lễ » chữ « hiền-khảo hiền-tử vị tiền » đổi làm chữ « song-đường thị-hạ », chữ « từ-thần làm chữ « tạ lễ », « tuyên chế-từ », chữ không có « phần-hoàng », bố mẹ được sinh-phong mà tiện nhip làm lễ thượng - thọ, thời châm - chước theo như lễ thượng-thọ mà làm, đổi câu « khải thỉnh-từ » làm câu « tuyên độc cáo-mệnh ». Câu huấn-từ đổi làm câu khác. Đến như cha còn mẹ mất, hoặc mẹ còn cha mất thì phải làm cả lễ sinh-phong và lễ phần-hoàng.

Lễ phong tiết-phụ 封節婦

Đàn bà góa trẻ, thờ chồng nuôi con, giữ chí không chịu đi lấy chồng khác, đến năm sáu mươi mà không có tai tiếng, họ nội, họ ngoại và dân làng công-nhận là người trinh-tiết, thời mới được phong là tiết-phụ.

Nghi-tiết

Cũng theo như lễ thọ, duy câu khải-thỉnh-từ đổi làm câu khác như sau này:
 Xây cha còn mẹ, ơn nặng xiết bao.

(1-2) Bố mẹ trước chưa có phẩm - tước gì thì theo như tên hiệu thân - chủ mà viết, chữ không viết mô quan, mô phong.

Đội đức cù-lao, mong tròn hiếu-đạo.
 Công cha chưa báo, nghĩa mẹ sao đây.
 Mừng có ngày nay, vua khen tiết-
 hạnh.

Ban cho sắc - mệnh, cũng được thỏa
 lòng.

Nhân lễ tuyên-phong, xin làm liệt thọ.

Chúc-văn đôi làm bài khác như sau
 này :

Sông Vị - thủy tổ lên về ngọc, trinh-
 tiết không phai ; núi Bình-sơn ban
 xuống ơn vàng, vịnh-hoa cũng bỏ.
 Nguyễn phi ba sinh, hương thơm
 muôn thuở.

Kính mừng từ-mẫu :

Ăn ở từ-bi, ra vào qui-cử.

Dạy con dạy cháu, chăm việc canh
 nông ; khuyến rễ khuyến dâu, theo
 đường lễ-độ.

Giang-sơn một gánh, công việc lo toan ;
 tần tảo muôn phần, sớm khuya cần-
 khổ.

Nhớ tự thừa mây che núi Hồ, dầu to
 tuổi trẻ, bầm gan vàng lè với ông xanh ;
 trái mấy lâu cửa khép phòng thu,
 nắng dãi mưa dầu, gìn giá ngọc nuôi
 từng con đỏ.

Gương loan chiếu bóng, dạ cương -
 thường bia đá tạc ghi ; thuyền bách
 giữa dòng, lòng trinh-bạch bóng trắng
 soi tỏ.

May đội ơn trời ; cũng nhờ phúc tổ.

Con đồng cháu đàn ; trời che phạt độ.

Cổi thọ mong chừng trăm tuổi, về
 tranh hoàng-hạc để mà coi ; chữ trinh
 đáng giá nghìn vàng, đối bọn hồng-
 nhan không chút hồ.

Gặp buổi hoàng - gia đại - khánh, dài
 sen soi tới dẫu bèo mây ; mừng nay
 tiết-phụ vinh-phong, phận liễu được
 nhờ ơn vũ-lộ.

Lơ - thơ tóc bạc, cuộc tang - thương
 trái mấy kiếp còn đây ; chơi-chối biển
 vàng, gương trinh-liệt mãi nghìn thu
 còn đó.

Chàng con đây :

Nổi gót hòe-đình, nương mình quế-đ.
 Về tuyết-ti coi đã pha - phối ; công son-
 hải chưa từng báo-bồ.

Dàng dào Tây - mấn, dưới thêm lan
 chúc chữ thiên-xuân ; ról chén Nam-
 sơn, trên chiếu gấm mừng câu vạn-tho.

Lời huấn-từ đôi như sau này :

Nhớ lại ngày xưa, cha con số vẫn,
 Bồ liễu phận hèn, giang - sơn gánh
 nặng.

Một tấm lòng son ; hai bàn tay trắng.
 Mọi việc lo toan ; muôn phần cay đắng.
 Giữ gió gìn sương ; dầm mưa dãi
 nắng.

Mới có ngày nay, sắc vua ân lẫm.
 Tuy được hiển-vinh, vẫn còn hối-hận.
 Mong con ra người, cố công tu tấn.
 Nói nghiệp cơ - cừu, ngày thêm phần-
 chán.

Ta mới thỏa lòng, nghe lời mẹ dặn.

Tiết-phụ có ba hạng, người đàn bà đi lấy
 chồng, chưa có con trai con gái, chồng chết
 mà giữ được giá, được phong hạng nhất ; có
 con gái mà giữ chí không cải - giá, được
 phong hạng nhì ; có con trai con gái, chồng
 chết tuổi trẻ, giữ được trinh - tiết, được
 phong hạng ba.

Ngày xưa nhiều người tiết-phụ, ngày nay
 phần nhiều chỉ có hư-danh tiết-phụ đó mà
 thôi, nếu thật được là trinh-tiết, thời người
 ấy cũng đáng kính, đáng trọng, đáng nên
 làm gương cho bọn quần-thoa soi, đáng
 nên làm tiệc sang - trọng, để biếu - đưng
 những người có tiết-hạnh. Đó cũng là một
 việc khích-lệ phong-hóa cho nước nhà
 vậy.

Lễ được sắc cáo tổ

Nghi-tiết

Ngày hôm trước bài-tri đồ tế-khi ở
 từ-đường người được sắc là con thứ,
 thời người trưởng phải vào cáo tổ
 trước rằng : ngày nay em là mô hàm
 chức gì xin làm cáo tổ, cáo xong ;
 người được sắc vào chủ tế.

Xương : Cử nhạc, tự-lập, tham-thần, cúc cung bái, (bốn bái) bình-thần, giảng-thần, quán-tây, nghệ hương-án tiền, thượng, hương loại-tửu, phủ-phục, hưng, bái, hưng bình-thần phục-vị, tiến soạn, sơ-hiến lễ. Nghệ tiên tổ khảo tử thần-vị tiền, quí, lễ-tửu, điện-tửu, phủ-phục, hưng bái, hưng, nghệ độc-chức vị, quí, giai quí, độc chức-văn.

Chức-văn

Mở niên nguyệt nhật mở quán tinh-danh kính dâng lễ-vật cần cáo vu Hiền-khảo mở chức, thụ mộ phủ-quân, Hiền-tử thị mở đệ mấy hàng hủy mộ nhụ nhân.

Con đây :

Cố chí tu - hành, nhờ công dạy dỗ. Nhẹ bước công-danh, đội ơn vũ-lộ. Mừng được phần vua, cũng nhờ phúc-lộ.

Chút lễ hình-hương, dãi lòng kính mộ. Cung thỉnh cao tăng tổ khảo tử kị có di lễ muội bá thúc đệ huynh đồng lai giám-cách.

Văn tế bên hào

Đất sẵn hào hoa, trời cho phúc quả. Danh phận dễ-dàng, việc quan thanh-thỏa.

Trên đội ơn vua, trước nhờ phúc lộc. Chút lễ hình-hương, tác thành cảm tạ.

Văn tế hàng võ

Xếp nghề nghiên bút, theo việc kiếm cung.

Nhờ ơn vũ-lộ, phủ chi tang-bồng.

Vàng tờ sắc - mệnh, làm lễ tuyên-phong.

Kính dâng bạc-lễ, dãi tỏ lòng trung.

Xương : Tuyên sắc.

Cử người tiếng t t đứng trước hương-án giờ mặt về lòng mà tuyên.

Phủ-phục, hưng, bái, hưng, bình-thần phục-vị.

Á-hiến-lễ (cũng như tuần sơ).

Chung-hiến lễ (cũ g như tuần á).

Hựu thực, hiến trà, phân chúc, từ thần cúc cung bái, (bốn bái) bình-thần, lễ tất.

Tế Xuân 春祭

Nghi-tiết chàm-chước theo như lễ cáo tổ.

Thông-xương và Hoa-xương :

Tự-lập, quán - tây, nghệ hương án tiền, quí, thượng-hương, giảng-thần, loại-tửu, phủ-phục, hưng, bái, hưng, bình-thần, phục - vị, tham-thần cúc cung bái, (bốn bái) Hiến-soạn, sơ-hiến lễ, nghệ tiên-tổ thần-vị tiền, quí, lễ-tửu, điện tửu, phủ phục, hưng, bái, hưng, bình-thần, nghệ độc chức vị, quí, chủ-nhân dĩ hạ giai quí, độc chức.

Chức-văn

(Hoàng hiệu mở) niên, tuế thứ (mở), chính nguyệt, (can) nhật, tự-tử (mở), cần dĩ trai-vật thứ-phẩm chi nghi, cảm chi cáo vu Hiền-khảo (mở chức thụ mộ), hiền-lĩ (can phẩm phu-nhân) thị (mở), hủy (mở), cung thỉnh hiền-lỗ-khảo tinh (mở) qui-công, tự (mở), hiền-tổ-tử (mở) thị (kỷ hàng hiệu mở), hiền-tằng-lỗ-khảo tinh (mở) tự (mở), hiền-tằng-lỗ-tử thị (mở, kỷ hàng hiệu mở) vị tiền. Xuân vũ kị giảng, truyệt dịch sinh yên.

Cảm thời truy viên, lễ sở nghi nhiên. Cung trần thứ phẩm, thức biểu vi tiền.

雨	春	既	降。	忱	惕	生	焉。
感	辰	追	遠。	禮	所	宜	然。
恭	陳	庶	品	式	表	微	虔。

Kính thỉnh bá thúc huynh đệ có di tử muội, đồng lai giám cách, thượng-hương.

Văn tế nôm

Tiết xuân mưa móc, xúc cảnh sinh tình,

Nhớ công tiên tổ, cảm đức sinh-thành.

Kính bày lễ-vật, dâng trước tôn-linh.

Mong cùng giảng giám, bảo - hộ khương-ninh.

Phủ-phục, hưng, bài, hưng, binh-thần, phục-vị, quân - hiến, con cháu trong họ đi hai bên rót rượu chõ thờ hai bên.

Á hiến lễ (cũng như tuần so).

Chung hiến lễ (cũng như tuần á). Nghệ tiên-tổ-khảo thần-vị tiên. Quân hiến, hựu-thực, cúc cung bài, hưng, bài, hưng, binh-thần, phục vị, hiến trà, tử thần cúc cung bài, (bốn bài) binh-thần, phân chúc-vấn, triệt-soạn, lễ tất.

Muôn vật phát-sinh trước ở mùa xuân, người ta sinh ra gốc ở tiên-tổ, cho nên gặp mùa xuân làm lễ tế tổ, gọi là xuân-tế, chính là nghĩa báo-bản vậy. Cổ-lễ nghi-tiết tế xuân tuần chung-hiến xong, tuần hựu-thực thời chủ-nhân trở xuống đều lui ra khép màn lại, người chấp-sự vào chúc hi-hâm ba tiếng, rồi mở màn ra, chủ-nhân lại phục-vị. Xét không có ý nghĩa gì, chẳng qua chúc hi-hâm để động thần thánh mà thôi, nên bớt.

Đến như âm-phước, thụ-tộ, cáo lợi-thành đều là hư-vấn, không phải là sự thực, nghi cũng nên bỏ.

Lễ chạp 臘祭

Hợp lễ tảo-mộ 掃墓禮

(Theo như nghi-tiết tế xuân)

Nước Tàu lễ tảo-mộ cứ về tiết Thanh-minh, nhưng lễ phải tùy tục, nước ta tháng hai tháng ba bấy giờ cỏ cây lúa mạ đang xanh tốt, tảo-mộ hoặc phải lấy đất đắp lên mộ, lỡ có thiệt-hại đến hoa màu chẳng, vả lúc ấy con cháu hoặc đi làm xa, người bạn công kia việc nọ không được đông đủ, nghĩ nên để đến khi tế chạp tảo-mộ một thể cho tiện, con cháu ra tảo-mộ xong, về làm lễ tế chạp.

Từ-đường tiều-tôn thờ riêng bố mẹ, thời ngày tế xuân vẫn-tế viết bố mẹ đứng trên, rồi cung-thỉnh cao-tăng tổ khảo tử phối-hưởng, từ-đường đại-tôn thờ văn-tế viết cao tăng tổ khảo tử đứng trên, rồi viết đến hiên-khảo hiên-tử, như thế thì mới hợp lễ chính đáng.

Văn khấn ngoài mộ

Mô thân mô quan phủ quân chi mô, tuế tự lưu dịch, chiêm bài phong huỳnh, bất thặng cảm mộ, cần cụ vi-thành, phục duy giáng giám, bảo-hựu khương-ninh, thượng-hưởng.

某親某官府君之墓。歲序流易。瞻拜封塋。不勝感慕。謹具微誠。伏惟降監。保佑康寧。尚饗。

Văn nôm

Nay nhân lễ chạp, tảo mộ lễ thường, Kính dâng lễ bạc, thấu kịp suối vàng.

Lễ nguyên-đán 元旦禮

Cáo - tù .

(Hoàng-hiệu mộ), năm, tháng, giêng, ngày mồng một, hiếu-tử mô, kính đem lễ-vật (vân-vân) cảm chỉ cáo vu Hiên-khảo (mô tính danh mô) tự hiếu phủ-quân, hiên-tử (mô) thị đệ (mấy hàng mô) hiệu nhụ-nhân vị-tiên.

Tuế tự lần canh, phục lâm nguyên-đán.

Truy viên cảm thời, cung tràn lễ-vật. Thúc biểu vi thành, phục duy đồng-lát.

Cung thỉnh cao tăng tổ khảo tử kỳ bá thúc hàng, cô hàng, phụ vị, phối vị, đồng lai hàm hưởng.

歲序頻更。復臨元旦。追遠感時。恭陳禮物。式表微誠。伏惟洞悉。恭請高曾祖考妣暨伯叔行姑行耐位配位同來歆饗。

Khấn nôm

Gặp ngày nguyên-đán, làm lễ đầu niên.

Dâng đưa lễ-vật, kính tế gia-tiên. Mong cùng chứng giám, bảo-hộ bình-yên.

Lễ Hậu-thần 后神禮

Văn tế chữ

Mỗ niên ngũ tiết nhật, mô phủ huyện tổng xã, đồng xã, đẳng, cần dĩ phẩm-vật vân-vân, kính tìn vu bản-xã Hậu-thần thụ hiệu mô vị-tiên, kính duy :

Sinh-bình hiếu thiện, dữ phát hữu
duyên.

Quảng tu phạm-vũ, lưu trí ky-diên.
Thiết kiều tạo quán, nghĩa sự lạc
quyên.

Hữu công tắc tự, ư lễ nghi-nhiên.
Tư lâm ky-nhật, cần thiết trai-diên.
Phục duy giáng cách, liêu đạt vi-kiên.

平生好善。與佛有緣。廣修梵宇。
留置忌田。設橋造館。義事樂捐。
有功則祀。於禮宜然。茲臨忌日。
謹設齋筵。伏惟降格。聊達微虔。

Văn tế nôm

Nhớ trước bình-sinh, ăn hiền ở lành
Làm phúc làm đức, sửa chùa sửa đình.
Quyên tiền cúng ruộng, phát tổ chứng-
minh.

Thỏa thuận đồng-dân, tôn bậc hậu-thần.
Dựng bia kỷ-niệm, một bụng tôn thân.
Nay nhân ngày giỗ, lòng càng cảm mộ.
Dâng lễ hình-hương, lúc thành dãi tổ.

Tế văn-từ 文祠祭

Tế đức thánh Khổng

Ngài là một bậc chí-thánh ở Á-châu,
ngài kiêm cả chính-trị giáo-dục, nay
các nước văn-minh cũng đều sùng-bái.

Trong một xã lập riêng một văn-từ, tế
ngài phải xuân thu hai kỳ, chọn ngày
đinh mà tế, cho nên tục gọi là « tế đình »
tế thì phụ cả tứ-phối, thập-triết, và phụ
tế những bậc tiên-đạt ở trong làng,
văn-từ hàng huyện thời phụ tế những
bậc tiên-đạt trong huyện.

Nghi-tiết

Theo như xuân-tế, duy người chủ-tế
chọn những bậc có danh-vọng hơn
những các người dự tế, vì là ngày
trước trọng khoa-học, người nào đỗ
cao và đỗ trước thì làm chủ-tế, nhưng
bây giờ không có thi cử chữ nho, thì
phải chọn người có danh-vọng làm
chủ-tế và hai người đứng sau.

Văn-tế

Duy hoàng-hiệu ... niên, tuế thứ ...
nguyệt. . . nhật. . . phủ huyện lũng xã,
chức-tước linh-danh mô, tịnh thân-hào
chư nhân đấng cần dĩ tư-thành thứ-
phẩm chi nghi, cảm chi cáo vu chí-
thành tiên-sư Khổng-tử vị-tiên viết:

Bất thiên bất ý, thánh chí thời trung,
Trừ thư lập huấn, đạo học hữu công.
Tư văn vi táng, đạo bất chung cùng.
Cồ kim Âu Á, Vạn thế tôn-sùng.

不	偏	不	倚	聖	之	時	中
著	書	立	訓	道	學	有	功
斯	文	未	喪	道	不	終	窮
古	今	歐	亞	萬	世	尊	崇

Ky tứ-phối, thập-triết, cung thỉnh
bản-xã (hoặc bản-huyện) tiên-hiền tiên-
đạt, đồng lai tế phu, thượng hưởng.

Văn nôm

Đạo thánh đạo rộng, soi khắp hoàn cầu.
Tám điều đạo học, đủ dạy đời sau.
Tham với tân-học, có khác gì đâu.
Văn-minh ở đó, nọ phải xa cầu.
Muôn đời sùng-bái, khắp Á cùng Âu.

Tế đức thánh Quan

Ngài đời Hậu-Hán, cùng với ông
Lưu Bị ông Trương Phi kết-nghĩa đào-
viên, chỉ mưu giúp nhà Hán, sau bị
Lã Mông phải tuân-thần ở Mạch-thành,
khi ngài mất, khí thiêng hiển-ứng
ngay bấy giờ, không được bao lâu Lã
Mông cũng bị giết. Ngài là một bậc
chí-trung, chí-nghĩa, nghìn thu sùng-
bái, không những nước Tàu mà thôi,
nước ta cũng nhiều nơi phụng-sự,
cầu-cúng rất linh-ứng.

Ngày dẫn văn tế chữ nho:

Cung duy: Phục-ma đại-đế, Quan-
thánh đế-quân, chân nguyên hiền
thánh, chiêu-minh đức hán thiên tôn,
ngọc bệ-hạ.

Lưu hoàng nghĩa đế, Trương tướng
danh-huynh. Tư kết-nghĩa ư Đào-
viên; toại tri danh ư Trác-quận.

Bình chúc phụng bồi tầu tầu, tứ
bích quỷ thần; chiếu thư vãng báo kha
kha, thử tâm thiên địa.

Lục tướng chỉ lan đang mạc ngự;
ngũ quan chỉ ngành trở giai thông.
Nghĩa bất hàng Tào; tâm duy hữu Hán.
Bách dư chiến ứng dương Từ Dự;
Thập bát châu hồ hàm Kinh Tương.
Tuy tam phân chi túc - phần vị bình;
nhĩ vạn-cổ chi anh-linh như tại.

Phục-ma dâng khẩu, lịch đại tinh kỳ
kỳ-huân; giác thể dữ dân, hoàn-hải bị
kỳ minh-huân.

Đức tồn dưỡng chính; công tại tế dân.

Thích phùng nhạc giáng chi kỳ; thuyết
hiệu qui khuyh chi khôn.

Phục vọng

Không-trung hiển thánh; thiên-
thượng giáng thần.

Kỷ dóa hương yên, hiện tường - quang
ư pháp tọa; vạn ban linh-khi, sai thụ
vũ ư trần-hoàn.

Thần đẳng bất thăng nguyện-vọng chi
chí. Cần tấu.

伏魔大帝關聖帝君。真元顯聖昭明。
翼漢天尊玉陛下。劉皇義弟。張將名。
兄。自結義於桃園。遂馳名於涿郡。秉
燭奉陪嫂嫂。四壁鬼神。招書往報哥。
哥。此心天地。六將之攔擋。莫禦五關。
之梗阻皆通。義不降曹。心惟有漢。百
餘戰鷹揚徐豫。十八州虎噉荆襄。雖
三分之夙忿未平。而萬古之聲靈如
在。伏魔蕩寇歷代。旌其奇勳。覺世
民寰海被其明訓。德存養正。功在濟
民。適逢岳降之期。竊効葵傾之悃。伏
望空中顯聖。天上降神。幾朵香煙於
祥光於法座。萬般靈氣。洒瑞雨於
寰。臣等不勝願望之至。謹奏。

(Còn nữa)

THIỆN-ĐÌNH

TRỐT NẶNG LỜI THỀ

(Hát chèo)

CHƯƠNG-TRÌNH

Cảnh thứ nhất. — Đường và nhà

Hồng-Thư là con gái Lê diên - chủ,
Hoàng Minh là con trai quan huyện
Hoàng-Vân, hai người cùng bạn học từ
bé, đã ước hẹn lấy nhau, hai bên cha
mẹ vốn cùng bạn kim-băng, nên cũng
ước hẹn cho Hoàng-Minh lấy Hồng-Thư
đã đưa trao gương ảnh.

Cảnh thứ hai. — Nhà và vườn hoa

Nhà họ Lê bị hỏa-tai, cửa-cải sa-sút,
ông bà huyện muốn đình-hôn, ép Hoàng
Minh đi thăm mặt con gái quan phủ
Trần là Bích-Lan, song Hoàng Minh
không muốn phụ ước cũ, viết thơ từ-

hôn riêng với Bích-Lan, nói có nơi rồi,
xin đừng thuận và thoái - thác hộ, nên
khi cha mẹ sang giạm, hai bên cũng
hăng-hờ nhạt-nheo.

Cảnh thứ ba. — Bờ hồ và nhà

Nhà họ Lê nghe tin vú già mách,
Hồng-Thư sai đòi hai bức ảnh, khi đó
Bích-Lan đã viết thơ trả lời ưng cho
Hoàng Minh hỏi-hôn mình, nên Hoàng
Minh không muốn trả ảnh Hồng-Thư,
mà bà huyện bắt phải trả, và ép làm
lễ hỏi Bích - Lan. Hoàng Minh thoái-
thác còn đi với bạn là Đoàn Tử-Trần
sang Pháp học, rồi lần sang nhà Lê
Hồng-Thư để tự-tình.

Cảnh thứ tư. — Đường và nhà

Công-tử Hà Mạnh - Đẳng cùng bạn học với Hoàng Minh, xưa vẫn có ý dòm Hồng-Thư, nhân khi thấy Hoàng Minh hồi-hỏa, cây mõ sang giậm, cha mẹ ép gả, nhưng Hồng-Thư không nghe, khi Hoàng Minh sắp đi Tây, lần sang tự-tình với Hồng-Thư, nửa đàng gặp Hà Mạnh-Đẳng nói khoác-lác; sang đến nơi mới biết là Hồng - Thư không thuận, rồi hai người tự-tình tiễn-biệt, Hồng Thư xin chờ đợi.

Cảnh thứ năm. — Nhà và trạm

Khi Hoàng Minh và Đoàn Tử-Trần sang Pháp rồi, cha mẹ ghét không gửi tiền cho ăn học. Hoàng Minh phải đi làm công mà học. Khi đó Hồng-Thư đã làm nên giàu có, mở xưởng nuôi tằm, dựng nhà nữ-công thường gửi tiền sang cho Đoàn Tử-Trần để cấp cho Hoàng Minh ăn học, Hà Mạnh-Đẳng biết, lập mưu kế, cho tiền cai trạm đổi thư, sai côn-dò đón bắt, rồi lại lừa bắt cả Lê diên-chủ, song mọi chước đều bị Hồng-Thư phá vỡ.

Cảnh thứ sáu. — Nhà nữ-công

Trần Bích-Lan sang chơi nhà nữ-công củ Hồng-Thư, rồi hai người kết làm chị em bạn. Hồng-Thư thì quyết đợi Hoàng Minh và nói giới-thiệu Đoàn Tử-Trần cho Bích-Lan.

CÁC VAI TRÒ

Hồng-Thư	Trần Bích-Lan
Con nhài	Quan Phủ
Hoàng Minh	Bà Phủ
Thăng Quýt	Con Nụ
Ông Lê diên-chủ	Thăng Đờng
Bà Lê diên-chủ	Mụ mối
Ông Huyện	Đoàn Tử-Trần
Bà Huyện	Hà Mạnh-Đẳng
Con dồ	Ngạnh, Ngược
Vú già	Mã Bươn
Côn-dồ	Bá Liên
Cai-trạm	Lính

Cộng 11 vai đào và 14 vai kép.

Các điệu hát

Nói lối	Hát Cẩm giá
Nói sử	Hát anh-khóa
Than sử	Hát Trống-quần
Hát than	Ngâm sâu
Hát cách	Ngâm xồng
Hát lúng	Ngâm giọng tình
Hát lệch	Ngâm tứ-tuyệt
Hát vắn	Hát Bồng-mạc sá-
Hát Sa lệch	mạc
Hát đường trường	Hát Gửi thư
Hát Dịp chờ	Ca Kim-tiền
Hát Dịp đuổi	Ca Hành-vân
Hát Dịp bầy	Ca Nam-thương
Hát Dịp một	Ca Nam-bình
Hát Dệt-gấm	Ca Lư-thủy đoản
Hát Nồi niêu (2 lối).	

Cộng 30 điệu hát.

Cảnh thứ nhất. — Đường và nhà

Lê Hồng-Thư ra đi học nói lối:

Con nhà Lệ-thị, Tôi tên gọi Hồng-Thư; Ơn mẹ cha vui thú môn-lư, khuyên con trẻ chăm nghề nữ-học. Ngày vui trường-ốc, rảo bước thư-trai; sửa bút-nghiên mau giục con nhài, đem cặp sách tới nơi vườn hạnh, đó a.

Via bồng-mạc sa-mạc:

Này ơi ai ơi, hừ hừ, ngành lê tô-diềm mẫu hoa, nhắc nghe con chim oanh trên ngành học nói, kêu kêu gọi gọi mấy trước nhà giục xuân.—*sa-mạc:* Ngổ tài nữ-sĩ giai-nhân, làm gương cho khách hồng-quần thử soi.

Gọi:

A nào con nhài, cầm cặp sách cho cô đi học đây, à có cái bức ảnh của cô, mảy bỏ vào đó, để hôm nay cô còn tặng tri-kỷ đó a nhài.

Con nhài nói:

Dạ thưa cô, bức ảnh của cô, con đã để vào trong cặp sách này a. (*Con nhài hạ.*)

Hồng-Thư mang cặp sách hát sa-lêch đi :

Bóng (ói) bóng trời (tình bằng) vừa rạng vẻ gương soi, (chứ đề tình) con chim viết-chè nó thánh-thót (y ới y mà đề) có nhảy-nhỏi, nó nhảy-nhỏi trên đầu ghềnh ; (y y) nó (ói) nó học từ khi (tình bằng) con gà gáy tan canh. Con gà gáy tan canh, (chứ đề tình) nó kêu tri thị tri, bất tri vi bất (y ới y mà đề) có chị em mình, chị em mình hãy nghe ; (y y) nghe (ói) nghe con chim (tình bằng) nó học viết lá chè. Học viết lá chè, (chứ đề tình) chị em nên dậy sớm (y ới y mà đề) thức khuya, (mấy) thức khuya cho tỉnh lòng ; (y y) phía (ói) phía phương đông (tình bằng) trời đã tỏ bóng hồng

Nói lời :

Mau rảo tới văn-phòng, sẽ theo cùng bạn gái.

(Hạ)

Hoàng Minh ra đi học nói sử :

Con nhà quan huyện Doãn, tên tôi gọi Hoàng Minh ; on mẹ cha theo ruổi bước học-hành, duyên đôi lứa đã đành nơi xa kết. Nay mình vẫn con nhà phiệt-duyệt, cốt tìm người vẹn nét thanh-trinh ; gái họ Lê nàng gọi Hồng-Thư, bạn nghiên bút với mình từ thuở bé. Hai cha vốn kim-băng kết - nghĩa, nhà điền - viên nhà nhẹ bước quan sang ; vẫn hai bên đính ước thề vàng, may một gặp cũng tiện dàng dẫn ngọc.

Nói ngoài :

A trước cha mẹ mình có đính-ước với nhà họ Lê, cho mình lấy Lê Hồng-Thư, mà xem cô ta khi vào học với mình một trang, rất là người đứng-đắn, song nếu mình cũng cứ giữ khuôn - phép không nói gì đến sự đề - đính, chả là người vô-tình lắm sao, âu hôm nay đi học về, mình đã hẹn cô ta cho mình bức ảnh, thì mình cũng phải đưa cái

khăn mùi-xoa thêu gì đó, để gọi là gian-diêu riêng một chút, chớ có lẽ mình cứ vô-tình ư.

Ngâm :

Mẹ cha đính ước gieo cầu,
Tinh riêng cũng phải ướm-âu với tình.
Lẽ nào ngánh mặt làm thình,
Khăn hồng đưa tới thư đình sẽ trao.

Gọi :

Nào Quit cầm cặp sách cho cậu đi học kéo muộn.

Thằng Quit :

Dạ thưa cậu cặp sách đây ạ. (Hạ),
Hoàng Minh cầm khăn mùi-xoa cười bỏ vào cặp sách nói ngoài :

Đây thức vật báu của mình để tặng tri-kỷ đây, người ta cũng phải có tình chứ.

Mang cặp sách ra hát dịp cách đi :

Nước-non (tình) cách mấy buổi đào, tơ duyên đành xưa bác mẹ (chứ) đã ước - ao lời thề ; chốn thư-song (tình) trắng tựa hoa kè. Trắng tựa hoa kè, tin xuân (bây giờ) đầu đề (chứ) đi về cho năng ; hai cha (tình) kết nghĩa kim-băng. Kết nghĩa kim-băng, gương tình (bây giờ) đượm tuyết (chứ) tin băng một lòng ; ai về anh gửi bức khăn hồng.

Nói lời :

Mau rảo bước đàng vòng, sẽ qua nơi trang học. (Hạ).

Trống tan học, Hồng-Thư cặp sách ra về đứng chờ, Hoàng-Minh cũng cặp sách ra về, gặp nhau.

Hoàng Minh hỏi :

A này cô Hồng - Thư, nào cô hẹn cho tôi bức ảnh đâu ?

Hồng-Thư cười, mở cặp sách cầm bức ảnh ra nói :

Thưa cậu, đây bức ảnh của em đã cầm đi để tặng tri-kỷ ; cậu có thứ gì để cho lại em không, a cậu ?

Hoàng Minh nói :

Có có, tôi phải có thức để tặng lại tri-kỷ chứ.

Mở cặp lấy khăn mùi xoa ra đưa và cầm lấy bức ảnh xem.

Ngâm :

Tỏ màu tuyết sạch giá trong,
Của tin gửi bức khăn hồng làm ghi.

Hồng-Thư cầm lấy khăn mùi xoa xem rồi ngâm :

Khăn hồng sánh vẻ nga-mi,
Từ đây đỉnh ngãi tương-tri bạc đầu.

Hoàng Minh bỏ bức ảnh vào cặp sách ngâm:

Bức gương vẽ nguyệt lâu lâu,
Nước non kết ngãi mai sau còn dài.

Hồng-Thư cầm khăn mùi xoa bỏ vào cặp ngâm :

Khăn hồng thêu dệt hoa mai,
Dù thay tóc bạc đám sai lòng vàng.

(Cùng chào nhau về.)

Hoàng Minh đoán lại nói :

A này cô, mai kia thầy mẹ tôi cũng sang ăn hỏi đấy.

Ngâm :

Đôi mình thề hẹn tắc gang,
Mai ngày bác mẹ cũng sang hỏi lời.

Hồng-Thư nói :

Sự giạm hỏi là quyền cha mẹ, song đó là tình riêng của đôi mình đính-ước nhau, để đừng khi nào phai nhạt nhau đó cậu.

Ngâm :

Mẹ cha đính ước duyên trời,
Song tình đôi lứa chớ ai phụ lòng.

(các hạ)

Đôi cảnh nhà

Con Nhài cầm chổi ra quét vườn hoa nói :

Tôi con Nhài ở nhà Lê điền-chủ, nay có quan huyện ông bà sang ăn hỏi cô Hồng-Thư cho cậu Hoàng Minh, tôi phải ra quét dọn vườn hoa chứ.

Vĩa :

Thân em như cánh hoa nhài,
Chờ sương đọng tuyết đứng ngoài vườn hoa.

Hát dip đuôi :

Tay tôi cầm cái chổi, cái chổi cái chổi, quét bần quét bổi, quét bụi ngoài vườn (tinh tinh tinh) vườn, (qua lối nọ) vườn hoa.— Ngọn gió bay qua, ngành hoa đập rụng, con chim loan phụng, nó đung vào ngành, (tinh tinh tinh) ngành, (qua lối nọ) ngành cây.— Con chim nó bay, nó bay ngọn trúc, ngành hoa chen chúc, xô lục đỏ hồng, (tinh tinh tinh) hồng, (qua lối nọ) hồng mai.

Thằng Quít người nhà quan huyện đưa tin, vào ghẹo con Nhài, hát tiếp dip đuôi :

Ồi hỡi là ai, cô Nhài đầy hử, người coi lịch-sự, cô ở nhà giàu, (tinh tinh tinh) giàu, (qua lối nọ) giàu giàu.— Cô được tươi màu, cậu hầu quan cả, đẹp trai tốt mã, như quả quít tròn, (tinh tinh tinh) tròn, (qua lối nọ) tròn xoe. cậu tới vườn lê, ngành huê vin hỏi, việc nhà chưa ngõi, hỡi hỡi cô mình, (tinh tinh tinh) mình, (qua lối nọ) mình ơi.

Nói :

A này cô Nhài, tôi là anh Quít, người nhà quan huyện, ông bà tôi hôm nay sang ăn hỏi cô Hồng-Thư sai tôi sang trước, mà sao tôi trông thấy mình, rõ tình quá đi mất, hay là ta hãy bắt chim nhau chẳng ?

Nhài ngâm :

Thân anh như quả quít hôi,
Thấy Nhài lại muốn ướp mùi hoa thơm.

Quít ngâm :

Hoa thơm ai chẳng muốn chớm,
Hãy cho anh gửi có thơm chẳng là.

Quít vỗ lấy Nhài hôn, Nhài tát, Quít xoa xoa má.

Nhài ngâm :

Anh hay có tính chờm hoa,
Tay em hôn má còn xoa làm gì?

Quit ngâm :

Da anh vỏ quit trần-bì,
Móng tay em nhọn em thì phải xoa.

Nói :

Vỏ quit dày có móng tay nhọn,
mình đãi tớ một vỏ đầu quá, thôi
cô đưa tôi về bầm với ông bà đi, kéo
quan tôi sắp sang đấy.

Nhài nói :

Vậy thì cậu đi vào.

(Các hạ)

Lê diên-chủ ra ngồi nói lời :

Tôi diên-chủ họ Lê, sinh Hồng-Thư
một gái, bởi ngân cuộc đời tang-
hải, nay về vui cõi diên-viên; với
huyện-quan xưa đình kết bạn hiền,
vi công-tử muốn ước duyên tơ đỏ, ừ,
nhà mình giàu có, con được chỗ quan
sang, nhân nay thề hẹn lời vàng, nên
hãy sửa sang tiệc ngọc, đó a.

Ngâm thơ tứ-tuyệt :

Vườn Lê sớm nở một chồi hoa,
Mảng thú diên-viên sẵn cảnh nhà.
Sánh bạn kim-bằng vui tiệc ngọc,
Thềm trăng càng tỏ bóng gương nga.

Gọi :

Nào bà diên-chủ dàu, nay có ông bà
huyện sang ăn hỏi con, bà đã cho làm
tiệc yến chưa, a bà?

Bà Lê diên-chủ ra nói :

Đã đã, thưa ông tôi đã cho làm cơm
nước xong cả rồi.

Ngồi vĩa bông-mạc :

Hừ hừ, vườn hồng vội mở tiệc hoa,
cảnh rườm-rà, nhà thanh-lich, khay
vân-mẫu, chén xích-bích pha trà liên-tử-
tâm. (sa-mạc) Vi con so lựa cung cầm,
yêu con ai chẳng mừng thăm cho con.

Con Nhài đưa Quit vào bầm, Quit nói :

Bầm ông bà, quan Huyện tôi sai
tôi sang trước bầm với ông bà, rồi
ông bà sắp sang đó a.

Bà Lê diên-chủ nói :

Ừ, vậy anh Quit lại ra đón xem ông
bà đã sang đến nơi chưa?

Quit dạ ra đón :

Quan Huyện, bà Huyện, cậu Hoàng Minh
cùng sang đến ngõ ngoài.

Quan Huyện nói :

A này bà, nay sang ăn hỏi con dàu,
bà hãy xem phong-cảnh nhà họ Lê,
ông ấy tiếng không ra làm quan, chỉ
ở nhà làm ruộng, mà cửa nhà
giàu có sang-trọng gấp mấy mình, con
nhà mình là con nhà quan, chỉ cốt tìm
chỗ giàu có là hơn, a bà.

Ngâm :

Nhà quan lo liệu cho con,
Cốt nơi sẵn của mới bòn ra xu.

Bà huyện nói :

Phải phải, ông nói là phải lắm, con
nhà mình nhà quan, chỉ cốt con nhà
giàu là phải lắm.

Ngâm :

Đã sang lại được của bù,
Đời này chỉ cốt lắm xu nhiều tiền.
Hoàng Minh nói :

Dạ thưa cha mẹ, đồng tiền vẫn là
son phấn cho người ta thật, song cốt
phải có nghĩa, chớ tiền của nhiều mà
làm chi.

Ngâm :

Có tiền thì vẫn mua tiền,
Vàng phai mà ngãi dám quên bạn tình.
Quit chạy vào bầm :

Bầm, Ông lớn bà lớn tôi đã sang.
Ông bà Lê diên-chủ ra đón, Hai bên chào
hỏi mời ngồi.

Hồng-Thư ra chào, ông bà diên-chủ sai
người nhà bưng rượu cùng ngồi ăn tiệc,
Hồng-Thư ngồi ca kim-tiền :

Sánh so mẹ cùng cha, khen khéo
vui thay lựa cảnh nhà, mà nay đẹp

cảnh nhà, nặng thề hoa ấy mà thăm hoa, hoa thơm nhà, hoa đang nụ, hoa đang trà, việc duyên nợ thề hoa, ấy mà thăm hoa, chữ may sánh hai cha mẹ, trọn vẹn hai nhà, trọn vẹn hai nhà, nay mừng gắn bó thề hoa, nay nay mừng gắn bó thề hoa, trao qua thu nhận ấy lễ nhận, lễ nhận, trao qua trao qua lễ nhận kết-bạn.

Lê diễm-chủ nói :

Vậy nay hai nhà đã kết ước với nhau rồi, tôi trao cho cậu Hoàng Minh một bức ảnh của Hồng-Thư để mà ghi nhớ, rồi sang năm sẽ định kỳ cưới, a cậu.

Ngâm :

Mai cốt-cách tuyệt tình-thần,
Trao cho bức ảnh mấy phần tình-chung.

Quan huyện nói :

Vậy thì Hoàng Minh trao lại cho Hồng-Thư một bức gương, đó là mảnh gương tình chớ nên phai nhạt, đó con.

Ngâm :

Mày ngài sánh vẻ gương trong,
Ngày xuân diễm lục tó hồng bao phai.

Hoàng Minh nói sữ :

Dạ dám thưa, lời nguyện ước hai bên bác mẹ, chữ duyên tình con trẻ dám phai ; bức gương xin trao lại chương-đài, phần ảnh đó lĩnh về nơi thư-viện.

Bà huyện nói :

Dạ thưa với ông bà, nhà em tiếng ông nó làm quan, nhưng tiếng cả nhà thanh, giờ con nó may được chỗ ông bà giàu có sang-trọng như thế này, rõ tôi mừng quá đi mất.

Ngâm :

Đoài trông thóc đồng tiền rồi,
Duyên con đã định tiệc mời càng vui.

Bà Lê diễm-chủ nói :

Dạ bẩm thưa ông lớn bà lớn, nhà em tiếng là giàu thật, song chẳng qua là giàu bây giờ, chỉ có năm bạc giấy

và ít văn-tự đều là của nôi, nếu con nó có biết nghề-nghiệp sinh-nhai ra, thì sau mới khá được, chớ không thì giàu chiền hôm khó sớm mai có chắc gì, dạ thưa ông bà.

Ngâm :

Của dành nước mắt bỏ hời,
Không nhưng chưa dễ đã ngồi mà ăn.

Lê diễm-chủ nói :

Thưa có ông lớn bà lớn, và bà nó nhà tôi, người ta bảo của ở bàn chân bàn tay, hôm nay là ngày việc tốt lành của con, hai bà cứ bàn nhau sự của cải làm chi thế.

Ngâm :

Bữa mừng vui mở tiệc xuân,
Của trời sẵn ở tay chân chi bàn.

Xong tiệc, quan huyện, bà huyện, Hoàng Minh và quit chào ra về, ông bà Lê diễm-chủ cùng Hồng-Thư chào trở lại.

(Các hạ

đây làm thêm cảnh nhà cháy, đổi lên khỏi xanh đỏ một lát sẽ bày cảnh thứ hai.

Cảnh thứ hai.— Nhà và vườn hoa

Bà huyện ra ngồi nói lối :

Tôi ơn chồng làm nên tri huyện, sớm sinh trai tên gọi Hoàng Minh ; cùng họ Lê diễm - ước duyên lành, nào có phải tham thanh chuộng lạ. Nhà mình quan cả, tìm chỗ giàu sang ; chẳng là nay họ Lê nhà cháy duy còn chốn vườn hoang, của hết chỉ còn tro hòn đất thó. Đời này cốt chuộng công chuộng của, ai chắc gì vì số vì duyên ; thôi con mình mình tìm chỗ làm tiền, nhà hãm-vận vận đen chi sá mắng.

Ngâm :

Con quan cốt chỗ nhà giàu,
Giàu mà hết của chuộng dẫu làm gì ?

Gọi :

A con Nỏ, thế mày đi chợ, nghe họ đồn bên ấy bị cháy nhà ra làm sao, a Nỏ.

Con Nó :

Đạ, bầm bà lớn, con đi chợ, nghe họ đồn bên ấy cháy sạch cả nhà cửa, bạc giấy và vắn-tự, tiền rời và thóc đồng cháy hết, chỉ còn ít vườn rộng bỏ hoang, ông bà họ Lê và cô Hồng-Thư cũng phải đi ở trọ hàng xóm.

Bà huyện nói lời :

Ồi chao ! thế mới rõ giàu chiều hôm khó ban sáng, giàu bữa mai khó bữa trưa, giàu đời này lắm người ưa, giàu đời xưa còn ai màng.

Ngâm :

Chắc xưa núi bạc bang vàng,
Bây giờ thất-nghiệp còn sang cách gì ?

Gọi :

A Quít, mày mời quan lớn ra cho ta bàn sự nay đây.

Quít dạ vào mời,

Quan huyện ra hỏi :

Chớ nào bà bàn sự gì đó a bà ?

Bà huyện nói :

Tôi bàn về sự dâu ông bị cháy rồi ông biết chưa ?

Quan huyện vội sờ cằm nói :

Không ! rầu tôi cháy bao giờ ? bà nói lạ thế nữa !

Bà huyện cười nói :

Không ! tôi nói vì nàng dâu ông là Lê Hồng-Thư bị nhà cháy hết cả rồi, ông tính sao ? Người ta rầu cháy thì phải cạo thay râu khác, mà nàng dâu bị nhà cháy hết cửa, tôi tưởng cũng nên bỏ a ông ?

Ngâm :

Người ta rầu cháy cạo râu.
Cô dâu nhà cháy cửa dâu mà cần,

Quan huyện gât gât bảo :

Phải phải, người ta rầu cháy thì phải cạo, mà nàng dâu bị cháy nhà hết cửa, cũng nên thay dâu khác, bởi trước mình giặm hỏi con gái họ Lê cho con mình, là chỉ vì nhà giàu chỉ cố, nay chốc đã cháy nhà ra thất-

nghiệp rồi, thì con mình còn hồng xo-múi gì, bà nó bàn bỏ tìm nơi khác là phải lắm a bà.

Ngâm :

Trước kia vì cửa cầu thân,
Nay nhà cháy cánh chi cần cô dâu.

Nói :

A này bà, thế giờ có con gái bà phủ Trần, tên là Bích-Lan, nhà quan phủ giàu lắm, hay là bà cậy mối sang giặm, nhưng bà phải gọi con ra bà báo ban, kẻo Hoàng Minh nó ương lắm, nó lại giữ ước cũ mà không nghe đó a bà.

Bà huyện nói :

A Quít, gọi cậu Hoàng Minh

Quít ra gọi.

Hoàng Minh ra nói :

Đạ thưa cha mẹ, con đã ra hầu.

Quan huyện nói sừ :

A này con nghe lời cha mẹ dạy, xưa trót đã ước lấy họ Lê ; bỗng nhà ai ngọn lửa cháy lòe, cửa đã hết lời thề chi sá kể. Nay Bích-Lan coi người mĩ lệ, vốn con nhà đáng vẻ quan sang ; cha mẹ toan dặn ngọc thề vàng, con trẻ chớ mê nhang mà mển nhị.

Bà huyện nói :

A này con, trước cha mẹ có vì con giặm hỏi Lê Hồng-Thư, chỉ vì nhà ấy giàu, chớ có quan-cách gì ; nhưng bây giờ nhà ấy đã cháy, hết cả cửa rồi, còn trông hồng gì ; vậy giờ có con gái quan phủ Trần là Bích-Lan, vừa con quan, vừa nhà giàu, cha mẹ toan cậy mối sang giặm, thì con phải nghe, chớ có cần gì con nhà than gio nhỏ-nhỉnh kia nữa a con.

Ngâm :

Nhà cô dâu đã cháy rồi,
Ăn gio gio trấu thôi đời ra chi !

Hoàng Minh nói sừ :

Thưa cha mẹ, vợ chồng là luân-lý, việc hôn-nhân sá vị tiền-tài ; nay nhà nàng bất-hạnh hỏa-tai, con dâu nữ với phai lời ước hẹn.

Bà huyện nói :

Ồi chao, ước với ao thì làm gì, bây giờ hề kém xu là vất di, người ta bảo hề có của thì khôn như mại, không có của thì dại như lừa, con còn cứ to-tưởng cái cơ-nghiệp ra gio ấy chi nữa ?

Ngâm :

Thề bồi trém mếp mà chi,
Lời cha mẹ dạy con thì phải nghe.

Con chim bay đậu cành tre,
Cành tươi sẽ mấn cành que khó mồi.

Quan huyện thét lối :

Con dâu dạy chẳng ăn lời, bà cứ cho mồi mụ mồi ; bảo không nghe sau đưng có hối, quyền tại trên thoi hối làm chi ? Thôi bước rảnh.

Hoàng Minh sợ xo lại lui ra.

Bà huyện gọi :

A con Nở đi mời bà mụ mồi về đây cho bà, làm con mà không nghe cha mẹ cũng chẳng được.

Con nỏ dạ dt mời mụ mồi.

(Các hạ)

Hoàng Minh ra nói ngoài :

Hừ, như minh trước cha mẹ đã giam hỏi Lê Hồng-Thư cho rồi, và minh với Hồng-Thư, vốn là bạn đồng-học, trót đã thề hẹn với nhau, giờ không may nhà nàng bị lái lừa, mà cha mẹ ép-nép mình đi gĩa n Trần Bích-Lan. Vậy mình ra con người khi-bàn tham-phú, mình đối với lương-tâm mình ra sao, âu là mình thảo một cái thơ, giao cho một thằng đồng đem sang, mình từ với Bích-Lan rằng mình đã có nơi rồi, đề nàng liệu kiếm lời thoai-thác với cha mẹ không thuận lấy mình, mà mình thì cứ theo lệnh cha mẹ sang thăm mặt nàng, thế là diệp-kế hoàn-toàn hơn cả.

Gọi :

A đồng, cầm nghiên bút giấy mực đây. (Đồng dạ cầm ra).

Hoàng Minh ngồi thảo thơ ngâm xong :

Bút hoa thảo tình-thư một bức, tâm-sự này vắng-vặc bóng trăng soi, sự nhân-duyên xưa định bởi trời, duyên

kỳ-ngộ đã thề non với nước. Dù thay kiếp nữ phai lời nguyện-trớc, bức tờ mây trao gửi trước vườn hoa, dẫn tín xuân nhẩn nhủ trắng già, gỡ tơ thắm vì ta buông chỉ rối. . .

Gọi :

A Đồng mày cầm bức thư này của cậu mày sang vườn hoa quan phủ Trần, hề mày thấv cô Bích-Lan, mày cầm thơ mày ném, cốt cô ấy bắt được thơ rồi, mày sẽ chạy nhé.

Đồng vàng, cầm phong thư ra hát lừng đi :

Mái Nam-lâu (tình bằng) còn nhận nó sa vôi, cánh tơ hồng (có bên) một bức (mấy) nhắn gửi người tri-âm ; bởi vì đầu anh trót lỡ cung cầm. Trót lỡ cung cầm, tơ đàn có bên đã lựa (mấy) dám lại nhằm giai-nhân ; chốn vườn hồng nô-nức mà tin xuân. Nô-nức tin xuân, cái chốn vườn hồng (tình bằng) nô-nức tin xuân, con chim xanh (có bên) lặn nẻo (mấy) mây Tần xa xa ; cảnh trời hôm bóng lừng, bóng lừng thoi mà vườn hoa.

(Hạ)

Thay cảnh lầu vườn hoa

Trần Bích-Lan ra nói sử :

Con quan Trần tri-phủ, tôi tên gọi Bích-Lan ; cha làm quan từng trải mấy giang-san, con phận gái chửa kết nguyên hai họ. — Tân : À à hôm nay là tiết trung-thu, ngày mai là 16 tháng tám, có con trai quan huyện sở-tại là cậu Hoàng Minh cùng cha mẹ sang thăm mặt mình đây. — Nói tiếp trên : Vắng-vặc bóng trăng dải tỏ, hiu-hiu ngọn gió phập-phi ; trông trăng dường ngổ nét nga-mi ; thoảng gió sức mong kỳ nhật-táo, lấm sao ?

Via bông-mạc :

Hừ hừ, vắng trăng vắng-vặc bên lầu, khi chờ sương khi đợi tuyết, tiết trung-thâu ngoan-nguyệt khéo tỏ màu hoa tươi. — sa-mạc : vườn hoa sáng quắc gương trời, xa trông dường có bóng người nẻo xa.

Đồng ra bên giậu ngoài mé vườn nam.

Bích-Lan gọi :

A Nụ, mày chạy ra xem thằng bé nào lúi-húi, đêm nó làm gì ở ngoài chân giậu mé vườn kia.

Con Nụ dạ chạy ra ngõ trông.

Đồng ném thơ chạy.

Con Nụ nhặt phong thơ cầm, nói lối :

Ừ người đầu chạy xa khuất bóng, bông minh sao bắt dặng bức tờ, đem về trình với tiểu-thơ, có lẽ may nhờ đại-thưởng đó chẳng. (cầm thơ chạy vào đưa cho Bích-Lan).

Bích-Lan cầm phong thư lật đi lật lại nói lối :

Ừ thơ đầu gửi tới Bích-Lan, coi nét thảo rõ ràng thiết-bút ; mở phong-bì xem chút, hay tin-tức chi nao.

Mở thư đọc :

« Bích - Lan tiểu-thư nhả-giám :

« Thừa tiểu-thư, kể thư - sinh này nhờ ơn lệnh - đường doái trông, muốn cùng song - thân tôi kết ngãi thông - gia, ơn ấy thật muôn vạn cảm đội. Song kể thư - sinh này đã cùng một nơi khác hứa-hôn rồi, rủi thay chỗ tôi hứa-hôn chỉ vì gia-biến, mà song-thân tôi lại quá nghe mối-mạnh đôi lời vàng đá, phận làm con không biết tính sao. Song thiết-ngiht, người ở đời phải giữ chữ tín làm đầu, một lời đã trót thâm-giao, dưới đây có đất trên cao có trời, ai nữ nào tiên-tai mà đổi lòng thay dạ, song-thân tôi định ngày mai bắt buộc tôi sang thăm mắt Tiểu-thư, phép nhà rất nghiêm, nên tôi phải đành vàng theo vậy, xin Tiểu-thư rộng xét, liệu kiếm lời thoai-thác để tôi được trọn nghĩa với ai, ơn ấy nguyện minh-tâm khắc-cốt. Bức thư này xin Tiểu-thư đừng nói lộ, kéo song-thần tôi biết, thì tôi khôn toàn được tánh-mạng, a Tiểu-thư.

« Hoàng Minh thảo bút »

Bích-Lan đọc thơ xong, nói lối :

À à mừng tưởng duyên kia đẹp phận, chẳng là thơ lại đính-hôn ; thời

ai đã vợ hồng thề bề hện non, mà khéo sao cha mẹ phai son mòn đá. Chẳng qua chỉ tham nhà quan cả, dù say chỗ có giàu ; đã thế này cũng khó làm dâu, đành chênh-mẳng sẽ sau kết tóc.

Nói :

Ừ, cậu Hoàng Minh viết才子 thơ đã hay, mà lòng cậu tốt thật, song cha mẹ xử lòng như vậy, mình cũng khó làm dâu được nhà ấy, cui bằng mai đến, mình cứ coi hờ-hững, chẳng mặn mà chi, chắc sau cha mẹ mình cũng chẳng ép gì mình nữa, chớ mình con nhà quan, lấy đâu chả được môn tử-tế, tội chi mà tranh vợ cướp chồng, lại như xui cho người thế tham vàng bỏ ngãi.

Gọi :

A Nụ, cầm giấy mực nghiên bút cho cô thảo thơ trả lời cậu Hoàng Minh đây.

Con Nụ dạ cầm bút ra :

Bích-Lan thảo thơ vừa bông-mạc :

Hừ hừ, sớm mai chưa kịp trả lời, thảo tiên-mai, cái ngón trúc, vẩy hồng diêm lục, nhắn gửi người văn-nhân. — Sa - mạc : Duyên kia đã lựa tơ Tần, dù vương chỉ rối sẽ lần cho ra.

Nói :

Thôi giờ đêm khuya sẽ đi nghỉ, mai hãy hay. (Hạ).

Con Nở ra đi tìm mẹ mới nói lối :

Tôi con Nở ở hầu bà huyện, bà sai tôi đi viện mỗi manh ; bởi vì mình miệng nhẹ chân nhanh, khéo tìm mối tơ quanh chỉ quán, đó chi. — Tân: Hừ, tôi mồm mép nở-nang, khéo tìm manh mối, mà đi ở nhà quan, đã 18 năm nay, chẳng ai mối chồng cho mình cả ! quay đi thì cậu lệ, quay lại thì cậu lính, rõ chán quá .

Bỉ :

Chứ thân em đi ở nhà quan. Xuân-xanh mười-tám chưa toan đi lấy chồng !

Hát lệch :

Phận bạc đen em trách lẫn ông tơ-hồng, cái thân là thân con nhện sào khéo rối bông tơ-vò ; để cho em nay hện mai hò. Nay hện mai hò, một hai ba bốn năm sáu bảy tám chín mười câu lính nhấp-nhô nơm dòm ; đêm năm canh tiếng trống điểm thòm. Tiếng trống điểm thòm, sức chiêm bao thức dậy con gà đã gáy om đầu tường ; phận tôi đòi một nắng hai sương.

Cậu lính ra nói :

A cô Nở, bà lớn sai cô đi tìm mụ mối đây a, nhân tiện cô cậy mụ làm mối luôn ngay cho mình lấy tờ luôn một thẻ nhé !

Hát trống-quân :

Một nắng hai sương, cổ hầu một nắng hai sương, còn hơn cậu lệ mấy đêm trường cầm canh ; ước gì tìm tôi mối-mạnh, tơ hồng quán-quít mấy cho anh lấy nàng ; hay mình lính-nết nõ-nang, bất-kỳ mụ mối hãy chim xoàng chằng nhau chằng.

Con Nở hát tiếp trống-quân :

Mượn gió bẻ măng, anh đừng mượn gió bẻ măng, xe tơ phải có bà trắng trên trời ; em như ngành liễu Chương-đài, « bất-nhân là lính » ai hoài lấy anh ; anh đừng nên cậy mối mạnh, hãy về điểm trống cầm canh mình cho mình.

Cậu lính nói :

A cô nói láo, tôi canh hầu quan, chớ tôi canh cho mình ngủ à ?

Vi :

Nếu mà anh được cạnh mình,
Có khi bụng đã to phình trống cơm.

Con nở nói :

To bụng thế nào được, nếu to bụng thì đã cần ổ để.

Vi :

Bụng to bằng cái trống cơm,
Bắt anh-hùng độn ổ rom em nắm.

Cậu lính nói :

A cô lại bảo mình là anh-hùng rom, độn ổ cho nắm ; này cô :

Ngâm :

Giường lò-so sẵn trên xăm,
Lỡ mà to bụng lên nằm nhà thương.

Con Nở ngâm :

Lính anh được mấy đồng lương,
Tiền đầu mà dám thuê giường lò-so.

Nói :

Thôi anh đừng nói khoác nữa, hãy về đi việc quan, để mình đi tìm mụ mối, kéo bà lớn quở.

Cậu lính nói :

Ừ mà mình cũng cóc có tiền, anh-hùng hãy về chùi ổ rom vậy.

(Các hạ)

Mụ mối ra nói lời :

Hay vấn sợi dây tơ, tên tôi là mụ mối ; ai ít tiền mụ xe con chỉ rối, ai khá tiền mụ quần bối thông-bong. Nếu đến khi mụ quán sợi tơ-hồng, thì phải biểu kẻ từng chồng giấy bạc ; mình không nói khoác, ai cũng phải nghe. Cũng có khi vợ chồng đánh cãi từng xòe, họ rầy-rạt rõ chán phê cho mụ mối.

Nói :

Nào giờ đi xem có đám nào cậy, kiếm tấm áo mát mặc nào.

Hát dip chờ :

Kết nhân duyên tôi thay mặt trăng già, làm tơ-hồng dưới đất đề mà xe dây ; hỏi kia ai hện nguyệt chờ mây, (song cô bay bên rồi vậy), hỏi ai hện nguyệt chờ mây. Kia ai hện nguyệt chờ mây, xe tơ (có bên) cũng phải mượn tay trăng già ; mỗi về vào rồi mối lại lần ra, (song cô bay sao mậu-mà), mối về vào rồi mối lại lần ra. Về vào rồi lại lần ra, quan tiền (có bên) tấm lụa chỉ nói và ba câu ; nói hai bên được rề được đầu, (song cô bay bên cũng mầu), hai bên được rề được đầu.

Con nở ra nói :

Ấy bà mối, bà lớn tôi sai tôi mời bà sang làm mối có Trần Bích-Lan cho cậu Hoàng Minh tôi đó a bà.

Mụ mỗi nói :

Sao trước ông bà huyện đã hỏi cô Lê Hồng-Thư cho cậu ấy kia mà, hình như cũng cậy mụ làm mối, giờ sao lại cậy làm mối Trần Bích-Lan, về ra về vào rồi họ lại cứ mỗi họ rửa chết.

Con Nở nói :

Trước bà làm mối cô Lê Hồng-Thư, song nay cô ấy bị cháy nhà hết cả, nên ông bà tôi lại muốn cậy tìm nơi khác, a bà.

Ca hành-vân :

Mụ ơi hời, mụ ơi hời, mời mụ mụ về chơi, lời non nước sau trước mối mai, cốt nơi nào sẵn cửa, lời giao-ước, song mà chi, hết cửa thì phai, liễu Chương-đài mặc người vin bề.

Mụ mỗi nói :

Ừ, ông bà lớn nghĩ thế cũng phải, mụ thời cứ món nào sẵn tiền là mụ về, về vào về ra cũng được cả, tha-hồ cho họ rửa.

Ca tiếp hành-vân :

Trời kia định, mụ xe tơ, cốt xe vờ, lấy tiền tiêu đặng, sẽ vò tơ vò tơ ; dù tơ rối, vọi xe quàng, bỏ ngãi tham vàng, mới giàu sang giàu sang ; dặng nay mời thì mụ đi sang, làm manh áo mát, tha-hồ họ rửa chết hoang.

Nói :

Nào đã mời thì mụ đi.

(cùng vào)

Quan huyện bà huyện cùng chào mời.

Bà huyện nói :

A này bà mụ mỗi, tôi trước có hỏi Hồng-Thư cho Hoàng Minh, nhưng giờ nhà họ Lê cháy hết cả, rề còn ăn xơ múi gì, giờ có con gái quan phủ Trần là Bích-Lan, nhà giàu lắm, tôi cậy mụ lại làm mối cho cháu, mà tôi bảo cháu, nó cứ không nghe lời a mụ.

Mụ mỗi nói :

Bẩm ông lớn bà lớn, tôi làm mối, thì được cái tài muốn về ra về vào thế nào cũng xuôi việc, nhưng cậu Hoàng

Minh còn trẻ người trẻ dạ, nên ông bà bảo không biết nghe, giờ ông bà cứ ép cậu ấy sang, tôi nói cho là được, chứ đăm trước còn ra gì, a cậu.

Ca tru-thủy doãn :

Ngày từ ngày giam dẫu, trao lời hẹn chưa vẹn vàng thau, phút cơ trời xoay cuộc bể dâu, xui nên đặng nhà giàu bị cháy, cháy gio tàn muôn vàn như lau, nổi cô dẫu chi còn tưởng lấy, lấy không lấy sẽ lấy con quan, con quan lại sánh so tơ đàn, đàn tơ đàn tơ đàn phiếm loan, khéo sao đặng tuổi xanh hay gàn, mẹ cha muốn đổi thay dây đàn, biết nghe đặng là người ngoan-ngoan, cho đơn-bạc sai lời giao-đoan, xin cho phượng xum hợp cùng loan, đặng mển chi gio than tời-tàn, đặng nếm chi gio than tời-tàn.

Khi đó Hoàng Minh chỉ đứng tại mặt lờm mụ mới.

Mụ mỗi nói :

Này cậu Hoàng Minh, cậu hãy cứ nghe lời ông bà là phải, rồi mụ mỗi món này cho hơn nhiều,

Ngâm :

Tiệc làm chi món trước này,
Từ phen nhà cháy than bay xác vờ.

Bà huyện nói :

Đấy thế mà con tôi nó cứ ương đở, cứ không muốn những chỗ nưng trụng hươg hoa, còn tơ-tướng những chỗ đầu gio mặt muội đó, a mụ.

Ngâm :

Con tôi ngo-ngác gà ngờ,
Hang vàng chẳng bới lại vờ đồng than.

Hoàng Minh nói :

Dạ thưa cha mẹ, dạy thế nào con chả phải nghe, nhưng lời mụ mỗi nói con không nghe được.

Ngâm :

Gớm sao bà mỗi đa-đoan,
Xui người ta nở phụ than tham vàng.

Quan huyện thét lời :

Chi thẳng con trẻ nói ngang, mình cứ hầy sang xem mắt ; nó không đi thì bắt, bà phải dỗ làm chi.

Gọi :

Lính sắp đồ-dệ cho ta sang quan phủ.

Lính dạ, gánh lễ-vật và giục Hoàng Minh sắp sửa cùng ra hát đường-trường đi :

Đạo bước ra đi, nẻo đường-trường đạo bước ra đi, quan-sơn (có bên) nghìn dặm (song mây) thê-nhi một đoàn ; sẽ vì con thay lựa tờ đàn. Sẽ vì con thay lựa tờ-dàn, chim muông (có bên) giọng hót (song mây) hoa ngàn hương đưa ; nhác trông kia con nhận về trưa. Nhác trông con nhận về trưa, tiện nơi (có bên) nhân gửi (song mây) bức thơ đề hồng ; (tinh) hoa nở tường đồng.

Các hạ

Quan phủ Trần ra nói lời :

Tôi vốn Trần tri-phủ, sinh một gái Bích-Lan ; quan huyện muốn vì con đính ước nhân-duyên, nay ngày tốt sẽ đưa tin thăm mặt đó chi.

Gọi :

Nào bà phủ đầu ? hôm nay ông bà huyện cùng con là Hoàng Minh sang thăm mặt Bích-Lan đó a bà.

Bà phủ Trần ra nói :

Đám nào chờ đám ấy gả lắm a ông.

Ngâm :

Con quan lựa bậc con quan,
Tờ duyên dù béu cung đầu hần em.

Quan huyện, bà huyện, cậu Hoàng Minh, mụ mối, tinh, cùng đến hai bên chào hỏi, mời ngồi . . .

Quan huyện ngâm thơ :

Hai ta xưa vốn bạn kim-bằng,
Mong đặng con trai sánh ả liêng.

Quan phủ Trần ngâm liễn rằng :

Mau bước làm quan nay đã trải,
Cũng mong đàn trẻ tới thềm trăng.

Bà phủ ngâm :

Sớm sinh một gái nga-hăng,
Trước nhà còn bức gương băng
lâu lâu.

Nói :

Thưa ông lớn bà lớn, tiếng rằng cháu đã lớn mà chưa chịu lấy ai suốt cả, nay ông bà có lòng yêu, để tôi còn phải hỏi uớm cháu, chớ nó hay ngùng-ngĩnh lắm kia đấy.

Bà huyện ngâm :

Quan sang chỉ cốt của giàu,
Sao còn ngùng-ngĩnh hãnh - cầu
nơi nao ?

Nói :

Bầm ông lớn bà lớn, nhà mình chỉ cốt sang và giàu, việc chi mà ngùng-ngĩnh ?

Mụ mối nói :

Vậy xin ông bà lớn gọi cô ấy ra, để ông bà tôi xem mặt, và xem cậu Hoàng Minh có ưng không, kéo cậu cũng hay ngùng-ngĩnh lắm kia đấy.

Cả kim-tiền :

Ấy xưa tại vì xưa, duyên-nợ ai xe buộc bao giờ, mà xe buộc bao giờ, lựa dang tờ, rồi phè mây tờ, bên kia chờ, bên này chờ, sao hững-hờ, thiệt duyên nợ thờ-ơ, khéo mình xe tờ, chừ sao vẫn-vương duyên nợ, duyên nợ tương-cờ, duyên nợ tương-cờ, thôi đừng ngùng-ngĩnh làm chi, thôi thôi đừng ngùng-ngĩnh làm chi cậu đi giạm vợ, khéo giạm vợ giạm vợ con quan, cũng hay e sợ giạm vợ.

Nói :

Bầm ông, bà lớn, cậu ấy cũng hay e sợ rụt-rè, như người ngùng-ngĩnh, nữa cô ấy là con gái, ai chả hay hổ thẹn.

Bà phủ Trần gọi :

Nào Bích-Lan, con ra chào ông bà đi.

Bích-Lan ra nói ngoài :

Hừ mình nay liếc trông, cậu Hoàng Minh coi người tuấn-nhã thật, song hôm nay sang coi mắt mình, mà hôm qua đã có giấy từ - hôn rằng có nơi khác rồi, thì mình còn thể lấy sao được nữa, rõ hoài thay tiếc thay cho mình, thôi giờ đành vào chào qua một tiếng, tỏ ra cách nhạt - nhẽo, để cho cậu biết rằng mình đã tiếp được cái thơ của cậu từ hôm qua đó sao.

Vào chào :

Bậm ông bà lớn sang chơi bên này ạ. Thưa cậu sang chơi bên này ạ. (Hạ).

Hoàng Minh lên ra nói ngoài :

Ừ như cô Bích-Lan, người đáng về con nhà khuê-các thật, song mình

trước đã trót hẹn với Lê Hồng-Thư, giờ vì nàng nhà bị hỏa - tai, mà cha mẹ mình ép, có lẽ lại tham vàng bỏ ngãi hay sao? Nên mình hôm qua đã đưa giấy từ hôn, và hôm nay cũng đành ngồi cúi mặt đó thôi. (Trở vào, ngồi ngánh mặt đi.)

Bà huyện ra trở vào mặt mắng :

Sao con đi giam vợ, mà cứ ngồi ngay mặt cáu tào, chu-chu chằm-chằm như thẳng phải gió, thì còn ai chuộg rề rầy làm chi hử trời !

(Hạ màn.)

(Còn nữa)

NGUYỄN THỨC-KHIÊM

MANH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

III

XXXIV

之何孟之弁子問公
曰以子詩小曰曰孫
怨言曰也人小高且

Dịch-âm. — Công-Tôn Sửu vẫn viết :
« Cao tử viết : « Tiều-bản tiều-nhân
chi thi dã. » Mạnh tử viết : « trã dĩ ngôn
chi ? » Viết : « Oán. »

Dịch-NGHĨA. — Công - Tôn Sửu hỏi
rằng : « Gã họ Cao có nói rằng : « Thơ
Tiều bản, là lời thơ tiều - nhân vậy. »
Thầy Mạnh nói : « Họ Cao nói thế là ý
bảo làm sao ? » Sửu nói rằng : « Họ Cao
cho rằng lời thơ Tiều-bản có ý oan cha
mẹ. »

Chú-giải. — Cao-tử = Người nước Tề. Tiều-
bản = Tên thơ trong thiên Tiều-nhã kinh

Thi. Vua U-vương nhà Châu lấy bà Thân-hậu
sinh ra thái-tử là Nghi-Cửu ; sau lại mẹ nàng
Bao-tự, sinh ra người Bá-Phục, rồi U-vương
truất ngôi Thân-hậu mà bỏ thái-tử Nghi-Cửu,
khí ấy quan thái phó của Nghi-Cửu làm thơ,
Tiều-bản để giải tỏ cái tình đau-xót bách-
thiết. Cao- tử cho rằng giọng thơ không được
ôn-hòa, thì không thấy có cái lòng nhân-hiếu.

矣親他已其而弓也曰
夫親戚之垂兄道而有人
高也之涕關之射於哉
叟親也泣而無他則此
之親小而道射之已越
為仁弁道射之疏之談
也詩也之怨無則也笑
固怨無則也笑

Dịch âm. — *Viết* : « Cờ tai Cao-lầu chi vi thi dã Hưu nhân ư thử, Việt nhân loan cung nhi xạ chi, tắc kỷ đàm tiếu nhi đạo chi, vô tha, sơ chi dã ; kỳ huynh loan cung nhi xạ chi, tắc kỷ thù thể khắp nhi đạo chi, vô tha, thích chi dã. Tiếu-bản chi oán, thân thân dã, thân thân nhân dã ; cổ hi phủ ! Cao-Tâu chi vi thi dã. »

ДИСН-НОИЯ. — Thầy Mạnh nói rằng : « Câu-nệ thay cụ Cao kia học kinh Thi vậy. Thi-dự có một người ở đây, thấy người nước Việt giương cung mà bắn người, thì mình nói cười mà khai-đạo cho người nước Việt khiến đừng giết người, không vì có gì khác đâu, vì người nước Việt với mình là tình xa, thì mình xử một cách xa đấy vậy ; thấy người anh mình giương cung mà bắn người, thì mình chảy nước mắt khóc mà khai-đạo cho anh khiến anh đừng giết người, không vì có gì khác đâu, là vì anh với mình là tình thân, thì mình xử một cách thân đấy vậy. Thơ Tiếu-bản có lời than oán, là thân yêu cha mẹ vậy, thân yêu cha mẹ là lòng nhân-ái vậy. Câu-nệ làm thay ! Cụ Cao kia học kinh Thi vậy. »

Chú-giải. — Cổ = Cổ-chấp câu-nệ. Tâu = Bạc người già. Loan 關 = Thông-dụng làm chữ loan 關, nghĩa là giương cái cánh cung. Đạo = Khuyên bảo.

怨。以 風 曰。
不 何 凱

Dịch-âm. — *Viết* : « Khải-phong hà dĩ bất oán ? »

ДИСН-НОИЯ. — *Sứn* hỏi rằng : « Thơ Khải-phong sao lại chẳng than-oán ? »

Chú-giải. — Khải-phong = Tên thơ trong thiên Bội-phong 郝 鳳 kinh Thi. Nước Vệ có người mẹ đã sinh được bảy con mà lại đi lấy chồng, bảy người con làm ra thơ Khải-phong để trách mình không yên-ủi được mẹ.

不孝也。不可磯亦
可磯也。不可磯亦
過小而已。愈惡是
是愈疏也。親之不
之過大而不怨。
之過大者也。親
小者小弁之親
曰。凱風親過

Dịch-âm — *Viết* « Khải-phong than chi quá tiếu giả dã, Tiếu-bản than chi quá đại giả dã ; thân chi quá đại nhi bất oán, thị dĩ sơ dã ; thân chi quá tiếu nhi oán, thị bất khả cơ dã ; dĩ sơ bất hiếu dã, bất khả cơ diệc bất hiếu dã.

ДИСН-НОИЯ. — Thầy Mạnh nói rằng : Thơ Khải-phong là vì cái lỗi của đấng thân nhỏ đó vậy ; thơ Tiếu-bản là vì cái lỗi của đấng thân lớn đó vậy. Nếu cái lỗi của đấng thân lớn mà người con chẳng than - oán, thế là xử với cha mẹ càng xa vậy ; nếu cái lỗi của đấng thân nhỏ mà người con than-oán, thế thì không nên làm cho sói tức lên vậy. Xử với cha mẹ càng xa là bất-hiếu vậy, không nên làm cho sói tức mà lại oán cho tức cũng là bất-hiếu vậy.

Chú-giải. — Quá-tiểu = Cái lỗi thất-tiết đi lấy chồng, chỉ ở một thân. Quá-dại = Cái lỗi tình lời gièm bả thái-tử làm hại đến cả quốc-gia. Cơ = hòn đá, nước chảy sỏi vào đá thì tức lên. Bất khả cơ = Không nên làm cho tức sỏi lên.

而五孝其曰。孔
慕。十矣。至舜子

Dịch-âm. — « Khổng-tử viết : « Thuấn kỳ chí hiếu hĩ, ngũ thập nhi mộ. »

ДИСН-НОИЯ. — « Ông Khổng-tử có nói rằng : « Vua Thuấn là bậc chí-hiếu vậy, năm-mươi tuổi mà vẫn mến cha mẹ. »

Chú-giải. - Đây là nói vua Thuấn bị cha mẹ ghét, mà vẫn than oán thiết-tha yêu-mến cha mẹ mãi đến lúc già, để rõ rằng thơ Tiếu-bản than-oán, không phải là bất-hiếu.

IV

立。於。子。楚。將。宋
石。遇。孟。之。攄

Dịch-âm. — Tống Hình tương chi Sở, Mạnh-tử ngộ ư Thạch-khâu.

Dịch nghĩa. — Người Tống Hình sắp-sửa đi sang nước Sở, thầy Mạnh gặp ở đất Thạch-khâu.

Chú-giải. — Tống Hình là người khách đi du-thuyết.

何。生。曰。
之。將。先

Dịch-âm. — Viêt : « Tiên-sinh tương hà chi ? »

Dịch nghĩa. — Thầy Mạnh hỏi rằng : « Tiên-sinh toan đi đâu ? »

遇。王。說。我。之。楚。攜。曰。
焉。我。而。將。楚。王。我。我。吾
將。罷。之。秦。不。說。而。將。見
所。二。王。悅。罷。見。楚

Dịch-âm. — Viêt : « Ngô văn Tần Sở cấu binh, ngô tương-kiến Sở-vương thuế nhi bãi chi, Sở-vương bất duyệt, ngô tương-kiến Tần-vương thuế nhi bãi chi, nhị vương ngô tương hữu sở ngộ yển. »

Dịch nghĩa. — Tống Hình nói rằng : « Ta nghe nước Tần nước Sở gây việc binh, ta toan yết-kiến vua Sở nói mà bãi việc binh đi, vua Sở chẳng bằng lòng, thì ta lại toan yết-kiến vua Tần, nói mà bãi việc binh đi, hai vua ấy ta chắc có một vua hợp ý vậy. »

Chú-giải. — Thuế = Nói giảng - giải, Ngộ = Hợp, hợp ý nghe theo.

之。則。曰。言。何。其。問。曰。
號。大。先。其。如。指。其。問。曰。
則。矣。生。其。不。曰。說。詳。也。請
不。可。先。之。利。我。之。願。無
可。生。志。也。將。將。聞。無

Dịch-âm. — Viêt : « Kha dã, thỉnh vô vấn kỳ tương, nguyên vấn kỳ chỉ, thuế chi tương hà như ? » Viêt : « Ngã tương ngôn kỳ bất lợi dã. » Viêt : « Tiên-sinh chi chí tắc đại hĩ, tiên-sinh chi hiệu tắc bất khả. »

Dịch nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Kha này xin không dám hỏi tương-tận, xin cho nghe cái đại-y, bảo với hai vua Tần Sở, thì toan bảo như thế nào ? » Tống Hình nói rằng : « Ta toan bảo hai nước gây việc binh đều không lợi vậy. » Thầy Mạnh nói rằng : « Cái chi muốn bãi binh của tiên-sinh thì lớn lắm vậy ; nhưng cái danh-hiệu của tiên-sinh nói về lợi thì không nên. »

然。弟。以。以。以。悅。之。楚。先
而。終。事。事。事。於。師。之。之。生
不。去。其。其。其。利。是。王。以
亡。仁。兄。父。君。也。三。悅。悅。說
者。義。是。為。為。也。軍。於。於。於
未。之。利。是。人。人。也。之。於。於
有。有。利。弟。者。者。者。樂。於。於
也。也。也。兄。者。者。者。而。而。而
也。接。利。利。利。利。而。而。而

Dịch-âm. — « Tiên-sinh dĩ lợi thuế Tần Sở chi vương, Tần Sở chi vương duyệt ư lợi dĩ bãi tam-quân chi sự, thị tam-quân chi sự lạc bãi nhi duyệt ư lợi dã ; vi nhân-thần giả, hoài lợi dĩ sự kỳ quân, vi nhân-tử giả, hoài lợi dĩ sự kỳ phụ, vi nhân-dê giả, hoài lợi dĩ sự kỳ huynh ; thị quân-thần phụ-tử huynh

đệ chung khử nhân nghĩa, hoài lợi dĩ tương tiếp ; nhiên nhi bất vong giá, vị chi hữu dã.

DỊCH-NGHĨA. — Tiên-sinh đem điều lợi bảo vua Tần vua Sở, vua Tần vua Sở đẹp lòng về điều lợi dễ bãi cái việc ba quân, thế là kẻ sĩ ba quân vui về bãi binh và đẹp lòng về điều lợi vậy. Điều lợi khởi-xướng ra như vậy, rồi cả nước tranh nhau xô cả về điều lợi, kẻ làm tôi đem điều lợi dễ thờ vua, kẻ làm con đem điều lợi dễ thờ cha, kẻ làm em đem điều lợi dễ thờ anh, thế là vua với tôi, cha với con, anh với em, tóm lại đều bỏ nhân-nghĩa chỉ mang lấy điều lợi dễ giao-tiếp với nhau, thế mà chẳng mất nước, chữa có lẽ ấy bao giờ.

DỊCH-NGHĨA. — Tiên-sinh nếu đem điều nhân-nghĩa bảo vua Tần vua Sở, vua Tần vua Sở đẹp lòng về điều nhân-nghĩa mà bãi cái việc ba-quân, thế là kẻ sĩ ba quân vui về bãi binh mà đẹp lòng về điều nhân-nghĩa vậy. Điều nhân-nghĩa xướng-khởi ra như vậy, rồi cả nước tranh nhau xô về điều nhân-nghĩa, kẻ làm tôi mang điều nhân-nghĩa dễ thờ vua, kẻ làm con mang điều nhân nghĩa dễ thờ cha, kẻ làm em mang điều nhân-nghĩa dễ thờ anh ; thế là vua với tôi, cha với con, anh với em, đều bỏ điều lợi mang lấy điều nhân nghĩa dễ giao-tiếp với nhau vậy ; thế mà nước chẳng thịnh-vượng, chữa có lẽ ấy bao giờ. Tiên sinh hà-tất phải nói đến lợi. »

Chú-giải. — Toàn chương này là thầy Mạnh nhân Tống Hình đi du-thuyết mà bảo nên nghiêm-biện chữ nghĩa với chữ lợi.

V

先 楚 之 師 是 三 軍 之 士 樂 罷 而 悅
 於 仁 義 也 為 人 臣 者 懷 仁 義
 以 事 其 君 為 人 子 者 懷 仁 義
 以 事 其 父 為 人 弟 者 懷 仁 義
 以 事 其 兄 是 君 臣 父 子 兄 弟
 去 利 懷 仁 義 以 相 接 也 然 而
 不 王 者 未 之 有 也 何 必 曰 利

孟 子 居 鄰
 季 任 為 任
 處 守 以 幣
 交 受 之 而
 不 報 處 於
 平 陸 儲 子
 為 相 以 幣
 交 受 之 而
 不 報

Dịch âm. — Mạnh-tử cư Châu, Qui-Nhâm vị Nhâm xử-thủ, dĩ tệ giao, thụ chi nhi bất báo ; xử ư Bình-lục, Chử-tử vị tướng, dĩ tệ giao, thụ chi nhi bất báo.

Dịch-âm. — Tiên-sinh dĩ nhân-nghĩa thuế Tần Sở chi vương, Tần Sở chi vương duyệt ư nhân-nghĩa nhi bãi tam quân chi sự, thị tam quân chi sĩ lạc bãi nhi duyệt ư nhân-nghĩa dã ; vị nhân-thần giả, hoài nhân-nghĩa dĩ sự kỳ quân, vị nhân-tử giả, hoài nhân-nghĩa dĩ sự kỳ phụ, vị nhân-đệ giả, hoài nhân-nghĩa dĩ sự kỳ huynh, thị quân thần phụ tử huynh đệ khử lợi hoài nhân-nghĩa dĩ tương tiếp dã ; nhiên nhi bất vong giá, vị chi hữu dã, hà tất viết lợi. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh ở nước Châu, em vua nước Nhâm là Quý làm chức xử-thủ nước Nhâm, đem lụa làm lễ kết-giao với thầy Mạnh, thầy Mạnh nhận lụa mà chẳng đi đáp lễ. Thầy Mạnh ở đất Bình-lục, Chử-tử làm tướng nước Tề, đem lụa làm lễ kết-giao với thầy Mạnh, thầy Mạnh nhận lụa mà chẳng đi đáp lễ.

Chú-giải. — Xử-thủ = Vua di triều-hội ở nước khác vắng, mà mình ở nhà thay mặt vua giữ nước.

得喜屋見之由見鄰他
 問曰。廬儲齊平季之日
 矣。連子子。不陸子。任由

Dịch-âm. — Tha nhật do Châu chi
 Nhâm kiến Qui-tử ; do Bình lục chi Tê
 bất kiến Chử-tử. Ốc-Lư-tử hĩ viết :
 « Liên, đặc gián hĩ. »

Dịch - NGHĨA. — Ngày khác, thầy
 Mạnh từ nước Châu đi sang nước
 Nhâm, vào tiếp - kiến Qui - tử, từ đất
 Bình-lục đi sang nước Tê, chẳng vào
 tiếp-kiến Chử-tử. Ốc-Lư-tử mừng mà
 rằng : « Liên, nhân được dịp hờ này
 có thể hỏi được. »

Chú-giải. — Liên = Tên Ốc-Lư-tử. Gián = Khe
 hờ; tức là nhân thấy thầy Mạnh chỉ đáp lễ có
 một người, thì tất là có ý-nghĩa gì, nên nhân
 cái dịp hờ ấy thì dễ hỏi.

相爲見之見子問
 與。其儲齊不子。任夫
 爲子。不子。任夫

Dịch-âm — Vấn viết : « Phu-tử chi
 Nhâm kiến Qui-tử, chi Tê bất kiến Chử-
 tử, vị kỳ vị tương dư ? »

Dịch-NGHĨA. — Ốc-Lư-tử hỏi rằng :
 « Nhà thầy đi sang nước Nhâm vào
 tiếp - kiến Qui-tử, đi sang nước Tê
 chẳng vào tiếp-kiến Chử-tử, vì Chử-tử
 làm tướng, chẳng bằng Qui-tử thay
 ngôi vua, mà kinh Chử-tử dư ? »

志惟曰不多書曰。
 于不不及儀。曰。非
 享。後享。物。儀。享也。

Dịch Âm. — Viết « Phi dã. Thư viết :
 « Hưởng đa nghi, nghi bất cấp vật, viết
 bất hưởng, duy bất dịch chi vu hưởng. »

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng :
 « Chẳng phải là kinh Chử-tử vậy.
 Kinh Thư có nói rằng : « Sự hưởng
 cốt ở nhiều lễ-ý, nếu đồ-vật nhiều lễ-ý
 ít, lễ-ý chẳng bằng đồ-vật, thì cho như
 là chẳng hưởng, vì chẳng dụng chi ở
 sự hưởng. »

Chú-giải. — Thư = Thiên Lạc-cáo sách Châu-
 thư. Hưởng = Kê dưới cung phụng kê trên,
 Nghi = Lễ. Vật = Mọi đồ dùng về sự hưởng
 như ngọc lụa vân-vân. Dịch = Dụng, chủ-y

也享成不其爲

Dịch-âm. — « Vị kỳ bất thành
 hưởng dã. »

Dịch-NGHĨA. — « Kinh Thư nói như
 vậy, ý là vì đồ-vật có thừa, mà cái
 lòng cung-kính chẳng đủ, chẳng thành
 lễ hưởng vậy. »

平子之子子之。悅屋
 陸得。鄰不。曰。屋或廬
 之儲得李廬問子

Dịch-âm — Ốc-Lư-tử duyệt. Hoặc
 vấn chi. Ốc-Lư-tử viết : « Qui-tử bất
 đắc chi Châu, Chử-tử đắc chi Bình-lục. »

Dịch-NGHĨA. — Ốc-Lư-tử đã hiểu
 cái cách thầy Mạnh giao-tiếp có ý-
 nghĩa mà lấy làm đẹp lòng. Hoặc có
 kẻ chưa hiểu mà hỏi lại cái có ? Ốc-
 Lư-tử đáp rằng : « Có là Qui-tử không
 được đi sang nước Châu, Chử-tử thì
 được đi ra đất Bình-lục. »

Chú-giải. — Bất đắc chi-Chấn = Qui-ử thay
 vua giữ nước, không được đi sang nước
 Châu tiếp-kiến thầy Mạnh, nên chỉ đem lụa
 làm lễ kết-giao, là đủ hợp-lễ. Đắc chi Bình-lục
 = Chử-tử làm tướng nước Tê, đất Bình-lục
 ở trong cõi nước Tê, có thể được đi ra đất
 Bình-lục để tiếp-kiến thầy Mạnh, mà chẳng
 chịu đi, chỉ đem lụa đến kết-giao, là phi-lễ
 tức là không thành lễ hưởng vậy.

VI
 淳于鬯曰。先
 名實者為人
 也。後名實者
 自爲也。夫子
 在三鄉之中。
 名實未加於
 上下而去之。
 仁者固如此
 乎。

Dịch-âm. — Thuần-Vu Khôn viết :
 « Tiên danh thực giả vị nhân dã, hậu
 danh thực giả tự vị dã. Phu-tử tại tam-
 Khanh chi trung, danh thực vị gia ư
 thượng hạ, nhi khứ chi, nhân-giả cô
 như thử hồ? »

Dịch-NGHĨA. — Thuần-Vu Khôn hỏi
 rằng : « Cần cấp về điều danh điều
 thực mà cố-gắng làm, là kẻ vị người
 vậy; không cần gì điều danh với điều
 thực mà chẳng làm, là kẻ vị mình
 vậy. Nhà thầy làm quan nước Tề ở
 trong ngôi ba quan Khanh, điều danh
 điều thực chữa khắp ra đến kẻ trên
 người dưới, mà chợt từ chức đi, người
 nhân lại như thế ư? »

Chú-giải — Danh — là tiếng khen, danh-dự.
 Thực = Mọi sự làm nên công-nghiệp. Tiên =
 Trước cần cấp trước. Hậu = Sau, chẳng cần
 gì cả. Vị-nhân = Chỉ ở cứu dân. Tự-vị = Độc-
 thiên lấy một mình. Thượng-hạ = Thượng là
 trở về vua, hạ là trở về dân.

孟子曰。居下位不
 賢事不肖者。伯夷也。
 五就湯。五就桀者。伊
 尹也。不惡汗君。不辭
 小官者。柳下惠也。三
 子者不同道。其趨也一
 也。一者何也。曰仁也。
 君子亦仁而已矣。何
 必不同。

Dịch-âm — Mạnh-tử viết : « Cư hạ
 vị, bất dĩ hiền sự bất tiểu giả, Bá-Dĩ
 dã; ngũ tự Thang ngũ tự Kiệt giả, Y-
 Doãn dã. Bất ó ó-quân, bất từ tiểu-quan
 giả, Liễu Hạ Huệ dã; tam tử giả bất
 đồng đạo, kỳ xu nhất dã, nhất giả hà
 dã? viết nhân dã, quân-tử diệc nhân nhi
 dĩ hi, hà tất đồng. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng :
 « Thà ở ngôi dưới, chẳng đem mình là
 hiền mà thờ vua chẳng hiền, ấy là cái tích ông Bá-Dĩ giống như vị mình vậy.
 Năm lần tới với vua Thang, năm lần
 tới với vua Kiệt, ấy là cái tích ông Y-
 Doãn giống như vị người vậy.
 Chẳng ghét hạng vua tồi, chẳng chối
 từ chức quan nhỏ, ấy là cái tích ông
 Liễu-Hạ Huệ giống như vị người và vị
 mình vậy. Ba gã ấy cái đạo sở-hành
 tuy không giống nhau, nhưng cái chi
 xu-hướng thì là một cả; một là cái gì?
 là một điều nhân vậy. Người quân-tử
 xử-thế, cũng cốt hợp về điều nhân đó
 mà thôi, chớ như cái tích hà-tất phải
 giống nhau. »

曰。魯繆公
 之特。公儀
 子爲政。子儀
 子爲子儀
 柳子思爲
 臣。魯之削
 也。魯之甚
 是乎賢者
 國之無益於
 也。

Dịch Âm. — Viết : « Lỗ Mục-công
 chi thời, Công-Nghi-tử vi chính, Tử-
 Liễu, Tử-Tư vi thần, Lỗ chi tước dã tư
 thậm; nhược thị hồ hiền-giả chi vô-ích
 ư quốc dã. »

DỊCH-NGHĨA. — Khôn nói rằng :
 « Thời vua Mục-công nước Lỗ, Công-
 Nghi-tử làm tướng cầm quyền-chính,
 Tử-Liêu, Tử-Tư làm bề tôi giữ các việc;
 ba người ấy có tiếng là người hiền,
 nước Lỗ được mạnh lên thì phải, mà
 đất nước Lỗ lại bị nước ngoài lấn
 cướp vậy càng nhiều. Như thế thì người
 hiền không ích gì với nước vậy. »

Chú-giải. — Đây là Khôn có ý chê thầy Mạnh
 dấu chẳng bỏ nước Tề mà đi, cũng chửi tất
 làm nên được sự-nghiệp gì ở nước Tề.

曰。虞不
 用百里
 奚而七
 秦穆公
 用之而
 霸不用
 賢則七
 削何可
 得與。

Dịch-âm. — Viết : « Ngu bất dụng Bách-Lý Hề nhi vong, Tần Mục-công dụng chi nhi bá, bất dụng hiền tắc vong, tước hà khả đắc dư ? »

Dịch-NHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Nước Ngu chẳng dùng Bách-Lý Hề mà mất nước, vua Mục-công nước Tần dùng Bách-Lý Hề mà nên nghiệp bá ; chẳng dùng người hiền thì còn đến mất nước, muốn mong tước đất mà thôi sao khả được vậy dư. »

曰。昔者王豹處於淇
而河西善謳。縣駒處
於高唐而齊右善歌。
華周杞梁之妻善哭
其夫而變國俗。有諸
內必形諸外。為其事
而無其功者。髡未嘗
覩之也。是故無賢者
也。有則髡必識之。

Dịch-âm. — Viết : Tịch-giả Vương-Báo xử ư Kỳ nhi Hà-tây thiện âm, Miên-Câu xử ư Cao-đường nhi Tề hữu thiện ca ; Hoa-Châu Kỳ-Lương chi thể thiện khóc kỳ phu nhi biến quốc-tục ; hữu chư nội, tất hình chư ngoại, vi kỳ sự nhi vô kỳ công giả, Khôn vi thường đồ chi dã ; thị cố vô hiền giả dã, hữu tắc Khôn tất thức chi. »

Dịch-NHĨA. — Khôn nói rằng : « Ngày xưa người Vương-Báo nước Vệ ngâm hay, ở sông Kỳ, mà người đất Hà-tây cũng cảm-hóa mà ngâm hay. Người Miên-Câu nước Tề hát hay, ở đất Cao-đường, mà người phía hữu nước Tề cũng cảm-hóa mà hát hay. Vợ người Hoa-Châu người Kỳ-Lương khéo khóc chồng, mà biển đời được tục nước Tề. Phạm kẻ có tài uẩn-súc ở trong, tất hình-hiện ra ngoài. Nếu làm sự-nghiệp gì mà không có công-hiệu, thì Khôn này chẳng từng trông thấy bao giờ. Thế thì đời nay

không có người hiền đó vậy. Nếu có thì Khôn này tất biết. »

Chú-giải. — Âm = Ngâm thanh-doản. Ca = Hát, thanh-trường. Hoa-châu Kỳ-lương = Hai người đều là bày tới nước Tề, chết trận ở ấp Cử, vợ hai người ấy khóc chồng một cách thương-xót khác thường, tục nước Tề vì đó cảm-hóa, ai nấy đều khéo khóc.

Đây là Khôn lại có ý chê thầy Mạnh làm quan nước Tề mà không có công-nghiệp, chưa đủ gọi là người hiền.

曰。孔子為魯司寇。不
用。從而祭。燔肉不至。不
稅冕而行。不知者
以為為肉也。其知者
以為為無禮也。乃孔
子則欲以微罪行。不
欲為苟去。君子之所
為。眾人固不識也。

Dịch-âm. — Viết : « Khổng-tử vi Lễ-Tư-khẩu, bất dụng tòng, nhi lễ, bần nhục bất chi, bất thoát miện nhi hành ; bất tri giả dĩ vi vị nhục dã, kỳ tri giả dĩ vi vị vô-lễ dã, nãi Khổng-tử tắc dục dĩ vi tội hành, bất dục vi cầu khí ; quân-tử chi sở vi, chúng-nhân cố bất thức dã. »

Dịch-NHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Ngày xưa ông Khổng tử làm quan Tư-khẩu nước Lễ, vua tướng nước Lễ mê nữ-nhạc chẳng tin dùng ông Khổng, ông Khổng đã quyết chí đi, mà còn chưa đi ; chợt nhân nước Lễ có sự tế Giao, thịt phần lại chẳng đem đến ông Khổng, ông Khổng chẳng đợi trút cái mũ miện đội tế Giao vừa xong ấy mà tức-khắc đi ngay. Kể chẳng biết thì cho rằng ông Khổng vì miếng thịt vậy, kể hơi biết ông Khổng thì cho rằng ông Khổng vì vô-lễ vậy. Hai thuyết đều chẳng phải thâm-tri ông Khổng cả. Thực ra thì ý ông Khổng chẳng muốn lấy cái cơ mê nữ-nhạc

là tội lớn của vua tướng nước Lỗ mà đi, muốn lấy cái cơ quên tội phần là tội nhỏ của vua tướng nước Lỗ mà đi, và chẳng muốn cầu-thả vô-cớ mà đi. Cứ xem như sự ông Khổng đó, thì cái cách hành-vi của quân-lữ khác với thói thường; kẻ chúng-nhau thiên-cận đành chẳng biết được vậy. »

Chú-giải. - Bàn nhạc = Thịt thui cả con dê đem tế, rồi chia làm thịt phần.

Ông Khổng khi ấy làm chức Tư-khẩu nước Lỗ, kiêm việc giúp vua đi triều-hội. Người Tề nghe Lỗ dùng ông Khổng mà lấy làm sợ, đem bộ nữ-nhạc cho vua nước Lỗ, đó là cái mưu

người Tề muốn khiến cho vua tướng nước Lỗ mê nữ-nhạc mà bỏ ông Khổng. Quả -nhiên tướng nước Lỗ là Quý Hoàn-tử cùng với vua nước Lỗ đi xem nữ-nhạc liền trở về cả chính-sự. Thầy Tử-Lộ nói với ông Khổng rằng : Nhà thầy nên đi. Ông Khổng nói rằng : Nước Lỗ nay sắp sửa tế Giao, nếu nhớ đến tội phần đến quan đại-phu, thì ta còn có thể ở lại. Sau Hoàn-tử quả mê nữ-nhạc, quên cả tội phần của hàng đại-phu. Ông Khổng mới đi. Đó là ông Khổng thấy cơ đã minh-quyết, mà dùng ý lại trung-hậu, kẻ người thường không thể biết được. Người Khôn sao khá lấy điều nông-nổi mà khinh-lợng người hiền được.

ĐÔNG-CHÂU và TÙNG-VĂN dịch

TÂM GƯƠNG TÌNH

Bàn chân trắng

Tước hàng vương của nhà Mãn-Thanh về hồi vua Thế-lỗ mới vào làm chủ nước Trung-hoa là Cảnh Tinh-Trung. Họ Cảnh có công dẫn người Mãn vào đánh giặc Sấm và diệt nhà Minh, được phong vương ở đất Mãn (lúc là đất Phúc-kiến). Họ Cảnh khi ấy kiêu-căng xa-xỉ, tàn-bạo dâm-dãng, chẳng sự gì là chẳng làm. Viên tham-những của họ Cảnh là Lâm Diên-Phương, có người em họ là Lâm Thanh, tuổi mới hai-mươi làm chức hộ-vệ trong Cảnh-phủ, một mình được Cảnh-vương quyền-ái, chẳng khác gì hàng con cháu thân, vì thế Lâm Thanh được ra vào chốn phiến-phủ chẳng ai ngăn cấm, dẫu hàng ti-nữ thế-thiếp rất yêu-bầu của Cảnh-vương, Lâm Thanh đều được tiếp-kiến. Khi ấy cả phủ gọi là chàng Tiểu-lâm. Chợt gặp đêm mồng bảy tháng bảy là lễ chốn nhân-gian kỷ-niệm sự-tích ông Ngâu bà Ngâu. Cảnh-vương cùng với các cung-phi

đem ăn yến, đoái lại trông thấy Lâm Thanh đứng hầu ở bên cạnh, bỗng mà hỏi rằng : « Lâm hộ-vệ, mày đã lấy vợ chưa ? Lâm Thanh thưa rằng : « Hay còn chưa có vợ. » Cảnh vương cười nói rằng : « Nay ta phú-quí làm tước phiến vương, hàng ngày cùng bọn phi-tàn cùng-cực vui-thú, coi với hai vị sao kia, một năm chỉ được một lần hội với nhau, chẳng hơn lắm du ! Mày nay chạc tuổi thanh-xuân, cũng nên cấp-thời hành-lạc đi chứ ? Sao lại vô-võ như đồ góa vợ thế vậy. Ta nay kẻ thi-nữ như mày, cho phép mày được tự kén lấy một người, để làm đôi lứa tốt đẹp cho mày. » Lâm Thanh quì xuống nói rằng : « Đội ân-mệnh đại-vương, nếu được ả Miến-Hà làm vợ, thì bình-sinh nguyện-vong tôi đủ vậy. » Cảnh-vương cười, đoái bọn phi-tàn mà rằng : « Ai bảo thằng mán nhỏ kia nó kén sắc đẹp chẳng tinh đó thay ! ả Miến-Hà tự thừa còn trái đào, đã theo ta ở đất Thâm-dương, học tập lối nội-trang,

đến nay lại mười năm, lính ra thì Miến-Hà tuổi vừa mười chín. Ta chẳng phải là chẳng muốn nạp Miến-Hà vào hậu-cung, nhưng vì thằng con cả ta nó muốn lấy Miến-Hà, cho nên bấy lâu chẳng nạp Miến-Hà vào hậu-cung. Nay con cả ta đã chết rồi, các con khác thì còn bé lắm. Ta nay đem Miến-Hà gả cho Lâm Thanh, thật là một đôi lứa tốt. Tuy vậy, há nói dễ-dàng mà lấy được Miến-Hà làm vợ. Ta đã nghĩ được một phương pháp để ngày mai xem cái phúc thặng Lâm Thanh nó dày mỏng thế nào vậy.» Cảnh-vương liền cười nói nói uống rượu vui-vẻ rồi bãi tiệc.

Đến ngày thứ hai, Cảnh-vương sai đem gấm đồ khâu lại làm một bức bộ, trước dài chừng độ vài mươi trượng, quây khắp cả ở một chốn đình tòa thật rộng; cứ cách nhau độ hơn một thước thì rải thủng ra một cái lỗ độ bằng cái trôn bát, liền tuyển lấy ba mươi người con gái đẹp, người nào người nấy đều thò một bàn tay ra ở ngoài lỗ hồng, mà toàn thân thì hết thấy ẩn náu ở trong trước gấm, rồi sai một đứa nội-thị dẫn Lâm Thanh vào. Cảnh-vương ra lệnh bảo rằng: « Trong ba-mươi người ấy có Miến-Hà ở đó, cho mày được tự ý nhận lấy, nhận được người nào là Miến-Hà, thì tức-khắc viết tên Miến-Hà ở bàn tay người ấy, rồi ta sẽ thân-hành xét nghiệm.» Lâm Thanh vàng mệnh đi lại ngắm xét, thì chẳng bàn tay nào là chẳng xinh đẹp như ngọc, thực khó phân-biệt lắm. Lâm Thanh đương lúc trừ-trừ, chợt nghĩ ra rằng Miến-Hà tay bên tả ngón vô-danh, có một cái móng dài chừng độ hai tấc là khác người, ta sẽ lấy đấy làm bằng-cứ. Rồi Lâm Thanh lại đi ngắm xét lần nữa, đến bàn tay thứ mười sáu, quả-nhiên thấy như vậy; trong bụng mừng thầm, liền lấy bút viết tên Miến-Hà, rồi về bẩm-bạch với Cảnh-vương. Cảnh-vương tức-khắc ra xét nghiệm, thì quả

là Miến-Hà vậy. Cảnh-vương ngạc-nhiên mà nói rằng: « Há có lạ thế đâu? Liền gọi Miến-Hà đến, đem bàn tay ra trình. Cảnh-vương xem đi xem lại, thấy cái móng tay, mới cả cười nói rằng: « Cái hang gian-dối ở móng tay này đây.» Đoái bảo Lâm Thanh rằng: « Mày hãy lui về, ngày mai ta sẽ có phương-pháp hay, tất khiến cho tận-thiện mà không gian-dối vào đâu, rồi sẽ được.» Lâm Thanh cả lấy làm thất-vọng, ngậm-ngùi mà đi ra, Lâm Thanh về đến nhà riêng, trong bụng khôn xiết bồi-hối, ngay đêm hôm ấy chiêm bao thấy một vị ngọc-nữ tự xưng vàng mệnh Đại-sĩ, cầm một tấm lụa trắng tặng cho Lâm Thanh, trên tấm lụa có ngón hoa ba hàng, phẳng-phất ra hình chữ xuyên (川). Lâm Thanh khẩu lay vàng nhận rồi chợt thức dậy chẳng hiểu ra ý sao, trần-trọc suốt đêm không ngủ, mặc áo ngồi đợi sáng. Đến sáng sớm, Lâm Thanh đương rửa mặt súc miệng, đã tức-khắc có kẻ truyền vương-mệnh đến triệu Lâm Thanh. Lâm Thanh kịp chỉnh-đón áo mũ đi vào phủ, thì Cảnh-vương đã ngồi ở trong phòng, truyền chỉ-dụ rằng: « Cuộc bộ-trưởng lại đặt đấy, mày lại đi đánh đố vợ với trời.» Lại có một đứa hoạn-giả dẫn Lâm Thanh vào. Kịp vào đến trong sảnh, thì trước gấm bài-tri như cũ, chỉ mỗi một lỗ thủng thò ra một bàn chân trắng. Lâm Thanh lấy làm hãi-ngạc toan tránh lui. Kẻ hoạn-giả lôi tay lại bảo rằng: « Đại-vương cho rằng ngậm tuyển bằng bàn tay thì có tệ, vậy bảo cho cái cách ngậm tuyển bằng bàn chân đấy thôi.» Lâm Thanh bắc-đặc đi lại ý thứ-tự xét ngắm, chỉ thấy cõ chân nào cõ chân ấy đẹp như cái mặng mùa xuân, gót chân nào gót chân ấy nhuận như hòn ngọc, thuần như thế cả. Cuối cùng thấy một cái chân xinh trắng mềm mại, hơi khác với cái chân khác, và giữa bàn chân có ba cái gấn hình như chữ xuyên (川).

rõ ràng sờ-kiến ở trên tấm lụa trong giấc mộng đêm hôm qua. Lâm Thanh sực nghĩ ra, tức-khắc viết tên Miến-Hà vào bản chân ấy, rồi đi bẩm-bạch với Cảnh-vương. Cảnh-vương xét nghiêm thì lại quả là Miến-Hà, cả kinh than rằng: «Thực là duyên trời vậy!» Cảnh-vương mới đem Miến-Hà gả cho Lâm Thanh, lại cho Miến-Hà xghìn lạng vàng để làm kinh-phi đồ nữ-trang.

Lâm Thanh được Miến-Hà làm vợ, thực là do ở ngoài nguyên-vọng, thâm-cảm ân-đức Cảnh-vương, trong lòng muốn loan những sự hậu-báo, thường hình ra cả sắc mặt, lại phát ra cả lời nói. Miến-Hà thông dong bảo riêng với Lâm Thanh rằng: «Cảnh-vương có ơn với chàng, sự ấy đã đành. Song - le Cảnh-vương xưa nay hành-sự, thường khinh-mạn đùa-bỡn, đại-khái như vừa rồi ấy rất nhiều, chữa nên cho rằng Cảnh-vương lấy bậc quốc-sĩ đãi chàng đâu. Nếu Cảnh-vương đãi chàng là bậc quốc-sĩ, thì vì chàng kén vợ, ân-lễ hẳn-hoi, cho xứng-dáng là việc giai-nhân tài-tử. Nay làm ra những việc trò đùa như vậy, há là cái đạo dấng hiền-vương đãi người quốc-sĩ đấng ru! Vả lại chàng hai-mươi tuổi làm lính hắc-y, trong một năm được làm đến chức Vương-phủ hộ-vệ, chàng đừng nghĩ như thế là non Bồng núi Thái, chính như thế là núi bọt non băng đấy. Vì Cảnh-vương dâm-dăng tàn-ngược đã đến cùng-cực, một ngày kia tất có cái tai-vạ kỳ lớn kip đến thân. Cảnh-vương ví như cái da, lông ta ví như cái lông, cái da mà chẳng còn, thì cái lông phụ thuộc vào đâu. Chẳng gì bằng lia bỏ chốn này đi ra nơi khác, ngõ-hầu làm cái đạo viễn-hại để toàn-thân. Phàm kẻ quốc-sĩ xưa nay, đãi mình là kẻ quốc-sĩ, thì mình lấy cái đạo quốc-sĩ báo lại, đãi mình là kẻ tầm-thường, thì mình lấy cái đạo tầm-thường báo lại, chẳng đừng nghĩ cái ơn thường, mà quên cái vạ lớn. » Lâm Thanh nói

rằng: «Vi một chức quan bó-buộc, cơm no áo ấm ở đây, nay bỏ đây biết đi đâu?» Miến-Hà nói rằng: «Ý chàng lại còn quyến-luyến cái phù-qui phù-vân ấy mà chữa quyết ru! Nếu ý chàng mà quả-quyết, thì bắt-chước như vợ chồng ông Tần Khích-Khuyết ngày xưa, chồng cấy ruộng, vợ đem cơm, vợ chồng kính nhau như khách hiền, đi đâu mà mất phạm người quốc-sĩ. Vả chẳng chàng chớ lo không có chốn nương thân, tôi có người dì ruột ở Bắc-kinh sao chẳng hằng đi đến đấy mà nương ở?» Lâm Thanh lại hỏi rằng: «Ta cũng biết Cảnh-vương sắp-sửa phân-bội nhà Thanh, sự ấy thành không? Miến-Hà nói rằng: Cảnh-vương đã dẫn người Thanh về diệt nhà Minh, thiên-hạ ai nấy đều đã đau lòng mà muốn nhờ vào mặt; nay vô-cố làm phản nhà Thanh thì ai giúp mà sự thành.» Lâm Thanh lại hỏi rằng: «Hay là nhân dịp này lập công danh với triều nhà Thanh điều ấy nên không?» Miến-Hà nói rằng: «Điều ấy lại càng không nên lắm, Cảnh-vương vốn là kẻ có ơn với lũ ta, nay lũ ta chỉ là tránh vạ mà thôi, sự công-danh sao nỡ mong đến.» Lâm Thanh nghe Miến-Hà nói, cả lấy làm mừng, kíp thu nhật đồ tế-nhuyễn, mua hai con tuấn-mã, cùng với Miến-Hà thừa-cơ nửa đêm đi trốn lên phía Bắc, ý-thác ở nhà người dì ruột, nhập-tịch đất Uyển-bình, xuất của riêng làm nghề-nghiệp buôn chè, việc đời không dự gì đến cả, sau cũng làm nên một bậc nhà giàu.

Miến-Hà nguyên là người đất Khai-bình, ở về phía đông đất Bắc-kinh; khi họ Cảnh làm chức tổng-binh nhà Minh, từng thống-binh đi qua trấn Ninh-viễn, giữa đường trông thấy Miến-Hà chần đần lộn ở ven bờ ruộng, liền dấy có một cái nhà tranh, trông vào thấy một người lão-âu ngồi ở dưới cửa đánh sợi gai. Miến-Hà khi ấy mới lên chín tuổi, tuy đầu bù áo mốc, không 16-

điêm sơn phần gì cả, mà lông mày nét mặt như người trong bức tranh. Họ Cảnh hỏi người lão-âu, thì người lão-âu đáp rằng là chất gái. Họ Cảnh đem ra mười lạng bạch-kim, muốn mua lấy Miến-Hà, người lão-âu chẳng nghe theo. Họ Cảnh cả phát-nộ giờ quom cường-bách người lão-âu cướp lấy Miến-Hà đem về. Kíp Miến-Hà lớn lên, gầy béo phải thề, nùng-đom hợp-nghi, da ngọc mặt hoa, diêm-lệ khác thường. Họ Cảnh thường muốn lấy làm vợ, vì có nàng Viên-Cơ bất-dung, Viên-Cơ là vợ yêu thứ ba của họ Cảnh, mà họ Cảnh vẫn thường phải sợ. Cho nên Miến-Hà chậm mãi đến mười-chín tuổi, hốt-nhiên lại về với Lâm Thanh.

Miến-Hà ở trong Cảnh - phủ mười năm, sự trong phủ không cứ sự lớn sự nhỏ, hết thấy biết cả mà thuật ra được cả. Nay lược ghi có vài sự, cũng đủ nực cười. Miến-Hà từng truy-thuật rằng : Cảnh -vương là người hiếu sắc, người yêu ở trong cung rất nhiều; tự vợ cả trở xuống, người đeo châu-báu, mặc the gấm cũng như người vợ cả ấy, đến hơn hai mươi người. Duy người vợ thứ ba là Viên-cơ tuổi trẻ nhất, sắc đẹp nhất, được Cảnh-vương yêu nhất. Viên-cơ đa-dâm mà tính ghen, lại xa-xỉ vô-độ. Cảnh -vương ngày thường hay ăn trứng gà chết-áp. Mỗi khi cầm đũa, không đến vài trăm cái thì chẳng chán. Viên-cơ thì càng thích ăn quả chần quả lật và gan con gấu. Cảnh-vương thiên-phương bách-kế cầu lấy cho được, gặp khi trái mùa, hoặc khi không đi săn bắn, thì dẫu một lạng vàng đổi lấy một quả chần quả lật, hay hoặc đổi lấy một miếng thịt gấu khô, Cảnh-vương cũng không dám tiếc. Hàng ngày tất phải có một cuộc vui chơi gì mới lạ, khiến cho Cảnh-vương với Viên-cơ vui thích. Viên-cơ vừa mắt người con trai đẹp nào, thì Viên-cơ được tự-do đem người ấy vào trong cung, Cảnh-vương không được ngăn-

cấm. Cảnh-vương hề tỏ lòng yêu ai, lỡ ra bị Viên-cơ bắt được, thì Viên-cơ ra lệnh nghiêm-cấm, không cho Cảnh-vương đi lại với người ấy nữa. Cảnh-vương hay đi chơi đêm, lúc ấy có một viên tham-tướng họ Lưu nhiệm chức thủ-thành, theo lệnh Cảnh-vương, lập pháp rất nghiêm, điêm trống đánh mõ, suốt đêm không dứt. Chợt viên ấy đem đi tuần, Cảnh-vương mặc áo người thường, qua đến chỗ người yêu. Viên ấy không biết là Cảnh-vương, nên bắt trói, hỏi đi đêm làm việc gì thét mắng bắt phải xưng tên. Cảnh-vương chẳng chịu bảo thực, viên ấy nổi giận, tức-khắc đề đầu xuống bên đường, đánh cho hai mươi roi, máu-mề bắn toé. Cảnh-vương về cung hơn một tháng vết đòn mới thật khỏi. Vì xưng là Cảnh-vương đêm đi chơi thì sợ Viên-cơ biết, cho nên đành chịu đòn. Sự ấy không ai biết, mà Viên-cơ cũng không biết, chỉ Miến-Hà với vài kẻ thị-ti biết rõ mà thôi.

Miến-Hà lại truy-thuật rằng. Cảnh-vương mỗi khi thất-ý thịnh-nộ, thường thường lấy giao cắt da mặt người, mỗi năm có đến vài mươi người, cũng có người bị chết, cũng có kẻ thật là sống thừa; bọn lễ-phu nấu nướng đồ ăn với bọn thị-nữ hầu rượu hầu nhạc là hay bị về nạn ấy. Có một người thị-nữ tên là Ngọc-sinh, lỡ đánh vỡ cái chén ngọc, Cảnh-vương phát-nộ, sai đem giao cắt da mặt Ngọc-sinh-Kẻ vệ-sĩ vừa mới đem Ngọc-sinh trói lại, thì Ngọc-sinh đã thất-kinh ngã dùm xuống đất, ngất đi mà chết. Cảnh-vương ra lệnh đem xác ra chôn ở ngoài đồng. Đi đến giữa đường, Ngọc-sinh lại sống lại, kẻ vệ-sĩ đem giấu đi một nơi, mà nhận làm con gái nuôi. Sau đem gả Ngọc-sinh cho một người bần-sĩ họ Lý, họ Lý thi đỗ, được thụ một chức tri-huyện ở tỉnh Sơn-đông, hiện nay Ngọc-sinh đã làm một bà quan vậy.

Miến-Hà lại tự-thuật rằng khi ở trong Cảnh-phủ, một mình được người

vợ cả Cảnh-vương chung-ái, đến nỗi được cùng chiều cùng chân, ân-đức ấy dẫn đến kiếp khác cũng chưa quên. Người vợ cả Cảnh-vương tình không đa-dâm, mà lại mến đạo Phật, ít khi cùng Cảnh-vương tiếp-kiến, cho nên Miến-Hà thủy chung bảo-toàn được cái thân mình. Nếu không thế, thì cũng khó mà khỏi được cùng với bọn ti-thiếp phục-dịch kia, cùng sa vào cái ngục ô-uế si-nhục vậy. Song-le Miến-Hà này tự nghĩ mình là thân danh người con gái, mà phải ở trước mắt chốn công-chúng, lộ cái bàn chân trắng ra để cho hàng con trai kén vợ ; hễ lúc nào nghĩ đến sự ấy, thủy-chung vẫn lấy làm xấu-hổ cho một đời, mà chỉ muốn chết thôi.

Sau họ Cảnh quả - nhiên cử-binh ứng với Ngô Tam-Quế làm phản nhà Thanh, chẳng được bao lâu, họ Cảnh binh-bại bị chết. Nhà Thanh lấy đất họ Cảnh đổi ra làm hành-tỉnh, gọi là Phúc-kiến tỉnh. Rồi Lâm Thành lại đem Miến - Hà về ở đất cũ là đất Phúc-thanh thuộc tỉnh Phúc-kiến Con cháu phồn-thịnh, đến nay chẳng suy.

Bắt quỷ được người

Bắt Quảng-lãng có một tòa miếu, gọi là Diêm-công-miếu, miếu ấy rất thiêng, cầu-khẩn rất là linh-ứng, vô-cố không ai dám vào. Lại vì trong miếu thần-tượng thì dữ-ác, rừng cây thì u-uất, giữa ban ngày vào trong miếu, ai nấy đều sợ hãi, rợn tóc dựng lông. Người gần miền ấy thường nói cứ lúc đêm tĩnh, thường nghe có tiếng bề cồn sóng dữ và có tiếng thiên-binh vạn-mã đánh nhau. Cho nên những người nhút-nhát đi qua, thường hoặc đi quanh đường để tránh xa cửa miếu. Khoảng năm Kiền - long nhà Thanh, viên tham-trì chính-sự là Lương Công-Túc, nhà ở về Khiên-mã-linh là chỗ tiếp-cận vùng miếu ấy. Khi Lương-công chữa hiền-

đạt, còn là một gã đi thi, cùng với anh em bạn học bàn đến sự quỷ-thần, thì Lương-công vẫn cho rằng quỷ-thần không phải là không có, nhưng quỷ-thần thiêng hay không thiêng là bởi tại người ; người có thể cho quỷ-thần thiêng thì quỷ-thần được thiêng, bắt quỷ-thần không thiêng, thì quỷ-thần phải không thiêng ; ngay như Diêm-công-miếu kia, ai cũng sợ hãi vô-cố không dám vào, chính tôi đây cũng chưa từng vào, vì tôi kính quỷ-thần mà viếng quỷ-thần, chứ không phải là sợ hãi quỷ-thần ; tôi tự tin tôi có thể đương lúc đêm khuya vắng-vẻ, hoặc lúc mưa gió tối tăm, một mình vào Diêm-công-miếu đi coi khắp cả các tòa lang-vũ trong miếu một lượt, mà không sợ hãi gì.

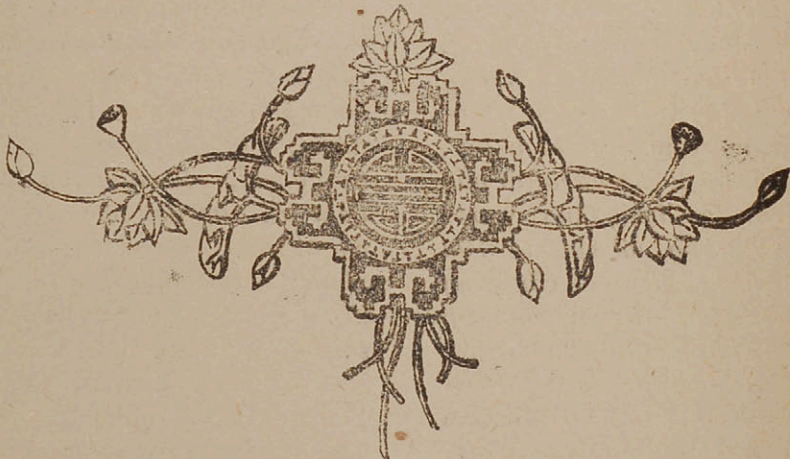
Anh em bạn học đều thúc giục mà bảo rằng nói thì phải làm, không được nói không. Lương-công nhận lời. Đến chiều tối ngày mai, cùng các bạn học đều đi ; đến miếu thì chừng đã hết trống canh một sang trống canh hai, ước với các bạn học đứng đợi ở ngoài cửa miếu. Lương-công vung tay áo đi thẳng vào, đêm tối như mực, trong miếu ngoài miếu, đều không biện-biệt ra sắc gì cả. Lương-công đi đến mé đông góc miếu, phải lấy tay sờ-soạng mà đi ; trong khi sờ-soạng, chợt thấy có một người tựa vào bức vách mà đứng. Lương-công trong ý cho là thằng quỷ, vội-vàng ôm bắt lấy công đem ra. Các bạn học xúm lại đón hỏi cái gì thế, Lương-công cười ha-hả nói rằng : « Tôi cũng được một thằng quỷ đem ra đây. Các bác đi lấy lửa mà đốt soi xem. » Bạn học thì còn phải vào trong thôn chỗ người ở lấy lửa, Lương-công thì khư-khư giữ chặt lấy thằng quỷ, sợ nó chạy mất. Kịp lửa đem đến nơi, thì thấy rõ là một người đàn-bà đẹp, quần áo trang-sức, cùng với kẻ tục tuyệt chẳng giống nhau, hơi thở thì

thoi-thóp, thái-trạng như người say rượu, hôn-mê bất-tĩnh. Lương-công với các bạn học đứng ở xung quanh coi giữ. Kể thì bàn rằng chính là quỷ đấy, biến hình ra kẻ mỹ-nhân để lừa dối ta vậy. Kể thì bàn rằng không phải là quỷ, hằng đợi nghe xét xem. Được chút lâu người đàn bà ấy hơi hơi mở mắt ra mà hỏi rằng : « Ở đây là chốn nào ? » Các người vì nói : « Đây là đất Quảng-lãng, thấy cô ở trong Diêm công-miếu mà công ra đấy. Các người lại cất-vấn cho rõ là người hay là quỷ và tự đâu mà lại ? »

Người đàn bà ấy mới nói rằng : « Tôi vốn là con gái nhà đại-tộc ở Dương-châu, vì ngày lành tháng tốt đưa bạn chị em gái đi về nhà chồng, khi trở về qua quãng rừng, đương ngồi ở trên xe, bị hồ ở trong rừng ra bắt ; từ đấy tôi hôn-phách thất-kinh, chỉ nghe bên mình ào-ào như gió, trời đất tối-tăm, chẳng biết trải qua bao nhiêu ngàn dặm mà đến chốn này. » Các người đều vui mừng, định đem người đàn bà ấy về nhà Lương-công. Nhưng người đàn-bà ấy đã mệt nhọc quá, không có sức mà đi nữa. Lương-công lại phải

ghé vai công người đàn bà ấy đem về nhà. Đến ngày thứ hai, người đàn bà ấy mới thật tỉnh, ngỏ lời tạ ơn. Các người bạn học cùng nói rằng : « Bác Lương chữa lấy vợ. Người đẹp lại từ Dương-châu đưa lại, thực là sự trời, chúng ta có thể nhân mà tán-thành cho bác ấy. » Người đàn bà ấy bằng lòng. Lương-công cũng vừa ý vâng lời. Ngay ngày hôm ấy các bạn học chứng-kiến cho để thành lễ vợ chồng. Các bạn học rượu say vui cười rồi từ-giã Lương-công mà các-tán. Lương-công nói với người rằng : « Hồ bắt được người mà không làm hại, người bắt được quỷ mà lại thành thân, há không phải là thần-lực ; từ nay trở đi, sự quỷ-thần ta không dám bàn nữa, vì không dám chắc rằng có, mà cũng không dám chắc rằng không. Sau Lương-công thi đỗ tiến-sĩ, trải ngoại mười năm, chức đến ngói á-tướng ; người vợ cũng sinh để có mấy con, cho nên người đời có câu rằng : « Thiên-tứ phu-nhân. »

TÙNG-VÂN dịch



THỐNG-LĨNH MASARYK NƯỚC TRIẾT-KHẮC

Hôm 7 Mars vừa rồi, toàn - dân nước Triết-khắc (*Tchécoslovaquie*) đã ăn mừng thượng - thọ 80 tuổi của Thống-lĩnh MASARYK. Một dân-tộc trong 12 năm trời đã bao phen tỏ ra rất xứng-đáng với cái tự-do mà đã phải mất bao tài-lực, phải tận-tâm ái-quốc mới khôi-phục được, nay đang sùng-bái một bậc thông-thái, một nhà hiền-triết và một tay chánh-trị có thể coi như tiêu-biểu cho cả một nòi-gống được.

Trong khi cả châu Âu đang bị sôi-nổi trong cái nạn chiến-tranh, lại khi quân Đồng-minh toàn-thắng, tức là cái dịp cho các nước hèn yếu thoát khỏi vòng áp-chế, thì nước Triết-khắc có cái hạnh-phúc là trông-cậy vào được một người chủ-động rất có thể-lực, lại là một người hướng-đạo thông-minh lỗi-lạc. Vì lịch-sử của Thống-lĩnh THOMAS MASARYK thật là một cái lịch-sử độc-nhất vô-song. Ông xuất-thân không phải là ở chỗ phong-lưu quyền-qui mà lại ở nơi ti-tiện hàn-vi. Phụ-thân ông làm nghề đánh xe ngựa, nên thừa nhỏ không đủ tiền theo học, phải tập làm nghề thợ rèn. Nhưng ông kiên-nhẫn lạ thường, nên về sau lại vừa làm vừa theo học trường trung-học được. Về sau được cả quốc-dân tỏ lòng tin-nhiệm cử ông lên ngôi chủ-tịch, vì chính tay ông đã gây-dựng cuộc độc-lập cho nước nhà. Lịch-sử của ông thật là li-kỳ, thật làm vẻ-yang cho ông và cho cả nước ông nữa.

Từ hồi ông tông-học ở *Viênne* là ông mới bắt đầu đề-tam khởi-phát cái chủ-nghĩa quốc-gia (*nationalisme*). Đến khi ông giữ chức giáo-sư khoa triết-học ở trường đại-học *Prague*, ông chiêu-tập bao nhiêu thiếu-niên hăng-

hải, ông lấy tinh-thần cảm-hóa bọn đó mà sau có đủ lực gây nên cái phong-trào độc-lập cho nước. Ông được cử làm đại-biểu ở Nghị-viện nước Áo (*Reichsrat autrichien*). Ông vừa là nhà văn-hào lừng-lẫy khắp châu Âu, lại am-hiểu đủ các khoa triết-học, xã-hội và chính-trị, nên ông thực đủ tư-cách đương lấy cái chức-vụ to-tát mà cái thời-cực trong hồi Âu-chiến đã gây-dựng cho ông. Chính tay ông tổ-chức các đạo binh Triết-khắc đã từng nổi tiếng anh-hùng trên các mặt trận, ông lại là tay chủ-động cả cái nền chính-trị đã lập nên ở cõi Trung-Âu ngày nay, nên tháng một năm 1918 khi nước ông tuyên-bố Chính-phủ Dân-quốc, thì ông được cử ngay lên ngôi thống-lĩnh. Theo như hiến pháp nước Triết-khắc thì các vị thống-lĩnh không ai được bầu luôn hai khóa liền nhau bao giờ, mà đến MASARYK thì lại có điều - lệ riêng định rằng cái hạn-lệ đó không được ứng-dụng vào ông, thành-thử ông được cử năm 1920 đến 1927 là mãn-hạn, ông lại được tái-cử, mà chắc ông sẽ giữ cái ngôi chủ-tịch đó suốt đời vậy.

Ông sở-dĩ được cái vinh-dự đặc-biệt đó, không những bởi quốc-dân hâm-mộ ông và tỏ lòng biết ơn ông vì đã gây nên độc-lập cho nước, mà lại là vì một cái chính-sách rất khôn-goan, làm củng-cố được cái chính-thể tân-lập của nước nhà. Trong khi cả châu Âu đang bị chiến-tranh điên-đảo, mà gây cho nước nhà được nền dân-chủ, không phải là việc dễ; lại làm cho dân-quốc có cái cơ-sở vững-vàng, giữ chắc được địa-vị của mình ở châu Âu, lại khéo dung-hợp quyền-lợi của các phái-đảng tản nát trong

nhân-dân, mà làm thành một nước thống-nhất, ấy mới là việc thật khó-khăn. Tuy-nhiên Thống-lĩnh thật đã không hề phụ cái lòng quốc-dân tín-nhiệm đó. Về mặt ngoại-giao, ông kết-liên với hai nước Trung-Âu, lập ra cuộc «Tiểu-Đồng-minh» (*Petite Entente*), mục-dịch là giữ cho các nước phải tuân theo hòa-uớc. Trong nước thì ông khéo dùng cái sức mạnh của chủ-nghĩa quốc-gia để đề-phòng các việc âm-mưu cách-mệnh. Một người đã gây dựng được cái công-cuộc vĩ-đại là về thế-kỷ thứ 20 này mà lập nên giữa cõi trời Âu một nước cường-mạnh, trước đã từng khốn-khổ lầm-tham, người ấy được quốc-dân sùng-bái, được các nước hâm-mộ, thật không phải là quá-đáng.

* * *

«Thời-báo» (*Le Temps*) ở Pháp đã tường-thuật về việc quốc-dân Triết-khắc ăn mừng thượng-thọ 80 của Thống-lĩnh MASARYK. Nhân tiện ta nên nhắc lại cái tiểu-sử của Thống-lĩnh, vì ông THOMAS MASARYK suốt đời tranh-đấu và tận-lực làm việc cho nước, thật đáng kể làm gương cho các người mưu việc nước ở đời này.

Ông có nói một câu thật đủ tả rõ tâm-chí ông và tóm-tắt được hết cái triết-học chính-trị của ông: «Chúng tôi, dù cá-nhân, dù dân-tộc, đều muốn làm người cả.» Ông là người, nên ông hiền và thờ chữ «nhân-đạo». Có lẽ cái bí-thuật của thế-lực của ông và sự-nghiệp vĩ-đại của ông là do ở đây cả. Trong một quyển sách khảo-cứu rất kỹ-càng về Thống-lĩnh MASARYK của ông LEV SYCHRAVA soạn ra về dịp lễ thọ 80 của Thống-lĩnh, tác-giả có nhắc lại những lời của Thống-lĩnh tả cái cảm-tưởng của mình, cách bao nhiêu năm về sau, đối với cái

cảnh nô-lệ của thân-phụ là JOSEPH MASARYK khi làm nghề đánh xe ngựa ở quận *Moravie*, là cái cảnh Thống-lĩnh đã được mục-kích hồi còn nhỏ. Thống-lĩnh nói: «Tôi có ý để tâm xét cái ảnh-hưởng quyền chuyên-chế đối với cha tôi như thế nào. Cha tôi hầu-hạ hay làm-lụng là bất-đắc-dĩ, như có ý bất-mãn. Trước mặt chủ thì khúm-núm phép-tắc, nhưng quyết không có bụng mển chủ. Thái độ ở trong các ấp nhà vua lưu mãi tới năm 1849. Cha tôi muốn cho tôi đi học cũng phải xin phép chủ. Cái cảm-tưởng đầu-tiên của tôi đối với xã-hội là trông thấy cái quang-cảnh cha tôi bị các người làm trong ấp bạc-đãi một cách rất thô-bỉ.»

Ông theo học trường «Vương-lập tiểu-học» (*école réelle*) ở *Hustopec* được hai năm và ý thân-phụ ông là muốn cho ông sau này làm nghề dạy học; nhưng vì trong nhà bần-bách, ông phải bỏ cái hi-vọng đó mà vào tập việc ở nhà một người thợ khóa ở thành *Vienne*. Sau ông về làm công cho một người thợ rèn ở làng ông, và trong một năm trời chỉ việc đóng móng ngựa. Một hôm có ông thầy học cũ của ông ở trường «Vương-lập» đi qua, gặp ông làm ở nhà thợ rèn, ông giáo thấy ông có khiếu mà không được theo học, lấy làm bất-bình lắm, bèn xin cho được bỏ vào trường *Cejkovice* làm trợ-giáo. Năm 1865, THOMAS MASARYK được vào học trường trung-học Đức ở *Bruno*. Ông phải dạy kèm cho các bạn học phong-lưu hơn, để lấy miếng ăn. Năm 1869, được về theo học ở thành *Vienne*, lại kiêm làm quản-giáo con ông cảnh-sát-trưởng trong tỉnh. Năm 1876 ra thi tiến-sĩ, bài luận-văn đề là «Bàn về tinh-túy linh-hồn trong triết-học PLATON (*l'Essence de l'âme chez Platon*)», được trúng-tuyên triết-học-khoa bác-sĩ; năm 1879, làm

giáo-sư trường Đại-học *Vienne*, qua năm 1882 đổi sang trường đại-học thành *Prague* làm giáo-sư khoa triết-học.

Ở *Prague* ông vốn đã dốc lòng với chủ - nghĩa quốc - gia, bèn dùng sức mạnh của lời nói và ngòi bút để khởi đầu cái chức-vụ đã làm cho ông nổi tiếng khắp châu Âu. Khi còn là học-sinh ông đã bỏ đạo Gia-tô mà theo Tân - giáo. Năm 1885 ông xuất-bản quyển « Căn-bản cụ-tượng lý-luận-học » (*Logique concrète fondamentale*) để lập nên một cái thống-hệ về khoa-học. Vì cái tư-tưởng hoạt-bát của ông mà đã gây nên ở đất *Bohême* một cái phong-trào triết-học rất mạnh. Bao nhiêu bọn thiếu - niên hăng-hái đều theo với ông cả, nhất là từ lúc ông về bè với giáo - sư *GEBAUER* trong cuộc tranh-biện kịch-liệt về việc giả-mạo mấy bộ sách thủ-tự của *KRALOVÉ DVŮR* và *ZELENA HORA*, xưa nay vẫn tương-truyền là nền văn - chương cổ nhất của nước Triết - khắc. Cũng thời ấy, ông lại lập một cái tuần - báo tên là « Trường - hợp » (*le Cas*) để phản - đối chính - phủ Áo. Năm 1890 đảng « Tân Triết - khắc » cử ông làm đại-biêu ở Nghị-viện Áo và khi ông ở *Vienne*, thì ông biểu - lộ rõ cái tính-cách của ông, là phản-đối kịch-liệt với chính - phủ Áo. Trong một bài diễn-thuyết năm 1892, ông trách người Đức là có cái dã-tâm kiêu-linh nước Áo vào Đức-đế-quốc (*Reich*), bị đảng Đức ở Nghị-viện buộc tội cho là phản-nghịch. Đến năm 1893 ông không nhận chức đại-biêu nữa, vì ông xét ra đảng « Tân-Triết - khắc » không chịu kỳ-cùng phản-đối họ *Habsbourgs* (nhà vua Áo). Ông lại quay về chức giáo-sư cũ và chuyên-trị về văn-chương. Ông vốn không ưa những cách bạo-động. Ông thường nói : « Người ta muốn tiến lên con đường sinh-hoạt, thì không phải dùng cách bạo-động, nên giữ thái-độ

ôn-hòa, không phải dùng gươm dao, mà dùng cây búa, không phải lưu-huyết, mà phải cần-lao, không phải dùng đến cái chết, mà chỉ mượn sức sự sống. Đó là cái mệnh-lệnh của tổ-quốc Triết-khắc, đó là cái nghĩa-lý của lịch-sử chúng ta, đó là cái hương-hỏa nghìn năm của tổ-phụ chúng ta để lại vậy. »

Năm 1899, ông hết sức bênh-vực một người Do-thái tên là *HILSNER* bị nghi phạm tội ám-sát về tôn-giáo mà phải kết án xử-tử. Vì việc này mà ông bị công-kích dữ-đội. Được ít lâu ông ra ngoài đảng « Tân-Triết-khắc », rồi lập ra một đảng mới gọi là đảng « Tiến-bộ » hay đảng « Thực-tế » (*progressiste ou réaliste*). Đảng mới lại bầu ông làm đại-biêu ở Nghị-viện Áo. Cũng thời ấy ông hết sức tranh-biện đề-yêu-cầu lấy quyền tự-do tín-ngưỡng, nhân đó bị truy-tố về tội ngạo-mạn thần-thánh. Ông lại can-thiệp vào vụ *Zagreb*, là việc 53 người dân vira người *Serbes* vira người *Croates* bị cáo về tội phản-nghịch, làm cho thế-lực của chính-phủ Áo-Hung (*Austro-Hongrois*) cũng bị một hồi dao-động. Khi ra đối-chất ở tòa, ông *MASARYK* viện đủ chứng-cớ rằng những bản cáo-trạng để kết án bọn trên kia đều do bá-tước *FORGACH* là đại-sứ Áo ở *Belgrade* mạo-chế ra và do bá-tước *ÆRENTHAL* là ngoại-tướng Áo tử thông cho các nhà báo. Việc ám-muội đó vỡ-ló ra, vụ kiện phải đình-hoãn, bao nhiêu người *Serbes* và *Croates* bị giam đều phải tha ra cả và bá-tước *ÆRENTHAL* thì phải từ-chức. Sau việc đó các giới trong triều đều thăm-oán ông *MASARYK*. Trong cuộc tiếp các phái-bộ ở thành *Budapest*, vua *FRANÇOIS JOSEPH* quay lại hỏi nhà lãnh-tụ nước Triết-khắc rằng : « Có phải ông là *MASARYK* không ? » Ông *MASARYK* đáp rằng phải thì vua nhìn từ đầu đến chân một cách khinh - mạn, rồi quay lưng đi. Ông *MASARYK* cũng không hề đổi sắc : ông cũng nhìn nhà vua như thế

rồi cũng ngánh mặt đi.

Năm 1910 khi người ta ăn mừng sinh-nhật 60 của ông, ông có tuyên-bố với các bạn-hữu rằng: « Tôi còn muốn sống lâu thêm nữa, vì bây giờ mới là lúc có đại-sự. » Ông được chứng-kiến cuộc binh-đạo ghê-gớm. Trong sách của LEV SYCHRAVA có chép rằng khi nước Áo mới hạ chiến-thư cho nước Tắc (Serbie) thì ông MASARYK quyết rằng lần này thế nào dân Triết-khắc cũng phải liên-kết với Đồng-minh mà chống lại với hai nước Đức-Áo. Nhờ có mấy người cần-thận giúp ông, ông lập một cái chương-trình hành-động ở bề trong, còn mặt ngoài kết-liên với giáo-sư ERNEST DENIS nước Pháp và hai người Anh SETON WATSON và WICKAM STEED. Tháng 10 năm 1914 ông hội-kiến với SETON WATSON ở thành Rotterdam, nhờ ông WATSON đưa trình các nước đồng-minh một bản thảo về tình-trạng dân Triết-khắc (*Tchécoslovaques*). Năm 1919 SETON WATSON có viết rằng: « Bản chương-trình giáo-sư MASARYK đưa cho tôi hồi tháng 10 năm 1914, sau 4 năm chiến-tranh, nghĩa là tới tháng 10 năm 1918, thì đã thi-hành được hết cả các khoản. Trong các nhà chính-trị khác ở Âu-châu cũng có cái trách-nhiệm ấy, chưa có người nào đã diễn-giải được không những cái chính-trị riêng của nước Triết-khắc mà cả cái chính-trị chung của Âu-châu một cách minh-bạch như thế, mà cũng chưa có ai dùng ngòi bút mà diễn nổi được nữa. » Cái ý-kiến của ông là cuộc chiến-thắng của quân Đồng-minh phải cải-cách hết một cõi Trung-Âu để cho 40 triệu người *Serbes* và *Roumains* từ trước vẫn chịu quyền chuyên-chế của giống Nhật-nhĩ-man (*Germanians*) thì từ nay trở đi không thể để làm cái mồi cho bọn đế-quốc Đức-Áo lợi-dụng được nữa. Ông hết sức yêu-cầu phân-liệt Áo-đế-quốc, và lập nên các đoàn-thể quốc-dân độc-lập để làm cho cái mưu « Đại-Đức-quốc chủ - nghĩa »

(*pangermanisme*) muốn chiếm cả cõi châu Âu và mượn đường *Balkans* để tràn sang Á-châu, phải khuyh-bại. Cái ý-kiến đó, ông MASARYK hết sức đem giải bày với các nước Đồng-minh và đến năm 1918 thì thực-hành được.

Ái cũng đã rõ các công việc của ông làm trong hồi Âu-chiến. Có người bảo cho ông biết rằng nếu ông về Prague thì bị bắt, ông bèn lưu lại ở Thụy-sĩ rồi sau sang ở Luân-đôn, còn người xưa nay vẫn tận-lực giúp ông là ông BENÈS thì hành-động ở Pháp. Ông lập ra « Ủy-bộ Triết-khắc » (*Comité tchécoslovaque*) ở ngoại-quốc, vẫn giao-thiệp với các đảng quốc-gia ở Prague. Năm 1917 ông BENÈS điều-dinh xin được với thủ-tướng BRIAND nước Pháp ưng-thuận cho rằng trong tờ của Đồng-minh đặt cho chính-phủ Mỹ, sẽ lấy việc nước Triết-khắc độc-lập làm một điều-kiện cốt-yếu cho cuộc chiến-tranh của Đồng-minh. Việc khó-khăn biết bao nhiêu mà ông dần dần giải-quyết được hết. Ông tổ-chức các đạo quân Triết-khắc cho ra hiệp-lực với quân Đồng-minh. Năm 1917 ông sang Nga có ý để giúp cho quân Nga khỏi bị nội-loạn mà giải-tán, nhưng kể đến đảng Cộng-sản khởi cách-mệnh, thì ông lại mưu được cho quân Triết-khắc đi qua đất *Sibérie* mà trở về mặt trận Pháp. Rồi ông qua nước Nhật để sang Mỹ. Ông đang ở Hoa-thịnh-đốn đem việc nước mình biện-bạch phân-trần cùng Thống-lĩnh Wilson thì đột-nhiên tháng 10 năm 1918 ông BENÈS điện cho ông phải kịp về Âu-châu ngay. Quả-nhiên ngay 14 tháng một, sau khi đảng quốc-gia cách-mệnh ở Prague tuyên-bố sự thất-bại của họ *Habsbourgs*, liền cử ông lên làm Thống-lĩnh dân-quốc Triết-khắc.

Đó là mấy việc chính của cái đời gian-truán, nhiệt-thành, hăng-hái của ông đã hi-sinh cho cái chủ-nghĩa tự-do. Sự-nghiệp ông về phương-diện

triết-học, chính-trị và xã-hội thật là lớn-lao và tiêu-biêu cho một cái nhân-cách rất thuần-túy. Những sách-vở ông viết về cõi Âu-châu mới, những bài luận của ông về chủ-nghĩa dân-quốc, về nước Nga, về phong-trào tiến-thủ của dân-tộc *Slaves*, về các vấn-đề xã-hội, đã gây nên bao nhiêu cuộc tranh-luận hăng-hái. Sau khi đã giải-phóng cho nước ông rồi thì ông đề tâm nhất là vấn-đề dân-chủ. Nhưng bao giờ ông cũng bác cái thuyết « lịch-sử duy-vật-luận » (*doctrine du matérialisme historique*) là căn-bản chủ-nghĩa xã-hội

của **KARL MARX** (*Socialisme marxiste*). Ông nói rằng: « Cho cái tinh-thần cuộc tiến-hóa của nhân-loại chỉ là một cuộc bành-trướng về kinh-tế, và cho lịch-sử chỉ là một cuộc cạnh-tranh của các giai-cấp, thì thật là sai-lầm lắm. Cái trật-tự mới trong xã-hội không phải là chỉ nhờ sự cách-mệnh về kinh-tế, chiếm lấy các cách chế-tạo tài-sản mà thành-lập được đâu. »

Như thế thì ông là phản-đối với chủ-nghĩa cộng-sản vậy.

Ngọc-Trúc biên-dịch

VĂN-UYÊN

Thiên-gia thi-thảo diên-âm (1)

(Tiếp theo)

CẢNH HẠ

村江

清 長 自 相 老 穉 多 微	江 夏 去 親 妻 子 病 軀	一 江 自 相 畫 鼓 所 此	曲 村 來 近 紙 針 須 外	抱 事 樑 水 恣 作 惟 復	村 事 上 中 棋 釣 藥 何	流 坐 燕 鷗 局 釣 物 求
--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------

Quanh làng khuất-khúc dải sông sâu,
Tiết hạ nhà quê cảnh cũng màu ;
Riu-rít đường nhà quen với yến,
Lênh-dênh bến nước bạn cùng âu ;
Vợ làm bàn giấy bày cờ đánh,
Con uốn kim chì buộc chỉ cầu ;
Bệnh cốt rất cần là vị thuốc,
Thần này dầu dấm lại xa cầu.

夏 日

長 簷 蝶 蛛 落 嘈 久 直	夏 牙 衣 網 落 嘈 斑 歎	江 燕 脆 添 疎 虛 兩 魚	村 雀 粉 綠 簾 枕 檠 愁	風 已 花 屋 選 納 如 度	日 生 枝 舟 月 溪 霜 此	清 成 午 晴 影 聲 雪 生
--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------

Tiết hạ bên sông khi thuận-hòa,
Chim non riu-rít dưới thềm hoa ;
Bướm rà cánh đậu hoa tò phấn,
Nhện mắc tơ thềm lưới sớm nhà ;
Thấp-thoáng trước màn vắng thỏ
lọt,

Loi thoi trong gối tiếng khe qua ;
Phất-phơ mái tóc pha sương tuyết,
Củ núi chài sông độ tuổi già.

朝 川 積 雨

積 蒸 漠 陰	雨 梨 漠 陰	空 炊 水 夏	林 黍 田 木	煙 餉 飛 轉	火 束 白 黃	送 笛 鷺 鷗
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------

(1) Xem Nam-Phong số 144-148.

CẢNH THU

偶成

容紅得同外中樂雄
從已自人形態賤豪
不日皆與有夏貧是
事窓免興地雲淫此
無東靜佳天風不到
來覺物時通八貴兒
閑睡萬四道思富男

桂發罷疑
朝露席相
覓折爭更
靜齋人事
習清與何
中下老鷗
山松野海

Rừng quanh mưa sa khói lửa chầy,
Người đi róm bấp kê di cày ;
Sập sòe cỏ trắng trên đồng nước,
Riu rít chim vàng bông ngọn cây ;
Xem cận trong đèo sương dẫm tóc,
Bỏ qui hôm tối móc dầm tay ;
Lão què đã biếng dương tranh cạnh,
Ấu lại còn ngờ quái quắc thay !

新竹

持漪到知灑離此隨
話連先不灑離來處
謹映秋千声影頻到
籬碧地天聞見款宜
籬寒掠行時終我相
竹成風日籬梢閑草
掃蒼清赤解歸枕

Giậu phen giữ gió lại gìn mưa,
Bóng nước xanh xanh trúc ẩm bờ ;
Gió lọt sớm đưa hơi tuyết lạnh,
Bóng che chẳng biết mặt trời trưa ;
Mơ rơi lạt-sạt trên cây xuống,
Mãng mọc lò-nhờ dưới đất thừa ;
Nhàn hạ muốn cùng quân-tử bạn,
Gối chẵn ăn nếp rượu cùng thơ.

宿表兄宅話首

庭醒答喙大零別昔
滿初由可長凋舟漫
香醉何不皆半孤酒
閣雨重涼童友是橋
花微珍淒兜親又河
合深書事日年朝見
夜夜遠昔去昔明愁

Dạ hợp đầy sân mới nở hoa,
Đêm khuya mưa gió chén la đà ;
Thư xa thể đã khôn đưa trả,
Việc cũ ai còn đại giờ ra ;
Lũ trẻ không còn tuồng háu đá,
Bạn bè nay đã nửa sao sa ;
Hôm mai ngán nổi thuyền đôi ngả,
Chén rượu bên sông nước mắt hòa.

Người nhân mỗi vẻ mỗi thông - dong,
Thức dậy vàng hồng đã dặng đồng ;
Muôn vật vẻ-vàng riêng chiêm được,
Bốn mùa phong cảnh muốn vui chung ;
Bầu trời quả đất đều thông lẽ,
Thánh gió thần mưa cũng lọt vòng ;
Phú quý giữ lẽ nghèo giữ phép,
Tài trai đến thế mới anh-hùng.

與朱山人

舟曾笑馴尺人暮新
高末兜鳥四兩江月
生粟客除深受竹門
先茅竇塔綠恰翠紫
里收看食水航沙送
錦園慣得秋野白相

Trên đầu ông đội khăn đầu diu,
Khoai thóc nhà ông chưa hẳn nghèo ;
Mừng khách trẻ con quen mặt hỏi,
Dặn người yển tước được mời reo ;
Sông thu một dải nông sờ nước,
Thuyền khách ba thang dủng-dỉnh chèo ;
Cát trắng trúc xanh phong-cảnh muện,
Cửa sài đưa khách bóng trắng treo.

秋思

牛颯覺休月秋處樓
火沙方亦巷園高尺
萬一閒醉深故無百
人跡處天殘落眼龍
驅浪似如敲搖老元
歎湖長大梓梧舒得
利江日事砧井歎安

Lửa dục nồng hơn lửa giục trâu,
Lênh-dênh bến nước một chim âu
Ngày dài duy có người nhân biết,
Chén khướt còn coi việc lớn đầu ;

Ngõ quạch rên chầm thâu bóng nguyệt,
 Ngõ già rụng lá ửng sương thâu ;
 Lên cao muốn để thư con mắt,
 Ước gặp Nguyên-Long hỏi trụ-lâu .

舟夜月
 虛氣影聲潭
 空冲裡中水
 浸在櫓聲碧
 月痕沉曳落
 明無浮棹冷
 船水思魂辰
 滿綠詩夢星
 一斷

Trước cửa mây bay lạnh-lẽo màu,
 Xa trông cung khuyết một trời thâu;
 Sao tàn lác-dác nhàn qua ai,
 Định thời vo-ve khách tựa lâu ;
 Cúc hé nhị hồng xa bụi nhiễm,
 Sen rơi cánh tía khò sương rầu;
 Cá lư ao ước không về dặng,
 Hồ đội nam-quan lối Sở-tù.

CẢNH ĐÔNG

初冬

曦暖閣衣蒸肥羨
 朝作暖寒初正可相
 愛漸迎御酒蟹皆其
 覺声排貼綠黃園事
 早秋安甃嫩香蒲一
 窓外僕童浮切菊心
 晴竹命呼茶橙落賞

Nước thuyền lóng-lánh bóng trăng
 lờng,

Sắc nước da trời một vẻ chung ;
 Thi-từ long-lay trong cột dầy,
 Mộng-hồn phảng-phất mái chèo sóng.
 Ngôi sao lộn bóng nơi dầm biếc,
 Tiếng nện gào thu khóm cỏ hồng ;
 Tựa bển thuyền chài đèn lấp-ló,
 Bên cầu sương rủ lá ngô-đồng.

聞笛

中風落櫂子融否空
 樓續碧簾桓馬在飄
 盡新橫到有依人尚
 笛隨雲月弄篇知曉
 玉声行冷三一不嘹
 家續邊和來就罷音
 誰斯響清與賦曲餘

Thư dầy vắng hồng dã rạng đông.
 Bờ tre sang-sảng trần kim phong;
 Sai bồi bài trí nhà ghênh noãn,
 Gọi trẻ là hơ áo ngự - đông ;
 Sắc nước rượ như ngọc trúc biếc,
 Hình con cua tựa quả chanh hồng ;
 Đầy vườn phong-cảnh dung cùng cúc,
 Ngọa cảnh vui chơi chớ phụ lòng .

Địch ai trên các nẻo-nùng thay,
 Lặn mọc hơi theo ngọn gió bay.
 Tiếng rặng mây lờng vang điện quẻ,
 Trong hòa trăng sớm đến rèm tây ;
 Cung nam giọng sánh Hoàn Y trước,
 Câu phú ai làm Mã-tử nay ;
 Địch thời xong rồi người chẳng thấy,
 Thấy còn vắng-vắng tiếng trên mây.

黃鶴樓

去樓遠悠揚鵲虛人
 黃黃不空漢鸚何使
 乘餘去載歷歷閣上
 已惟一干歷歷鄉紅
 人地鶴雲川草暮波
 昔此黃白晴芳日烟

長安秋望

沆秋寒樓靜愁去因
 樓高橫倚菊蓮歸楚
 拂動雁人羅清不學
 涼闌点声聞尽美冠
 湏宮幾一半落正南
 物家屋笛艷衣魚戴
 雲漢殘長紫紅鮎空

Nào người cười hạc đi đâu hỏi?
 Lầu hạc còn trơ đứng chỗ này !
 Hạc đã bay đi khôn thấy lại,
 Nghìn năm chỉ thấy đám mây bay ;
 Cây đất Hán-dương xan-xát đó,
 Cỏ châu Anh-vũ lạnh-lùng thay !
 Hương-quan khuất nẻo ó tà bóng,
 Khói tỏa bên sông nước mắt đầy .

冬至

催來線仄柳梅異杯
相又弱飛舒放國中
日春添動將款御掌
事生紋管腊寒珠瓊
人阳五六侍衛不耳
時至繡段容意草兜
天冬刺吹岸山風教

Tiết trời như giục việc người ta,
Khi ấm dần sinh khi lạnh qua;
Người cải vóc hoa thêm sợi nê,
Dương về trong ống thúc tro ra;
Sương gieo ngạn liễu gần buông lá,
Tuyết giục non mai sắp nở hoa;
Phong-cảnh nước người như nước cũ,
Dạy con chước rượu thói quê nhà.

梅花

妍園淺昏眼魂狎樽
鮮小清黃偷斷新金
獨向水日先合可共
落情斜動下知吟板
搖風橫浮款如傲核
芳斲影香禽蝶有須
眾占踈暗霜粉幸不

Trăm hoa vàng rụng một mình tươi,
Chiếm hết vườn xuân cả mọi mùi;
Cành rủ nước trong thừa thướt bóng,
Hương đưa chiều tối nhẹ nhàng hơi;
Chim toan liệng xuống còn trông trộm,
Bướm mới nghe tin đã rụng rời;
Tức cảnh một bài vui với cảnh,
Chẳng cần nhấp rượu vẽ tranh mai.

自咏

天千事年在煎意边
重八弊幾何不有江
九路除暗家馬應障
春陽朝朽嶺關來骨
朝潮聖裏秦蘆遠吾
封豕為將橫擁汝收
一夕本敢雲雪知早

Châu sớm dâng thư dưới khuyết-đường,
Chiều hóm giầy bãi đến Triều dương;
Muốn trừ việc cũ đường tơ rối,
Dám tiếc thân này mái tóc sương;

Mây lấp núi Tần nhà khuất nẻo,
Tuyết đông cửa ải ngựa cùng đường;
Dặm xa lậu-đạn ơn lòng châu,
Có ý vì ta giữ đồng xương.

干戈

之絲傳詩里枝酒時
何繫繁陵千一日平
歛兩王杜魂月千太
定成網樣斷寒中到
未無大小音策山直
戈事跡懷鵲聽得然
干一踪情鶴鳥安酪

Ầm ầm binh hỏa biết đi đâu,
Công việc chưa xong đã bạc đầu;
Chén rượu bi - thu Vương Xán
trước,
Câu thơ ái-quốc Đỗ Lăng sau;
Quê nhà khuất núi linh xa tiếng,
Đêm nguyệt nằm sương thướt chịn
rầu;
Ước được rượu tiên trăm chén
nhập,
La-đà chờ đến buổi Thương-Châu.

時世行

茅焦稅苗煮燒處徃
蓬髮納征根葉深征
守鬢猶尚和帶散避
亂衫來仄菜紫山計
避裙廢荒野生深無
因学柘園挑砾是應
夫麻桑田時旋任也

Đưa chông chạy loạn giữ buồng tiêu,
Tóc cháy quần gai hết mĩ-miền;
Dâu bỏ còn thu tiền thuế thổ,
Rượng hoang vẫn giữ gạch chính
Hải rau cả gốc đem về nấu, miếu;
Chém củ đun cơm lẫn lá vào.
Ăn đến hang sâu là chỗ kín,
Khôn tìm một chước khỏi chinh-dao.

(Hết)

Nhớ bạn

Chẳng hay ông có nhớ tôi không?
 Quái lạ! mà tôi cứ nhớ ông!
 Gió tựa câu thơ ngậm chứa chán,
 Hoa kề chén rượu nhấp đưng nồng;
 Khi vui ấy biết vui là mấy,
 Lúc nhớ này sao nhớ chẳng cùng?
 Tan hợp bèo mây thời xá kẻ.
 Ân-tình ghi tạc với non sông.

Viếng bạn

Than ôi! hỡi bác Cảnh-viêm ôi!
 Bác vội-vàng chi đã chán đời?
 Trong xóm văn-chương vừa thoảng
 bóng,
 Trên đàn ngôn-luận phút im hơi!
 Năm xưa vẫn nhớ văn thơ tặng,
 Chốn cũ chưa quên chén rượu mời;
 Non nước nhường kia, thân-thế ấy,
 Suối vàng mây biếc nở xa chơi!

Gửi bạn

(Nghĩ hộ người quen)

Vì ai cho biết cảnh làng An? (1)
 Muốn dăm xa-xô thiệp nhớ chàng;
 Tình nghĩa vẫn ghi lời ước cũ,
 Ái ân thêm nở khắc canh tàn;
 Trăm năm biết có duyên non nước,
 Đồi ngả khôn khuây dạ đá vàng;
 Cũng vì tìm hoa nên tổ lối,
 Cùng nhau còn lắm cuộc truy-hoan.

Chùa Hoàng-long (2)

Nhẹ gót nhân du vẫn cảnh chiều,
 Hoàng-long đâu bề đã bao phen?
 Tường xiêu, mái nát phơ gèu biếc,
 Sơn nhật vàng phai giải tượng đen!
 Kinh kệ đã không người sớm tối,
 Quả hoa lại vắng kẻ hương đèn;
 Ngắm xem phong cảnh đau lòng tục,
 Khua thử hồi chuông gọi lấy duyên.

Đợi tàu ngẫu hứng

Thăm bạn dời chân bước xuống dò.
 Đợi tàu, tàu mãi chẳng lên cho;
 Đoái nhìn cây cỏ lòng thêm ngáo,
 Ngóang lại non sông ruột tựa vò!
 Danh lợi đường kia âu đã mỗi,
 Giang hồ kiếp ấy nghĩ ra lo;
 Hết ngồi lại đứng toan về quách,
 Sợ phụ cùng ai chút hẹn-hờ.

A-NGOC, PH.-TH.

NAM-ANH TÙNG VINH

Ông Nam-Cường

南 强 廟

Nghê tiếng ông đây có phép tài,
 Thay-hình biến-trương dọa ai ai;
 Ông tre đứt vợ sao hồ thế?
 Nỗn lúa nương thân để trời hoại;
 Ngọn sóng Tam-kỳ nay nhấp-nhổ,
 Mước đường Thiên-lý trước lại-nhai,
 Thời kia hương-hỏa nguy-ngã gồm,
 Sáng gió may qua, tối nguyệt cái.

NGUYỄN TỊCH. — Ông là người Phù-thủy, khéo tay chú-quyết, theo nghề tu-luyện; thường lấy cỏ cây kết-thành người, đi đứng tự-nhiên, sai bảo thuận-tiện. Lại hay chỉ tiền ra rầu, rắc trấu ra tôm. Nhân sẵn lòng hiếu-sắc, hay phải quan-tòa đời hỏi. Một hôm có đám quan-quân mang hòm về bắt, nghĩa là vẫn đã biết ông có phép tàng hình, nên mới ra oai dữ tợn. Ông chịu bó tay nhận tội, nhưng kể nỗi đường xa, xót tình chết ngạt, mới xin tiêm cho một lỗ trên mặt hòm để hút không khí. Khi về tới tòa, còn trọn hòm không.

Lần thứ ba, nhà cửa vắng teo, không thấy ai nữa, nhân bãi lúa trước sân có một cái dòng to lớn, chu-vi khoát thước. Quan-quân mừng rỡ móc chỉ ngũ sắc trời hai đầu đưa về, vẫn

(1) Làng An-đạo, thuộc huyện Phù-ninh, tỉnh Phú-thọ.

(2) Chùa thôn Cá-đốc, xã An-đạo.

(3) Chuông cũng khá to, cao 1m. 80, đường kính 0 m.95.

nghe tiếng ông khóc lóc ở trong. Khi mở ra xem, ông ù chảy mắt.

Lần sau ông biết rằng sắp phải đòi nữa, liền dứt vội bà vợ vào trong ông tre trước mái nhà, còn ông trốn mất. Khi quan quân đến, nhà cửa lại cũng như tờ, chỉ thấy bên ống tre có dải yếm phất phới bay, tờ mờ kéo ra, té chật được người. Bấy giờ ngọn hồi cảnh tra, bà ngay tình thú rằng: « Ông ở trong ruột ốc lặn dưới ngã ba trước nhà. » Được tin đó lát sông cạn nước bắt được con ốc to nhất, đem búa ra ghè. Lần này là lần thứ ba, ông chịu chết.

Nay dòng dõi vẫn còn, miếu thờ hương tày quay ra ngã ba Phe-Sáu, những xóm gần đó phụng-sự. Song không có sử-sách, chỉ truyền bìa miệng, không rõ ông sinh vào đời nào. Tיע thay!

Mả Thiên - táng

天葬墓

Xè-xè nắm đất cổ non phây,
Lũ mối vo nên chiếc mả này;
Bốn cột cầu ôm sa trắng phủ,
Chín lườn sông đượm nước trong
váy.

Thợ trời sao khéo phân kim đó,
Kiểu đất ai người tróc hồ đây;
Có phúc có phần a thể thật,
Muôn năm vang-vẻ cháu con đây.

NGUYỄN-TỊCH. — Cháu năm đời ông Trần Vô là ông Hưởng-Phúc 享福 nhân-nhu tính sẵn, hòa-nhã nền xưa, gia-tư và cũng thường thờng bạc trung. Một hôm khi trời mát mẻ, ông ra bãi dậu làm cỏ, nhân trèo lên gò cao nghỉ sức, tự nhiên đàn mối xe cát đắp xung quanh nơi ngồi. Mặt trời đã ngã về tây, con trai ông ra tìm, thì thấy thợ mối đã xây thành mả.

Mả này mọc thứ cỏ giành xanh tốt, ai không biết xâm-phạm vào hoặc cắt cỏ, hoặc mót đất, thần thủ-mộ làm tội khổ sở ngay. Cho nên ai cũng gọi là mả Thiên-táng. Các nhà phong-thủy tới qua, đều khen kiểu đất hữu-tiạnh, vì có sông Cửu-khúc 九曲江 chạy như chữ chỉ 之 chữ huyền 玄 ở bên. Và có bốn cột cao bài-trí phân-khoảng nữa, tục gọi cồn Tứ-trụ 四柱堆. Nhưng có một điều đáng tiếc, không biết mộ quay về hướng nào, gởi về phương nào.

Ở lúc sống ông ăn ở hiền lành, nên lúc thác mới có một cách êm-dềm chạch đáng. Vây con cháu ông nay, người chân khoa mục, kẻ mặt tài tinh, giàu sang nổi tiếng, không-quyet lọt vãnh, chả là ăn nhờ cái linh-hồn của ông ở dưới chín suối a-hộ cho đầy dư?

Mả ông Mồ

墓翁

Cái kiếp tu - hành lúc trước sao?
Nghìn thu giấc tỉnh biết đâu nào;
Năm xương bất hủ cầu mây lợp,
Giọt nước vô-lâm vách đá rào;
Rón-rén dâng hương sư trước lay,
Le - te mở kệ tiều sau gào;
Đạ-đề chứng đó qua đây khỏi,
Lũ trẻ nhà ai nó ước - ao.

NGUYỄN-TỊCH. — Bên đông chùa Phúc-lâm ở giữa vườn hoa có cái tiêu-dá, bề dài ước chừng hai thước, sáu rộng tá u chín tấc, cũng có nắp đá mở ra mở vào, trong xếp bộ hải-cốt, ai nấy móc lên xem cũng được. Chỉ lạ trong đó bao giờ cũng chứa đầy nước, đại hạn ba bốn tháng sông-ngòi đều cạn mà đó không cạn, tục gọi là mả ông Mồ 墓墓, nếu trẻ con đùa nào phải chứng dạ đề 夜啼 tới nơi cúng-dạng, lấy nước ra rửa lập tức thần hiệu.

Trước kia chưa có ai nhận, nhà chùa vẫn phải thừa-tự. Song mười năm về nay có chi họ Vũ 武氏 ở Cầu-dông đời được gia-phả mới tới nhận là ông tổ.

Mai - hiền di - chủng

梅軒遺塚

Bảng-lãng trời hôm nắm đất vui,
Hỏi người chín suối đó là ai;
Dinh điền ẩn đậm màu sưng quết,
Tiến - sĩ bia chan nét gió mai;
Giũ-giắt văn-từ chiu sớm tối,
Ngọt-ngào hương-hỏa lúa nay mai;
Chồn chân tuệ-nguyệt đường xa
hằng,

Một khúc to-vương sọy vẫn dài.

NGUYỄN-TỊCH. — Ông người Quận-phương hạ họ Đỗ 杜, húy là Phát 發, hiệu là Mai-hiền 梅軒, là con ông Đỗ nghèo, bà mẹ làm nghề bán chay-vỏ. Tương-truyền ông là vị thần giảng-siạh. Nếu thiên-hạ gặp con tai-dịch, xin chữ ông đem về dáu nhà là khỏi.

Khi ông tình-nguyên ra thi không đủ lương nần-trình, phải chờ dò thuê cho bạn mới có giấy-bút. Khi đỗ Thủ-khoa 首科 tin đưa về, bà mẹ vẫn bán hàng ở chợ không cho là thực. Năm sau thi hội đỗ tiến-sĩ 進士, vinh-quí bá-tử, tiếng-tâm lung-lẫy.

Ông là bậc văn-chương lỗi-lạc, nhả ngọc phun châu, lại gặp được triều vua Minh-mệnh 明命. Trước làm Tri-phủ 知府 Phủ-Đình 府亭, lại thăng Hồng-lô Tự-khanh 鴻臚寺卿, sau lại sung chức Đình-diên Sứ 營田使, xin cáo-lão về quê trung ruộng. Minh tuy đã nghiêm-nhiên là vị quyền cao chức trọng, song vẫn giặt-dĩa quần áo hầu mẹ, không hề ủy-thác người ngoài, chữ trung chữ hiếu hai đường vẹn hai. Một hôm có ông Thám-hoa 探花 trong tỉnh giao-tất đến thăm, nhân gặp truyện đó có bài thơ lưu mừng : « Đại tai Đỗ tiến-sĩ, thân vị địch thân-thương ; thân dục ngô-tuân khiết, ngô thân xú diệp phương 大哉杜進士。身爲滌親裳。身欲吾親潔。吾身臭亦芳 ». Nghĩa là : « Giỏi thật ông Nghè Đỗ, tự giặt quần cụ cố ; muốn sạch cụ cố ta, mình ta rách không hổ. »

Mộ ông bây giờ ở giữa cánh đồng Nhất-trùng 一重處. Tiên-dung gió thổi, thần-đạo bi nghiêng. Một màu ruộng lúa xanh-xanh, muôn dặm chim muông bâng-lãng. Cánh nhà nhỏ đi qua ai cũng động lòng cảm-khái. Ông được hai trai, con cả là Trước 著 đồ thủ-khoa con thứ là Văn 開 đồ tú-tài, nay đã có cháu bốn đời.

Hoè-phủ cố-trạch

槐符故宅

Chú tạo quen tay múa đủ trò,
 Vạn gì thêm bận cánh nhà nhỏ ;
 Đài-ô ; trước vẫn rành quan Ngự,
 Điểm-thỏ mong sao trọi bác đồ ;
 Nghĩ mất văn-chương cùng chán ngắt,
 Trông với núi-nước xít làm to ;
 Chênh-chênh bóng nguyệt trời lợ-lửng
 Cảnh đó tình đây họa biết cho.

NGUYỄN-TỊCH. — Ông có tiếng thần-đồng 神童, tay-phải duy có một xương liền từ vai xuống bàn, thẳng như dãn gỗ không có-quặp được, thể mà chữ tốt như cắt. Sinh vào triều Tự-đức 嗣德, họ Trần, húy là Gia 嘉, hiệu là Hoè-phủ 槐符, biệt hiệu là Hải-cường 海狂, ở Quận-phương-trung 羣芳中. Cha là n phó-ly 副里, dòng-dõi ông thiên-

tá 天塋. Đỗ cử-nhân 舉人, làm tri-huyện An-mô 安謨 知縣, huyện đó lắm trộm cướp, không ai trị nổi. Khi ông nhiệm-chức, dân sự yên-ôn. Triều-dinh được tin thăng cho Tri-phủ An-khánh 安慶 知府, có bài dụ rằng « Phủ này nhiều-loạn bằng mấy huyện An-mô, người phải mau mau ngọa-trị. » Ông vâng mệnh đến với bọn thanh-thủy khuyên rằng, « Chúng mày khỏe-mạnh thôi về cấy-cuộc mà ăn, đừng quen thói cũ, kẻ họ đâm chết. » Bọn đó diu nhau mỉm-cười, gọi ông là « Bụt sống ». Đoàn rỗi ông chỉ nằm xem sách mà toàn-bạt vô-sự. Và bốn năm lại thăng chức Ngự-sử 御史, vua rất chú trọng. Sau nhân việc tang ở nhà dạy học.

Nhà ông ở giữa cánh đồng Mực - trung 牧中, bốn bên mờ - mả, tịch - tịch ngày đêm, Mái tranh Gia-cát, khóm-cúc Đào-Tiền. Nào khi lang-miểu, khi giang - hồ, khi chén rượu trong hoa, khi cung cầm dưới nguyệt. Ngâm vịnh rất nhiều, không thể sưu-lục. Nay phong-cảnh do sút-kém hơn xưa, song con cháu vẫn còn giữ nghiệp thi-lê.

Chợ Tương

襄市

Có sông có quán có đền chùa,
 Cái chợ nhà quê bán túa-rua ;
 Hộp mặt thuyền-quyên câu chắc lép,
 Đủ hàng kim-cổ nước chen đua ;
 Tiền vào kẻ khó lạnh quanh tút,
 Mổ giục sư-già lóc-cóc khua.
 Nào gió nào mây nào tuyết-nguyệt.
 Cảnh trời ai bán, ấy ta mua.

NGUYỄN-TỊCH. — Chợ ở đầu xã Quận-phương - thượng tục gọi là chợ Lương 良市, tên chữ là chợ Tương 襄市. Nguyễn trước Ức-tử ở Tương - đông 襄東 xuống ngâm được đám đất này cao ráo, lại có hồ rộng sông sâu, mới dựng ra đình-chùa cầu-quần và chợ. Nhân đem tên làng cũ là Tương đề kỷ-niệm.

Tháng tháng cứ ngày một ngày bảy là đại-phiên, còn ngày nào cũng có tiểu-phiên. Xa gần xum-họp, hàng hóa nghênh-ngang, kẻ bán người mua, thuyền xuôi xe ngược, coi rất vui mắt. Tuy không phải là nơi tỉnh-thành, nhưng trụ-trung cái cảnh - trọng ôn-ào huyền-náo đó, cũng cho là một nơi phần-họa đô-hội.

(Còn nữa)

NHÂN-VÂN-ĐÌNH

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

TÌNH - BÌNH CHINH - TRỊ NGOẠI - GIAO CÁC NƯỚC. — Hội-nghị hải-quân ở Luân-đôn. — Suốt tháng hai tây các đại-biểu của năm cường-quốc đã họp nhau ở Luân-đôn để giải-quyết vấn-đề hải-quân. Anh Mĩ muốn dự - thảo một tờ hiệp-ước riêng mà có lẽ Nhật cũng ưng, việc đó bất-lợi cho Ý và nhất là cho Pháp, vì Mĩ sẽ nghiễm-nhiên làm chúa-tể trên mặt bể, mà Anh thì tuy có chịu thiệt-thời ít nhiều, nhưng cũng không phải lo ngại gì nữa vì hải-quân của các nước khác sẽ phải giảm đi cả. Các nước có ý trách Pháp lấy chương-trình hải-quân đã dự-thảo năm 1924 để làm căn-cứ cho cuộc thảo-luận. Nước Pháp thì phân-minh tuyên - bố rằng: hải-quân của mình tất phải đủ để đảm-bảo thế-lực và phòng-bị thuộc-địa, không thể nào giảm được nữa.

Vấn-đề khó giải-quyết nhất là vấn-đề tàu ngầm. Ai cũng công-nhận tàu ngầm dùng để phòng - bị các đường duyên-hải thật là thích-hợp và đỡ tốn. Pháp và Nhật nói rằng không thể bỏ tàu ngầm được, còn Anh và Mĩ thì nhất mực xin bỏ, mà Ý cũng ưng. Anh Mĩ viện lẽ về nhân-đạo mà xin bãi tàu ngầm, nhưng kỳ - thực là có ý muốn giữ thế-lực cho đội thương-thuyền của mình. Bàn đi tính lại có mấy vấn - đề đó mà vẫn chưa giải-quyết xong và có lẽ cuộc hội-nghị đến phải đình - hoãn. Có kẻ đồn chọ cuộc hội - nghị không thành là tại không dự - bị kỹ-càng, nhưng thật ra thì những vấn-đề to-tát can-hệ đến cả vận-mệnh của các nước không phải một lúc đã giải-quyết xong ngay được.

Hội-nghị quốc-tế về quan-thuế

Cuộc hội-nghị quốc-tế về quan - thuế đã họp ở Genève. Cái chương - trình quan-thuế của Anh và Tỉ khởi - thảo, được đại-biểu nước Pháp LOUCHEUR ưng-thuận và đem ra hội - nghị thảo-luận. Đại-ý bản chương-trình là hiện các nước châu Âu về việc giao - dịch thương-mại chưa xếp-đặt thành qui-cũ, nay muốn chấn-chỉnh lại thì hằng tạm hoãn trong vài ba năm không tăng các quan - thuế. Cái chương - trình đó đối với các nước công-nghệ khả - dĩ ưng-thuận được, nhưng các nước nông-nghiệp xem ra không bằng lòng. Việc hoãn tăng quan - thuế duy có 7, 8 nước được lợi là ưng-thuận và mong cho chóng thực-hành, còn các nước khác tuy nói rằng ưng nhưng buộc thêm mấy khoản na - ná như muốn khước vậy. Tình - hình hội-nghị cứ dang-dai thế trong 15 hôm, sau tới ngày 1er Mars ai cũng rõ cái chương-trình đó không thực-hành được Đại-biểu các nước dự-thảo một cái chương-trình khác thích-hợp với lợi-quyền của Âu-châu hơn. Bản chương-trình mới chú-trọng nhất là việc lập ra một cái thị-trường ở Âu-châu để các nước công-nghệ tiêu-thụ được các sản-vật của các nước nông-nghiệp, và để các nước nông-nghiệp thu-dụng được các vật do các nước công-nghệ xuất-tạo. Những người lo xa đều cho là Âu-châu về đường thương-mại cần phải chỉnh-đốn lại để cho hai tân-cựu thế-giới giao - dịch với nhau cho được tương-đương. Kể còn nhiều nỗi khó-khăn, nhưng việc chấn-chỉnh thương-trường không giải-quyết xong được,

thì nước Mĩ sẽ chiếm mất bá-quyền trong thương-trường thế-giới.

Việc thay đổi Nội-các ở nước

Đức - Nội các MULLER ở nước Đức vì không hòa-giải được các đảng trong cuộc Hội-nghị Tài-chính, nên từ mấy tháng trước đã có cái cơ nguy bị đổ. Ở nước Đức gần đây sự xung-đột các chính-đảng với nhau vẫn có vẻ kịch-liệt. Đã mấy tháng nay, các đảng liên-minh với nhau để giải-quyết vấn-đề bồi-thường, nhưng đảng nào cũng lăm-le lợi-dụng cái vấn-đề to-tát ấy làm việc tư-mưu cho mình. Thành ra chính trong Nội-các, sự cạnh-tranh cũng kịch-liệt. Các tổng-trưởng về đảng xã-hội và các tổng-trưởng về đảng bình-dân (*populiste*) phản-đối nhau về cách đánh thuế. Điều-đinh mãi mấy hôm mới quyết-định thi-hành một cái chính-sách tìm-tiền-được lòng cả hai bên. Đại-biểu các đảng ở Nội-các điều-đinh với nhau đã hơi ổn, song các đảng ở ngoài vẫn nhất-mục gắng nhau, nên ai cũng lo khó giữ được cái hòa-khi trong nước. Đảng bình-dân đã lâu vẫn có ý phá cuộc liên-minh các chính-đảng. Đảng này vốn vì cái thế-lực của thủ-tướng STRESEMANN trước mà phải hợp-tác với đảng xã-hội vẫn lấy làm bực mình, nay ông STRESEMANN đã mất, đối với cái chí của ông hồ như nhạt-nheo mà càng ngày càng chịu cái ảnh-hưởng của ông SCHOLZ,

Việc đó kê ra cũng không quan-trọng mấy, nhưng đương lúc này mà xảy ra cuộc biến thì có thể tổn hại cho việc quyết-nghị duyệt-y chương-trình Young. Có lẽ nội-các MULLER cũng đứng vững được cho tới khi nghị-viện Reichstag đã quyết-nghị, song cứ tình-hình mà xét, nếu kỳ bỏ phiếu này đảng trung-ương Gia-giáo (*centrecatholique*), đảng bình-dân đất Bavière (*populiste Bavaois*) và đảng dân-chủ vì không

đón được vấn-đề tài-chính mà không chịu bỏ về thuận, thì việc duyệt-y cái chương-trình của Hội-nghị La Haye chỉ sẽ được 198 phiếu ủng, còn 190 phiếu phản-đối và 105 phiếu trắng. Việc quan-trọng như vậy mà chỉ hơn được có 8 phiếu thì nội-các MULLER không thể nào đủ quyền-lực mà đứng được. Nếu đảng bình-dân cứ kháng-kháng giữ cái thái-độ bất-hòa đó, thì thật là nguy cho Chính-phủ và Nghị-viện đến phải giải-tán đề bầu lại.

Các chính-đảng Đức tuy có dính cuộc liên-minh với nhau để đối-phó với các vấn-đề ngoại-giao như vấn-đề bồi-thường, vấn-đề triệt-hồi các quân Đồng-minh, nhưng ngoại-giả đảng nào cũng có một chương-trình riêng, và tùy theo chính-sách của mình mà hành-động. Như thế thì khó lòng hợp-nhất được các đảng. Đảng bình-dân và đảng xã-hội dân-chủ, về mấy vấn-đề đó khó lòng đồng-ý với nhau được. Viên Tài-chính tổng-trưởng MOLDENHAUER định lập ra thuế gián-tiếp thì đảng xã-hội và đảng dân-chủ không ưng-thuận, mà đảng bình-dân, tính-cách bảo-thủ, thì không bằng lòng cho lập thứ thuế «quyên- nạp» (*impôt de sacrifice*), tiếng Đức là *Notopfer* nghĩa là các viên quan-lại Nhà-nước mà nguyệt-bồng được quá 500 mã-khắc (*mark*) thì phải khấu trừ đi một phần linh 3 phần tư ($1\frac{3}{4}\%$). Tổng-thống HINDENBURG có thương-thuyết với SCHOLTZ là lãnh-tụ đảng bình-dân để đảng này ưng-thuận cho thi-hành cái thuế quyên-nạp đó. Nhưng đảng bình dân nhất định không ưng và quyết từ rầy không tham-dự đến các vấn-đề tài-chính của Chính-phủ nữa. Các báo đăng tin rằng Chính-phủ đang trù-liệu đề đến năm 1931 sẽ giảm nhiều thuế cho bù lại với sự thiệt-thòi của thuế quyên-nạp. Nhưng chửá tất đảng bình-dân đã ưng-thuận mà như vậy thì CURTIUS là ngoại-giao

tổng-trưởng và MOLDENHAUER làm tài-chính tổng - trưởng, là đại-biểu của đảng binh-dân ở Nội-các đến phải cáo-thoái. Mà hai người này từ - chức thì tất Nội-các đến phải tan, vì hai người là đại-biểu Đức ở Hội - nghị *La Haya* mà việc duyệt-y các hiệp - ước không có hai người này tất không thể điều - đình xong được.

Tình-hình như thế, nên 27 Mars Nội-các MÜLLER đã đổ. Thống-lĩnh HINDENBURG liền giao cho bác-sĩ BRUNIN^o lập tòa Nội-các mới. Nội-các này không tựa vào phần đa-số ở Nghị-viện và đảng xã-hội không có một người nào, nhưng phần nhiều là các người thuộc về phái ôn-hòa của các đảng bên hữu. Còn thì thuộc về đảng binh-dân, đảng trung-ương và dân-chủ, là những người của Nội-các cũ.

Việc chính-biến ở nước Tây-ban-nha. — Muốn hiểu rõ việc chính-biến hiện-thời ở Tây-ban-nha, cần phải biết nguyên-do làm sao thủ-tướng PRIMO DE RIVERA bị thất-bại.

Thủ-tướng thay đổi chương - trình chính-trị một lần nữa, muốn lập ra một tòa Nghị-viện độc-nhất (*chambre unique* để thay vào Quốc-hội (*Assemblée nationale*), cốt giữ cho thế-lực mình được lâu bền. Sau vì vua không đồng-ý mà thủ-tướng phải bỏ cái ý-tướng đó. Nhưng thế - lực của nhà chuyên-chế đã giảm đi mất nhiều, nhất là trong phái quân-nhân. Sự phản-đối trong phái quân-nhân lan rộng mãi ra, đến tai vua, vua bèn hỏi thủ-tướng PRIMO DE RIVERA có còn dựa vào bọn quân-lính được nữa không. Thủ-tướng tránh không trả lời câu đó và đêm hôm 25 rạng 26 Janvier thủ-tướng thảo tờ thông-tư điện-tín, truyền cho các tướng họp các sĩ-quan thuộc - hạ lại để hỏi xem Chính-phủ còn có thể trông cậy vào lòng trung-thành của bọn quân-nhân nữa không. Các tướng nhận được tờ điện thông - tư đó, có

người thì trả lời là việc không can-thiệp đến mình, có người thì tuyên-ngôn trung-thành với nhà vua, chứ không ai trả lời thẳng cho thủ-tướng. PRIMO DE RIVERA thấy việc xảy biến như vậy, bèn vào triều xin từ chức. Vua truyền cho hội cả các quan tổng-trưởng lại rồi chuẩn-nhận việc từ chức của cả Nội-các. Việc đã xong vua liền cử Thống-soái BERENGUER kiêm-lĩnh các đạo binh trong nước, đứng lên lập Nội-các mới.

Tướng BERENGUER từ khi lên cầm quyền, chú-ý nhất là yên-ủi dư-luân trong nhân-dân, nhưng nhất-dán mà thay đổi hẳn các phương-pháp chính-trị không thể được, phải lập một cái chính-phủ tạm-thời rồi dần-dần mới lấy chính-sách lập-hiến làm cái nền chính-trị được. Chính phủ đương-thời có khác chính-phủ cũ một điều là năm 1923 khi Thống-soái PRIMO DE RIVERA lên đương việc nước, là do phải quân-nhân cử lên và giúp thế-lực cho, vậy Nội-các đó rõ có cái tinh-cách chuyên-chế của nhà binh, còn BERENGUER là do vua cử ra để làm một cái chức-vụ đã có hạn-định, bôn-phận nhà binh là phải vâng mệnh và sẽ lấy cái tự-cách làm công-dân mà hành-dộng.

Tự hồi quốc-biến năm 1923, không phải PRIMO DE RIVERA không làm được việc hữu-ích cho nước, nhưng ai cũng phải công-nhận rằng ông là một thủ-tướng giữ quyền chuyên-chế trong 6 năm trời mà chưa gây-dựng cho nước Tây-ban-nha thành cái chính-thể vững-vàng. Vậy chính-sách cùng phương-pháp của thủ-tướng đều phải cải-cách lại hết.

Thống-soái BERENGUER lập Nội-các của mình không phải ý-lại vào thế-lực nhà binh nữa. Các quan tổng-trưởng các bộ thì chọn trong những phái bảo-thủ và trong các nhà Chính-trị trước đã từng tham-dự Chính-phủ. Thủ-tướng và các người giúp việc tuyên-ngôn là

sẽ gây lấy cái hòa-khi trong nhân-dân và bỏ hết những điều bất-bình, sẽ khoan - đãi các phạm - nhân chính - trị và sẽ cho rộng quyền tự-do ngôn-luận. Nếu chính-phủ mới cứ giữ cái tôn-chỉ đó mà hành-động thì may ra có cơ được lòng tin-nhiệm của quốc-dân. Chính phái quân-nhân đã đánh đổ thủ-tướng PRIMO DE RIVERA, nhưng không phải là có cái hi-vọng đánh đổ để lên cầm quyền thay. Xem câu trả lời của các tướng-tá thì phái quân-nhân chỉ chịu thờ quốc-vương và hiến-pháp mà thôi. Muốn yên lòng quân-lính cần phải giao quyền cho một viên thống-soái, nhưng lại cần phải chọn người nào được lòng tin của quốc-vương cùng quốc-dân thì mới được. Nội-các BERENGUER tuy lập vội đề đối-phó việc chính-biến, chưa thỉnh được nhà lão-luyện trong trường chính-trị giúp cho, nhưng đã cố sức trừ-tính để vẫn - hồi lại cái chính-sách lập-hiến. Không biết thủ-tướng BERENGUER có kịp thực-hành được không, nhưng sau khi dẹp yên được các sự biến-động rồi, thủ-tướng còn phải giải-quyết nhiều vấn-đề cốt-yếu trong việc chính-trị nước Tây-ban-nha mà cái thời-cục mấy năm gần đây đã làm thành ra khó-khăn. Tòa nội-các BERENGUER kể cũng đã có lòng sốt-sắng lắm vậy.

Nước Pháp duyệt - y chương-trình Young. — Hạ nghị-viện (*Chambre des députés*) họp hôm 30 Mars đã quyết-nghị bản dự-án luật duyệt-y các hiệp-ước *La Haye* và bản chương-trình *Young*. Khi mở phiếu thì được 527 phiếu ưng, chỉ có 38 phiếu phản-đối. Nhưng trước khi bỏ phiếu đã có nhiều cuộc vận-động phản-đối ở Nghị-viện. Có một điều quyết-định của hội-nghị *La Haye* thật làm thỏa-mãn lời thỉnh-cầu của đảng xã-hội cấp-tiến (*radicaux socialistes*), mà chính đảng này lại phản-đối dữ hơn cả. Đảng xã-hội cấp-tiến không phản-đối chương - trình

Young và việc rút quân ở *Rhénanie* được, bèn xin hoãn cuộc hội-nghị, lấy cớ rằng quan ngoại-vụ BRIAND mắc bận ở Luân-đôn. Nhưng nhờ cái thái-độ quả-quyết của thủ-tướng TARDIEU mà đã thắng được hết các việc vận-động đó, và trong cuộc bỏ vé được nhiều phiếu như thế đủ tỏ với các nước rằng nước Pháp thủy-chung vẫn giữ cái chính-sách hòa-bình.

Chính-phủ Ba-lan mới. — Thống-lĩnh Dân-quốc Ba-lan, sau khi bao nhiêu người đã kiêu không nhận lập tòa Nội-các, bèn triệu đến đại-tá SLAWEK là chân nghị-viên và đứng đầu đảng liên-hiệp chính-phủ (*bloc gouvernemental*), đương lập tòa Nội-các. Ông SLAWEK vẫn lưu lại các tổng-trưởng của tòa Nội-các BARTEL trước, trừ có Hình-bộ tổng-trưởng là người mới. Trong đời làm quan võ của ông lắm phen gian-nan, đã nhiều lần ông bị bắt vì có can-thiệp đến việc quốc-gia cách-mệnh.

Việc biến-động ở Ấn-độ. — Cách hành-động của đảng quốc-gia Ấn-độ làm cho ai cũng phải chú-y đến. Hội-nghị *Lahore* nhất - quyết dùng cách cực-đoan để yêu-cầu lấy sự độc-lập hẳn. Phái ôn-hòa chỉ yêu - cầu lấy được quyền tự-trị theo kiểu *dominion*, bị đảng cấp-tiến và đảng quá-khích lấn át.

Trong bài diễn - văn ở Hội - nghị *Lahore*, ông hội - trưởng là bác - sĩ JAWHARLAL NEHRU thay mặt toàn-dân Ấn-độ có nói rằng đảng quốc-gia yêu-cầu bỏ hết quyền-lực của người Anh, nhưng khi nào Ấn-độ được độc-lập hẳn rồi sẽ họp sức cộng-tác cùng liệt-quốc, bấy giờ sẽ nghĩ cách tham-dự vào một đoàn thể lớn hơn. Mời nghe câu đó thì dường như có ý yêu-cầu được như các thuộc - địa tự - trị khác của Anh, nhưng mà lại không phải, vì JAWHARLAL NEHRU lại nói thêm rằng

nước Anh còn dùng để-quốc chủ-nghĩa làm căn-bản và còn lợi-dụng các giống người khác làm kế sinh-nhai, thì không khi nào có thể coi Anh-để-quốc là cái đoàn-thể ấy được. Đảng quốc-gia đang dự thảo các bản chương-trình để tổ-chức cuộc độc-lập đương yêu-cầu đó, nhưng xem ra các vấn-đề cốt-yếu vẫn chưa nghiên-cứu được kỹ-càng.

Xét ra các lời yêu-cầu của hội-nghị *Lahore* chưa gồm được hết cái lòng nguyện-vọng của các chính-đảng Ấn-độ; cứ lấy lời ông hội-trưởng mà suy ra thì cuộc biến-động bên Ấn-độ chính là theo các phương-pháp cách-mệnh mượn của Âu-châu mà hành-động, chứ không phải là do theo các điều yêu-cầu chính-đảng của toàn đảng quốc-gia. Trong cuộc biến-động duy có một điều nên chú-ý là cuộc vận-động hợp-nhất về đường chính-trị của Ấn-độ. Nhưng cuộc hợp-nhất xét ra cũng còn lâu mới thực-hành được, vì trong nước, các vấn-đề chủng-tộc, ngôn ngữ và tôn-giáo phân chia nhân-dân thành nhiều phe đảng. Cái chính-sách bất-hợp-tác với chính-phủ Anh nếu thực-hành được thì bao nhiêu các người Ấn-độ có chân trong các hội-đồng lập-pháp đều nhất-loạt từ chức, cốt làm cho việc chính-trị của người Anh phải ngưng-trệ, và sẽ tổ-chức cuộc dể-chế các hàng-hóa Anh. Nhưng chỉ sợ nhân-dân không giữ được thái-độ bình-tĩnh mà gây ra cuộc xung-đột mới là việc khó xử cho chính-phủ.

Hội-nghị *Lahore* định tổ-chức một ngày biểu-tình gọi là « ngày độc-lập », thì hôm 26 janvier ban chủ-trương của hội-nghị đã thi-hành. Trong các tỉnh đều có cuộc biểu-tình. Muốn giải-quyết việc biến-động ấy thì cùng ra chính-phủ Anh cũng có thể cải-cách hiến-pháp cho Ấn-độ được, điều đó Nội-các MAC-DONALD sẽ sẵn lòng ưng,

nhưng mà dùng cách quấy-rối cách-mệnh mà cưỡng-bách chắc không khi nào Anh chịu nhụt. Hồi tháng mười năm ngoài khi Lord IRWIN là Toàn-quyền Ấn-độ tuyên-bố rằng nước Anh sẽ sẵn lòng từ-tính cho Ấn-độ được tự-trị, dư-luận trong các chính-giới Anh đã huyền-náo. Theo ý các bài diễn-thuyết ở Thượng-nghị-viện (*chambre des lords*) và Chúng-nghị-viện (*Chambre des communs*) thì Nội-các về đảng lao-động không muốn làm gì hấp-tấp, tuy có từ-tính cho Ấn-độ được tự-trị nhưng cũng không muốn trái với cái chủ-nghĩa bảo-thủ của nước Anh. Xong nay đảng quốc-gia Ấn-độ tỏ ý không ưng-thuận các việc cải-cách về hiến-pháp và việc tự-trị người Anh đã hứa cho, mà nhất-quyết đòi cho nước được độc-lập hẳn. Xét cho kỹ thì các cuộc biểu-tình trong « ngày độc-lập » cũng không lấy gì làm quan-trọng, chẳng qua là thuộc về hình-thức mà thôi, như cắm quốc-kỳ ra giữa phố, tụ-họp nhau đi biểu-tình, v. v., chưa phải đã đủ dao-động được cái thế-lực của nước Anh. Các nhà đại-biểu Ấn-độ dù quả-quyết thế nào cũng còn bị các đảng mình cho là nhu-nhược. Khắp các nơi đều ném bom dể biểu-tình. Cứ tình-hình như thế thì hoặc-giả đoán rằng có lẽ cuộc biến-động ở Ấn-độ này cũng có tay đảng cộng-sản Nga can-thiệp vào. Vì Đệ-tam Quốc-tế Nga hướng-lại vẫn mưu phá đổ cho được cái thế-lực của người Anh thì mới mong thi-hành được chương-trình cách-mệnh thế-giới của mình. Lord IRWIN trong lời tuyên-ngôn ở hội-nghị lập-pháp, có công-bố rằng sẽ hết sức cương-quyết mà đối-phó với thời-cục dể giữ lấy trị-an cùng trật-tự trong nước. Kỳ-thực thi việc Ấn-độ này giải-quyết được hay không là còn tùy ở Hội-nghị sẽ họp

sau này, gồm cả các Đại-biểu Anh và Ấn-độ.

Lãnh-tự đảng quốc-gia là ông GANDHI, theo như lời quyết-nghị của Hội-nghị Lahore, đã chủ-trương thi-hành cái chính-sách bất-hợp - tác với Anh, và bất - tuân pháp - luật của chính-phủ. Mới đây có điện ông bị chính-phủ Anh bắt, chiều theo một điều luật từ năm 1827, cho quyền chính-phủ được bắt giam những người làm rối-loạn cuộc trị-an mà không cần phải đem ra tòa án xử xét.

Hiện-tình chính-trị nước Nhật. — Có tin báo Nghị-viện Nhật mới giải-tán, việc giải-tán đó nhân dân đoán trước đã lâu. Tòa Nội-các hiện-thời của ông HAMAGUCHI lập ra mới lên cầm quyền được mấy tháng và thuộc về đảng tự-do (Minseito). Đảng này trong Nghị-viện chỉ chiếm được có 171 ghế, còn đảng bảo-thủ (Seiyukai) là đảng phản-đối có những 239 đại-biểu. Vậy đảng bảo-thủ chiếm được đại-đa-số vì tất cả có 446 nghị-viên mà một mình đã được 239 người. Tuy thế mà đảng này không giữ được quyền-chính.

Việc như vậy là vì đảng bảo-thủ từ lúc cầm quyền đối với Trung-hoa giữ một cái thái-độ cương-quyết, không có nhân-nhượng gì, nên bị dư-luận nhao-nhao công-kích. Nước Trung-hoa vốn là một cái vấn - đề ngoại - giac quan-trọng nhất của Nhật, mà đảng Seiyukai đối với nước đó lại giữ cái chính - sách kiêu - hãnh, ăn hiếp, nhất là từ hồi các đảng quốc - gia Trung-hoa phản-đối lẫn nhau. Đảng Minseito thì dùng cái chính-sách nhân-đạo hơn, cốt gây cho hai nước cái tình hòa-hiếu. ADACHI là nội-vụ tổng-trưởng cố vận-động cho dư-luận vào bè với mình để đến vụ bầu-cử sau có thể làm giảm số người ủng-cử của đảng Seiyukai mà tăng thế-lực của đảng mình lên. Đảng bảo-thủ (nguyên là Chính-

hữu-hội, Seiyukai), dựa vào bọn dân quê là bọn quan - trọng nhất nước Nhật. Đảng dân-chủ tức là đảng tự-do (Minseito), thì dựa vào các thành-thị, các nhà thương-mại và kỹ-nghệ. Việc giải-tán nghị-viện là do mấy việc bất - chính mới xảy ra mà công-luận cho là tại sự bầu-cử thất-cách. Muốn cho công - quỹ đảng mình có nhiều tiền, các nhà chính-trị bèn giữ cái thủ-đoạn « bán thế-lực » và ám - trợ các việc bất-chính, như việc đường xe lửa Echigo, việc gạo ở Cao-ly, v. v., để xoay tiền. Nay muốn cải-cách các thói bầu-cử đó cũng phải dụng - công chứ không phải nhất đán mà thực-hành ngay được.

Chính - phủ Nhật hết sức bài-trừ những kẻ tuyên - truyền chủ - nghĩa cộng - sản. Ngày 16 Avril mới rồi 825 người về đảng quá-khích bị bắt, trong đó có 120 học-sinh các trường đại-học. Trong số 17 người đàn bà con gái bị truy - tố, thì có 6 cô là học-sinh trường nữ-cao-đẳng, một cô là học-sinh trường nữ-cao-đẳng sư-phạm, một cô là con một quan tòa ở Osaka và một cô là con quan chánh tòa-án ở một quận.

Nội - các HAMAGUCHI lấy việc tiết-kiệm làm tôn-chỉ. Nội-các lấy cơ khởi làm tổn cho công - quỹ, mới hạ - lệnh bãi việc làm 23 đường xe - lửa đã dự-bị ở số dự-toán rồi. Chính thủ - tướng HAMAGUCHI cũng ra cái gương tiết-kiệm cho dân bắt-chước. Đám cưới con trai út thủ-tướng rất là giản-dị, chứ không theo cách linh-đình như trước nữa.

Thời-cục nước Tàu. — Việc nước Tàu vẫn có cuộc Phùng, Diêm, Tưởng nhân-tranh là quan-hệ hơn cả, hai bên đã hành-động về quân-sự để cùng đối-phó.

Bọn Trần Công-Bác, Vương Phát-Cần thì cùng Diêm Tích-Son và đại-biểu các phương hiệp-nghị. Kết-quả định việc chính-trị và quân-sự đều do

tổng-bộ Diêm toàn-quyền xử-lý, dùng người hành-chính đều lấy cái danh-nghĩa trong bộ phát biểu. Còn cái vấn-đề đảng, thì không chịu sự chi-phối của tổng-bộ, đợi sau khi chính phủ thành-lập, Ông Tinh-Vệ lên miền bắc dung-nạp ý-kiến các phương sẽ quyết-định cái phương-châm căn-bản. Còn cái kế-hoạch quân-sự đã ao cuộc hội-ng nghị ở Trịnh-châu quyết-định. Tôn Trương-Thành làm tổng chỉ-huy đường Lũng-hải, chỉ-huy các đạo quân hợp sức đánh Tì-châu; Tống Triết-Nguyên, Thạch Kinh-Đình làm chánh phó tổng chỉ-huy đường Bình-Hàn tiến đánh Võ Hân. Cùng thời Phùng đến Trịnh-châu, Dêm đến Thạch-gia-trang điều-độ mọi việc.

Diêm, Phùng ở Trịnh-châu họp bàn việc tổ-chức chính-phủ, kết-quả nghị-định bảy người ủy-viên là bọn Diêm Tích-Son, Phùng Ngọc-vương, Ông Tinh-Vệ, Lý Tôn-Nhân, Hứa Sung-Tri.

Phùng Ngọc Vương lại phái đại-biểu đến yết-kiến Diêm Tích-Son, hỏi rõ việc đảng và việc chính đều do Diêm chủ-trì, về phần mình không m. ổn dự đến, xin cứ thẳng tay mà làm. Cái ở Phùng không muốn dự đến việc chính và việc đảng như thế, là muốn thu toàn-quyền quân-sự về tay mình.

Diêm Tích-Son trừ đem việc quân giao cho Phùng ra, đối với việc chính vẫn không có ph.đ. siêng. Ông Tinh-Vệ, thì vẫn chưa lên miền bắc, sau này Ông với Diêm ai sẽ làm lãnh-tụ, vấn-đề ấy vẫn còn phân-vấn lắm.

Diêm Tích-Son vì thấy hai phái Sơn-tây và Cái-tổ tranh đấu ngầm rất kịch-liệt, nên tạm không đến Bắc-bình, đối với việc tổ-chức chính-phủ hãy tạm hoãn. Ông Tinh-Vệ vì thấy ý-kiến các phương bất-nhất, nên cũng chưa lên miền Bắc với.

Còn đến cái nghị đôi cò, vừa rồi báo Tàu có đ.đ. tin là Diêm, Phùng định dùng cò « bốn sắc », nhưng chưa nói rõ.

Diêm, Phùng về việc thay đổi hiệp cò vốn vẫn chưa ngầm ở trong lòng, vì Diêm, Phùng đối với đảng Quốc-dân, không có cái lịch-sử lâu dài, không có ông tin-ngưỡng chân-thực, và lại vì người đảng cứ làm ồn ào. đã lâu vẫn sinh lòng chán ghét, lần này hàng lái muốn bỏ cò « thanh-thiên bạch-nhật » đi không phải là sự ngẫu-nhiên vậy. Trong buổi hội-ng nghị đôi cò, Diêm có chủ-trương lời nghị khôi-phục cò năm sắc, Phùng không cho là phải, tranh l.ận hồi lâu, kể nói thế nọ, người nói thế kia, không biết thế nào là phải, sau có một người bàn cách chiết-trung là đem mẫu cò năm sắc bỏ cái sắc đen đi mà dùng, lấy cò rằng mẫu cò năm sắc đỏ, vàng, lam, trắng, đen, năm đầu dân-quốc dot am-nghi-viên nghị-định làm quốc-kỳ, đầu ông Tôn Trung-sơn cũng thừa nhận và đã từng đứng trước lá cờ ấy làm lễ b.ạ. bạn củi mình, nay lại dùng theo, vốn không có lẽ gì đáng chê cả, C.ủi có điều là trong năm sắc, sắc đen rất hèn, vì đen là sắc tối, sắc chết, và cũng ghê là cái sắc không lành, hiện nay bỏ một sắc đen mà lại để lại bốn sắc đỏ, vàng, lam, trắng, chính là có cái nghĩa bỏ nơi hắc-ám mà đến chỗ quang-minh, bỏ nơi chết mà đến chỗ sống vậy. Hoặc có người cho rằng năm sắc là đại-biểu năm dân-tộc của Trung-hoa, thuyết ấy càng không thông lắm, vì trong dân-quốc Trung-hoa không những chỉ có năm dân-tộc Hán, Mãn, Mông, Hồi, Tạng, năm dân-tộc ấy cũng không thể bao-quát được cả dân-tộc Trung-hoa, cho nên bỏ đi một sắc, lẽ phải thực rành rành, không còn điều gì đáng nên bàn nữa.

Phùng Ngọc-Vương đối với cái lời nghị chiết-trung ấy rất lấy làm phải. Nhưng lại sợ người trong đảng Quốc-dân phản-đối, vì Phùng, Diêm muốn cho cái thế-lực đánh đ.đ. Trương Giới-Thạch

được thêm mạnh, tất phải liên-hợp với hai phái Tây-sơn và phái Cải-tổ lợi-dụng các yếu-nhân trong hai phái ấy lập nên chính-phủ để đối-kháng với chính-phủ Nam-kinh, nếu nay bỏ hẳn hiệu cờ của đảng quốc-dân đi, chắc hai phái ấy sẽ ngã lòng, quay về mặt khác, mình không lợi-dụng được, thế-lực tất phải yếu đi. Phùng nghĩ thế nên bàn cứ đòi dùng cờ bốn sắc, nhưng phải đính mảnh « thanh-thiết, bạch-nhật » là cái biểu-hiệu của đảng quốc-dân ở trên góc phía tả là cờ bốn sắc ấy, như vậy thì có thể lấy bốn chữ « duy-tri đảng-thống » để hiệu-triệu thiên-hạ vậy.

Việc ấy bàn-bạc trong hồi lâu, đều quyết dùng cái mẫu cờ bốn sắc ấy.

Tuy vậy việc đòi cờ dù đã quyết-định, nhưng còn hai phái Tây-sơn và Cải-tổ chắc không bằng lòng, chẳng hay Phùng, Diêm có dám quả-quyết thực-hành không. Nhưng cứ xem cái lịch-sử và lòng tin-ngưỡng của Diêm, Phùng như trên đã nói, chẳng chóng thì chầy Diêm, Phùng cùng đảng Quốc-dân cũng đến quyết-liệt vậy.

Sau có tin ở Bắc-bình nói rằng Diêm Tịch-Sơn, Phùng Ngọc-Tường thấy đường Tân-phổ quân trung-ương phòng giữ rất nghiêm-mật, nên bỗng thay đổi chiến-lược, đổi đường Tân-phổ dùng thế thủ, đường Bình-Hán dùng thế công, mưu dòm Võ-Hán. Nghe đâu Phùng, Diêm có bí-mật đến Trịnh-châu, triệu tập các tướng lĩnh hạ lệnh theo đường Bình-Hán và phương diện Trương Phán bắt đầu tổng-công-kích. Về mặt ấy quân trung-ương cũng dự-bị đón đánh.

Còn về miền đông-bắc Trương Học-Lương mở cuộc hội-nghị, quyết đổi thời-cục giữ thái-độ trung lập, lại phái hai lữ-đoàn đến phía đông Loan-châu, để giúp thêm về việc phòng giữ.

Tướng Giới-Thạch có phát-biểu lời tuyên-cáo toàn-thể các tướng-sĩ cách-mệnh, đại ý nói Phùng Diêm vốn là dư-

nghiệt đảng quân-phiệt, vài tháng nay, phản-đối việc biên-khiển, và việc hòa-bình, ngày nay mưu gian đã lộ, đã ra mặt bội-bạn cuộc quốc-dân cách-mệnh, lật bỏ cái mặt nạ cách-mệnh giả. Nhưng tướng-sĩ cách-mệnh quốc-dân chân-chính, nếu không cố sức giết giặc, khiến cho chúng nó còn lại một ngày, thì quân quốc-dân cách-mệnh thêm sỉ-nhục một ngày, sự thành-công của quốc-dân cách-mệnh càng thêm chậm lại một ngày. Toàn-thể tướng-sĩ ta nếu không hết sức cùng cái thế-lực phong-kiến quyết chiến không được. Quân quốc-dân cách-mệnh cùng Phùng, Diêm không cùng đứng, Phùng, Diêm còn thì quân quốc-dân cách-mệnh mất, Trung-quốc cũng không thể cứu được. Tướng-sĩ tất nên có cái lòng quả-quyết rất lớn, vì nước hi-sinh, đem toàn-lực tiêu-diệt kẻ cộng-địch của quân quốc-dân cách-mệnh ấy.

Có tin ở Nam-kinh nói rằng Tướng-Giới-Thạch ở trong cuộc kỷ-niệm chu-niên của chính-phủ quốc-dân có diễn-thuyết đại-ý nói rằng Diêm, Phùng chia nhau làm chức chánh-phó tổng-tur-lệnh, mặt ngoài coi như trọng-đại, nhưng từ bên tướng-sĩ cách-mệnh chúng ta xem ra, thực không đáng một đồng. Bọn Diêm rất sợ hai chữ cách-mệnh vì sợ cách-mệnh, nên mới có cuộc phản-động lần này. Nhưng sau khi bọn ấy nhận chức, lại mất cái lòng tin-dụng của Quốc-dân, không thể dựa vào đường trận cách-mệnh nữa. Đánh Diêm ta coi dễ như thổi cái gio lán, nhưng chúng nó đã lấy thế công, tự ta cũng không thể không ứng chiến. Ta chắc nội-bộ phái phản-động của chúng nó chẳng bao lâu sẽ chia rẽ nhau, không phiên phải đánh vậy.

Tướng có diễn-thuyết ở Hán-khâu, đại ý nói: Quân tây-ắc (quân Phùng) vì cầu ăn mà phải lo ra cửa quan, Diêm Tịch-Sơn, bị người xui giục phản-động. Phùng đối với Diêm vì sự liệp-

tế lương ăn không đủ, quyết khó thể hợp-tác với nhau được đến cùng, miền đông-bắc, thì vẫn ủng-hộ chính-phủ trung-ương. Thực-lực quân trung-ương vượt quá Diêm, Phùng, thời-cực rất có lạc-quan.

Tướng Giới-thạch ở trường máy bay làm lễ thệ-sư; kiểm duyệt một sư-đoàn giáo-đạo, Tướng đọc lời thệ-sư, đại-ý nói: Diêm Phùng phản đảng, muốn thỏa cái dã-tâm phá-hoại cách-mệnh. Chính-phủ trung-ương theo cái di chỉ của Tổng-lý, mong được hòa-bình kiến-thiết, để đạt cái mục-đích phúc nước lợi dân. Vì sự phải tiêu-trừ quân bạo-nghịch, không được dùng mà dùng võ. Tướng-sĩ cách-mệnh ta cố giữ cái linh-thần hi-sinh phấn-đấu cho đạt lời cời chân chính thống-nhất vậy.

Bộ tuyên-truyền trung-ương Nam-kinh có phát-biểu bài tuyên-cáo thanh-niên các tỉnh Bắc-bình, Sơn-tây, Hà-nam, Thiểm-lý, Cam-túc, có kể năm tội-trọng lớn của Diêm Tích-Sơn và Phùng Ngọc-Tường như sau này:

- 10 Phá-hoại cách-mệnh;
- 20 Độc-hại nhân-dân;
- 30 Bán nước ninh nước ngoài;
- 40 Tội-tàn văn-hóa;
- 50 Phá-hoại giao-lông.

Mong các bạn thanh-niên miền bắc phấn-khởi, để tẩy-trừ bọn quân-phiệt miền bắc

Tôn Khoa ở bộ trung-ương tuyên-truyền báo-cáo việc thời-cực nói đại-lược rằng:

«... Sau khi Diêm Tích-Sơn phản-động, gửi thông-diện đi các nơi, các phái đảng ủa nhau như đàn ruồi, nấp theo dưới bóng cò. Đẳng-đẳng hơn một tháng nay, có một vấn-đề chính-trị, sự nói sự phải, vãi nói vãi hay, rút lại vẫn không đâu vào đâu cả. Hiện ủy-viên phái Cải-lô có bảy tám mươi người, mà phái Tây-sơn chỉ độ vài mươi người, hai phái thường tránh-chấp

chính-kiến, không bên nào chịu thua bên nào, thì chắc rồi sau, sao cũng thất-bại. Còn về phương-diện quân-sư, tự khi Diêm tự xưng là Trung-hoa dân-quốc quân tổng-tư-lệnh, hiệu-triệu cả Phùng Ngọc-Tường, Lý Tôn-Nhân và đám quân-phiệt bắc-dương, thì Diêm thực là một người hồ-đồ không chủ kiến. Tại sao? Nghĩa là Diêm muốn khôi-phục lại phái quân-phiệt Bắc-dương, thế là đưa dao cho người cầm chùy. Vì phái ấy từ khi Viên Thế-Khải, truyền đến Đoàn Kỳ-Thụy, và Ngô Bội Phu, tuy trải mấy phen thất-bại, nhưng vẫn muốn gió tắt lại cháy. Diêm tuy ngoài miệng nói là cách-mệnh, mà thực thì muốn kể theo cái lối quân-phiệt cũ, tự xưng là thủ-lĩnh, không kể gì là đảng là quốc cả. Phái Cải-lô, phái Sơn-tây, muốn lợi-dụng Diêm để thỏa lòng dục-vọng, Diêm cũng lợi-dụng hai phái ấy để xuất thân. Phùng Ngọc-Tường vốn là một phần-tử thuộc phái Bắc-dương, xưa nay quen cái thói thẳng cuội, từ khi bị Diêm đánh lừa qua Sơn-tây, giam lỏng mất mấy tháng. Lần này đứng ra giúp Diêm, ngoài miệng vẫn nói là trung-thành với Diêm, nhưng trong lòng thực gươm trăm giáo mớ, thì chắc nay mai cũng chia rẽ nhau.

«Còn Diêm vì tài-chính quân-bách muốn đem đường xe lửa Xương-thạch ký-quĩ để vay tiền ngoại-quốc thì hiện Trung-ương đã thông-diện các liệt-cường không công-nhận, nay lại muốn đem thuế hải-quan Thiên-lân gán cho ngoại-quốc để vay tiền, nhưng cũng không ai cho. Thực rồi đúng như lời Trương chủ-tịch đã nói: «Chẳng cần phải đánh, bọn họ tự-nhiên rồi cũng phải vỡ.»

Gần đây mới có tin Nam Bắc hai quân đã cùng khai thế công ở Từ-châu, chưa biết bên nào thắng phụ, cuộc phân-tranh này biết bao giờ mới giải-quyết xong.

Việc trong nước

Các việc trong nước từ 15 Avril đến 15 Mai.— Hội-đồng Đề-hình tại Phú-thọ.— Ngày 15 Avril hội-đồng đề-hình đã ở Yên-bay xuống Phú-thọ để tra xét các người bị-cáo. Khi nào lấy khẩu-cung xong thì hội-đồng lại đem lên xử ở Yên-báy.

Chăn-cấp cho dân đói.— Ở tỉnh Thái-bình lập một hội-đồng cứu-tế hàng tỉnh để lạc-quyên và cứu-cấp cho các nạn-dân. Tại Nam-định ngày 15 Avril các quan tỉnh đã ký tờ thông-tư mở cuộc chăn-tế cho dân đói. Theo tờ thông-tư này các nhà phú-hộ quyền gạo và quyền tiền sẽ được thưởng phẩm-hàm.

Xiêm-hoàng ở Saigon.— Sáng 15 Avril Xiêm-hoàng đi thăm đài trận-vong chiến-sĩ. Tối Xiêm-hoàng dự tiệc ở phủ Toàn-quyền.

Báo « Đuốc nhà Nam » lại xuất-bản.— Báo « Đuốc nhà Nam » của ông Bùi Quang-Chiêu mấy tháng trước đã đình-bản, từ ngày 16 Avril lại ra đời.

Việc đình-công nhà máy sợi Nam-định.— Từ ngày 16 Avril các thợ đã đi làm cả, vì chủ có hứa cuối tháng cho tăng lương.

Các người Hoa-kiều xin bỏ đạo luật làm sổ bằng chữ Tây.— Các đại-biểu Hoa-thương ở Bắc-kỳ đã họp hội-đồng thảo hai lá đơn gửi sang bộ Thuộc-địa và quan Toàn-quyền PASQUIER để xin miễn thi-hành đạo luật bắt họ làm sổ-sách bằng chữ Tây. Các Hoa-thương ở Sài-gòn Chợ-lớn cũng điện về Nam-kinh xin chính-phủ Trung-hoa yêu-cầu việc đó, nhưng không xong, nên nhân có Chủ Dân-Nghi sang công-cán bên Pháp, họ nhờ đem việc đó sang điều-đinh với chính-phủ Pháp.

Quan Thống-sứ đi kinh-lý.— Sáng 16. quan Thống-sứ cùng viên thư-ký riêng đã đi kinh-lý hai tỉnh Phúc-yên và Vĩnh-yên. Hôm 17 quan Thống-sứ đã đi kinh-lý tỉnh Hải-dương. Tối Ninh-giang quan Thống-sứ có diễn-thuyết cho các kỳ-mục các làng thuộc huyện Vĩnh-bảo. Sáng 19 quan Thống-sứ đi kinh-lý Hưng-yên. Hôm 25 Avril quan Thống-sứ cùng quan chánh sở Y-tế, quan chánh sở Liêm-phóng đã đi kinh-lý hạt Quảng-yên, Hongay, Cẩm-phả. Ngày 29 quan Thống-sứ đi kinh-lý Tuyên-quang.

Bầu-cử dân-biểu.— Quan Thống-sứ định rằng kỳ bầu-cử dân-biểu thành-phố Hà-nội năm nay, chỉ được bầu 2 người mà thôi, chứ không được 4 người như trước.

Xiêm-hoàng từ-biệt Sài-gòn.— Hôm 17 vua Xiêm cùng quan Toàn-quyền đã ra Cap-Saint-Jacques để vua Xiêm đáp tàu đi Tourane. Vua có cho Thành-phố Sài-gòn 2000 đồng để cấp cho người nghèo và giúp các hội thiện thành-phố.

Bác-sĩ Voronoff ở Sài-gòn.— Sáng 17 bác-sĩ VORONOFF đã tiếp-hạch cho một con ngựa mới một tuổi để cho nó chóng lớn.

Chính-phủ đối với những người có công.— Hôm 18 ở phủ Thống-sứ có họp hội-đồng do quan Thống-sứ chủ-tọa để xét việc đặc-cách thăng thưởng cho các quan-lại có công trong việc biến-động rạo rộ.

Vua Xiêm đi Trung-kỳ.— Chiều 19 vua Xiêm đi xe lửa riêng ra Nha-trang để đáp ô-tô đi Tourane. Chiều 22 vua

tới Huế, vào ở tòa Khâm-sứ. Chiều 23 vua đi thăm các cung-điện. Sáng 24 vua Xiêm đi xem viện Bảo-tàng và viện Quốc-tử-giám. Chiều ngài đi thăm lăng Tự-đức và Khải-định. Hôm 26 vua Xiêm từ-biệt Huế đi Nha-trang đến Dalat.

Thê-thao ở nước nhà. — Từ hôm 12 Avril mấy người đánh vợt nước nhà đã tranh-đấu cùng các tay vô - địch Thượng-hải, Mã-lai và Phi-luật-tân. Hôm 20 các nhà đánh vợt nước mình sang Cao - miên tranh-đấu cũng lại thắng mấy người đánh vợt ngoại-quốc.

Thanh-tra mật - thám bị ám-sát. — Viên Thanh-tra mật-thám Phạm-thành-Dương là con ông giáo Da bị giết hồi trong năm, chiều hôm 22 Avril bị một người bắn một phát súng lục thủng qua bụng, nhưng may không chết, còn điều-dưỡng tại nhà thương.

Cấm xuất-cảng gạo ở Trung-kỳ. — Vì trong Trung-kỳ cũng khan gạo, nên quan Toàn-quyền đã ra một đạo nghị-định cấm xuất-cảng gạo trong mấy tỉnh Thanh-hóa, Vinh, Hà-tĩnh, Đồng-hới, Quảng-trị, Thừa-thiên, Tourane, Quảng-nam và Quảng-ngãi.

Giải truyền-đơn. — Trong mấy tỉnh Nam-định, Thái-bình, Hải-phòng, Quảng-yên, có thấy giải truyền-đơn yêu-cầu bọn thợ-thuyền liên-lạc với nhau để tổ-chức một cuộc biểu-tình trong ngày 1er Mai này.

Việc giá gạo cao. — Tòa Đốc-ly đã phái người đi tra-xét giá gạo ở khắp các hàng buôn gạo trong thành-phố và cốt xem có nhà nào thấy gạo kém hãm lại để kiểm lợi không.

Chính-phủ Bắc-kỳ đối với dân bị đói. — Quan Thống-sứ mới mua năm

vạn bạc gạo để chẩn-cấp cho mấy tỉnh Nam-định, Thái-bình và Kiến-an, và lại trừ một khoản to để lập các xưởng thợ cho các người nghèo-khổ có công ăn việc làm.

Vấn-đề nhà cửa thuê đất. — Hội-đồng Thành-phố Hà-nội đã họp ở Đốc-ly để giải-quyết việc này. Theo ý quan Đốc-ly thì vì tài-chính của Thành-phố không được dư-dật nên chưa thể nghĩ cách làm nhà cho thuê rẻ hoặc bán đất rẻ cho dân thành-phố được. Việc này phải để chính-phủ Bắc-kỳ định liệu, nên hội-đồng đã cử quan Đốc-ly điều - đình với quan Thống-sứ và quan Toàn-quyền.

Phá đường xe-lửa. — Đêm 25 rạng 26 Avail có kẻ bầy mất ngót 100 thước đường sắt ở giữa khoảng hai ga Hòa-mỹ và Nam - ô thuộc đường xe-lửa Huế-Tourane. Chuyển tàu sáng sớm 26 đi từ Tourane ra Huế, đến chỗ đường sắt bầy bị đổ mất toa máy, toa thơ và 2 toa hành-khách. Cả người làm tàu lẫn hành - khách phải 11 người bị-thương. Các viên chức sở xe-lửa còn đương tra-xét xem những kẻ nào gây nên cái thảm-họa đó và ngờ là việc âm-mưu của đảng cộng-sản.

Tòa Thượng-thẩm xử lại vụ Cộng-sản ở Ninh - bình. — Ngày 28 tòa Thượng - thẩm đã họp để xử lại 17 người bị tòa án sơ-cấp tỉnh ấy kết án và xin chống án. - Các tội-nhân phần nhiều bị tăng án.

Vua Cao-miên đi Sài-gòn. — Hôm 28 vua Cao-miên đã tới Sài-gòn, chiều 29 vua ra Vũng-tàu rồi tới 3 Mai lại trở về Sài-gòn để hội-kiến cùng vua Xiêm.

Tổng-công-hội. — Sau khi thợ nhà máy dệt Nam-định đình - công, chính-phủ có xét ra được một hội bí-mật tên

là Tổng Cộng-hội, mục-dịch là liên-hợp các bọn thợ thuyền để yêu-cầu quyền- lợi. Có 16 người trong hội bị bắt.

Việc hàng cơm và hàng rau đình-nghiệp ở chợ Đồng-xuân. — Bọn hàng cơm và hàng rau vì phải dọn ra sân chợ, đình - nghiệp từ hôm 25, nay đã điều-đình với tòa Đốc-ly xong, lại họp như cũ rồi.

Hề-phòng ngày 1er Mai. — Chính-phủ đã hề-phòng các sự xảy ra ngày 1er Mai. Trong ngày hôm ấy không ai được họp ngoài phố. Các cửa ô, các phố và các xưởng thợ có lính - tráng canh-phòng cẩn-mật.

Trong ngày 1er Mai ở Hà-nội và các tỉnh canh-phòng cẩn - mật nên không xảy ra chuyện gì. Duy ở Thái - bình có một bọn biểu-tình ước 400 người kéo vào lính-ly. Quan Công-sứ bắn người đi đầu thì bọn đó giải-tán; độ 50 người phải bắt. Ở Bến-thủy (Nghệ - an) các dân làng kéo nhau chừng 1000 người đi biểu-tình gần nhà máy diêm, bị bọn lính bắn chết 5 người và 14 người bị thương. Ở đồn-diên Yên-lạc (Nghệ-an) cũng bị 400 người vào phá - phách. Ở Hongay và Quảng-yên có người dùng cốt-min phá-hủy đường sắt. Ở Nam-kỳ ngày 1er Mai cũng có nhiều cuộc biểu-tình ở các nơi như Cao-lãnh, Chợ-lớn, Hóc-môn, Biên-hòa.

Sau việc biến - động ở Nghệ - an có một đạo binh gồm 3 toán quân Pháp và 3 đội lính khố-xanh đi tuần-tiểu các làng đã dự cuộc biểu - tình. Lính bắn chết 20 người và nhiều người bị thương.

Vua Xiêm và vua Cao - miên gặp nhau. — Vua Xiêm và vua Cao-miên đã trở về Sài-gòn. Hai vua đã gặp nhau trong một tiệc trà ở phủ Toàn-quyền. Hôm 5 Mai vua Xiêm từ biệt Sài-gòn đi

Cao-miên để vua Cao-miên nghênh-tiếp.

Hạn - chế việc làm và bán nước mắm. — Quan Toàn - quyền mới ký nghị-định bắt các nhà làm nước mắm Nam-kỳ mỗi lít phải có đủ 15 gr. đạm-chất, nước mắm Bắc-kỳ mỗi lít phải 5 gr. và các nhà bán phải gián giấy vào chữh đề bằng chữ Pháp, chữ Quốc-ngữ và chữ Hán rằng nước mắm Bắc - kỳ hay Nam-kỳ.

1 tội-nhân bị xử-tử. — Hôm 8 Mai, 4 tội-nhân không được ân-xã đã phải hành-hình ở Yên-báy.

Viên trưởng-ban ám-sát bị bắt. — Tối 8 Mai Đoàn Trần Nghiệp tức Ký-Con là đảng-trưởng ban ám-sát của V. N. Q. D. Đ. đã bị bắt ở Nam-định.

Xin hoãn thuế. — Hôm 12 Mai dân hai tỉnh Long-xuyên và Sadec ở Nam-kỳ họp nhau lại làm cuộc biểu - tình xin quan trên hoãn thuế cho hai tháng. Quan Thống - đốc Nam - kỳ đã ưng thuận lời thỉnh - cầu đó và cho hoãn thuế thân tới 30 Jun.

Khánh-thành Phật-học-viện tại Cao-miên. — Hôm 13 quan Toàn - quyền, vua Cao - miên, quan Khâm - sứ Cao-miên, quan Thống-dốc Nam-kỳ và các đại-biểu các xứ ở Đông - Pháp đến dự lễ Khánh-thành Phật-học-viện tại sân châu nhà vua. Vua Cao-miên và quan Toàn-quyền có đọc diên-văn. Có 3000 sư-tăng đến dự-lễ.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

1' *Quan - chế mới ở Bắc-kỳ, Le nouveau statut des mandarins au Tonkin.* — Phạm Huy-Lục biên - dịch theo các bản nghị-định và thông-tư của quan Thống-sứ Bắc-kỳ về việc sửa đổi các ngạch quan-lại An-Nam và việc sửa đổi Pháp-Viện biên-chế ở Bắc-kỳ. In

tại nhà in Trung-Bắc tân-văn Hà-nội, giá là 0\$35.

2. *Nho-giáo La doctrine des lettrés.* — (La doctrine avant confucius. — Confucius. — Sa vie. — Son enseignement : Partie spéculative. — Partie pratique. — Ses œuvres. — Ses disciples — Les écoles confucéennes.) Mencius et son enseignement. Lê-thần Trần Trọng-Kim soạn. Quyển I, in tại nhà in Trung-Bắc tân-văn Hà-nội, giá là 1\$20

3. *Chàng Ngốc.* — Hải-kịch 5 hồi. Nam-xương soạn. — Nhà in Trung-phát, Nam-định, xuất-bản. Giá 6 hào.

Nam-Phong Tùng-thư

Mới xuất-bản :

Le Paysan Tonkinois à travers le parler populaire. (Bài diễn-thuyết của ông Phạm Quỳnh ở hội Địa-dư Hà-nội). Đông-kinh ấn-quán xuất-bản, giá 0\$40, ở xa tiền cước ngoài.

Xuất bản trước :

- | | |
|--|--------|
| 1. — Văn-minh-luận, | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp, quyển thứ I, | 4 hào. |
| Quyển thứ II, | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiêu-thuyết, | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới, | 4 hào. |

